

Tác Giả và Tác Phẩm

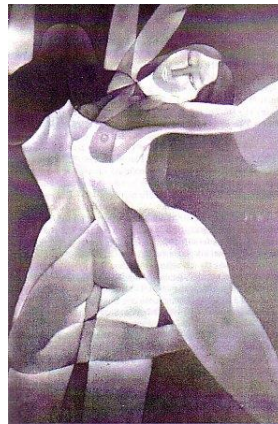
Khánh Trường

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Khánh Trường. bút hiệu: Kim Thi, Nguyễn Thị Giáng Châu.
Sinh năm 1948 tại Quảng Ngãi, hiện định cư ở California.

Tác phẩm

Chỗ tiếp giáp với cánh đồng, Hai mươi năm văn học hải ngoại 1975-1995,
Buồn ơi, tôi bỏ tôi chìm đắm, Tác giả tác phẩm, Chung cuộc.



tranh Khánh Trường

Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2

Làm báo văn học ở hải ngoại – 6

Khánh Trường và Hợp Lưu – Trần Vũ – 10

Thư ngỏ: Bạch hóa chuyện Hợp Lưu – 31

Một chặng đường Hợp Lưu – Phùng Nguyễn – 39

Bức tranh vẽ mãi không rời - Võ Đình - 48

Khánh Trường – Thụy Khuê - 53

Phụ đính :

Chỗ tiếp giáp với cánh đồng – Khánh Trường

Nói chuyện với nhà văn, họa sĩ Khánh Trường

Khánh Trường, ám ảnh bất toàn trong văn chương và đời sống

Khánh Trường, “đáo bỉ ngạn” hay một trường hợp rũ sạch...

“ngày...tháng...”

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Nude - Tranh Khánh Trường

Rồi một ngày nào đó, người ta sẽ phải làm công việc tổng kết những tác phẩm viết về cuộc chiến hai mươi năm, sẽ tìm thấy những khác biệt sâu xa giữa những ngòi bút Bắc-Nam, hải ngoại-trong nước về cùng một đề tài. Biết đâu từ những khác biệt ấy, người ta có thể lần hồi vẽ lại được một thứ chân dung chiến tranh gần với sự thực hơn, gần với con người hơn những tấm bích chương phóng đại, tô màu, đã từng được dán trên tường, trên đường, khắp nơi, thời bình cũng như thời chiến.

Khánh Trường là một trong những tác giả mà người đọc sẽ có ngày tìm đến, khi muốn tái nhận bộ mặt chiến tranh, tìm hiểu những lũy tích đạn bom trên cơ thể và tâm linh những người sống sót.

Những truyện ngắn của Khánh Trường được in trong ba tập: Có Yêu Em Không do Tân Thư xuất bản năm 1990, tái bản năm 1997, Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng, Tân Thư và Thời Văn năm 1991, Chung Cuộc, Tân Thư 1997 ở California, Hoa Kỳ.

Có Yêu Em Không chứa đựng một thứ bạo vũ dục tình, nảy sinh từ bạo tấp chiến tranh, và không khí này xuất hiện trong hầu hết những truyện ngắn hay nhất của Khánh Trường. *Mưa Đêm* là cuộc cãi vã của cặp nhân tình: cô gái điếm và gã lính bại trận, tử thương, là màn ấu đả giữa sống và chết, giữa người và ma, là cuộc giao tranh giữa mộng và thực, giữa hồn và xác hay là trận ác chiến giữa những thực tại tối tăm nhất của con người. *Bí Mật Của Rừng Già* giao lưu thú tính và nhân tính trong lòng một tên thảo khấu cuồng sát, đàn em Pol Pot.

Biến Cố Trong Rừng Tràm đặt câu hỏi về những tội ác khủng khiếp đã có thể xảy ra cho những kẻ vượt biên kiệt lực, cùng đường. *Những Mảnh Đạn* là đoàn khúc yêu đương xuyên cõi âm dương, là trái mìn nổ chậm trong thân xác và vong linh những người còn sống mà đã chết.

Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng dấy lên khát vọng yêu thương của những trẻ tật nguyền, hậu quả của những tội tình, tội ước. *Những Thảm Cỗ Nát Trong Khu Rừng Hoang* mổ xẻ khía cạnh bạo tàn của một thứ luân lý, đạo đức thời trung cổ. Và *Chung Cuộc* viết về sự gặp gỡ của hai thân phận bị cuộc đời sa thải.

Giữa mùi tử khí, giữa những xú uế dòi dọt uất lên nơi những xác chết đã thối rữa chường sinh, phả ra một *tinh bạn* dai hoi thắm đậm, một *tinh bạn* chết người, một thứ *tinh bạn* đĩa đối, nó theo con người vào cõi chết và cứ sống dai, sống dài sau cái chết. Người ta thường thấy những đối thoại giữa lính sống và lính chết, những cãi lộn, đánh đá cá cây giữa gái điếm sống với những gã tình nhân lính đã chết toi chết tiệt từ kiếp nào kiếp nào.

Khánh Trường vừa viết vừa chửi thề văn chương chữ nghĩa, vừa viết vừa nhỏ bọt vào luân lý của cuộc đời. Vừa viết vừa hiếp dâm những thứ tình lãng mạn lý tưởng.

Người ta làm văn nghệ với những vai vế, chức sắc trong làng, Khánh Trường lính trơn, không bằng cấp, không quá khứ văn chương, nhảy vào văn đàn như một tên du đảng cướp điển đàn của các vị đại ca.

Người ta làm văn chương với những sứ mệnh, những nhiệm vụ cao cả, Khánh Trường kẻ phi số mệnh, phi đường lối, khơi khơi đi vào văn chương như một gã say rượu, loạng quạng chân nam đá chân xiêu, bạ mồm bạ miệng, điếc không sợ súng.

Nhưng sáng tác nào là không phát xuất từ những điếc đui dò dẫm?

Khánh Trường xuất hiện cùng thời với Cao Xuân Huy và Hoàng Khởi Phong ở hải ngoại (1), cả ba là những ngòi bút lính viết về chiến tranh, về cuộc đời, với đặc điểm thẳng thừng : nói thẳng, nói thật.

Khánh Trường họ Nguyễn, sinh năm 1948, sang Hoa Kỳ năm 1986. Định cư tại California. Vẽ. Viết văn. Và làm thơ.

Năm 1988, xuất bản tập Đoàn Thi Khánh Trường. Từ tháng 10 năm 1991, chủ biên tập san Hợp Lưu, đăng các sáng tác, biên khảo, cả trong lẫn ngoài nước.

Trách nhiệm tờ Hợp Lưu, con đường văn nghệ của Khánh Trường đã gặp nhiều cản lực của đôi bên, và ngòi bút của Khánh Trường cũng lại ngược dòng, chiếu những tư tưởng "phản kháng" vào một cộng đồng văn chương có những nét bảo thủ, thích những khuôn mẫu thời trang. Ở thời điểm mà những người làm văn ở hải ngoại còn đang lâm ly khóc thương cho một "quá khứ vàng son", cho những "lý tưởng tự do" chưa đạt đích, những "buổi mai về xây dựng lại màu cờ"... thì Khánh Trường lù lù xuất hiện với cái tôi lính tráng, cái tôi rượu chè, cái tôi du đảng, mở miệng là chửi thề, hùng thì ít mà hèn thì nhiều.

Khánh Trường là kẻ ngược dòng thời đại, ngược dòng nước chảy. Khi người ta khóc thương quê hương, nhớ nhung lãng mạn, ca tụng tình yêu, ca tụng cái chết sĩ khí thì Khánh Trường lãng nhục thứ văn chương điếm đàng, lừa thầy, gạt bạn.

Khi người ta ca tụng những cao cả của sự vượt biên tìm tự do như lẽ sống của con người, thì Khánh Trường nói huỵch toẹt cái lý do vượt biên kỳ cục của những kẻ giống mình: *"Tôi ra đi chẳng phải vì căm thù chế độ, vì bị kềm kẹp khủng bố, mà chỉ vì bị quyến rũ bởi những tấm hình màu, những thùng quà đầy ắp, những tape nhạc, những băng video, những xếp đồ la dầy cộm của bà con bạn bè bên Mỹ gửi về."*

Đề rồi, nhiều năm sau trên đất Mỹ, trên "thiên đường mới", anh nhận thấy *"sự bơ vơ cùng cực của mình, trên một xứ sở sống gần 15 năm, sao vẫn như kẻ lạ."*

Thế giới của Khánh Trường là thế giới của những kẻ ngoại đạo, tà đạo, ngược lộ, ngạo nghệ, nghênh ngang, du côn, sống còm, chết bỏ, đối chất với một thế giới chính giáo, khép kín trong những công thức cảm tình, những nhớ nhung vờ vĩnh, những thiên đường giả hiệu của những kẻ không tuấn chay nào là không có nước mắt.

Tàn nhẫn nhưng thành thật đến độ phũ phàng, những nhân vật của Khánh Trường, không có tên. Chúng thường mang những danh xưng như: con đĩ, hấn, thằng cha, người đàn bà, thằng nhỏ, con nhỏ... Nếu có tôi thì cũng là cái tôi tàn mạt, vừa dâm, vừa ác, vừa hèn.

Những nhân vật của Khánh Trường coi thường tội lỗi, xỉ nhục đạo đức, một thái độ giới hạn giữa có luân và vô luân.

Thái độ đó bởi đâu? Phát sinh từ cái gì? Nếu không phải là từ những xác chết? Từ những trái phá phàng phũ ngoan cố chớp mắt đã xé nát những thằng bạn du thủ du thực đang ăn tục

nói phét với nhau, bỗng lặn đùng ra, đũa mắt đầu, đũa mắt chân, đũa lòi ruột, bên cạnh những đồng thịt bầy nhầy vụn nát của những thằng chết bầm.

Những truyện ngắn hay nhất của Khánh Trường đều xoay quanh "cái đó". Và từ "cái đó" nảy sinh thái độ ngạo mạn, thái độ dửng dưng, đưa đến bạo lực, bạo tình.

Ở Khánh Trường là những thái quá. Là hiện tượng chiến tranh nổ chậm trên thể xác và tâm linh sau ngày đình chiến.

Những trái phá đó bị bỏ rơi, bỏ quên, tích tụ lại trong các hạch, các tuyến, các não thùy của người sống sót, và bất cứ lúc nào cũng có thể hồi sinh, mừng mủ, chạy cùng cơ thể như những chân rết nọc độc ung thư, như những trái mìn nổ chậm mà chắc.

Nhân vật của Khánh Trường là những kẻ dù lạnh mạnh thể xác, cũng tàn tật tâm linh, nam hay nữ, già hay trẻ, ít nhiều họ đều đã bị dính vào mìn cá nhân, mang những mảnh đạn chiến tranh trong cơ thể. Những truyện ngắn *Có Yêu Em Không*, *Bí Mật Của Rừng Già*, *Biến Cố Trong Rừng Tràm*,... đều có dấu vết của tạc đạn, của bạo tàn, của thần chết, của giết chóc, dẫn đến quần trí, dục tình và bạo lực. Nhưng trên tất cả các hung hãn bạo lực ấy, bao giờ cũng le lói chút tình người. Chỉ một chút thôi. Đủ cho thấy cái tình người nhỏ nhoi và khan hiếm ấy nếu cứ bị cưỡng hiếp lâu dài thì sẽ có ngày tuyệt kiếp.

"Kh. đứng trên gò đất cao, hét khản giọng: Thằng Toàn mang cây M60 qua góc trái... Rồi, bắn vào chỗ bụi cây kia cho tao... Không phải, bụi cây lớn sau đám tranh kia kìa... Đụ mẹ ngu như con bò. Tao bảo bụi cây sau đám tranh. Mày không thấy lửa khạc ra chỗ đó sao? Tiếng đại liên nổ thành chuỗi giòn giã, lá cây tung tóe, những chiếc nón tai bèo phóng chạy như biển vào góc rừng. Tiểu đội khinh binh đâu? Theo tao. Kh. nhẩy xuống gò đất, khoát tay ra lệnh cho bọn lính, miệng không ngớt: Lên, lên... lên mau... Tôi chạy lúp xúp sau Kh., một thằng lính vượt qua mặt tôi, nó hét: Chuẩn úy cúi thấp cái đầu xuống, coi chừng không có chỗ đội nón... Tôi chưa kịp nhìn xem thằng lính là ai thì hắn bỗng bật ngựa ra sau, giẫy đành đạch, cái nón sắt văng khỏi đầu, lặn long lóc vào đám cỏ cao, cánh tay trái của hắn bung lên, đập vào ngực tôi, rơi xuống chân, co giật liên hồi. Tôi điếng người khiếp đảm, vội nhủi vào một gốc cây, úp mặt sau lớp vỏ sần sùi, tay chân tôi run bắn, cây súng trên tay chực muốn rớt. Mẹ ơi, mẹ ơi, mẹ ơi... Tôi lấp bấp như một thằng điên. Chung quanh tôi, tiếng đạn rít, tiếng B40 bùng bùng. Trên trời, chiếc phóng pháo cơ chúí thấp đầu, hai tia lửa dài ngoằng phóng ra. Tiếng nổ văng óc, cột khói bùng cao...

[...]

Nửa đêm, một trái pháo vu vơ rơi ngay hầm chỉ huy. Kh. chia ba với thằng tà lợt và tên lính truyền tin quả đạn. Khi đào hầm lên, phải cố gắng lắm bọn lính mới gom được một đồng thịt xương trộn lẫn cùng đất cát. Phần Kh., tôi chỉ nhận ra hắn nhờ chiếc thẻ bài và hai cái hoa mai trên cổ áo. Cái chết đúng như lời một bài hát, chết thật tình cờ... Chết thật tình cờ! Phải, nhưng nhất định không nằm chết như mơ! Các ngài nghệ sĩ đôi khi lãng mạn một cách tàn nhẫn. Các ngài chẳng biết mẹ gì trận địa, thậm chí có ngài chưa từng thấy mặt ngang mũi dọc cây M16 nó ra làm sao? Trái M26 nó tròn méo thế nào so với trái MK3? Nên trí tưởng tượng của các ngài đôi khi làm bọn lính tráng chúng tôi những muốn văng tục. Chết như mơ! Đụ mẹ, bầy năm trong một đơn vị tác chiến thực thụ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một cái chết như mơ! Chỉ có chết tan xương nát thịt, như Kh., chết cụt đầu cụt tay, chết cháy đen giống cây than hầm, chết banh ngực lòi phèo lòi phổi, chết phơi bụng đỏ ruột cứt dái lòng thông... như bao nhiêu thằng lính lớn lính nhỏ. Chết như mơ. Đụ mẹ, nói phét cũng vừa thôi.

(*Có Yêu Em Không*, NXB Tân Thư, 1990, trang 184-187)

Khánh Trường là một tác giả cần dán nhãn hiệu cấm trẻ em dưới mười tám tuổi. Có những khốc bạo thái quá. Có những sex số sàng. Có những triết lý dài dòng không cần thiết.

Nhưng nếu muốn thám hiểm bộ mặt thực của chiến tranh, thì không thể bỏ qua tác phẩm của Khánh Trường. Bạo lực hóa thân thành những chân rết ung thư khuẩn độc môi trường và đầu độc hạnh phúc.

Khánh Trường không muốn nhìn rõ biên giới giữa hai cực thiện ác, đạo đức và vô luân, nhân tính và thú tính. Ở mỗi hy sinh cho cuộc chiến đôi bên, người ta đọc diễn văn, cài huân chương, phủ poncho, phủ cờ. Tuyên trạng. Đứng sau bàn thờ tổ quốc, Khánh Trường táy máy gỡ micro giặt cờ, lật poncho để lộ những nét phề tàn hùng hã trên thân thể những tử thi nằm trong mồ liệt sĩ dưới đài hoa chiến thắng.

Thụy Khuê

Paris tháng 5/1997

Chú thích:

(1) Hoàng Khởi Phong viết từ trước 1975, ở Sài Gòn. Khánh Trường

Làm báo văn học ở hải ngoại

Mai Thảo và tạp chí Văn tục bản tại Hoa Kỳ



Nằm ngay trung tâm 'Tiểu Sài Gòn', khu building gồm nhiều phòng nhỏ, mỗi phòng được xem như một đơn vị gia cư (chỉ dành riêng cho người già.) Cạnh cầu thang của tầng trên, phía dưới ba con số bằng đồng đã xin màu là hai chữ 'Mai Thảo' (có lẽ cắt ra từ tạp chí Văn) được dán phủ bằng băng keo trên cánh cửa gỗ nâu sẫm. Cánh cửa luôn đóng kín. Như một qui ước riêng, anh em thân thiết sẽ dễ dàng nhận biết ông có mặt bên trong hay không nhờ vào tấm màn cửa sổ (cạnh cửa chính) kéo ra phân nửa hay phủ kín toàn phần. Một đôi khi cần nghỉ ngơi hoặc không muốn tiếp ai, ông cũng dùng 'qui ước' đó thay lời tiễn khách.

Bên trong, một giường cá nhân kê song song sát tường nhìn ra cửa chính. Chỗ chân giường, một kệ gỗ thấp trên đặt vài ba chiếc cốc, cái phin lọc cà phê, chiếc ấm sắt cũ, gói mì ăn liền,

phong bánh ngọt, cuốn sách, tập báo... Dưới gầm kệ: chiếc lò điện tuổi tác chắc không kém cái ấm nước, đôi dép da, cái máy hút bụi loại cầm tay... Bàn viết sau cửa sổ, trên mặt bàn, những trang bản thảo đang viết dở (thường là mục 'sổ tay') nằm ngay ngắn, thường trực, để có thể bất cứ lúc nào cũng cập nhật được những tin tức liên quan đến văn học, chính trị, thời sự trong chu kỳ một tháng. Trọn vì tường phía tay phải nhìn vào từ cửa chính là ba bốn hàng gạch chồng lên nhau, gác ngang qua bằng những tấm ván dài, kín đầy sách. Đa số sách tiếng Việt của văn hữu hoặc nhà xuất bản gửi tặng, xen kẽ vài mươi cuốn sách Pháp. Chiếc tủ lạnh loại cá nhân đặt gần cánh cửa nhỏ ngăn chia 'phòng khách' và buồng vệ sinh, phía trên hàng chục chai rượu đã uống cạn, một hai chai đang uống dở. Cạnh đó, chiếc TV 12 in. mờ thường trực. Rải rác trên những mặt tường còn lại, nhiều chân dung (ảnh chụp, sơn dầu, phác thảo mực Tàu) của nhà văn do thân hữu thực hiện xen kẽ những ấn bản tranh Van Gogh, Gauguin, Miro, Matisse... Căn phòng chỉ vồn vẹn mười sáu thước vuông, kể cả buồng vệ sinh. Chật. Nhưng tất cả đều ngăn nắp, trật tự, sạch sẽ.

Đó là 'toà soạn' tạp chí *Văn*.

Đó là nơi làm việc, ngơi nghỉ, nấu nướng, ăn ngủ của chủ nhiệm kiêm chủ bút kiêm thư ký toà soạn kiêm kỹ thuật mỹ thuật kiêm phát hành kiêm thủ quỹ và kiêm... tùy phái. Nhất kiểm trấn môn liên tục mười năm nay!

Đó cũng là nơi, vào một số ngày nhất định trong tháng, ông ngồi trước chồng bao thư cao ngất trên năm trăm cái, dán ngay ngắn từng con tem, cẩn trọng viết tên từng độc giả, xem lại tỉ mỉ từng địa chỉ (cái nào vẫn giữ nguyên, cái nào vừa thay đổi, cái nào thêm, cái nào bớt, cái nào sắp hết hạn cần nhắc nhở.) Công việc lẽ ra chỉ giải quyết trong hai tiếng đồng hồ, nếu sử dụng máy rập tem và đưa danh sách độc giả dài hạn vào computer (nhà thơ TYT và nhà báo ĐNY từng nhiều lần tình nguyện làm giúp.) Nhưng vẫn nhất định giải quyết theo lối 'thủ công nghệ'. Hỏi tại sao? Trả lời: "Tôi thích thế. Các bạn làm hai giờ, tôi làm hai ngày, đã sao?" "Có sao chứ, thưa anh, tốn thì giờ vô ích." "Không vô ích đâu." Và giải thích: "Nhiều độc giả gửi thư về, nhận xét: mười năm nay, suốt chiều dài của tuổi thọ *Văn*, chưa một lần báo thất lạc, và vẫn tuồng chữ đó, mười năm không thay đổi. Cảm động lắm sự thủy chung, trân trọng của nhà văn đối với độc giả." Dừng lại để rít dài một hơi thuốc, tiếp: "Tôi không muốn sử dụng những tiện nghi của máy móc là vì vậy. Làm như tôi đang làm tuy cực đôi chút nhưng chắc chắn sẽ tạo được cảm tưởng gần gũi giữa chúng ta, những người viết, và họ, những người đọc."

Đó cũng là nơi, hằng đêm, vào những khuya khoắt, ngày ngật ra khỏi giấc ngủ chập chờn, ông trở dậy, bước đến chiếc tủ lạnh, với tay cầm chai rượu rót ra ly... Và giữa tịch mịch của đêm sâu, giữa lữ bàn ghế chần giường sách vở cảm nín vô hồn, trước màn ảnh tivi xanh đỏ, trong tay ly rượu hết vơi lại đầy, ông vừa uống vừa kiên nhẫn chờ đợi một ngày mới. Một ngày như mọi ngày! "Đêm, không ngủ được, chỉ mê đi vài tiếng, rồi lại thức, lại uống - cười - không uống thì làm gì?" Hỏi, như một lối chấm câu, để tiếp: "Uống mãi vẫn chả hết đêm... Thì bày chén bát soong nồi ra, ta nấu gói mì, ta luộc quả trứng. Thế là vừa uống vừa ăn vừa xem TV. Hừm... thích lắm cơ." Một lần, thích. Hai lần, thích. Ba bốn năm sáu lần, có thể còn thích. Nhưng như thế, đã bao nhiêu năm (mỗi năm ba trăm sáu mươi lăm ngày!) Chúng ta hãy tưởng tượng đi. Một mình, với đêm!

Đó cũng là nơi trở về sau buổi tối cùng anh em ở những hàng quán. Trong lòng băng ghế trước, ông ngồi so vai lạng lẽ giữa âm thanh nổ trầm một nhịp của động cơ xe hơi. Năm phút, mười phút... bỗng ngẩng đầu nhìn lên vuông cửa sáng đèn, rồi nhìn gã 'tài xế' (cũng là bạn rượu), cất giọng: "Bây giờ... lên trên ấy... Buồn nhỉ?" Giọng nói nhỏ nhẹ, trầm tĩnh, nhừa nhựa hơi men. Không phải lời ta thán. Nhưng mà, nhưng mà... nó xoáy vào tai, nó làm trái tim đau quặn, nó mở ra trước mặt người nghe cái thế giới quạnh hiu hoang lạnh một cuối đời.

Đó cũng là nơi, nhiều ngày, nhiều tuần, tấm màn cửa sổ mãi khép toàn phần, cánh cửa màu nâu sẫm mãi đóng cam lạng: Ông đang lang thang đâu đó trong một thành phố khác, một quốc gia khác, một tiểu bang khác. Những chuyến đi, những cảnh thổ mới, những bè bạn năm châu. "Vẫn vậy, hết rồi những ngạc nhiên, những bàng hoàng, những niềm vui bất chợt. Đi không có nghĩa như một tìm kiếm cái lạ cái hay. Đi chỉ giản dị là đi. Bờ ở đâu thì cũng thế, ở đâu thì cũng là di chuyển một bàn rượu này qua một bàn rượu khác." Và mỉm cười hom hem: "Ngày xưa Nguyễn Tuân mơ ước lúc chết sẽ được thuộc da làm chiếc va-li. Thời trẻ tôi yêu lắm ước mơ này của Nguyễn. Bây giờ, ngẫm nghĩ, đi như ông ấy thì... 'ra cái đéch gì'."^[1]

II. Những tình cờ định mệnh

Tôi yêu hội họa. Từ ấu thơ, tôi đã mơ sẽ có ngày nào đó, trong đời, tên tuổi tôi trở nên quen thuộc, được nhiều người hâm mộ, như một họa sĩ. Lớn hơn tí nữa, định mệnh đẩy tôi vào một ngã rẽ khốc liệt, chính cây bút chì than và tập giấy *croquis* giúp tôi đứng thẳng được trên đôi chân yếu, để tiếp tục bước về phía trước, làm người. Bản vẽ đầu tiên của tôi năm 13 tuổi được trả bằng tiền. Từ đó đến bây giờ, tôi đã sống, đã nuôi vợ nuôi con và nuôi chính bản thân mình chỉ bằng một nghề duy nhất: hội họa (tôi dùng chữ hội họa trong nghĩa phổ thông, gồm tất cả mọi công việc ít nhiều liên quan đến cọ sơn, màu sắc: tôi từng là thợ kẻ bảng hiệu; vẽ chân dung truyền thần; vẽ quảng cáo báo chí; vẽ dương bản trên phim để giới thiệu các sản phẩm thương mại (dầu cù là, thuốc nhuộm tóc, bột ngọt Vị Hương Tố, xà phòng Cô Ba, sữa hộp Con Chim... chiếu chào hàng trong các rạp chiếu bóng; vẽ *pano* cổ động gắn hai bên hông xe buýt, trên các lầu cao, và ngoài xa lộ. Tôi cũng đã từng trình bày bìa sách, bìa băng nhạc, logo, nhãn bao bì cho các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng. Cuối cùng, "có trình độ" hơn, tôi sáng tác tranh bằng sơn dầu, màu nước, bột màu... và triển lãm vung vít.) May mắn, những sản phẩm thương mại hạ cấp ấy thường được đánh giá "có chất lượng". Nhờ thế, tôi sống. Ngay cả chuyện vượt biển "tìm tự do", định mệnh cũng sắp xếp cho tôi bằng con đường hội họa: một cậu học trò (học vẽ) đã cho tôi một chỗ ngồi trên chiếc tàu đánh cá nhỏ bé với sức chứa tối đa 22 nhân mạng do cậu làm chủ.

Xuyên qua quá trình đầy thử thách đó, tôi nghĩ, và yên trí, suốt đời, sẽ chẳng còn con đường nào để chọn lựa cho hướng đi (đến nghĩa trang) của mình, ngoài con đường duy nhất, và cũng là con đường tôi hằng mơ ước thuở thiếu thời: hội họa.

Nhưng, như tất cả mọi chúng sinh khác trong "cõi nhân gian bé tí" này, có nhiều tình cờ không định trước đã đẩy số phận mỗi chúng ta vào những khúc quanh... tiền định.

Từ hội họa, bất ngờ, tôi rơi vào lĩnh vực văn chương, báo chí.

Đó là thời gian đầu vừa đặt chân đến Mỹ. Đang loay hoay chưa biết phải làm gì, tôi được một người bạn giới thiệu với Du Tử Lê. Lúc ấy anh đang làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tuần báo *Tay Phái*. Anh hỏi tôi "đã định làm gì chưa", tôi bảo chưa, anh liền đề nghị: "Thế thì về làm báo với mình, cho vui." "Tôi biết gì mà làm?" "*Lay-out*, tay ngang còn làm được, hưởng gì anh là họa sĩ." Đúng như Du Tử Lê nói, chỉ cần một tí khéo tay, thêm một tí kiến thức tối thiểu về mỹ thuật, ai cũng có thể trở thành chuyên viên *lay-out*. Tôi lại có thêm lợi điểm: dư khả năng lấp đầy những khoảng trống còn thừa trong các cột báo bằng những minh họa. Thi sĩ họ Lê có vẻ hài lòng vì đã nhặt được một gã phụ tá... sáng trí, đa năng (!!!) Anh bèn đẩy sự hài lòng cao hơn tí nữa: một hôm, báo thiếu bài, anh nói với tôi: "KT viết hộ cái gì nhé."

Viết? Đề nghị thật bất ngờ. Tôi vốn mê đọc, là độc giả trung thành của tất cả nhà văn nhà thơ lớn bé thuộc mọi thành phần, giai cấp, trình độ, trường phái, khuynh hướng, phe nhóm, chủ trương, quốc tịch... Từ *Bến dòng sông Trẹm* đến *Bàn tay máu*, từ "một đèo một đèo lại một đèo" đến "ô hay con gái bay nhiều quá / đôi cánh tay mềm như cánh chim", từ "em là gái trời bắt xấu" đến "tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ", từ *Thung lũng tình yêu* đến *Hố thẳm tư tưởng*, từ *Lữ người quý ám* đến *Chiến tranh và hòa bình*, từ *Chuông gọi hồn ai* đến *Âm thanh và cuồng nộ*, từ *Buồn nôn* đến *Dịch hạch*... Tôi đọc tuốt tuột bất cứ cái gì vớ được. Nhưng viết thì chưa bao

giờ. Tôi không mặn với chuyện viết lách. Bạn tôi, ở Sài Gòn trước và sau 1975, nhiều tên cầm bút, và tên nào trông cũng... không giống ai, khiến tôi... nhợn (và nhờn!) Tuy nhiên chưa bao giờ không có nghĩa chẳng bao giờ. Ừ, thì viết. Thử xem. Thế là vài ba bút hiệu lảng nhãng nhằm nhí lần lượt xuất hiện. Lâu dần, trở thành quen. Và cũng lâu dần, nghề dạy nghề, tôi lên... lão làng, trong lĩnh vực "bán chữ" (đủ loại) cho các tờ báo tuần, báo tháng.

Vào khoảng năm 1989 (nếu tôi nhớ không lầm) chị Nguyễn Mộng Giác cùng các cháu từ Việt Nam sang. Để có đủ thì giờ lo cho gia đình, anh Giác giao lại tờ *Văn Học* do anh làm chủ nhiệm kiêm chủ bút cho ba anh Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy và Hoàng Khởi Phong. Ba ông chủ mới của tờ *Văn Học* có tài viết lách song lại thiếu... tài làm đẹp những trang chữ. Nghĩa là phải cần thêm một anh "chuyên trị" phần hình thức cho tờ báo. Trong đám "sinh hoạt chữ nghĩa" ở quận Cam, hình như tôi có tí khả năng, lại không ngại chuyện cõm nhà ngà voi, do đó, được ba ông vờ về, gán lon "giám đốc mỹ thuật" (nghe lẩm liệt như vừa được phong hàm... đại tướng!) Lâu nay chỉ loay hoay giữa rừng lá cải lá đa, tôi đã bị mang tiếng là phờng... buồn lá (chính xác hơn: phờng lái chữ). Nay, được thăng cấp, nên dù hiểu nếu làm công cho các tờ báo biểu thì tuy không thừa ăn thừa mặc, nhưng cơ bản vẫn lương tiền đâu ra đó, còn làm cái chức lớn "giám đốc mỹ thuật" cho tạp chí *Văn Học*, chắc chắn chỉ được quyền uống... nước lã. Ai có tí liên hệ với ngành báo hải ngoại đều biết báo biểu kinh doanh bằng quảng cáo (nhiều tờ sống hùng sống mạnh, có khả năng tạo được xe đẹp nhà sang cho các ông bà chủ nhiệm.) Ngược lại, báo *Văn Học* (và những "con" tương cận) không có quảng cáo, sống hay chết hoàn toàn nhờ vào độc giả. Mà độc giả ở hải ngoại vốn đã ít, lại càng ít thêm theo thời gian. Tờ nào trụ được không phải bù lỗ đã là may mắn, nói gì đến chuyện thù lao cho những người thực hiện!

Cũng như *Tay Phải* của Du Tử Lê, thỉnh thoảng *Văn Học* đòi bài. Đệ nhất, đệ nhị chủ bút Trịnh Y Thư, Hoàng Khởi Phong lười viết, tổng thư ký Cao Xuân Huy lo đánh máy bài vở, không có thì giờ. Nhìn quanh, chẳng còn ai, thế là nhị vị chủ bút bèn đồng dặc ra lệnh: "Số này còn thừa 10, 15 trang, KT viết cái gì đi!" Từ việc viết lách lảng nhãng tán tụng ca sĩ, bốc thơm đào kép mu vi... sang lĩnh vực văn chương chữ nghĩa nghiêm túc, hẳn nhiên khác nhau như trăng với đèn. Nhưng mà, (lại) thử xem. Thế là, ngoài những "bút hiệu" tôi từng ký dưới các bài báo lá đa lá mít (ngày nay, thực tình, tôi không nhớ nổi một tên, để sau này dặn dò con cháu đưa vào gia phả!), lần đầu tiên, tôi hiện ngang ký tên thật dưới các sáng tác.

⊆

Trước đó, và trong thời gian cùng anh em coi sóc tạp chí *Văn Học*, tôi đã quan niệm văn chương là cái của muôn đời. Chế độ nào, chủ nghĩa nào rồi cũng sẽ tàn lụn với thời gian, duy văn học nghệ thuật sẽ còn đó, mãi mãi, nếu thực sự đó là những sáng tạo giá trị. Vì vậy, tôi chủ trương nên mở rộng cửa tiếp nhận tất cả mọi thành tựu, của thế giới, nói chung, Việt Nam, nói riêng, không phân biệt trong nước hay hải ngoại, càng không băn khoăn tìm hiểu vị trí xuất thân của người đã khai sinh ra tác phẩm. Mặc kệ ông ta (bà ta) là nhà văn, nhà thơ của Việt Nam Cộng Hòa xưa kia, hay của "thế giới lưu vong" hôm nay, hay của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam bây giờ. Một hai trăm năm nữa, người đọc sẽ chẳng bao giờ thắc mắc như chúng ta đang thắc mắc. Vậy, vấn đề chỉ giản dị: tác phẩm ấy hay hoặc dở. Xứng đáng nằm trang trọng trên các trang báo *Văn Học*, hay chỉ nên ném vào sọt rác. Thế thôi. Và chỉ thế thôi.

Tôi đưa ý kiến này ra bàn với anh em, và đề nghị nên tìm đọc, mời, chọn đăng những sáng tác hay của các nhà văn nhà thơ trong nước. Trịnh Y Thư bản chất hiền lành, không muốn mất lòng anh em, xin theo quyết định của đa số. Hoàng Khởi Phong chín chắn, bảo "Chưa đúng thời điểm". Riêng Cao Xuân Huy cực lực phản đối, tuyên bố rất "quân phiệt": "Cái gì dính líu đến Việt Cộng là tao không ưa, dứt khoát". Như thế, đương nhiên tôi đứng về phe thiểu số (chỉ có một phiếu ủng hộ duy nhất của... chính tôi!)

Thua, nhưng trong lòng vẫn ấm ức. Ý định xuất bản một tờ báo có chủ trương hợp lưu mọi dòng văn học về một mối manh nha trong đầu. Tôi tìm gặp vài anh chị em khác: Nhật Tiến, Đỗ Khiêm, Vũ Huy Quang, Lê Bi, Nguyễn Hương, Thân Trọng Mẫn, Phạm Việt Cường, Nguyễn

Hoàng Nam, Nguyễn Mạnh Trinh... và liên lạc bằng điện thoại, thư từ với nhiều anh chị em khác nữa, cư ngụ ngoài Cali và nước Mỹ. Điều tôi không ngờ: hầu hết các văn nghệ sĩ tôi tiếp xúc đều tán đồng chủ trương của tôi. Chẳng những thế, ngoài bài vở, sáng tác, họ còn sẵn sàng đóng góp tiền bạc để tôi có thể xuất bản tờ báo như ý muốn.

Như thế, với nhiều công sức tài lực của nhiều anh chị em, *Hợp Lưu* ra mắt số đầu tiên đầu tháng 10 năm 1991.

Tám năm trôi qua. Bao nhiêu sóng gió. Nhất là giai đoạn đầu, gần như tuần nào, tháng nào, trên hầu hết các tờ báo, *Hợp Lưu* và nhóm chủ trương, nhất là tôi... cũng bị đem ra làm bia tập bắn. Nhẹ, lời lẽ ôn hoà xây dựng; nặng, bỉ thử thô lỗ, có khi mang cả đời tư của chúng tôi và những hệ lụy cật ruột ra bêu rếu, ném bùn. Nhiều tháng liền, cách vài ba đêm, giữa khuya, một cú điện thoại từ đâu đó gọi tới, đòi "đốt nhà, ném lựu đạn, bắn bỏ" cái kẻ "ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản", cái bọn "nằm vùng, đâm sau lưng chiến sĩ". Ban đầu, thấy mọi người thân trong gia đình lo sợ, khủng hoảng, tôi định đổi số *phone*. Nhưng nghĩ lại, vô ích, một tờ báo tất phải có địa chỉ và số *phone* tòa soạn. Làm sao giấu được. Vả, nghĩ xa hơn, tôi thấy hành động như thế nào khác gì trốn lánh, đào thoát. Hèn quá. Vì thế, tôi quyết định... chịu trận. Có khi cao hứng, tôi chọc lại bằng cái phong cách rất... nhảy dù: hẹn các đấng hùng anh kia đến một công viên nào đó chọi tay đôi, hoặc đấu súng đấu dao tùy chọn lựa, bảo đảm không báo trước với cảnh sát. Tất nhiên tôi biết thừa: phàm những anh đấu võ mồm hung hăng nhất đều có những lá gan bé nhất, nên chẳng bao giờ tôi được hân hạnh "biểu diễn võ công". Và món võ lì này có hiệu quả. Gọi mãi, chửi mãi, hăm dọa mãi, vẫn thấy *Hợp Lưu* xuất hiện đều đặn, đúng kỳ trên các sạp báo ở các nhà sách. Những cú điện thoại thừa dằn, rồi dứt hẳn.

Nhiều năm trôi qua, *Hợp Lưu* không chết, trái lại, mỗi ngày thêm vững vàng, nhờ lực lượng sáng tác được bổ sung đều, và nhờ độc giả tìm đọc ngày thêm đông. Cơ hạp hối (nhiều anh chị em đồng nghiệp ở xa vẫn nghĩ thế, vào những năm đầu) của *Hợp Lưu* thực sự đã bị đẩy lùi. Tờ báo đang sống, tờ báo sẽ sống, bình thường, như rất nhiều anh em đồng nghiệp khác.

Viết về những tình cờ định mệnh đẩy đưa một người cầm cọ đến cầm bút, và viết về kinh nghiệm đã trải qua trên mười năm "tắm gội" trong nghiệp báo, tôi nghĩ, cũng là một cách nào đó, tự trả lời cho chính bản thân một câu hỏi, rằng từ lúc chọn chữ nghĩa như nghiệp dĩ thứ hai, liệu tôi có lỗi lầm nào đáng chê trách? Tôi nghĩ, hình như có. Đó là, nhiều lúc tôi cảm thấy nản lòng, muốn buông trôi, bỏ cuộc. Nhiều lúc khác, không dần được bức xúc do mọi sức ép tằm tới bên ngoài, tôi đã thả lỏng ngòi bút của mình, mặc cho những cơn giận dữ cuốn đi. Thuở còn sinh tiền, nhà văn Mai Thảo thỉnh thoảng vẫn bảo: "Chữ nghĩa đẹp để lắm cơ. Còn sống với chữ nghĩa thì phải cố mà nuôi dưỡng nó cho đàng hoàng."

Sống đàng hoàng với chữ nghĩa, tôi cho là điều khó khăn nhất, và cũng là điều cần nhiều nỗ lực nhất, đối với một người cầm bút.

Khánh Trường và Hợp Lưu Trần Vũ



Cách đây 12 năm, tháng 10-1991 họa sĩ Khánh Trường sang Pháp ra mắt Hợp Lưu số đầu tiên. Đón anh ở phi trường, tôi nhận ra ngay nhân vật Khánh của Có Yêu Em Không. Nhân vật làm tình kinh khiếp trên căn gác gỗ với em gái của đồng đội hãy còn quàn ở nhà dưới trong mùi nhang khói tang tóc luồn qua kẽ hở, nhân vật mỗi chiều say đắm phóng xe lao vào căn hẻm miệt Phú Thọ Hòa đi tìm tình yêu và cái chết. Khánh Trường với Khánh là một. Một con người và một nhân vật với tất cả liều lĩnh khinh mạn, nửa hảo hớn, vừa du đãng, chất ngất đam mê nhưng cũng bất cần đời và đôi lúc biết mất dạy. Buổi sáng đó, mái tóc dài *mafia*, Khánh Trường mang hình ảnh Franco Nero trong Miền viễn Tây bước ra khỏi sân bay ngang tàng với ...thùng tạp chí Hợp Lưu trên xe đẩy.

Những ngày sau tôi khám phá anh là type *Django* như tôi ưa thích. Tôi cũng thích có một người anh chịu chơi như vậy, đầy thói hư tật xấu nhưng biết hiên ngang bao che cho đứa em khi cần thiết. Tất cả bắt đầu bằng lá thư anh gửi đến bằng hữu mùa hè năm 91. Lá thư kêu gọi đổi mới cho sinh hoạt văn học VN ngoài nước. Lá thư từ bỏ thái độ qua sông chặt cầu, phong tỏa bao năm của hội đoàn. Lá thư công nhận sự hiện hữu của con người VN sau 75 trên quê hương, cho dù con người đó không Quốc Gia, không Cộng Hoà. Anh chép tay thêm dòng chữ: *Vũ thích gì viết ấy, cứ viết, có anh hứng mũi chịu sào*. Và chỉ với dòng chữ ngắn gọn giản này anh đã quyến rũ được tôi, lôi về mình biết bao người viết trẻ dạo đó. Trần Sa, Lê Thị Thắm Vân, Vũ Quỳnh Nh., Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Thị Ngọc, Phạm Chi Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Hoàng Nam, Hoàng Mai Đạt, Đỗ Kh., Trần Phục Khắc, Ngọc Khôi, Hồ Đình Nghiêm, Vũ Đình Kh., Vĩnh Hào... chứng minh sự thành công này.

Hợp Lưu như thế chánh thức ra đời trong hiệu phở Thụ quận 13. Nhưng khác với Võ Phiến khi làm tạp chí Văn Học Nghệ Thuật bộ cũ, buổi chiều tháng 10-1991 khi Khánh Trường bước chân vào hiệu phở gọi một tô chín nạm, văn chương Việt ngoài nước đã bắt đầu một thập niên thương khó. Những năm 78-79, tuy chưa có computer, chưa internet, chưa font chữ Việt, mọi thứ còn chép tay, đánh máy bỏ dấu tay, sách bày chung với thực phẩm, người viết người đọc rải rác, đầy khó khăn - nhưng Võ Phiến đã lên đường với niềm nhớ quê hương mãnh liệt không nguôi vô bờ bến của cả một lớp người di tản. Mọi người trân trọng chữ Việt, yêu quý, ôm ấp gìn giữ chữ Việt, thứ chữ Quốc ngữ của một đám đông vừa đánh mất tổ quốc.

Thời điểm 91, chữ «Phở» trên thực đơn phở Thụ viết với dấu ngã. Tiếng Việt đã không còn là quốc ngữ, mất thiêng, không mấy ai quan tâm và rất nhiều pha Anh, Pháp vào trong câu chuyện. Chữ Việt giản dị chỉ là chữ viết của một sắc tộc thiểu số sinh sống ở Âu Mỹ, hay quốc ngữ của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà xa lạ nào mà mọi người bắt đầu du lịch. Chữ Việt in trong số Hợp Lưu ra mắt là thứ chữ không còn có thể dùng để hái ra tiền, một thứ tử ngữ.

Chị Thụy Khuê mời tôi với anh và bác Mai Thảo ăn phở trước để dẫn bụng tiếp khách. Tôi hỏi Mai Thảo : Bác thấy phở hải ngoại có bằng phở Sài Gòn ngày xưa? Phở bên này ít nước, mau nguội bánh. Mai Thảo ầm ừ trả lời. Ông chỉ *hút* một cọng phở duy nhất. Tô phở của chị Thụy Khuê, của tôi, của anh Khánh Trường cũng nguội nhanh. Nguội nhanh như văn chương hải ngoại đang lạnh dần.

Gần 10 năm trước, 1982 năm Mai Thảo quyết tâm tục bản tạp chí Văn, sinh hoạt văn học hải ngoại chưa nguội, ngược lại bắt đầu hâm nóng. Người Việt đã bắt đầu an cư sống tập quần. Tuy các cây viết mới hãy còn hiếm, Mai Thảo đầu đàn của văn nghệ miền nam quy tụ dễ dàng các bạn bè của ông. Con hùm xám Vũ Khắc Khoan, Thanh Nam, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng, Tuý Hồng, Viên Linh, Nguyễn Đông Ngạc, Trang Châu, Tạ Tỵ, Trần Ngọc Ninh, Hà Huyền Chi, Du Tử Lê, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Xuân Hoàng, với Bình Nguyên Lộc qua sau... là những

gương mặt nổi tiếng của miền nam một thời. Bằng kinh nghiệm của một chủ bút tài hoa lẫy lừng, Mai Thảo nhanh chóng khám phá, thừa nhận và thúc đẩy những ngòi bút nữ: Lê Thị Huệ, Phan Thị Trọng Tuyền, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Trần Diệu Hằng, Phạm Thị Ngọc, Cao Bình Minh sẽ làm nên hiện tượng nữ sau đó. Không chỉ phát hiện những cây bút nữ, mục Người Viết Trẻ mỗi tháng giới thiệu một gương mặt mới, có tháng trong cùng một số báo có đến 4 người viết mới Nguyễn Thạch Giang, Ý Ngôn, Vũ Phương Nam, Đặng Mai Lan. Suốt 6 năm 82-87 tạp chí Văn không thiếu sáng tác, không thiếu người viết lẫn sự trợ giúp đồng đảo của các văn hữu.

Sau Mai Thảo, tạp chí Làng Văn trình làng. Làng Văn thừa hưởng không khí bừng bừng khí thế của một cộng đồng đang độ tăng trưởng chín muồi sung mãn, kèm nỗi nhớ nhà nóng bỏng của lớp người mới vượt biên. Một tạp chí mới, một lớp độc giả mới với một tâm tình mới. Huyền Châu, Tuệ Nga, Hồ Trường An, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Ngọc Ngạn, Lê Văn Lân, Ngọc Khôi, Nguyễn Tấn Hưng, Thái Văn Kiểm, Võ Kỳ Điền, Nguyễn Văn Ba, Trần Long Hồ, Phan Ni Tấn, Luân Hoán, Lâm Hảo Dũng, Diệu Tàn, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đức Bạt Ngàn... đem đến cho Làng Văn những độc giả trung thành trường kỳ. Những năm 84-89 thời kỳ cực thịnh, Làng Văn thành công rực rỡ, số bán vượt xa các tạp chí khác. *Người Làng đông như trẩy hội* như nhà báo Nguyễn Hữu Nghĩa nhận xét.

Cùng thời gian đó, 1985 Võ Phiến tục bản Văn Học Nghệ Thuật bộ mới, rồi từ tháng giêng 86 đổi tên là tạp chí Văn Học do Nguyễn Mộng Giác điều hành có thể xem là tạp chí uy tín nhất của giai đoạn 85-88. Đa số những bài viết xuất sắc đều xuất hiện trên diễn đàn này và bên cạnh những nhà văn cộng tác trụ cột thường xuyên Nhật Tiến, Võ Đình, Lê Tất Điều, Định Nguyên, Tường Năng Tiến, Võ Phiến, Nguyễn Bá Trạc, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Tất Nhiên, Thế Uyên, Hoàng Khởi Phong, Trần Hoài Thư, Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Hoàng xuất hiện vô số người viết mới: Khê lâm, Ngu Yên, Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải, Kiệt Tấn, Thường Quán, Cao Xuân Huy, Trịnh Y Thư, Nguyễn Đức Lập, Nguyễn Ý Thuần, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Trúc Giang, Trần Thị Kim Lan, Trần Thị Lai Hồng, Trần Sa, Lê Bi, Vũ Huy Quang, Trương Vũ, Thế Giang, Trần Vũ, Đỗ Kh., Mai Kim Ngọc, Vũ Quỳnh Hương, Nhược Thủy (Y Chi)... Cũng chính trên diễn đàn này khởi đầu nền phê bình ngoài nước qua các bài viết đầu tiên của Thụy Khuê, Bùi Vĩnh Phúc và Nguyễn Hưng Quốc. Như thế đã ra đời trong hoàn cảnh vô cùng thuận tiện, với một nguồn nhân lực mới mẽ hùng hậu đang trong giai đoạn khởi viết.

Trường hợp Hợp Lưu khác hẳn. Hợp Lưu ra đời khi đa số những tác giả kể trên, một số đã bỏ cuộc, một số đông khác các sáng tác hay nhất của họ đã viết xong. Giống Mai Thảo nhận xét phờ hải ngoại *ít nước, mau nguội*. Lý do quá nhiều bánh, quá nhiều thịt, nhưng *ít nước*. Nhận định đó đúng cho giới sáng tác Việt sống ngoài tổ quốc. Đã nhiều bài viết lý giải những khó khăn của người sáng tác bị cách ly khỏi quê hương. Chất liệu sáng tác sáo cũ, ngôn ngữ mẹ đẻ mỗi ngày một nghèo đi, kinh nghiệm quê nhà thiếu cập nhật, sự hội nhập dần dần tính hoài niệm hao mòn dần căn cước gốc, không nhuận bút, không độc giả, ít sinh hoạt chung đưa đến tình trạng băng giá. Đó là những nguyên nhân nội tại, nguyên do bên ngoài nhiều hơn nữa: Tranh sống kiếm cơm, viết văn tay trái tối chủ nhật, biến động Đông Âu đưa đến hoang mang, văn chương trong nước.. bất ngờ đổi mới cạnh tranh bất chính, khủng hoảng kinh tế thất nghiệp khiến mãi lực mua bán của độc giả giảm... Hợp Lưu chào đời trong hoàn cảnh tăm tối đó. Năm 91 là năm khởi đầu của nhiều bài viết cảnh giác thái độ nhản nha cầm chừng trong sáng tác, tranh cãi hay kết án *những vòng tường ghetto* bao vây. Điều đó chứng minh sau một thập niên khởi sắc, sáng tác hải ngoại gặp khủng hoảng. Trong tình trạng thụt lùi như vậy, *làm báo chỉ từ chết đến bị thương* giống họa sĩ Khánh Trường than. Nhưng đó chỉ mới là khó khăn riêng của một bộ môn sáng tác, những sáng tác mà Khánh Trường luôn luôn rất cần cho những số Hợp Lưu nối tiếp. Còn nhiều khó khăn khác.

Buổi tối ra mắt Hợp Lưu trong hiệu phở Thụ là một buổi tối thành công kỳ lạ. Đông đến mức quán hết chỗ, mọi người phải đứng và lần đầu tiên tôi thấy Mai Thảo bị dịch giả Kim Lefèvre quay. Đông, vui, như cơn say quên trời đất của Kiệt Tấn, như ánh mắt hấp háy lạc quan sau

lớp kính ve chai của nhà nhạc học Nguyễn Thiên Đạo; nhưng nụ cười tươi của chị Thụy Khuê không khóa lấp những lo lắng cho ngày mai. Hơn ai hết chị Khuê biết rõ khả năng tài chánh của Hợp Lưu. Hơn ai hết chị hiểu rõ áp lực của hội đoàn đảng phái. Họ sĩ Khánh Trường hùng dũng trấn an: Chị cứ yên tâm, tôi không thua đâu.

Tôi không thua đâu. Có lẽ đây là câu trả lời chính xác nhất vì sao và tại sao chuyển động Hợp Lưu thành công và tạp chí đứng vững suốt 12 năm. Câu trả lời này xác định cá tính đặc biệt của người chủ biên tạp chí.

Để hiểu quyết tâm của Khánh Trường, phải sống trở lại bối cảnh của cộng đồng VN đầu thập niên 90. Chưa khi nào áp lực của hàng trăm hội đoàn mạnh đến như vậy. Việc cướp máy bay, rải truyền đơn rồi nhảy dù xuống Việt Nam của Lý Tống (xảy ra sau vài số Hợp Lưu) biểu trưng tất cả tinh thần quang phục đất nước lúc đó. Phải đọc tất cả các báo Việt ngữ xem *affaire* Lý Tống là một thiên anh hùng ca, phải đi giữa đường phố Bolsa rợp lá cờ vàng để hiểu hành động làm tạp chí Hợp Lưu của Khánh Trường là một hành động can đảm. Phải trông thấy cảnh cuốn sách Trăm Hoa Vãn Nở Trên Quê Hương bị lòi trên đất và đốt cháy để hiểu bầu không khí quá khích bao trùm nặng nề lúc đó. Điện thoại chửi bới nửa đêm, fax vắng tục, mail hăm dọa, thư nặc danh, đập kính xe là thực đơn hằng ngày. Cùng với Hợp Lưu, tạp chí Trăm con của Trần Sa và Tư Đồ Tuệ cũng trong chiều hướng giao lưu đã không chịu nổi áp lực phải đình bản. Áp lực đến nỗi, khi cho xuất bản Cánh Cửa, nhà văn Nhật Tiến trả lời phỏng vấn đã thẳng thừng chua chát: Nhà văn VN ngoài nước không có tự do sáng tác! Trước đó, chỉ với Mùa Biển Động với một chương tả người lính VNCH say rượu đeo râu tai xác chết cất quanh người, Nguyễn Mộng Giác đã bị chê trách «Bôi nhọ quân lực» và áp lực đến mức chủ bút Văn Học Nghệ Thuật Võ Phiến phải mời trợ sự của mình là Nguyễn Mộng Giác từ chức. Nguyễn Mộng Giác không từ chức, tạo nên sự cố Văn Học không dễ *tùy nghi* lúc đó.

Chưa một tạp chí nào ra đời khó khăn như vậy. Không chỉ một mình chủ biên Khánh Trường chịu búa rìu dư luận, tất cả những nhà văn, nhà thơ chấp nhận đăng bài trên Hợp Lưu đều mặc nhiên bị xem là Việt Cộng, hoặc lịch sự hơn: nổi giáo cho giặc. Nhà văn Nhật Tiến, người cha tinh thần đỡ đầu cho Hợp Lưu, người chủ trương giao lưu sớm nhất từ Mồ Hôi Cửa Đá, đã gánh chịu không biết bao nhiêu phỉ báng, một trong những lý do khiến ông buộc lòng rời khỏi ban chủ biên. Không ai có thể trách tác giả Thềm Hoang, giải thưởng văn chương phủ tổng thống VNCH là một nhà văn thiên tả, không ai có thể trách Nhật Tiến là một nhà giáo không gương mẫu, hay một người thiếu đạo đức. Nhưng cũng không ai chịu hiểu tinh thần quang phục đất nước chỉ là một tinh thần hoang tưởng đầy ảo vọng. Nên khi Hợp Lưu, tạp chí thuần văn học đầu tiên đưa ra cái nhìn khác — *Đã đến lúc người Việt phải đối xử với nhau như những con người cho dù khác chính kiến và Việt Nam hôm nay phải không còn hận thù, một văn bản nếu mang giá trị văn học là một văn bản có giá trị, dù tác giả của nó sống trong hay ngoài nước* — Cái nhìn mới này đã tạo ra một cơn sốt ý thức rất lớn trong tâm hồn của rất nhiều những kỹ sư tâm hồn.

Thời gian đó, với các văn, thi sĩ được chủ biên Hợp Lưu gởi thư mời, chọn lựa không dễ. Với mỗi người đã là một *bước qua lời nguyện* vô cùng khó khăn, với tất cả rủi ro trấn áp kết án từ bạn bè, các báo *quốc gia* đang cộng tác và cả với lương tâm của chính mình, lương tâm nào đã quyết định rời bỏ quê cha đất tổ ra đi vì không chấp nhận chính quyền Cộng Sản đương nhiệm và lương tâm nào ý thức không thể phân ly chia đôi đất nước mãi mãi?

Nhưng thật kỳ lạ, nếu mở lại những số Hợp Lưu đầu tiên, thành phần ban chủ biên tăng dần rất nhanh sau mỗi số báo cho đến khi hầu hết các tác giả thường xuyên viết trên các báo *Cộng Hoà* đều lần lượt xuất hiện trên Hợp Lưu. Đó là dấu hiệu mà Khánh Trường nhận ra anh đã đi đúng hướng, và đó cũng là dấu hiệu cho thấy những nhà văn Việt đã tự chất vấn mình từ rất lâu. Chắc chắn trong thâm tâm, Khánh Trường cảm tạ rất nhiều tấm lòng của những người bạn Phan Tấn Hải, Ngu Yên, Phạm Việt Cường, Cao Đông Khánh, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Mộng Tú, Du Tử Lê, Thường Quán, Khế Iêm, Lê Bi, Lê Thứ, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trần Long Hồ, Trầm Phục Khắc, Vũ Huy Quang, Võ Đình, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Chi Lan, Chân Phương, Đỗ Kh., Hoàng Mai Đạt, Trương Vũ, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn

Hương, Lê Thị Thắm Vân, Trần Sa, Vũ Quỳnh Nh., Thụy Khuê, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Thị Khoa Phương, Phan Thị Trọng Tuyền.. đã tham dự hết mình ngay từ những ngày đầu, và hơn nữa cảm tạ dân tộc Việt hãy còn biết đến tha thứ, nhân hoà.

Khó khăn vẫn chưa hết. Ai đã làm báo hiểu rõ khó khăn kinh khủng nhất vẫn là khó khăn tài chính. Bao nhiêu tờ báo Việt ngữ đã sập tiệm. Hồn Việt chết theo với Thanh Nam, Nhân Văn của nhóm Nguyễn Thượng Văn và Tường Năng Tiến, Tân Văn của Hà Thúc Sinh, Văn Lang của Nguyễn Mộng Giác, Văn Xã của Nguyễn Hữu Nghĩa, Ý Thức của Viên Linh, Chân Nguyên của Phạm Công Thiện, Tập Họa của nhóm trẻ Úc, Đối Thoại của Lê Bi, Việt của Nguyễn Hưng Quốc đều phải đình bản. Võ Phiến cũng chết đi sống lại hai lần với Văn Học Nghệ Thuật, và tạp chí Thơ của Khê lêm trong tình trạng khắc khoải thường trực của một cái chết được dự báo. Đó là chỉ kể những tạp chí tên tuổi. Khác với Thế Kỷ 21 được công ty Người Việt hỗ trợ, Hợp Lưu chỉ sống bằng công quả của bằng hữu, bằng công sức và lợi tức thu nhập cá nhân của chính chủ biên Khánh Trường. Sự sống sót của Hợp Lưu liên tục suốt 12 năm qua, đều đặn gửi đến tay bạn đọc bao nhiêu số chủ đề, bao nhiêu biên khảo, phỏng vấn và sáng tác thơ, văn, kịch chính là sự thành công riêng của Khánh Trường và sự sống sót tinh thần của chính cá nhân anh.

Để hiểu khó khăn tiền bạc của chủ biên Hợp Lưu túng thiếu nhường nào, tôi có một kỷ niệm đẹp về tình bạn giữa Mai Thảo và Khánh Trường. Mùa đông năm 96, tôi hay thích đến căn lầu xép trai phòng của Mai Thảo. Không có gì thú bằng ngồi dưới chân giường Mai Thảo nhìn ra hàng hiên trồng những đợt chuối xanh, nghe im lặng của buổi trưa khá hơi nóng nhẹ nhàng xâm chiếm chậm rãi căn phòng. Nhất là căn phòng đầy những chai lọ cognac tôi ưa thích, chỉ cần với chân cũng khều được dăm chai. Buổi trưa sâu thẳm yên tĩnh trong con hẻm Song Long, tôi vừa bị Mai Thảo lừa cho uống cognac có ngậm cu con hải cẩu thối hoắc, thứ rượu thuốc Nguyễn Xuân Quang tác giả Người Cắm Thủ Ruồi tặng ông uống chống lạnh, thì Khánh Trường ập vào, giọng anh hối hả:

- Anh có tiền cho em mượn, Hợp Lưu in xong rồi mà em chưa có tiền lấy.

- Bao nhiêu? Nhiều thì không có, ít thì có thể.

Mai Thảo điềm nhiên lắc lắc ly rượu vàng lóng lánh. Màu vàng của buổi trưa loang đến cườm tay ông đọng lại thành vệt lỏng. Giá Khánh Trường có thể ngồi xuống uống rượu thưởng thức sự im lặng của trưa không có những phiền hà nợ nần của đời sống. Đâu ai biết gồng Hợp Lưu thường đáng như con hải cẩu chết tiệt.

- Một ngàn đô, anh.

- Hà hà.. tưởng bao nhiêu, một ngàn thì nhà băng lớn nhất nước Mỹ này cho vay.

Mai Thảo, người thầy tinh thần của Hợp Lưu, bạn nhậu của tôi với anh, lặng lẽ lục tìm ví đưa tiền cho Khánh Trường mang ra nhà in ông Đào Văn Ngoạn lấy báo.

- Vẽ được mấy cái bia sách em sẽ gửi trả anh.

- Không hứa, không hẹn gì cả, có tiền thì trả thế thôi!

Mai Thảo gắt, ông ghét nói chuyện tiền bạc. Ông đưa tay quơ tìm bật lửa, đốt điếu thuốc Winston. Hành động của ông vừa nãy thật đẹp. Cho vay vô điều kiện, không thắc mắc dù ông cũng rất nghèo. Bác Thảo lúc đó còn mạnh, cười móm mém:

- Tiền thì không có, nhưng rượu thì không khi nào thiếu. Và không bao giờ thiếu, không thể thiếu được! *C'est inadmissible, insolent!*

Mai Thảo đập mạnh tay xuống mặt đệm. Tôi biết ông không bao giờ thiếu rượu. Tôi đã từng chờ một cốc xe 30 chai cognac quà tặng cho ông đêm sinh nhật 63 tuổi. Mai Thảo là người giàu cognac và giàu tình bằng hữu nhất trần gian.

Mấy ngày sau, rời quán Song Long sau điểm tâm với Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Du Tử Lê, tôi và người bạn làm báo văn học liên mạng trên internet Phạm Chi Lan đến chơi với Khánh Trường. Tôi với Phạm Chi Lan không giúp gì được anh trong công tác tòa soạn, nhưng vẫn thích ngồi quanh quẩn xem anh làm việc. Chúng tôi ngỡ ngàng nhìn 1200 cuốn Hợp Lưu chất đầy mặt đất.

- Sao anh chưa gửi bưu điện, trễ hạn rồi mà? Lan hỏi.

- Ờ hờ, để anh vẽ xong mấy cái bìa băng, bìa sách có tiền rồi gởi.

Khánh Trường thân nhiên, không có vẻ gì cấp bách, nhưng tôi biết, đã 6 tây là trễ một tuần. Và từ hôm vay tiền bác Thảo cũng gần cả tuần, có nghĩa anh chưa có tiền. Phạm Chi Lan với tôi đi lạc quây các anh chị Lê Thứ, Lê Bi, Nguyễn Hương, nhà xuất bản Hồng Lĩnh, và Trương Vũ từ miền Đông qua chơi, cuối cùng được vài trăm phụ với anh tiền cước phí bưu điện. Những ai còn thắc mắc nguồn tài trợ Hợp Lưu thì thực tế là như vậy. Và thực tế tài chánh này triển miên dằng dặc từ số đầu cho đến nay. Hai tháng một số báo qua thoãn thoắt, 66 số Hợp Lưu của 12 năm là 66 lần họa sĩ Khánh Trường xoay tiền chóng mặt.

Một lần Hợp Lưu được Viện Vận Động Dân Chủ của quốc hội Hoa Kỳ đề nghị trợ cấp \$10.000 một năm, vì tạp chí được xem có đóng góp cho chuyển động dân chủ. Những ai đã sống ở Âu Úc Mỹ biết rõ, những tài trợ của chính phủ, trường đại học, hay hiệp hội tư nhân cho những hoạt động văn hóa, nhân văn vô cùng bình thường. Ban chủ biên điều hành tạp chí lúc đó, Nguyễn Hương, Lê Bi, Phan Tấn Hải, Khánh Trường, Đỗ Hữu Tài, và nhà văn Nhật Tiến đã thảo luận cân nhắc việc nhận số tiền này. Giảm mối âu lo tài chánh để rồi tai tiếng như tạp chí Sáng Tạo của Mai Thảo đã nhận trợ cấp của phòng thông tin Hoa Kỳ? Nhận tài trợ nhưng nhất quyết giữ vững độc lập của tạp chí? Cho thì lấy nhưng không dính gì đến Hoa Kỳ? Nhưng ai cho tiền dễ dàng vô điều kiện như vậy? Trong cuộc đời có vay, có trả. Nhật Tiến cương quyết và dứt khoát nhất. Nhưng làm sao gồng triển miên trong tình trạng thị trường chữ nghĩa khánh kiệt như vậy? Ban chủ biên quyết định biểu quyết qua cách bỏ phiếu kín. Mọi lá phiếu đều đã ghi một chữ duy nhất: NO! Tôi ở xa không rõ vụ việc, chỉ biết như vậy. Cá nhân tôi tiếc mãi số tiền này, thêm tiền thêm nhiều khả năng mới, tăng trang, phụ bản tranh màu, đẩy mạnh nhà xuất bản Hợp Lưu, có thể trả nhuận bút cho các tác giả nghèo trong nước, đỡ chật vật cho Khánh Trường. Nhưng tôi hiểu nhân cách và lòng tự trọng không cho phép Nhật Tiến chấp nhận điều này. Và tôi cũng hiểu ông muốn tạp chí Hợp Lưu giữ linh hồn trong sạch. Nhật Tiến là một người thầy, một nhà văn đúng nghĩa, quyết định của ông được toàn ban chủ biên theo tuyệt đối. Quyết định đó, về sau, ngay cả những lúc khánh tận nhất, ban biên tập không ai hối tiếc. Trừ tôi - vẫn nghĩ, tất cả sinh sống ở Âu Mỹ, nhưng suy nghĩ giống quân tử Tàu. Nước Mỹ là một nước Dân Chủ và có quy chế Dân Chủ. Chúng ta có quyền hưởng quy chế xây dựng trên lá phiếu của từng công dân và trích từ tiền thuế tất cả cùng đóng. Nếu áp lực đến từ cơ quan nào đó của quốc hội Hoa Kỳ, chỉ cần viết một bài báo đăng trên New York Times, áp lực đó sẽ biến mất tức khắc. Các quân tử đã không chịu hành xử quyền công dân Hoa Kỳ của chính mình, thứ quyền công dân mà tất cả đã bỏ nước đi tìm. Quân tử, nên những ngày Khánh Trường bệnh nặng, không bảo hiểm y tế, không tiền túi, bạn bè phải chạy lo thuốc thang, các tác giả bác sĩ chạy giầy nhập viện, rồi anh xuất viện, tôi đến thăm, quần vẫn còn ướt đẫm máu, lại nhập viện. Hay những khi túng thiếu, ban biên tập khát thực từng tác giả, nhưng không phải ai cũng có tấm lòng của anh chị Trương Vũ, anh chị Lê Tất Luyện, anh chị Hoàng Chính Nghĩa. Khát thực một lần, lần thứ nhì, ni cô chê. Quân tử Tàu, nên Khánh Trường phải viết dăm thư kiếm tiền nuôi Hợp Lưu. Không một quân tử nào khác chịu viết Kim Bình Mai chung với anh. Thê thảm là vậy, cho Khánh Trường, kẻ ôm hoài bão văn chương. Nhưng kỳ diệu, Khánh Trường không xuống bùn, bạn đọc, văn hữu vẫn dành cho anh những tình cảm quý mến vì tất cả hiểu, anh bán mạng cho Hợp Lưu.

Trong thư từ biệt của chủ biên, Khánh Trường nhìn nhận sự bảo bọc của độc giả và nhiệt tâm đóng góp của văn hữu. Nhưng anh quên mất: Chính anh xứng đáng được nhận sự bảo bọc và nhiệt tâm đó. Không phải ngẫu nhiên nhà phê bình Thụy Khuê thường xuyên giúp đỡ anh, lo bài vở cho các số chủ đề, phỏng vấn định kỳ, hỗ trợ anh trong những quyết định khó khăn. Cũng không ngẫu nhiên mà mỗi lần anh kêu cứu, nhà tiểu luận Trương Vũ bay từ Washington DC sang cứu nguy, cũng không ngẫu nhiên mà chị Thụy Khuê, rồi Trân Sa, rồi Mai Ninh, rồi Miêng, rồi Phan Huy Đường và nhiều bằng hữu nữa đứng ra lạc quây *cứu trợ bảo lụt miền Trung* cho Hợp Lưu mỗi lần... thiên tai hạn hán. Chuyển động Hợp Lưu là một chuyển động dài, không ai có thể đơn thương độc mã gánh vác, và như Khánh Trường khẳng định: Tạp chí

Hợp Lưu không thuộc cá nhân ai, là một diễn đàn cấp tiến chung cho tất cả - thì việc mọi người góp công, góp của là bình thường và chính đáng.

*

Đã trình bày ba khó khăn lớn nhất của Hợp Lưu: Sự lão hoá của bộ môn sáng tác. Trấn áp từ đập từ các hội đoàn quá khích. Tài chánh eo hẹp. Cũng đã trình bày sự đứng vững của tạp chí suốt 12 năm. Hôm nay, giờ phút thay đổi chủ biên, bước ngoặt lớn cho những ngày sắp tới, bạn đọc đã có đủ thời gian để nhìn lại chặng đường Hợp Lưu vừa đi qua. Mục tiêu ban đầu - Giao lưu văn hoá - có thật đạt được hay không ?

Mở lại số Hợp Lưu 1, chưa có bài trong nước gởi ra, chỉ đăng lại các sáng tác quốc nội, dù việc đăng tải những văn phẩm của những *nhà văn quốc doanh* lúc đó ở ngoài nước là kỳ huỷ, vẫn chưa thể xem là đã có dấu hiệu giao lưu thật sự trong số ra mắt. Tuy vậy, điểm son chính là bài phỏng vấn Mai Thảo.

Nguyễn Đăng Quý, bút hiệu Mai Thảo, sinh tại Nam Định di cư vào Nam năm 54. Chỉ một dòng chữ này, một con người này thôi đủ biểu trưng cho tinh thần quốc gia, sức đề kháng chống đối mọi trăn lấn đến từ miền Bắc. Mai Thảo không bao giờ thoả hiệp. Mai Thảo luôn vinh danh cho *Tự Do Ở Ta* như chữ ông thường dùng trong mục *Sổ Tay trên Văn*. Nhưng ông chấp nhận trả lời phỏng vấn đăng trên Hợp Lưu. Chấp nhận tên tuổi mình hiện diện trên một tạp chí đang bị khủng bố, và phi báng theo giặc. Có thể giải thích vì tình bằng hữu với Khánh Trường là người ông quý mến. Như thế quá dễ dàng vì Mai Thảo không bao giờ khiên cưỡng, ông biết quyết liệt và biết mắng thẳng vào mặt những điều ông khinh bỉ. Phải xem bài phỏng vấn ông trên Hợp Lưu số 1 ở vào thời điểm gay gắt nhất của cộng đồng là thái độ tôn trọng tự do của Mai Thảo, một nhà văn bảo vệ quyền tự do. Bằng hình thức đó, Mai Thảo chống đối những báo chí hội đoàn đảng phái quá khích, và cũng bằng hình thức này ông thừa nhận khuynh hướng giao lưu, và sau hết khi cho phép Khánh Trường đem tên tuổi mình lên tạp chí, ông gián tiếp giải thoát sự cô lập cho Hợp Lưu. Đây là một nghĩa cử hiệp sĩ mà ban chủ biên không thể quên. Trong số ra mắt, Mai Thảo, thủ lĩnh của văn nghệ miền Nam đã làm công tác giao lưu trước nhất.

Tôi bước chân vào quán Monge quận 5 lần đầu tiên một buổi sáng tháng 4 năm 92. Ba số Hợp Lưu đã ra, vẫn chưa có bài trong nước gởi đăng và lần đầu tiên 13 năm sau khi vượt biên tôi bước chân vào nơi lui tới của những người tả khuynh. Định nghĩa Tả khuynh dưới thời VNCH rất đơn giản: Thân Cộng. Định nghĩa hữu khuynh: Tự Bản. Định nghĩa Tự bản: Chống Cộng. Khi vượt biển đến các nước Nam Dương, Thái Lan, Mã Lai, Phi Luật Tân, các thuyền nhân mang theo định nghĩa này làm nền móng cho nền Cộng Hoà Pulau Bidong, trại đảo tỵ nạn nổi tiếng khổ cực nhất lúc đó. Sang định cư ở các quốc gia đệ tam, cộng đồng tỵ nạn với tất cả đau đớn hy sinh của thân phận thuyền nhân, với xấp định nghĩa giản lược thẳng tay gạt bỏ những gương mặt tả khuynh có quá khứ phản chiến và chống chánh quyền miền Nam. Tả khuynh hàm nghĩa loài hủi, nổi cộm lên nghĩa trốn lính vừa nhận học bổng của tổng thống Thiệu vừa đâm sau lưng quân lực. Ngược lại, giới tả khuynh phản ứng bằng cách không giao tiếp với hữu khuynh, bỏ thừ những thuyền nhân chạy theo Hoa Kỳ, đóng cửa xây pháo đài. Trong một thời gian vô cùng dài, tả và hữu khuynh hành xử với nhau như tả đồ đốc Vũ Văn Nhậm kinh chống với hữu đồ đốc Nguyễn Hữu Chinh dưới thời Tây Sơn, chỉ chực hãm hại lòng giết nhau.

Trả lời phỏng vấn trên Hợp Lưu số 17, Nina McPherson dịch giả của Dương Thu Hương, Trần Vũ, Bảo Ninh, Ngọc Khôi, Nguyễn Thị Âm, Đỗ Kh., Đỗ Phước Tiến, Võ Đình nhận xét: *Văn chương Việt Nam toát lên một nỗi ám ảnh quá khứ. Người Việt bị quá khứ nhập tràng. Nhà văn Việt Nam để tang cho quá khứ đánh mất, làm như với cuộc ly tán, cùng những vết thương sâu đậm của chiến tranh, quá khứ của người Việt bị cướp mất. Và thiếu quá khứ chung, tương lai trở nên khó hiểu.*

Quá khứ nhập tràng hay thiếu quá khứ chung, tương lai người Việt trở nên mù mờ khó hiểu. Chưa có lời nhận xét nào văn chương và chính xác cho bằng và cũng là lời giải thích cho mối xung đột tả hữu, Nam - Bắc, trong - ngoài. Buổi sáng tôi bước chân vào quán Monge, nền trời âm xám, hơi nước bốc lên mù các tấm kính. Buổi sáng lạnh yên tĩnh nhưng tâm hồn tôi xáo động. Tôi sắp gặp những gương mặt tả khuynh chống chiến tranh Việt Nam, tiếp tay cho Mặt

Trận góp phần làm sụp đổ Sài Gòn khiến gia đình tôi ly tán. Tôi tiến đến chiếc bàn trong góc có nhiều người chờ với mặc cảm phản bội bố mẹ đã bỏ hết nhà cửa của cải ở phố Sinh Từ và Hàng Đào di cư vào nam. Tôi rửa tổng biên tập Khánh Trường đã nhờ tôi thay anh ở xa, gặp nhóm chủ biên Diễn Đàn, hậu thân ly khai của tờ Đoàn Kết hội Việt Kiều Yêu Nước. Ban chủ biên Hợp Lưu quyết định mời ban biên tập Diễn Đàn viết bài đăng trên Hợp Lưu và ngược lại. Tôi không rõ vì sao Khánh Trường nhờ mình đại diện, có phải vì tôi nhỏ nhất, chưa kịp có quá khứ để tương lai bớt mù mờ?

Chủ nhiệm Hà Dương Tường mời ăn bún bò. Tôi từ chối để giữ thể giá của người Cộng Hoà. Ngoài biên tập viên Trần Hải Hạc, phụ trách trang khoa học Bùi Mộng Hùng, phụ trách trang văn học Đặng Tiến, chủ bút Nguyễn Ngọc Giao, còn có cựu «chính ủy» Phan Huy Đường bác kỳ di cư.

- Làm gì nghiêm trọng thế? Hà Dương Tường vỗ vai.

- Chúng tôi mời Vũ dùng bún bò ở quán này vì không tẻ lắm.

Nguyễn Ngọc Giao khuyến khích. Mọi người cùng ăn, ngồi không tắt kỳ, tôi cất *thể giá* của người Cộng Hoà vào *cartable*. Chưa kịp gấp móng giò heo trắng muốt, mềm như bàn tay một đứa bé, người Marxiste Phan Huy Đường đã kiểm tra kiến thức :

- Vũ nghĩ gì về cuốn sách của Lê Ngọc Trà?

Tôi chẳng nghĩ gì hết. Giản dị vì tôi không quan tâm đến biên khảo, lý luận phê bình. Tôi chỉ đọc truyện ngắn, tiểu thuyết và tùy bút. Sau kiểm tra vấn đáp điểm zéro, sau...ba ly *grand vin de Bordeaux cuvée du patron*, tôi mạnh dạn đặt điều kiện:

- Hợp Lưu sẽ đăng các bài viết của các anh, ngược lại những sáng tác của ban biên tập Hợp Lưu đăng trên Diễn Đàn đừng viết *chapeau* kiểu những đứa con lằm lặc đi hoang đã trở về nhà và đây là điều kiện tiên quyết!

Tất cả mọi người cười ồ cho đến khi chủ bút Nguyễn Ngọc Giao trấn an:

- Chúng tôi đâu đến nỗi thế!

An tâm, nhưng tôi vẫn lập lại điều kiện một lần nữa, dù Khánh Trường không dặn, vì lý do giản dị những người bạn sáng tác trên Hợp Lưu thích đi hoang, chưa chịu về, còn đi chơi tiếp. *Còn khuya Sa mới về*, giống Trần Sa ưa nguyệt. Giống Vũ Quỳnh Nh. đủ khả năng uống cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất rồi đón máy bay đi Prague chỉ để ăn sáng, trưa về lại Paris và tối bay đi San José tìm một thiên đường khác.

Chuyển động Hợp Lưu với giới tả khuynh bắt đầu như thế, trước tô bún bò Huế. Rất nhanh Diễn Đàn số tháng 7/1992 làm chủ đề giao lưu văn hoá giới thiệu trang trọng các sáng tác của Phạm Việt Cường, Lê Bi, Phan Tấn Hải, Thế Uyên, Thụy Khuê, Đỗ Kh., Trần Vũ với minh họa của Khánh Trường. Từ số này về sau tiểu luận Thế Uyên, thơ Thường Quán, truyện ngắn Mai Ninh, Miêng, Phan Thị Trọng Tuyến sẽ đăng đều đặn bình thường. Ngược lại đồng đảo các gương mặt *khét tiếng tả khuynh* sẽ xuất hiện ồ ạt trên Hợp Lưu ngay trong năm đầu tiên và sau đó: Trần Đạo, Đặng Tiến, Đơn Hành, Phạm Trọng Luật, Tạ Trọng Hiệp, Nam Dao, Phan Nguyên, Huỳnh Mạnh Tiên, Lê Bá Đăng, Lê Thứ, Huỳnh Hữu Ủy... Chuyển động Giao Lưu không chỉ ngừng ở trao đổi bản thảo giữa hai tạp chí Diễn Đàn - Hợp Lưu, mà còn bình thường hóa quan hệ giữa những người tả khuynh với cộng đồng thuyền nhân tỵ nạn. Trên Thông Luận, Nguyễn Gia Kiểng lãnh tụ tổng hội sinh viên Sài Gòn - Paris, viên chức cao cấp chánh phủ cuối cùng trước ngày thất thủ, giới thiệu trân trọng trường thiên tiểu thuyết Gió Lửa của Nam Dao, một tiểu thuyết gia không cùng chung quá khứ. Phan Huy Đường, qua nhà xuất bản Philippe Piquier, lập *collection* truyện Việt Nam dịch sang tiếng Pháp. Lần đầu tiên một *collection* bao gồm các tác giả trong ngoài nước gồm nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn được giới thiệu đến thế giới.

Hợp Lưu số 6 đăng một bài tiểu luận nhức nhối của Đặng Tiến. Ngoài tài hoa mà Đặng Tiến thể hiện qua biết bao nhiêu bài bình thơ như Lưu Trọng Lư, Đoá Mộng Đầu hay Hoàng Cầm Cây Tam Cúc, nhà phê bình thâm niên này đặt một câu hỏi: *Thế nào là Dân Chủ?* rồi ông thông dong giảng: *Hồ Chí Minh xưng Bác với đồng bào là không dân chủ!* Bài tiểu luận đã làm phien lòng không ít những độc giả *bảo hoàng*.

Hợp Lưu số 15 đăng một bài tiểu luận nẩy lửa khác của Trần Đạo phê phán gay gắt quan niệm tiểu thuyết của Nguyễn Khải, một nhà văn hàng đầu trong nước. Đọc lại một lần nữa phần nhập *Gặp Gỡ Cuối Năm, Khi Lập Trường Thất Hạng Văn Chương* để thấy suy nghĩ của người tả khuynh từ cuối thập niên 80 không khác suy nghĩ của những thuyền nhân hôm qua:

«Với những người khác họ chỉ Cộng Sản hay bên Cộng Sản, tôi đều không quan tâm mấy, họ chỉ cũng chẳng hại được mình, họ bên cũng chẳng làm mình sang trọng hơn. Viết được về họ kể ra cũng vui vui, không viết gì về họ cũng chẳng ai nở trách tại sao lại thiếu... Người ta chỉ say mê có những con người của hôm nay thôi.»

«Ai thế?»

Tài đức bao nhiêu mà ngạo mạn đến vậy?

Nếu là một bạo chúa thời Trung cổ thì đã đáng buồn: Chúng ta thừa kế quá khứ của nhân loại, một phần nhân phẩm của ta đúc kết bằng di sản đó. Nếu là một nhà chính trị, thật đáng lo: trong lịch sử cận đại, quan điểm đó về đồng loại đã đào khá nhiều hố chôn tập thể khổng lồ, trong đó không thiếu gì người Cộng Sản. Khủng khiếp thay! Đây là câu văn của một nhà văn có tiếng, có miếng, có tác phẩm được đăng, được khen, và có quyền hành, tác giả tiểu thuyết *Gặp Gỡ Cuối Năm*, Nguyễn Khải, một con họa mi trong cao trào 'đổi mới' văn học.» (trích Trần Đạo, HL15 trg 185).

Không thể kể hết 12 năm trong một vài trang giấy, chỉ có thể ghi nhận, tuy ít sáng tác (thơ Huỳnh Mạnh Tiên, truyện ngắn Nam Dao, Dã Tượng, Phan Nguyên...) nhưng rất nhiều tiểu luận sắc nét cùng với biên khảo, hiệu đính công phu của Tạ Trọng Hiệp, Phạm Trọng Luật, Lê Thứ, Đơn Hành, Huỳnh Hữu Ủy,... đã chứng minh những đóng góp nhiệt tâm, nhiệt tình của giới tả khuynh trên Hợp Lưu. Chỉ với vài số báo, Khánh Trường đã xóa đi bức tường ngăn cách, giàn hoà Vũ Văn Nhậm với Nguyễn Hữu Chinh. Không còn tả, không còn hữu, chỉ có con người Việt Nam mà phẩm giá duy nhất để đo lường là nhân cách. Chỉ vài số báo việc hợp lưu những con người dị biệt quá khứ sống ngoài tổ quốc đã được thực hiện. Đây là một thành công.

Hợp Lưu số 8 chủ đề Văn Cao, đánh dấu một bước ngoặt. Lần đầu tiên tín hiệu công khai giao lưu với trong nước được thể hiện rõ qua bài viết của Hoàng Cầm trách Phạm Duy hiểu *chệch chạc* (chữ của Hoàng Cầm) về thi ca ông. Trong cùng số báo Phạm Duy viết bài trả lời Về Những Cái Gọi Là Hoàng Cầm Ca! Những số báo sau, cả hai sẽ có thư trao đổi làm hoà. Trong chủ đề Văn Cao còn có hai bài viết khác trực tiếp gửi từ trong nước ra theo lời mời của Đặng Tiến, một của Dương Tường và một của Hoàng Phủ Ngọc Tường, cả hai đều viết về Văn Cao. Hoàng Phủ sẽ là người tham dự Hợp Lưu hết mình cho đến ngày ông ngã quy. Bạn đọc ngoài nước rất bất ngờ khi khám phá Hoàng Phủ Ngọc Tường — *tên đồ tể Huế* như hội đoàn cộng đồng kết tội — biết viết những trang tùy bút diễm ảo lạ thường. Đường lên núi Bạch Mã với đôi chim phượng bay về núi mỗi chiều qua rừng tùng tím thắm, rặng bạch đàn xanh ngút ngất biết thổn thức dọc Trường Sơn, giải đất đá khô cằn nứt nẻ ngoài Bình Trị Thiên mỗi mùa cát lấp mất đi tiếng khóc của trẻ nhỏ chào đời. Khó mà tin một tên đồ tể thăm sát chôn người tập thể ngoài Huế lại nhạy cảm và nhiều cảm xúc như vậy. Tôi không rõ Hoàng Phủ Ngọc Tường có thật trách nhiệm thảm kịch Mậu Thân 68 hay không, nhưng tôi biết tòa chưa tuyên án chưa ai có tội, và tôi cũng biết: Sau Nguyễn Tuân, Mai Thảo, Võ Phiến, Hoàng Phủ là người viết tùy bút tài hoa nhất của đất nước. Lần cuối về thăm ông bại liệt trong ngôi nhà cũ của Trịnh Công Sơn ở Phú Cam, Hoàng Phủ Ngọc Tường còn hỏi thăm từng người trong ban biên tập Hợp Lưu. Ông không còn đi đứng được để dẫn tôi đi chơi lăng, để cùng ngồi uống rượu đế Làng Trười ở lăng Gia Long. Lăng mộ đẹp nhất trong các lăng mộ vương triều Nguyễn. Ngồi bên cạnh Hoàng Phủ, dưới gió núi hoang vu, trước lăng tẩm của vị vương tử đầy quyền uy và quyết tâm Nguyễn Ánh, tôi không bao giờ tìm ra câu trả lời Vì sao ngày xưa ông *nhảy núi*? Nhưng tôi hiểu tại sao ông yêu Huế, chính vì Hoàng Phủ Ngọc Tường thương nỗi buồn trong từng con người Việt Nam và Huế là thành phố buồn bã nhất. Ngắm bậc tam cấp còn uốn các chú rồng nhỏ, ngắm viên quan chấp tay cụt đầu, con ngựa cung đình thui chột, tôi nhớ Phan Nhật Nam trong Dựa Lưng Nổi Chết kể chuyện nhân vật lính lên lăng Gia Long uống bia không đá và lấy súng M-16

bắn ngựa mù mắt trong một buổi chiều cuối năm sông Hương bốc mờ sương khói. Phan Nhật Nam, cũng là người viết bút ký chiến trường hay nhất Việt Nam. Phan Nhật Nam đã mở ra trong tôi bao nhiêu khu rừng thông có cánh chim trắng bay chậm rãi, cánh chim tinh khiết như tâm hồn các tân khoa sinh sĩ quan võ bị quốc gia Đà Lạt. Phan Nhật Nam, thần tượng của một trời tuổi thơ, và bây giờ tôi ngồi cạnh Hoàng Phủ, tên *đồ tể* đang bại liệt còn thăm hỏi Hợp Lưu. *Thiếu quá khứ chung khiến tương lai trở nên khó hiểu?* Phải thế không Nina? Nhưng làm sao McPherson, dịch giả trẻ khả ái này có thể hiểu và nắm bắt nhanh như vậy nguồn gốc ung thư của chứng bệnh trầm kha chia rẽ của dân tộc này? Chỉ bằng xuyên qua dịch thuật mười truyện ngắn và ba cuốn tiểu thuyết? Câu trả lời nằm trong khả năng kỳ diệu huyền hoặc vô biên của văn chương.

Kỳ diệu và không biên giới, nên Hợp Lưu số 18 đánh dấu mốc vô cùng quan trọng. Tháng 8-1994, trong thư ngỏ, Khánh Trường chính thức công bố hai bài viết gởi ra từ trong nước của các giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi thuộc viện Văn Học Hà Nội. Nếu bài viết Sức Mạnh Văn Hoá và Sự Phát Triển Văn Minh của Hoàng Ngọc Hiến phân tích tổng quát tiến trình giao lưu không thể tránh khỏi trong khuynh hướng *tương thùy* (chữ của Hoàng Ngọc Hiến hàm nghĩa theo chiều ngang, đa quốc gia, đa văn hoá), và phân tích chi tiết sâu sắc những đòi hỏi văn hóa ở con người, ở một quốc gia, ở một dân tộc; thì bài viết của Nguyễn Huệ Chi, Vài Cảm Nhận Văn Học Việt Nam Hải Ngoại, tập trung khoanh vùng một thực tế đã khiến ông ray rức: Đòi sống tinh thần của người Việt xa xứ. Bằng uy tín cá nhân, bằng nghiên cứu cẩn trọng, Nguyễn Huệ Chi công khai tuyên bố sự hiện hữu của một dòng văn chương ngoài nước và đặc biệt — bài viết của ông toát ra khát khao chân thành tìm hiểu những sáng tác bên này biển. Tuy thiếu tài liệu tham khảo, giáo sư Nguyễn Huệ Chi đã làm công việc nghiêm túc của người làm văn học: Xác định và đánh giá khách quan không thành kiến, không quan điểm, không lập trường, chỉ bằng chính tấm lòng ngay thẳng của mình. Bài viết của ông là một trong những bài viết đầu tiên mở đường cho những nhận định khác xây dựng trên cùng một giá trị vừa kể, chẳng hạn Một Cách Nhìn 18 Năm Văn Học Nước Ngoài của Lê Hoài Nguyên, đăng trên Hợp Lưu số 14.

Tất nhiên, Khánh Trường và toàn ban chủ biên, cùng các tác giả có hay không tham dự Hợp Lưu không chờ đợi Nguyễn Huệ Chi trích lục khai sinh. Cũng không chờ đợi ông đóng một nhãn hiệu cầu chứng, hay cấp bằng chất lượng ISO, cấp thẻ lưu hành cho xe máy văn chương trên 100 phân khối. Tất cả đều hiểu văn học hải ngoại hiện hữu bằng chính khả năng sáng tạo đã có và không cần bất kỳ một thị thực nhập cảnh nào, cho dù bị xem là Văn chương Việt kiều. Điểm son trong bài viết của Nguyễn Huệ Chi nằm ở đây. Giáo sư không hề có tham vọng cấp hộ khẩu văn chương, nhưng khát khao tìm hiểu sáng tác của những nhà văn không có chứng minh nhân dân. Hợp Lưu số 18 đánh dấu một cách nhìn mới ở trong nước, một phần thưởng quý giá đối với ban chủ biên, mà tất cả đã quý trọng lòng dũng cảm vô biên không chỉ với riêng Nguyễn Huệ Chi mà còn với cả nhà phê bình Hoàng Ngọc Hiến đã can trường gởi bản thảo, và trách nhiệm hành động ý thức này.

Cùng trên Hợp Lưu 18, Phạm Thị Hoài gởi đăng hai truyện ngắn mới nhất chưa hề xuất hiện trong nước, hai truyện ngắn kinh dị của văn chương Việt Nam. Tiệm May Sài Gòn miêu tả đời sống tâm lý kinh hoàng của bầy thợ may mang tên âm trác, yêu dễ dãi và chết dễ dãi trong u tối văn hoá. Thực Đơn Chủ Nhật liệt kê thức ăn đối chọi của hai thời đại xưa/nay, thời đại cơm bát bửu bị nhốt vào trong xó nhà chết sinh thối không ai biết, và thời đại đái vào nồi rau muống luộc diễn ra trên vỉa hè của những hàng cơm tập thể thờ ơ với cái vừa chết. Phạm Thị Hoài, nhà văn duy nhất của giai đoạn Đổi Mới bùng nổ còn giữ lại phẩm chất sắc sảo trong tác phẩm, vẫn không gian *millimètre*, vẫn chuốt nhọn từng chữ, cân từng *gramme* dấu phẩy, đo từng đường kính mỗi dấu chấm, và xếp suy nghĩ thành hình khối thách đố trí tuệ. Truyện ngắn Âm Thị gần đây đăng trên Việt chứng tỏ tài năng nguyên vẹn này. Phạm Thị Hoài, *trên sinh lộ mới của văn học* như Thụy Khuê phân tích trong một bài phê bình cùng tên (Hợp Lưu 11). Nhưng Phạm Thị Hoài không ngừng ở đó. Bằng hoàn cảnh sống, bằng những tham dự dần thân, bằng thái độ sống, và đặc biệt bằng phong cách diễn đạt qua tác phẩm, Phạm Thị Hoài đã chiến thắng cụm

từ Hải Ngoại - Trong Nước. Không ai dám nhận vợ Phạm Thị Hoài là nhà văn hải ngoại, và cũng thật khó khăn xếp Hoài vào nhà văn trong nước, khi Hoài sinh sống tại Bá Linh, chủ biên Talawas. Phạm Thị Hoài, một nhà văn Việt Nam, không trong, không ngoài.

12 năm không biên giới đã cho phép Hợp Lưu đăng tải vô vàn những sáng tác, biên khảo, phỏng vấn của các tác giả trong nước. Không thể liệt kê hết 16500 trang của 66 số báo, chỉ có thể nhắc lại những ấn tượng chính:

Quả Vườn Ổi (Hoàng Cầm), Dị Mộng, Qua Sông (Cung Tích Biền), Đàn Sẻ Ri Bay Ngang Rừng (Võ Thị Xuân Hà), Giấc Ngủ Nơi Trần Thế (Nguyễn Thị Âm), Đảo Ngụ Cư (Đỗ Phước Tiến), Vũ Điệu Của Cái Bô (Nguyễn Quang Thân), Phù Thủy, Hậu Thiên Đường (Nguyễn Thị Thu Huệ), Lão Khổ (Tạ Duy Anh), Một Chuyện Phải Gió (Nguyễn Quang Lập), Gió Đại, Khắc Dấu Mạn Thuyền (Bảo Ninh), Mùa Hoa Cải Bên Sông, Người Đàn Bà Xóm Trại (Nguyễn Quang Thiều), Bầy Trích Đoạn Mùa Xuân Vùng Da Cam, Phòng Bốn Giường (Bùi Hoàng Vị), thơ Thanh Thảo, Nguyễn Đỗ, Hoàng Hưng, Bùi Chí Vinh, Nguyễn Quyến, Nguyễn Quốc Chánh, Nguyễn Duy, Nguyễn Trọng Tạo, Trần Vàng Sao, Lâm Thị Mỹ Dạ, Triệu Từ Truyền, Lê Đạt. Truyện ngắn Nhật Tuấn, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Ngô Thị Kim Cúc, Phan Thị Vàng Anh, Trần Thùy Mai, Trung Trung Đỉnh, Lý Lan, Võ Thị Hảo, Trần Thị Trường, Hoà Vang, Nguyễn Bản, Lê Minh Khuê, Ma Văn Kháng, v.v.. Biên khảo lý luận của Nguyễn Kiến Giang, Lại Nguyên Ân, Bùi Thiết, Đào Thái Tôn, Vương Trí Nhàn, Tiêu Dao Bảo Cự, Lê Ngọc Trà, Phong Lê, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi, Phạm Xuân Nguyên, Lê Hoài Nguyên, v.v..

Ở mỗi bộ môn đều có rất nhiều bản thảo gửi ra từ trong nước như trường hợp Thăng Bất Quỷ (Cung Tích Biền), Xuân Hồng (Nguyễn Huy Thiệp), Từ Man Nương đến AK (Phạm Thị Hoài), Không Đền (Trần Vàng Sao), Chia (Nguyễn Trọng Tạo), Người Thuận Tay Trái, Chạy Đạn, Dặm Trường (Trần Thị Ngh.), Tự Bạch, Tiểu thuyết Vô Đền (Dương Thu Hương), Ngọn Núi Áo Ảnh, Tuyệt Tình Cốc (Hoàng Phủ Ngọc Tường), Tầng Trệt Thiên Đường, Nghiệp, Dị Mộng, Khu X Nội Quang (Bùi Hoàng Vị), Truyện Của Chíp, Bụi Nắng (Phan Huyền Thư), Văn Học và Xã Hội VN (Phạm Thị Hoài), Nhìn Chung Một Bức Tranh Hoàn Chính Về Văn Học Dân Tộc (Phạm Xuân Nguyên), thơ Hoàng Hưng, Nguyễn Đỗ, Nguyễn Quốc Chánh, nghiên cứu ngôn ngữ Nguyễn Bạt Tụy, tiểu luận Trần Độ, v.v.. Sau hết, trận bút chiến kinh thiên giữa Hoàng Ngọc Hiến, Phạm Xuân Nguyên, Thường Quán với Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn trong chủ đề Trí Thức-Phản-Trí Thức bắt nguồn từ Phê Bình Văn Học Của Hoài Thanh (Hoàng Ngọc Hiến) và ngay sau khi Lê Đạt cao tuổi trượt chân. Phạm Xuân Nguyên, nhà nghiên cứu thuộc viện Văn Học Hà Nội đã đóng lại đúng lúc cuộc tranh luận bắt đầu *nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng lẫn nhau* đó. Nhiều bạn đọc lo sợ cho không khí căng thẳng có thể đổ bể bao công sức giao lưu, nhưng tôi tin: Một nền văn học khoẻ mạnh là một nền văn học phải có bút chiến, chỉ cần giữ được tinh thần bút chiến Phan Khôi. Các *trận Cốc*, *Phản Trí Thức* càng chứng minh hiện tượng giao lưu văn hoá là có thật.

Như vậy, mục tiêu ban đầu — Giao lưu văn hoá — có thật đạt được hay không? Khánh Trường có thể trả lời khiêm tốn: Thành công mỹ mãn! Hôm nay, bước vào năm thứ 12, tiểu thuyết Chón Vắng của Dương Thu Hương, qua đại diện tại Pháp Phan Huy Đường, tác giả cho phép đăng từng kỳ trên Hợp Lưu. Chón Vắng, cuốn tiểu thuyết chưa bao giờ xuất hiện dưới dạng gốc Việt ngữ dù đã được phiên dịch sang Anh, Pháp. Chón Vắng, mà mỗi trang in là mỗi trang thành tựu của chuyển động hợp lưu. Tôi bước chân vào nghĩa trang Gò Vấp một tối vừa dứt mưa. Phần còn lại của nghĩa trang đã di dời, cải tạo chỉ là những vũng cây um tùm lá. Một góc tường đổ, chằng ngang sợi kẽm gai rỉ, dây đó lác đác vài gốc mã hoang không thân quỳn nằm lẫn những hố sinh. Buổi tối đen như mực. Càng bước vào sâu càng tối ám. Nhật Tuấn biến đâu mất. Tôi không biết anh ngồi ở đâu, cảm giác mình đi lạc. Tối quá, tôi mảy mò cố tránh những vũng nước bẩn và những bụi mía, đám trúc đâm tua tua. Ai trông mía ở đây? Bóng thiếu nữ vụt hiện ra.

- Anh tới mà em!

Những cánh tay trắng bất ngờ chập chờn vẫy. Những lùm cây lạo xạo. Ánh đèn cầy leo lét ở đâu cháy trong các hốc mã. Một tim đèn dầu phụt lên ma trời.

- Anh ơi, mà em đang này!

- Em ở mà này anh!

Tôi bắt đầu nhận rõ những chiếc bóng mảnh khảnh đang vây quanh vò vập. Tiếng cười của các cô gái khiến khu mà vụt trở nên sinh động. Đám con gái ăn sương cười rú chọc ghẹo.

- Anh tới mà em.

Tôi chọn cô gái đã mời đầu tiên. Thiếu nữ dắt tôi ra sau tấm bia. Các ngọn nến phụt tắt. Những chấm tim dầu đỏ cũng tắt ngấm. Khu mà trở lại tối tăm lạnh lẽo.

Cô gái trắng nhờ nhờ, chậm rãi bóc nhãn, rót bia. Lúc đi ra sau mộ tìm chỗ tiểu, tôi bật quẹt để nhìn gương mặt người chết: Nguyễn Thị Thanh Hương, hưởng dương 21 tuổi, không có ảnh. Ngọn gió chao khiến diêm quẹt tắt. Ý nghĩ cô gái ngồi cạnh cũng đang nằm phía trước, nhưng Thanh Hương đã đứt nhãn, xé mực, mời bia. Đêm nghĩa địa giống đêm trong bất cứ một quán bia ôm nào. Tôi đứng lên khi nghe tiếng Nhật Tuấn tìm. Thanh Hương chìa tay:

- Hoá vàng đi anh.

- Hoá vàng? Tôi không hiểu. Cô gái cười khúc khích:

- Tám lăm ngàn, tổng đạt cho em đi.

Tôi đưa tiền, cô gái dặn với:

- Mà em ở lô 12/40, rảnh ghé chơi em.

Gò Vấp buổi tối khuya khoắc, đường về phía bệnh viện Cộng Hoà cũ vắng vẻ. Tôi rủ Nhật Tuấn đi ăn cháo Nhà Xác, nhưng anh nói xa lắm, tối quá không chắc còn bán. Chúng tôi ăn cháo rần ở sạp Ấ Oai. Ánh điện néon xanh mướt. Gương mặt cô bán cháo tím tái tựa xác chết, vô cảm trước những lời chòng ghẹo của vài khách nhậu. Tôi nghĩ đến cô gái bán bia ôm lúc nãy. Nhật Tuấn trách :

- Mà nhát quá. Đi chơi, chơi cho đáng tiền!

- Không thể nào làm giữa bãi tha ma như vậy. Với phải có tình cảm, trở lại nhiều lần thành bạn gái thân thì mới có thể...

Tôi không biết giải thích sao cho anh hiểu, cũng không sao phân biệt được trứng rần với hạt sen trắng nõn trong tô cháo bốc khói nghi ngút.

- Mà lãng mạn công tử máy lạnh quá! Ăn cháo đi, ở đây rất ngon và rất rẻ.

Tôi húp cháo, vẫn nghĩ đến Thanh Hương. Làm sao cô gái biết sử dụng ngôn ngữ hay đến vậy? Hoá vàng? Tổng đạt? Phải rồi vì đồng tiền tiêu ở quán bia ôm là đồng tiền ma quỷ. Đồng tiền Việt kiều đổi ra bạc triệu như giấy cũng không có thật. Tất cả chỉ là vàng mã. Làm sao người viết ở ngoài nước với *bill*, *voucher* có thể nghĩ ra một câu gọi tính tiền văn chương hay hơn? Làm sao Thanh Hương, một cô gái trẻ bỏ học rất sớm, quê quán Cần Thơ chưa bao giờ đọc tiểu thuyết có thể nghĩ ra điều đó? Đồng tiền đang tiêu trên đất nước này là đồng tiền ma quỷ. Không phải tiếng lóng của giới son phấn, chưa cô gái bia ôm nào nói với tôi ngôn ngữ đó và đồng nghiệp của Thanh Hương không đòi Nhật Tuấn trả tiền giống vậy. Hỏi Nhật Tuấn chuyên viên Đi Về Nơi Hoang Dã, hỏi Cung Tích Biền tác giả Cái Chết Của Một Con Đĩ Ngựa, hỏi Nam Dao tác giả Người Minh, Phạm Xuân Nguyên, Phan Nguyên, nhị nguyên rất rành, rất am tường cũng chưa bao giờ nghe...

Sáng hôm sau, tôi bước chân vào quán bia-rượu-cà phê của thi sĩ Triệu Từ Truyền, chủ biên tạp chí thơ Gieo Mỡ. Sài Gòn tháng 7, nắng gay gắt. Đường Phan Thanh Giản-Điện Biên Phủ giữa trưa hầm hơi thiêu đốt. Càng tiếp xúc, tôi càng nhận ra cuộc đời tinh thần của giới sáng tác diễn ra nơi hàng quán. Tôi đã lê la bao nhiêu quán với Mai Thảo, Khánh Trường ở Cali, đã ngồi chiếu thịch cây Nhật Tân với Nguyễn Huệ Chi, ăn bún chả Hàng Mành với Dương Thu Hương, uống cà phê Hồ Xuân Hương với Bảo Ninh, chui dưới gầm cầu Gia Hội ăn bánh khoai với Hoàng Phủ, leo dốc Nam Giao ăn bún dấm nuốt với Ngụy Ngũ, bar Thiên Đường, Guns n' Roses với Cung Tích Biền, cá sấu chấm chao, trúc, cheo, nhím, rần, cóc, dơi, khỉ ở quán Tri Kỷ, Quê Hương, Thuyền Quang, Hàng Xanh, Hoàng Ty... Kể lại kỷ niệm hàng quán ở câu lạc bộ Triệu Từ Truyền trưa đó để giải thích thêm hiện tượng bản thảo trong nước đến tay chủ biên Hợp Lưu đôi khi vòng vo tam quốc thật tình cờ. Trưa nóng, tôi với Cung Tích Biền đánh cờ. Tôi thử đánh liên tiếp pháo trùng, pháo lồng, song pháo, thua xiềng liềng... Cung Tích Biền tác giả

Ngoại Ô Dĩ An đánh cờ cũng huyền ảo như ông viết Dị Mộng. Tôi loay hoay cố nhớ truyện ngắn tâm lý Ván Cờ của Vĩnh Hảo để tìm lối thoát. Triệu Từ Truyền dẫn một thanh niên to, cao đến giới thiệu:

- Đây là Bùi Chí Vinh, đây Trần Vũ viết trên Hợp Lưu.

- Ai cho đăng bài thơ Con Ngựa trên Hợp Lưu?

Bùi Chí Vinh đầy bia bọt, da sạm, đẹp trai, và du côn.

- Mà phải hỏi thẳng Khánh Trường, hỏi chi ở đây. - Anh Cung Tích Biền đỡ hộ.

- Chính Vũ chép lại gửi cho Khánh Trường bài thơ Con Ngựa. - Tôi trả lời.

- Ai cho? Sao không xin phép? - Bùi Chí Vinh đã ngồi xuống, hát hàm.

- Anh Nam Dao sang Pháp đọc cho nghe, rồi chép lại.

Tôi kể lại chuyện những buổi tối cùng Nam Dao lê la các hầm rượu Paris, Nam Dao ngâm bao nhiêu bài thơ Bùi Chí Vinh đã đọc cho nghe năm 80. Tôi chép bài Con Ngựa ưng ý nhất gửi cho Khánh Trường.

- Hà, hà.. tay Nam Dao. Nam Dao thì toàn quyền...

Bùi Chí Vinh cười rung người, rồi lại bực bội:

- Nhưng sao không trả nhuận bút?

- Trên Hợp Lưu ai cũng viết chùa. Khánh Trường rất nghèo, không có tiền trả nhuận bút, nhưng nếu Vinh đòi thì trả.

- Trả một chai Whisky đi. - Bùi Chí Vinh đề nghị.

- Rồi.

Triệu Từ Truyền đem ra một chai Johnnie Walker nắp đỏ. Tôi đếm 180.000 đồng trả. Không khí tượng bừng trở lại. Cung Tích Biền dẹp cờ tướng, Triệu Từ Truyền ngâm thơ, đãi rượu rần, cả đám cạn thêm két bia, khui chai rượu nhuận bút uống cho hết một buổi chiều hoang vu nữa trên mặt đất.

Đã đi qua giai đoạn hình thành lịch sử, những khó khăn triền miên, những thành tựu nhất định, không thể không tiếp tục dàn bài mà các giáo viên văn chủ nhiệm không ngừng nhắc nhở: Đã có thành tựu, phải có giới hạn và truy xét kinh nghiệm bản thân... những tiêu chuẩn đòi hỏi của văn học chính quy. Giới hạn của Hợp Lưu nằm ở đâu?

Mở lại các trang báo cũ, bạn đọc nhận ra ngay từ Hợp Lưu số 3, chủ đề Văn chương nữ đương đại, Khánh Trường đã tham vọng... khai phá, vung lựu đạn đòi hỏi quyết liệt cách tân, đổi mới sáng tác. Hiện đại hoá văn chương Việt, hậu hiện đại hoá, hay đương đại hoá sẽ là khẩu hiệu, lá cờ Quyết chiến - Quyết thắng, quyết tử cho văn chương quyết sinh của chủ biên mặc dù anh không thể định nghĩa thế nào là Hậu hiện đại. Điều kỳ lạ, rất đồng đảo giới sáng tác đã đồng loạt lên đường trong giai đoạn đầu, đồng loạt khởi phát một phong trào sẽ để lại nhiều tiếng tăm lẫn tai tiếng: Phong trào *Sinh dục hoá thi ca*. Song song, nảy sinh một hiện tượng khác: Các sáng tác trên Hợp Lưu (và tạp chí Thơ, một tạp chí đồng hành, chuyên ngành, đồng tâm huyết) thường rất khác lạ, trên hình thức, trong kỹ thuật, với đầy liều lĩnh.

Nhưng làm sao tổng biên tập Hợp Lưu, Khánh Trường, chưa khoác lên mình áo hoàng bào trường thượng, chưa đội vương miện thi bá, chưa xuống tay đao phủ văn xuôi, chưa lập thuyết có thể triệu tập tinh hoa của sáng tác ngoài nước? Và tại sao tất cả cùng đi tìm dâm tính, *noia tính* trong văn chương như Trương Vũ nhận xét? Tôi không tin Khánh Trường có khả năng giao tế đến mức quy tụ hào kiệt, anh đôi lúc rất vụng về miền viễn Tây, khiến một số sáng tác first choice như trường hợp truyện ngắn xuất sắc Trong Buốt Pha Lê, kịch Cầm, Treo Đầu Dây Quan Họ của Nam Dao, do tôi chuyển đến Hợp Lưu trước nhất, cuối cùng vì Khánh Trường chậm trễ đã xuất hiện trên Văn Học. Có thể giải thích, bằng ý chí quyết tâm khai phá, bảo vệ môi sinh hoang dã, hỗ trợ tối đa mạch văn không chính quy, giao hẳn mấy chục *hectare* đất trên Hợp Lưu cho các tác giả trẻ muốn làm gì làm, Khánh Trường đã lôi kéo về anh sức mạnh của sáng tác. Chính tự do tuyệt đối trong sáng tác, trên Hợp Lưu, không bài vị, không kỵ huý, không Khổng Mạnh, không quốc cấm, «no care» như Khánh Trường thường hãnh diện, đã tạo cơ hội mới cho sáng tác. Nguyễn Hưng Quốc nhận xét hiện tượng đó một cách tổng quan và đại cương hơn trên Hợp Lưu số 40:

«Nếu quan sát kỹ sinh hoạt văn học hải ngoại từ trước đến nay, chúng ta sẽ thấy hiện tượng thú vị: thỉnh thoảng, có lúc, hình như, tự dưng một số nhà văn, nhà thơ (đặc biệt là các nhà thơ), một cách hoàn toàn tự phát nhưng lại gần như đồng loạt, từ giả tờ báo này để cộng tác với một tờ báo khác. Sự ‘chuyển luồng’ ấy thú vị ở chỗ: nó tự phát nhưng lại khá đồng loạt. Và nó để lại dấu ấn không nhỏ trên diện mạo của cả tờ báo trước lẫn tờ báo sau. (Theo tôi, những hiện tượng ‘chuyển luồng’ như thế thể hiện rõ hơn đâu hết quá trình vận động lặng lẽ của ý thức văn học của từng thời kỳ). Những sự chọn lựa âm thầm ấy của giới cầm bút góp phần quan trọng, chắc chắn còn quan trọng hơn cá tính của người chủ biên, trong việc định hình diện mạo và giá trị của tờ báo, từ đó, dẫn đến hiện tượng có thể có hai tờ báo có những cộng tác viên chính tương đối giống nhau mà chất lượng vẫn khác hẳn nhau: một tờ khá, một tờ kém; một tờ cấp tiến, một tờ bảo thủ; một tờ trần trở đi tìm cái mới, một tờ tiếp tục ầu ơ những bài ca cũ. Đại khái, cũng chỉ chừng ấy người viết chính.» (trích Vài Ý Nghĩ Thoảng Về Báo Văn Học, Nguyễn Hưng Quốc, Hợp Lưu 40).

Nhà phê bình chụp bắt chính xác điều mà giới sáng tác đã cảm nhận từ rất lâu. Phân tích đó đặc biệt đúng với Hợp Lưu, một tạp chí chia sẻ người viết với các báo bạn, Văn, Việt, Văn Học, Diễn Đàn.. nhưng sự ‘chuyển luồng’ đó khác thường ở chỗ tập trung vào mặt hình thức, đậm tính hoá văn chương cùng cực dưới tên gọi: *Khai Phá* — mục tiêu chánh thức thứ nhì của Hợp Lưu. Có thể chia lớp người viết trẻ — hiểu theo nghĩa *trung niên trẻ* mà Thế Uyên định nghĩa — tham dự trên Hợp Lưu làm hai nhóm. Nhóm phá phách nổi: Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam, Đinh Linh, Trần Sa, Trần Vũ, Vũ Quỳnh Nh., Lê Thị Thắm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Hoàng Bắc (trong thơ), Huỳnh Mạnh Tiên, Thế Uyên, Nam Dao, Chân Phương, Mai Ninh, Nguyễn Hoàng Nam... và nhóm nghịch ngợm: Khế Iêm, Ngu Yên, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Phan Tấn Hải, Dã Tự Long, Ngọc Khôi, Phạm Việt Cường, Lê Thị Huệ, Nguyễn Hương, Lê Bi, Thuận Ánh,... Những tác giả khác, hoặc thầm kín như trường hợp Hồ Đình Nghiêm, hay tách bạch trầm tĩnh, tĩnh mịch riêng rẽ và độc lập tiếp tục văn nghiệp đã định hướng như Võ Đình, hoặc thu gọn trong trường phái nhất quyết không phát vãng trình tiết: Lê Minh Hà, Phạm Hải Anh, Đặng Thơ Thơ, Hồ Minh Dũng, Phan Thị Trọng Tuyền, Vĩnh Hảo, Miêng, Trần Thị Diệu Tâm, Sông Phố, Song Thao, Trần Mộng Tú, Quỳnh Giao... Nếu Chân Phương, Khế Iêm nhanh chóng chiếm chức lý thuyết gia của phong trào, trên mặt thi ca, trong văn xuôi chưa ai lý thuyết hoá những điều mình muốn viết. Tất cả chỉ biết ra đấu trường giác đấu với một chủ biên *no care*, với một tinh thần hung hãn của Mai Thảo.

Khai phá — phải hiểu là một cách nói đoạn tuyệt lịch sự. Giống Mai Thảo đã đoạn tuyệt với Tự Lực, chấm dứt một thời đại văn học, khai sinh một thời kỳ Sáng Tạo nguy nga mới ngay khi ông vào Nam. Đoạn tuyệt với Đoạn Tuyệt của Khải Hưng, Nhất Linh. Đoạn tuyệt với cái Tôi xã hội, Tôi chung của mùa thu Tiền Chiến. Lên đường, chất nổ đã ném vào, cò đã phát lên, dù chưa biết đi về đâu. Có thể xem đây là nền tư tưởng chính của ban chủ biên Hợp Lưu cùng hai nhóm nổi - chìm trong suốt giai đoạn vừa qua. Một lập lại tư tưởng đoạn tuyệt của Mai Thảo, nhưng với chính ...Mai Thảo. Đoạn tuyệt với các bạn bè ông: Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng, Mặc Đỗ, Thanh Nam, Võ Phiến, Túy Hồng, Tô Thùy Yên, Nhã Ca, Dương Nghiễm Mậu, Trần Dạ Từ, v.v... Đoạn tuyệt với cái Tôi Trí Tuệ của Thanh Tâm Tuyền! Đoạn tuyệt luôn với hai thập niên hải ngoại thừa kế vừa qua. Lớn lao, khổng lồ, đầy tham vọng nếu đọc lại những gào thét của chủ biên Khánh Trường trong những lá thư toà soạn, nhưng đằng sau tư tưởng đó, là cả một vực thẳm sương mù trùng điệp mê mông dài sâu hun hút, không đáy, không tiếng động, không hình dáng, không có gì rõ rệt. *Vùng tuyết Mù*, như Thụy Khuê sẽ thật nhanh nắm bắt.

Trong đấu trường mờ mịt ở Châu Âu, Úc và Bắc Mỹ, trong *chốn vắng tư duy* đó, các tác giả hung hãn nhất, nhất quyết ra khơi. Phải nhìn nhận, trong những số Hợp Lưu đầu tinh thần ra trận của Phạm Tiến Duật đã có. *Những binh đoàn kéo nhau ra trận tuyến... trường sơn Đông hú gọi trường sơn Tây...* Tất cả đã đồng loạt cùng một lúc thay đổi bút pháp, hình thức, câu chữ và đăng tập trung trong vài số báo. Nếu đại đa số chọn khuynh hướng biểu trưng đậm đặc, một số khác chọn trường phái dã thú, nhưng tất cả đều đã ulla đi tìm ẩn tượng. Truyện ngắn Sắc Màu của Vũ Quỳnh Nh. đã mở đầu bằng ba câu nhập hết sức khiêu khích:

- Gái tơ, trẻ đẹp đủ cỡ, ông thích không?
- Gái trẻ đẹp biết cách chiều chuộng, mời ông vô?
- Gái,...

(trích Vũ Quỳnh Nh, Sắc Màu, Hợp Lưu số 3)

Chỉ với ba chữ Gái rao mời sáng tác *khai phá*, Vũ Quỳnh Nh. đã khẳng định mình không thuộc trường phái Chim Hót Trong Lồng của Nhật Tiến, vút trả hết cho thầy Trần Trọng Kim những tâm huyết của nghề văn. Cùng trên Hợp Lưu số 3, Trần Sa viết truyện tình Thời Nàng Còn Điên và chứng tỏ Sa biết điên. Bốn số sau, Bản Chính trên Hợp Lưu 7, kể lại những ám ảnh hốt hoảng của một thiếu nữ chạy đuổi bắt chính mình thời nhỏ đang lao xuống vực thẳm của đời sống. Hốt hoảng trước những vuốt ve si mê của Vũ Anh, một người bạn gái, hốt hoảng trước những ngón tay mảnh dẻ cời cúc xoa êm dịu làn da trần dịu mát của buổi chiều vừa chầm nắng. Sau ân ái, Trần Sa lặng lẽ bước ra vườn, tắt đèn ngồi ở bậc tam cấp lắng nghe những im lặng của lòng mình. Truyện ngắn đã cố đẩy lên một luồng gió.

Trước 75, Trần Thị Ngh, Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Lê Hằng cũng táo bạo, nhưng chủ yếu ở suy nghĩ, thường *chay tịnh* ở mặt hình thức. Trần Thị Ngh vẫn bấm cúc mặc áo dài ra đường sau mỗi trận làm tình ẩm ướt mồ hôi trong căn nhà hẹp có cửa khoá trái. Túy Hồng nhìn lên vách chiếc bóng sinh lý của đời sống vợ chồng. Nguyễn Thị Hoàng nằm suốt đêm trên đất, giữa căn biệt thự vắng vẻ Đà Lạt, chỉ với những ngón tay xoắn xít trong tóc, chỉ dám mơn trớn cườm tay của cậu học trò dậy thì tên Minh. Lê Hằng loạn luân trong bản Tango cuối cùng và yêu rất nhiều cha xứ, nhưng chưa làm vị linh mục nào xuất tinh. Trần Sa, Vũ Quỳnh Nh, Phạm Thị Ngọc trong văn xuôi, Lê Thị Thắm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Hoàng Bắc trong thơ không vậy. Nguyễn Thị Hoàng Bắc vén áo dài thả nhiên ngồi tiêu, *nghe tiếng nước đá nhỏ giọt trong bồn cầu tí tách, thứ nước ấm sóng sánh vàng hổ phách trong người tôi tuôn ra* (HL35).

Phạm thị Ngọc không mặc lại áo lót sau khi làm tình nằm trần truồng nghĩ ngợi miên man, cho phép các nữ sinh chơi trò cô dâu-chú rể, cho phép trò Ngà đưa tay mân mê vú của trò Uyên giữa trưa nắng đứng ngọ giữa đồng (HL15). Lê Thị Thắm Vân năm *15 tuổi ngực dậy thì con gái, đầu vú nở bung* (HL13), *liếm sạch những giọt mồ hôi tình*, sau Cuộc Tình (HL40) và Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Sa thích *trần truồng dẫy dựa như con nhộng* đưa ngực cho người tình... điếm tâm không chút nuối tiếc (HL18). Các tác giả nam còn táo bạo hơn nữa, Đỗ Kh, Nguyễn Hoàng Nam nhanh chóng khiến các độc giả cao niên phải đội mũ bảo hộ mỗi khi đi xe ô mỗ văn chương trên Hợp Lưu. Có thể nói, phong trào sinh dục hoá văn chương đã đem đến cách ân ái mới trong thơ văn ở ngoài nước. Mai Ninh, một tác giả chuyên trị nhục thể đến sau với Mây Một Ngày, với những tấm màn trắng phất phật phồng trên thân thể hai người đàn bà xiết chặt đùi ướt đầm cùng giao hợp thân xác trong căn phòng xanh xao trông xuống cảnh vườn chùa u uẩn. Đêm Rượu Đợi của cùng tác giả này, đăng ngay sau đó trên Hợp Lưu, đánh dấu một cách nhìn tâm sinh lý khác. Lần đầu tiên, trong văn xuôi, nhân vật nữ chính xưng tôi yêu mê đắm một người đàn ông, chờ đợi suốt buổi chiều người tình lỗi hẹn, rồi quyết định làm tình với ông lão gác đàn để thoả mãn dục vọng. Lê Hằng, Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Trùng Dương, Trần Thị Ngh, Nguyễn Thị Thụy Vũ thời *lao vào lửa* đã chưa bao giờ cho phép sinh lý lấn lướt tình yêu đến như thế. Các truyện ngắn khác, Apocalypse Now của Vũ Quỳnh Nh., truyện ngắn dâm dật chủ ý Thầy Giáo và Cô Bé Gù của Thế Uyên, Không Khí Thời Chưa Chiến của Đỗ Kh. với đối thoại sinh dục trắng trợn trong một căn phòng khách sạn Hồng Kông, hoặc Chỗ Trọ Trong Vườn Chuối của Ngọc Khôi, một tác giả bình thường không phát vãng trình tiết, bất ngờ miêu tả những dòng nước lạnh chảy trên thân thể đàn ông hâm hấp rần rần chực trong một vựa chuối của hai mẹ con chuyên nuôi bệnh nhân trốn khỏi nhà thương điên, hưởng dương vật của người bệnh rồi lấy đá đập đầu cho đến chết! Với những miêu tả rõ ràng không giấu giếm, truyện ngắn đã đi tìm trận gió kinh thiên. Góp mặt của tôi giai đoạn đó, không khác bạn bè cùng đến với Hợp Lưu, nếu Giác Mơ Thổ không nằm ngoài phong trào sinh dục, Mùa Mưa Gai Sắc là nỗ lực đoạn tuyệt với Nguyễn Huệ trong Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác.

Nhưng chính các thi sĩ mới là những kẻ đã lên đường quyết liệt nhất. Cùng trên Hợp Lưu số 3, số của *Thời nàng còn điên, số có gái tơ trẻ đẹp chiều chuộng đủ cỡ, ông thích không?* Đỗ Kh.

chính thức lập khai sanh cho phong trào sẽ in đậm bàng quang anh: *Âm đạo rung rinh có động cơ điều khiển, Âm hạch xèo luôn cho mày hết đường động cõn, Tôi kiếm con nào chừng mười ba mươi lăm, Vừa lú nhú li ti lông xoắn, trả Cash!* Chân Phương thừa nhận và lập thuyết: Trong thơ phải có vú... Rất nhanh, Linda Mặt Ngang, Trong Túi Việt Kiều Cái Gì Tôi Cũng Có của Đỗ Kh, thơ rách toạc slip, soutien, mông, đít của Nguyễn Hoàng Nam, thơ yêu chồng cho chồng sờ mó của Lê Thị Thắm Vân làm thay đổi hẳn hình ảnh quý phái của thi ca.

Võ Phiến, một thời, đã định giá thơ một cách tôn nghiêm sùng bái: *Thơ, con đường vương giả trong văn chương.* Mai Thảo, cuối nghiệp văn, bỗng dưng quên hết những Chuyến Tàu Trên Sông Hồng, Đêm Giã Từ Hà Nội, những Viên Đạn Đồng Chữ Nổi, những Hạnh Phúc Đến Về Đêm, quên hết gia sản của ba mươi năm viết tiểu thuyết, gia sản có Karen, người tình của Viễn, người đàn bà Thụy Điển tóc vàng nở nang, dâm đặng, khoả thân tự do đi lại trong căn appartement đường Catina mở tung cửa cho mọi người cùng nhìn ngắm.. quên hết những ngày ông Gàn Mười Bảy Tuổi để tự định nghĩa lại mình: *Thơ là tiếng nói tận cùng và chung quyết của văn chương! Tôi. Thơ.*

Cuối nghiệp văn, có lẽ, Mai Thảo lẫn Võ Phiến đã ngỡ ngàng nhìn con đường chung quyết trở thành bãi tắm trường, và thi sĩ mua dâm đứng phóng uế nhan nhản ở mỗi ngã năm bùng binh vương giả. *«Chúng mày không đi ngã tất vào văn chương, thơ không phải là chỗ cho chúng mày bôi bẩn, chúng mày không được bựa! Phát phơ hồn của bông hường, nghe trong phiêu bạt còn vương máu hồng.. Thơ của người ta biển trời, trí tuệ, chúng mày không bao giờ có thể cất cánh được, thơ của chúng mày ở dưới đất!»* Mai Thảo, sinh thời hay bản gấu, cáu giận mỗi khi nghe bàn đến thơ hải ngoại. Ông xứng đáng.. làm trưởng thượng của lớp người muốn đoạn tuyệt với ông. Trưởng thượng mắng lúc nào cũng nặng, nhưng thi sĩ tỉnh bơ, như Chân Phương vẫn *giả vờ cười hoát ngộ, nghe ma quỷ vỗ tay* (Hợp Lưu 18).

Nhưng nếu Lê Thị Thắm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Sa còn giữ được chiếc quần tắm nhỏ xíu xinh xắn dù mỏng manh của các nhà thời trang Elisabeth Arden, Prada, Hermès, Valentino; Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam, thêm Âm Hộ Địt của Trần Minh Quân, đã khơi khơi phóng xe máy thơ tốc độ cao với thân thể tô hồ tổng ngồng không mảnh vải của họ. Chưa có thời nào thi sĩ làm thơ ngon lành vậy, và cũng chưa giai đoạn văn học nào bạn đọc thơ ngã xe gấn máy vỡ óc chết tươi nhiều như vậy. Nguyễn Hoàng Nam nhanh chóng tìm ra niêm luật của thơ *khai phá*. Dành đường, lẩn trái, phóng nhanh, vượt ẩu bỗng nhiên, chỉ qua dăm bài thơ, một sớm chiều vụt trở thành tấm bảng chỉ đường của cả một nền thi ca *hậu hiện đại*.

Phản ứng của độc giả dữ dội, chắc chắn. Phản ứng của các đồng nghiệp tiết hạnh sôi nổi, qua Trần Mộng Tú, một thi nhân trong sạch, gởi bạch thư kháng cáo. Hồi (hiếp) (d)âm tức khắc ân cần của Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam. Trong Tổng Tập 20 Năm Văn Học Hải Ngoại, Nguyễn Hoàng Nam tự giới thiệu: *Phục vụ tận tâm, giá cả phải chăng, giao tận nhà...* Tận tâm đến mức Phạm Trọng Luật, ngài bút tiểu luận Phật tử thuần hành khúc chiết của tạp chí, phải nhảy bổ vào làm Đường Tăng phá vây cho Trần Mộng Tú sắp... bị khai phá. Đường Tăng chưa kịp lần chuỗi hạt, Phạm Thị Hoài đã tiếp ứng Dương-Quá Đỗ Kh. bằng ngọc nữ tâm kinh Sờ Linda, sờ luôn Đường Tăng. Vương Trùng Dương của Toàn Chân phái Hoàng Nguyên Nhuận dùng nhứt dương chỉ điểm mặt, và phái Võ Đang chính giáo Mộc Hương, Ngô Nhựt Tân lao vào tiếp chiến với Ý thiên kiếm. Tây Độc Âu Dương Phong Thương Nguyên cứu Dương-Quá hạ độc thủ hàm mô công: *Nguyễn Du bây giờ sống lại có thể viết Linda mặt ngang!* Hợp Lưu các số 31, 33, 36, chủ đề tranh luận Thanh-Tục, bỗng chốc trở thành sân tinh võ, đấu chưởng hay hơn phim bộ. Giữa những tuyệt chiêu và giữa những đường gươm nguyên bá, Võ Đình trầm tĩnh lập lại lời một họa sĩ Nhật Bản: *Tôi không vẽ con kít, tôi chỉ vẽ không gian kít vừa bay qua.* Võ Đình muốn nhắc khéo tất cả: Trong thơ, văn, không gian mới là quan trọng, hơn sự vật. Đỗ Kh đã có thể trả lời Trần Mộng Tú: *Tôi không miêu tả bộ phận sinh dục, tôi chỉ tả không gian bộ phận sinh dục vừa đi qua...* Duy phản ứng khác, trầm trọng hơn, nhà giáo Nhật Tiến có lẽ đã nghĩ lớp viết trẻ dâm bôn ựa phá phách, không coi trọng chuyển động tâm huyết Hợp Lưu, xa rời dần tờ báo. *Nói sao cho thầy hiểu, về người tình để thương bao ngày bọn em say đắm...*

Nhưng tư tưởng chính đảng sau những bộ phận sinh dục treo, móc, dán, ướp, xâm trong thơ nằm ở đâu? Và thế nào là nền thẩm mỹ mới? Chân Phương, Khế Iêm, Hoàng Ngọc-Tuấn đã viết nhiều bài lý thuyết đăng trên Hợp Lưu, Việt, Thơ, nhưng với rất đông, hổ thẫm sương mù vẫn sâu thẳm thẳm. Tất cả đã cố gắng bơi về những bến bờ cận đại của thế giới. Sương mù phủ trùm lấp khó phân biệt đâu là bến Hậu hiện đại, bến Đa Đa, bến Lập thể, bến Hiện thực huyền ảo.. Mặc, mù vẫn ra khơi. Không thấy đường vẫn cứ lên đường. Đi đâu chưa biết, tách bến, nhổ neo, sửa soạn chất nổ, chỗ nào có viện bảo tàng thì ném vào! Không gìn giữ tiếng mẹ đẻ, phải phá bẻ tiếng mẹ đẻ. Không bảo tồn di sản văn hoá, phải sửa chữa thêm cho văn hoá theo đúng thời trang thế giới, áo thun hở rún, quần xệ có đinh, slip string, piercing mũi, lưỡi, môi, rốn, văn chương ăn nhịp chuyển động toàn cầu, hết rồi thần tượng Che, hết rồi Marx, xa rồi Jane Fonda, phải bắt cho kịp dòng nhạc Kim Khí Đen Black Metal, căn bệnh u trầm của Kurt Cobain và phơi bày cho bằng được cái đẹp sinh dục trần trụi lỏa thể không phân biệt giới tính... Có thể tóm lược nền thẩm mỹ hình thức nỗ lực tối đa trên Hợp Lưu qua những dòng trên. Một nền thẩm mỹ giao (hợp) lưu như tên gọi bồn hiệu tạp chí. Giao hợp trong nghĩa bóng lẫn nghĩa đen với thế giới, với nhân loại, với những người đồng tính, với tất cả những gì có thể giao hợp. Nhưng cũng có thể tóm lược một cách nghiêm túc như Thụy Khuê đã nhạy cảm nắm bắt: *Vùng Tuyết Mù*.

Vùng Tuyết Mù? Phê bình thơ Nguyễn Thị Thanh Bình, một gương mặt khai phá cấp tiến trên Hợp Lưu, Thụy Khuê trích dẫn định nghĩa của Vũ Khắc Khoan: *Cái đó, cái mà cho đến hôm nay, chưa một vị thiện-trí-thức, chưa một vị bồ tát nào mô tả được hình tượng, xác định được thể chất, cái đó có thể giản dị như mưa và nắng, hiện hữu rất tự nhiên -mặt trời lại mọc lúc đêm tàn-nhưng cũng lại có thể vô cùng phức tạp, ẩn hiện khôn lường.. Cái đó -chính nó- đôi khi vẫn thấp thoáng trong tôi, hoá trang thành những lời tra vấn trở trêu, những tại sao ray rứt, lằng đằng quanh tôi, tưởng như dễ dàng nắm bắt, bỗng lại xa vời, nhòa dần, biến hẳn, tuyết mù.* (Đọc Kinh, Vũ Khắc Khoan, nxb An Tiêm & Sóng Từ Trường 1, Thụy Khuê, nxb Văn Nghệ).

Vùng tuyết mù của con hùm xám Vũ Khắc Khoan, cách đây nửa thế kỷ đã vô cùng phức tạp. Ngắn gọn và trực tiếp hơn: Camille Claudel, nữ điêu khắc gia nổi tiếng của Pháp, viết thẳng: *Il y a toujours quelque chose d'absence qui me tourmente. Luôn có điều gì đó vắng mặt tra khảo tôi.* Thú nhận đau đớn của nữ điêu khắc gia đầu tiên đã tạc tượng bộ phận sinh dục đàn ông. Điều gì đó vắng mặt, chính là *vùng tuyết mù* hay *vùng sân khuất*, mà tất cả nghệ sĩ trên thế giới lúng túng. Đổi mới sáng tác trên Hợp Lưu, do đó, trước tiên và sau hết, là đổi mới hình thức ghi khắc vùng tuyết mù này. Chính trước những tra khảo của bản thân, Đỗ Kh. viết: *Tôi rất thích đi.* Chính trước những dằn vặt mà Camille Claudel hứng chịu đưa đến cái chết trong điên loạn lúc cuối đời, khiến Đỗ Kh. tra vấn: *Đàn bà là đồ chơi của đàn ông?* Nguyễn Thị Thanh Bình làm thơ trả lời: *Đàn bà không là đồ chơi của đàn ông*, cùng lúc thú nhận những tra khảo của chính mình -và tham dự khai phá- Thanh Bình vô tình chấp nhận làm đồ chơi, chơi chung trò chơi mới: Trò chơi thân xác của ngôn ngữ. Những dòng thơ xối xả của Lê Thị Huệ, những dòng thơ say mê không dứt gợi cảm của Lê Thị Thắm Vân, những dòng thơ nghịch ngợm trong trẻo tràn đầy phung phá của Trần Sa tiếp tục đi tìm điều gì vắng mặt đang xâu xé hay chưa biết đến. Bằng diễn đạt hình thức, đặt trọng tâm thể xác, những nhà thơ sinh dục hoá thi ca đã đi tìm sự chuyển hoá cái Tôi Trí Tuệ của Thanh Tâm Tuyền sang cái Tôi Thân Xác. Một tiếp nối bắt buộc và không tránh khỏi trong thời đại tín ngưỡng cơ thể Âu Mỹ. Nhưng nếu Sinh dục hoá thi ca là thành công duy nhất, trong *khai phá*, cái Tôi Thân Xác là một thất bại đậm nét.

Lý do? Khám phá và gìn giữ cái Tôi thuần *thân xác* vô cùng khó. Đa số các nhà thơ muốn cách điệu nâng cao thân xác, nhưng càng thăng hoa họ càng lìa xa thân xác, đến gần với cái Tôi trí tuệ mà những thi sĩ giác đấu muốn đoạn tuyệt. Tất cả thơ của Thường Quán, Khế Iêm, Chân Phương, Thắm Vân, Thanh Bình, Trần Sa, Trần Phục Khắc, Nguyễn Mạnh Trinh, Phạm Việt Cường.. đều mang dấu ấn của Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên - ngay cả trong những lúc cách tân đoạn tuyệt nhất. Cái Tôi *thân xác* như thể cứ lấp lửng giữa trí tuệ và thể xác, hờn không rõ hờn, xác không hoàn xác, *hồn xiêu phách lạc*. Hiện tượng đó thấy rõ trong tâm trạng của những cây viết nữ được xem bạo dạn, phá phách, hay thách đố nhục cảm. Ở họ, những bản khoản

chia cách phân trí tuệ và thân xác thể hiện rõ qua hai thể loại thơ và truyện ngắn, làm như đến với thể loại này là một chọn lựa ma quỷ, đến với thể loại kia là hướng thượng thiên thần. Lê Thị Thám Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Hoàng Bắc chỉ dậm trong thơ, bước sang truyện ngắn họ là phụ nữ có chồng con ngăn nắp, thao thức cho đất nước, xã hội, con người. Trần Sa, Mai Ninh ngược lại, trong truyện ngắn, nếu cả hai ưa làm tình sôi nổi, thêm những cơn trớn cháy bỏng, thích vuốt ve dịu dàng người cùng phái, bước vào thơ họ hốt hoảng sợ hãi hoá thân thành nữ tu thánh thiện. Chính hai mặt ác quỷ và thiên thần này đã gieo hòa mù, không cho thấy rõ nỗ lực khai phá. Đây là quỷ, đây là ma, đây là trí tuệ, đây *lời buồn thánh*...? Chính phần đối trọng *thân xác*, về sau nhiều thêm lên, đã đè nặng cán cân trí tuệ, dẫn đến thất bại sau này. Thi ca trở về ngấm liền đêm mặt trời với Thanh Tâm Tuyền, nhỏ tóc bạc cho Tô Thùy Yên, sau vài số báo đi hoang làm tình mệt mỏi. Đến năm thứ 12, Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam là những thi sĩ lãng mạn cuối cùng trong *cõi nhân gian bé tí*.

Nỗ lực khai phá thơ trên Hợp Lưu không chỉ ngừng ở sinh dục. Chân Phương đã thay nhót ả dụ, Khế Lêm xoáy cylindre ngữ nghĩa, Thường Quán thay mặt nạ cấu trúc, Phạm Việt Cường tăng sên câu chữ, Nguyễn Đăng Thường thay bửng, Diễm Châu lấp bạc đạn nhạc tính, Ngu Yên đổi phức nhún nhạc điệu, Huỳnh Mạnh Tiên gạt chống ngang, Nguyễn Mạnh Trinh so cặm, Lê Bi đổi lớp, Du Tử Lê chỉnh/ga/nhịp/lục/bát. Chiếc xe máy thi ca được thay đổi mẫu mã hoàn toàn, kiểu dáng VN, lắp ráp tại Úc, Mỹ, Gia Nã Đại, Pháp, toàn bộ do thợ VN, giá thành rẻ và thường xuyên khuyến mãi. Các thi sĩ chỉ chưa thay động cơ hai thì của Thanh Tâm Tuyền, bốn thì của Tô Thùy Yên, và tất nhiên vẫn tiếp tục chạy xăng *super* của các hãng xăng dầu phương tây: Paul Valéry, Paul Celan, Pablo Neruda, Nicanor Parra, Johannes Bobrowski, Cavafy... cung cấp.

Trường hợp văn xuôi không khác.

*

Văn xuôi không đợi Đỗ Kh. phát động sinh dục mới viết bạo. Trước đây Ngô Nguyên Dũng với tiểu thuyết Đêm, Hồ Trường An với truyện dài Hợp Lưu, Diệu Tần trong Mùa Xuân Và Hồ Thắm, Nguyễn Xuân Quang với Hái Thận đã vô cùng bạo liệt những lúc làm tình và Vũ Quỳnh Hương đã cho những cụ già hút xì gà bằng âm hộ trong Miền Vĩnh Phúc. Khai phá táo bạo mạnh tay trên Hợp Lưu chỉ nhấn mạnh thêm nữa, xã hội không còn chạy tịnh. Lối viết tiết hạnh khả phong tránh né, không đề cập, không bắn khoăn, không đi hết tận cùng hố thẳm con người, đã không phản ảnh lối sống tự do tình dục của xã hội Âu Mỹ, nơi tuyệt đại đa số di dân VN sinh sống. Giống thi ca, khai phá văn xuôi tập trung vào hình thức, cố gắng cách tân, cập nhật kỹ thuật của Châu Âu, Bắc và Nam Mỹ vào truyện ngắn Việt Nam. Điều đó thấy rõ ở Phạm Thị Hoài, dù Hoài đã tự định hướng ngay khi khởi nghiệp văn. Điều đó thấy rõ trong loạt truyện Nhà Cho Thuê (chủ đề văn học lạ lùng, mà tiêu đề lẽ ra.. phải nằm trong mục rao vặt của nhật trình Người Việt). Trong 12 truyện ngắn đăng trên Hợp Lưu số 54, 12 tác giả đã nỗ lực sắp xếp dàn bài, chỉnh trang cấu trúc, chuyển hoá nhân vật và hệ thống kết cấu. Kỹ thuật lộ liễu trông thấy ở các truyện ngắn Trăng Thuê Áo Ảnh (Nam Dao), Phép Lạ, Venezia (Dã Tượng), Vách Mặn Trắng (Mai Ninh), Già Rossy Và Hương Cô Quạnh (Phan Nguyên). 12 tác giả, chỉ một thành công duy nhất: Eric Nguyễn Việt, một tác giả trẻ thuộc Hội y sĩ Không Biên Giới, công tác tại Sierra Leone, đã nhấn chìm kỹ thuật vào trong sáng tác, đã lôi cuốn bạn đọc vào không khí bất an loạn lạc với một người đàn bà nóng bỏng dữ dội không buông tha, yêu chết chóc, yêu đến ghiền, đến nhớ mùi, để cuối cùng thổ lộ: Người đàn bà ấy, không ai khác hơn «Chiến Tranh» đã ăn nằm bao ngày với vùng đất nghèo khổ lạc hậu này. Văn chương Việt Nam cần thật nhiều những Eric Nguyễn Việt.

Một số khai phá khác, đi tìm cái Tôi Lịch Sử, cái Tôi Dân Tộc trách nhiệm, thể hiện rất nhiều trong tác phẩm Nam Dao, đặc biệt qua hai bộ trường thiên Gió Lửa và Đất Trời. Nam Dao thổi suốt 1500 trang tiểu thuyết một cái nhìn mới: Không chỉ nhìn lại các nhân vật lịch sử ở góc độ con người tầm thường như Nguyễn Huy Thiệp đã làm, nhưng nhìn lại chính bản sắc của dân tộc u mê và tầm tối đã đưa đến thảm kịch của quá khứ. Nam Dao không chỉ phán xét anh hùng, nhưng phán xét cả đất nước, đồng loại và văn hoá Á Đông. Đây là một tinh thần mới trong văn

xuôi Việt Nam, nhưng hãy còn là một cố gắng cá nhân biệt lệ. Mai Ninh, tác giả nổi bật của hai năm sau cùng, tác giả ngoài phóng đăng còn chở mang một tâm hồn, đã cố gắng trau chuốt hình thức, mỗi chữ là một viên ngọc, mỗi dấu chấm là một hạt trai, và mỗi dấu ngã là giải lụa mỏng hiếm quý. Mai Ninh không ngừng đào bới cốt truyện, tìm kiếm những âm, những chữ mới, thật hợp, thật trùng, cách điệu cho câu văn. Truyện ngắn Mai Ninh giống một tấm gương quý phái, đặt trên chiếc bàn phấn cổ xưa có chiếc lược bạc, còn vương những lọn tóc rối của một người đàn bà đẹp, vừa vắng mặt, mới vừa chải tóc. Tất cả không gian của bàn phấn im lặng chỉ tấm gương còn phản chiếu những hình ảnh thác loạn điên cuồng vừa xảy ra trước mặt kiếng. Mai Ninh, cây bút nổi nhất của năm 2000, thành công với nỗ lực thẩm mỹ hóa tối đa câu văn, nhưng cùng lúc đánh mất sự tự nhiên không thể thiếu trong văn xuôi. Nguyễn Thị Ngọc Nhung là một trường hợp ngược hẳn, không chải văn, không đi tìm thẩm mỹ trong câu chữ, giữ sự tự nhiên ở giọng văn, tìm cái đẹp trong đời sống năng động của xã hội phố diễn vây quanh nhân vật. Văn Nguyễn Thị Ngọc Nhung mạnh, cốt truyện chắc, tuy thời gian đơn điệu, tuyến tính, không đa chiều và tỏa ra từ nhân vật thay vì nhân vật phải mọc ra từ mạch suy nghĩ chủ đạo của truyện. Cốt truyện, nhân vật do đó làm nền chính. Còn nhiều tác giả khác, Nguyễn Hương với kiến trúc mới lạ trong hai truyện ngắn *Mô-Tô Bay* và *Cải Táng*, Thuận Ánh thông minh nghịch ngợm chịu nhiều ảnh hưởng của Phạm Thị Hoài trong các truyện *A & B*, *Vô Va*, Đinh Linh thích giác hơi xã hội Hoa Kỳ...

Khai phá văn xuôi như thế đã đặt nặng vấn đề kỹ thuật, cốt truyện, và nhìn toàn cảnh, là một thất bại. Truyện ngắn đã đi tìm trận gió kinh thiên, nhưng chỉ thổi lên được luồng gió mát, làm giật mình bất chợt các độc giả đang thiu thiu ngủ. Thất bại ở thực tế không gây thành phong trào. Song Thao, Sông Phố, Ngự Thuyết, Hồ Minh Dũng, Trần Doãn Nho, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trần Mộng Tú, Phan Thị Trọng Tuyền, Phạm Chi Lan, Trần Thị Diệu Tâm, Miêng, Đặng Thơ Thơ, Lê Minh Hà, Phạm Hải Anh, Vĩnh Hào... không hề chịu tác động của khai phá, vẫn tiếp tục lối viết cũ của họ, không mấy may bận tâm luồng gió kinh thiên đang réo bên ngoài. Phạm Chi Lan tiếp tục viết truyện hoà bình, yêu cỏ cây thiên nhiên, biển cả, vạn vật. Phan Thị Trọng Tuyền tiếp tục viết hài kịch không đối thoại, thiên nhiên về chính trị Đông Âu. Hồ Đình Nghiêm tiếp tục những bút rút thâm kín của những mối tình lặng lẽ trong khuya khoắt của một xã hội không lối thoát. Trần Doãn Nho, sau *Vết Xước Đầu Đồi*, một truyện ngắn tâm lý xuất sắc, bót sồi nổi. Song Thao đi tìm những mối tình bình nhật. Miêng thủ thường với các truyện ngắn của mình. Trần Thị Diệu Tâm quá hài lòng những truyện đã viết. Đặng Thơ Thơ, Lê Minh Hà, Phạm Hải Anh, lớp người viết trẻ cuối cùng, qua sáng tác đã chứng tỏ họ có giọng văn gãy gọn, truyền cảm, xúc tích, nhưng cả ba, cho đến bây giờ đều thiếu liềm lĩnh trong cách dựng truyện, không nổi loạn trong suy nghĩ, chưa dứt khoát *Tự Lực*. Đây là những người viết đều tay nhất, chuyên cần và mẫn cán, chính những nhà văn này đã sáng tác không ngơi nghỉ, đã lấp đầy 66 số *Hợp Lưu*. Điều đó cho thấy rõ, phong trào cải cách ruộng đất trong văn xuôi, trên *Hợp Lưu*, hoàn toàn thất bại, ít ai hưởng ứng.

Tại sao? Quá chú trọng vào kỹ thuật chỉ là một nguyên nhân. Chọn lựa khai phá nhục cảm, khiến... tô phờ ít *nước* của Mai Thảo đầy *thịt*, chóng ngán, mau nguội? Có thể. Ai cũng biết, nhiều tình dục dễ đưa đến ít lý trí. Dành nhiều chỗ cho sạp bán thịt, khiến truyện ngắn, một thể loại không rộng bằng chợ Bà Chiểu, phải giải tỏa các sạp hàng khác. Nhưng đó vẫn chỉ là những lý do kỹ thuật, mà mọi tác giả tài hoa đều có thể vượt qua. Không thiếu những tác phẩm đầy đậm tính vẫn chở mang triết lý con người.

Với hai nhóm chìm-nổi khai phá trên *Hợp Lưu*, ngoài vài truyện ngắn hay, nỗ lực cách tân thất bại. Kỳ lạ là với các tác giả không tham gia cách tân, các sáng tác của họ cũng thất bại, không chỉ trên *Hợp Lưu* mà cả trên các báo bạn Văn, Văn Học, Thế kỷ 21. Chính sự thất bại chung của sáng tác đã khiến không khí văn học trở nên đưa đám, cáo phó, u trầm, mất hẳn sinh khí, buồn chán đến thờ ơ lạnh lùng. Không ai còn dám khen văn xuôi đang khởi sắc và tất cả vụt trở nên thích đọc... bút chiến hơn sáng tác! Chúng ta có quyền tiếc một số đông tác giả đã không khai thác hết khả năng của truyện ngắn, đã không đi tìm « *điều khác thường* » trong văn chương, dù không nhất thiết đậm bản, không nhất thiết phải đổi mới. Mỗi khi được hỏi về tình hình sáng tác

ở ngoài nước, tổng biên tập Khánh Trường than vãn: *Cứ viết làng nhàng mãi!* Với tôi, đây là lý do khiến anh đánh mất đam mê làm báo, và quyết định buông tay.

« *Làng nhàng* », như thế, là tên gọi của một giai đoạn văn học. Chắc chắn, không phải đánh giá riêng của Khánh Trường, các chủ bút khác, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng qua một số bài viết, cũng nhận định như vậy và đa số người viết đều đồng ý.

Đến đây, có một sự trùng hợp nghiêm trọng: Sáng tác quốc nội sau giai đoạn rục rờ 87-92, giai đoạn của Thiên Sư, Những Trận Gió Hua Tát, Những Mảnh Đồi Đen Trắng, Đi Về Nơi Hoang Dã, Nỗi Buồn Chiến Tranh, Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma, Bến Không Chồng, Ác Mộng, Dị Mộng, Đảo Ngụ Cư, Giấc Ngủ Nơi Trần Thế, v.v.. bỗng dừng tất phụt trong nhiều năm, và nếu sự xuất hiện của Nguyễn Bình Phương, Bùi Ngọc Tấn, Nguyễn Ngọc Tư mới đây cứu vãn phần nào, nhìn chung với dân số 80 triệu, vẫn là một đám ma văn chương lê thê, im phắc, không kèn trống. Và ở tất cả mọi bộ môn nghệ thuật, *làng nhàng* đã biến thành tình trạng chính, một tình trạng kinh hoàng cho đám con rồng cháu tiên có bốn ngàn năm văn hiến. Ở thời điểm hôm nay, chưa thấy có dấu hiệu thay đổi.

Tại sao? Câu trả lời nằm trong « chồn vắng tư duy », mà nguồn gốc khởi sinh từ sự thất lạc ở trong từng người Việt, đặc biệt, trong từng người viết. Không ngẫu nhiên Văn Cao, lúc sinh tiền trả lời phỏng vấn của Nguyễn Châu Phong, nghiêm khắc nhận xét: « *Ngoài Hoàng Hưng không còn ai cả. Tôi ít đọc, nhưng thỉnh thoảng đọc thơ trên báo Văn Nghệ cứ nghe chuỗi chuỗi, có một vài câu thơ ngổ ngộ vui vui, nhưng không có tư tưởng mà con chữ cứ sên sệt xút xít nối đuôi nhau* » (HL13). Không ngẫu nhiên Lê Đạt thích chơi chữ, chỉ đùa giỡn với bóng chữ, xác chữ.

Không ngẫu nhiên Khê lê, Chân Phương bày cuộc chơi tung ném tự vị bách khoa rồi xếp lại theo sức hút của trọng lực. Không ngẫu nhiên Đỗ Kh, Nguyễn Hoàng Nam thích nhìn âm hộ, mông, vú phụ nữ. Không ngẫu nhiên mà phẩm chất trong sáng tác Nguyễn Huy Thiệp, từ Sang Sông, Thiên Văn, hát bội Xuân Hồng, giảm sút đến mức không hiếm bạn đọc phải mua thêm hợp đồng bảo hiểm văn chương đọc kèm với tác phẩm mới của ông. Trường hợp Nguyễn Duy, Lê Minh Khuê tương tự. Không ngẫu nhiên Phan Thị Vàng Anh im lặng sau khi đi Hoa Kỳ và Châu Âu... Không ngẫu nhiên văn học hải ngoại lạnh dần rồi băng giá. Không phải tất cả không còn tài hoa, ngược lại, chưa bao giờ giới sáng tác kinh nghiệm và tự do như bây giờ. Tất cả chỉ cùng một lúc thất lạc với chính mình. Phân tích sự thất lạc đó, đòi hỏi cả một viện nghiên cứu tâm thần.

Thất lạc vì nhân loại đổ xô đi đào vàng? thế giới lao vào kỷ nguyên khoa học kỹ thuật? Thất lạc vì sức tàn phá hung hãn của kinh tế thị trường lên người viết văn trong nước? Thất lạc vì cánh cửa bất chợt mở toang khiến nắng ập vào nhà chói chang loá mắt? Thất lạc vì phải hưởng tác phẩm đến nhân loại nhưng không sao hiểu thấu đáo nhân loại vì chưa kịp trang bị đầy đủ? Đó chỉ là những lý do nổi. Cũng nổi như giải thích đánh mất căn cước cá nhân của người viết ngoài nước. Sau đánh mất căn cước chính trị, sau đánh mất căn cước lưu vong, người viết ngoài nước trở về nhà, kinh ngạc nhận ra mình không còn giống người Việt ở trong nước, không giống suy nghĩ, không giống cung cách sống, và kinh khủng hơn, nhà văn Việt kiêu khám phá mình không muốn trở về sinh sống tại quê nhà. Mụn mắt rồi, con trùng hội nhập đã cắn nát trái tim. Sự chọn lựa lưu vong lần thứ nhì, đầy đau đớn vì là hành động tự nguyện. Lần đầu tiên, người Việt ngoài nước sau trở về, ý thức mình không còn Việt. Đánh mất căn cước cá nhân khởi đầu từ lúc này. Một đánh mất khác hẳn buổi chiều 30-04-1975 chôn thẻ bài, đốt giấy tờ tùy thân, khác hẳn mất mát lý lịch khi mua khai sinh gốc Hoa vượt biên bán chánh thức, lên trại đảo khai trụt tuổi, lấy một cái tên nào đó của anh em họ hàng trong gia đình. Chắc chắn, trong tiềm thức của những kỹ sư tâm hồn, những kẻ vô cùng nhạy cảm, đã trôi dạt vô số câu hỏi cần xé: *Tại sao mà không đủ can đảm trở về sống với dân tộc mày, lúc này, cùng chia sẻ vận mệnh của đất nước mày đang bước vào thế kỷ 21? Đất nước mày sẽ đi lên, hoặc sẽ lụi tàn trong những thập niên sắp tới, mày bám víu tiện nghi ở đây để làm gì? Không. Đất nước không xem tôi là người Việt, mà là Việt kiều. Đất nước bắt tôi gia hạn khai sinh mỗi ba tháng, không cho mua nhà, mọi thứ bắt trả giá gấp đôi mọi người. Đất nước không cho tôi viết văn tự do... Lý trí trả lời. Và tình cảm trấn an: Mày là công dân quốc tế. Nhưng tình cảm ăn gian, công dân quốc tế, một thứ*

thông hành chưa bao giờ có trên trái đất. Một bước, tất cả khởi đầu hành trình thất lạc. Nhưng đó cũng chỉ là khía cạnh nổi. *Chốn vắng tư duy* nằm trong sự thất lạc thâm sâu hơn nữa: *Hội chứng Babylone*.

Nhà văn Việt bắt đầu leo lên ngọn tháp ngất ngưỡng đó. Sau một trăm năm đô hộ, chiến tranh, phong tỏa, vượt biển, ngọn tháp hiện ra sừng sững ám ảnh. Lần đầu tiên người Việt trông thấy thật sự ngọn tháp nhân loại nhắc đến trong kinh thánh. Với trong nước, cửa tháp mở toang sau hủy cấm vận. Với ngoài nước, đồng đảo bắt đầu chuyến hành hương ngay khi an cư. Thật ra, chỉ một số can đảm mua vé, rất mắc, và tự túc leo lên, đa số còn ngồi ăn hột vịt lộn ở ngoài bãi giữ xe. Ngọn tháp nhân loại mà những tầng cao chìm trong mây, vùn vụt tiếng gào của gió xoáy bên trong cầu thang tròn ốc trơn trượt, lạnh lẽo. Tất cả đã ý thức, phải lên đến đỉnh, để có cái nhìn xuyên suốt trái đất, để tiếp xúc với tất cả nhân loại. Nhưng số đông, đã đi thang máy. Số đông đã muốn mình là người lên trước nhất, nhanh nhất, để... chụp hình. Không ai chịu hiểu năm ngàn năm nhân loại, hai ngàn năm văn minh phương Tây có nền, có nếp, có thang, bậc, không thể lên tầng Kant trước tầng Aristode, không thể đứng ở bao lơn Trừu Tượng không qua đại sảnh Cổ Điển, không thể viếng tầng Hiện Sinh chỉ đứng ở quầy giải khát hành lang, chụp ảnh lưu niệm chỗ Sartre đã ngồi với Camus. Và kinh khủng hơn, hai ngàn năm tư tưởng và học thuật Tây phương chia làm trăm triệu đại sảnh mênh mông, bát ngát, đầy cửa, đầy ngõ ngách, những sảnh đường thăm thẳm, những tả hữu trường lang bất tận không chấm dứt, bắt nối nhau, chông chéo, chập chùng san sát nhau, không bảng chỉ đường, không mũi tên hướng dẫn... Chính trong những tầng lầu không thể đếm hết của tháp Babylone khổng lồ, nhà văn ngoài nước đã bắt gặp Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Duy, Lê Đạt, Lê Minh Khuê, Hồ Anh Thái, Phan Thị Vàng Anh... cũng đang thất lạc. Trong-Ngoài gặp nhau bất ngờ ở tầng trệt, cùng đi lên, và tứ tán. Tất cả chỉ biết tầng cuối cùng mang tên Hậu Hiện Đại, đa số không biết mình ở đâu, muốn gì. Nhà văn Việt đã khó khăn định vị trí mình trên tháp. Tầng nào cũng dừng lại nhìn ngắm chụp đèn trần, bước tránh tấm thảm sang trọng ở lối vào, lật vài pho sách, trả lời phỏng vấn của nhân loại, rồi tiếp tục... Tham quan, nhưng không rõ giá trị thực sự, vì thiếu kinh nghiệm thế giới. Những người quyết chí, tinh táo nhất, biết mình tìm gì, nhưng lại không biết mình cần gì. Lên tầng tầng lựa chọn rồi bần khoản trước mặt mã văn hoá. Không biết mình muốn gì, tìm gì, và cần gì ở nhân loại nên thất lạc, đưa đến « chốn vắng tư duy » trong sáng tác. *Chốn vắng tư duy* khiến tập trung đổi mới vào hình thức và kỹ thuật. Nhưng cũng chính *Chốn vắng tư duy* khiến kỹ thuật và hình thức không đủ sức vực dậy văn chương. Rất hiếm tác phẩm Việt Nam nào chở mang tư tưởng rõ rệt làm xương sống chủ đạo cho toàn truyện, và các nhân vật mọc ra từ xương sống đó như những xương sườn của xương sống đó.

Gabriel Garcia Marquez, trong *Trăm Năm Cô Đơn*, miêu tả sự thất lạc của linh hồn tuyệt đẹp: José Arcadio Buendia bị xích trên giường mập ra rất nhiều lần sức nặng bình thường, không thể cử động được. Mỗi tối Buendia mơ thấy mình rời khỏi giường, mở cửa đi sang một căn phòng khác, cũng giống y như căn phòng có chiếc giường bệnh, ông lại mở một cánh cửa khác dẫn sang một căn phòng khác, cũng bài trí y như căn phòng ông đang đứng. Cứ thế Buendia đi hết từ căn phòng này sang căn phòng khác, mở cánh cửa này đến cánh cửa khác, tiếp nối vô tận, cho đến lúc ông bất ngờ gặp lại Prudencio Aguilar, người bạn thời trẻ mà do ghen tuông ông đã tự tay phóng lao thọc cổ giết chết. José Arcadio Buendia đi ngược trở lại tất cả những căn phòng đã đi qua, và chỉ tỉnh dậy khi Prudencio Aguilar đập tay lên vai trong căn phòng thực tế đầu tiên. Nhưng đến một đêm, Aguilar đập tay trong một căn phòng trung gian và Buendia đã ở lại đó mãi mãi vì tin đã trở về căn phòng thực. Đám táng José Arcadio Buendia diễn ra dưới trận mưa hoa vàng. Những cánh hoa nhỏ rơi suốt đêm, đến sáng các phu đòn phải lấy xẻng xúc hoa dọn đường khiêng linh cữu.

Không phải chỉ có nhà văn Việt thất lạc trên tháp Babylone, mở hết những cánh cửa này sang cánh cửa khác, đi từ phòng này sang phòng khác, tiếp nối vô tận. Thế giới cũng có rất đông, rất nhiều nhà văn thất lạc. Nhưng người Việt đánh mất phương hướng cùng một lúc, đồng loạt. Hậu quả của đóng cửa, đô hộ, nội chiến, phong tỏa và tự cấm vận. Đó là lý do vì sao sáng tác trong-

ngoài nước rất thanh bản. Sáng tác Việt Nam mạnh khi ghi lại kinh nghiệm đau thương bản thân, nhưng yếu khi đi tìm thẩm mỹ và sáng tạo. Bùi Ngọc Tấn chứng minh sự thành công của vé đầu, Nguyễn Huy Thiệp, từ Thiên Văn, chứng minh khó khăn của vé sau. Ngày nào José Arcadio Buendia tìm được lối ra khỏi tháp Babylone, hắn sẽ trở thành nhà văn đích thực, có quyền vứt bỏ nhãn « nhà văn Việt Nam » do các chủ báo phong vương. Đám ma hắn không chỉ có trận mưa hoa vàng, mà sẽ rất đông độc giả đi đưa, không như bây giờ.

Thay Lời “Hậu” Lộ

Hợp Lưu như thế, mang trên thân thành công giao lưu và thất bại của sáng tác. Công bằng phán xét: Không có tạp chí Hợp Lưu, chuyển động giao lưu vẫn xảy ra, ở thời điểm 93-94 khi du lịch bùng nổ. Hợp Lưu chỉ đi trước chuyển hoá tâm lý cộng đồng 3 năm. Đó là một thành công không nhỏ, của Khánh Trường, và tất cả các tác giả trong-ngoài nước đã tham dự, đã hoàn thành một chức năng ngành phê bình hay đòi hỏi: Tính dự báo trong văn chương.

12 năm, rất dài, nhưng vô cùng ngắn ngủi, tựa một sát na trong đạo Phật, khi tất cả mọi người cùng một lúc ngộ ra không chỉ có Quốc với Cộng, không chỉ có đen với trắng, nhưng còn có Con Người đằng sau khẩu hiệu.

12 năm Hợp Lưu, tựa một trang tôn kinh huyền hoặc, đã ghi lại dấu vết của những đổi thay trong lòng người Việt. Sao không huyền hoặc khi hôm nay, khách du lịch và dân chúng chứng kiến mỗi ngày cảnh tượng Chúa Nguyễn Hoàng, Chúa Nguyễn Phúc Chu, Chúa Nguyễn Phúc Loan của Đàng Trong hàn huyên thân ái với Chúa Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng, Trịnh Bồng của Đàng Ngoài, huyền não ăn sò huyết trên vỉa hè Phú Nhuận, tâm đắc nhậu thịt chó ở Quảng Bá, Nhật Tân. Chỉ có chúa Trịnh Sâm vắng mặt vì Tuyên Phi Đặng Thị Huệ, viết cho báo Phụ Nữ chống say xỉn, không cho đi. Các Chúa nhậu xong cùng quảng vai nhau đi *karaoke* ôm người con gái Việt Nam da vàng yêu quê hương như yêu đồng lúa chín của Trịnh Công Sơn... Sao không huyền hoặc khi mình đã nghĩ đánh mất vĩnh viễn Sài Gòn, bỗng đứng trước ngôi nhà nơi mẹ đã sinh ra ở phố Hàng Đào.

Ngày mai đi tu, Khánh Trường có quyền hãnh diện, và biết đâu anh chẳng bị sự trụ trì từ chối: Đến cửa Phật phải có duyên. *Con chưa có duyên với nhà Phật, con chỉ có duyên với Hợp Lưu. Thôi con về trị sự và layout tiếp.* Giống sự trụ trì đã từ chối Nghiêm Xuân Hồng hai mươi năm trước, khi ông nhất quyết xuất gia. Ngày xuống tóc, Nghiêm Xuân Hồng đau ruột dư phải vào bệnh viện, một chữ *duyên* tan thành mây khói. Trở về Cali, Nghiêm Xuân Hồng cho xuất bản Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc, làm thơ, viết truyện ngắn, đăng trên Văn kể lại ngày Võ Phiến tiễn ông ở phi trường, tưởng đã không gặp lại nhau, hay gặp lại một bên Bạch Thầy, một bên Bàn Tăng đã thọ trai giới không còn uống được nữa... Ngày mai, ở lưng chừng núi Big Bear, bị sự trụ trì từ chối, Khánh Trường sẽ buồn vô hạn, anh đã vượt qua bao khó khăn để gây dựng Hợp Lưu, cuối cùng không vượt nổi cửa Phật. Họa sĩ Khánh Trường sẽ trở xuống chân núi, nhìn những áng mây đỏ thắm ráng chiều đang ào ạt trôi qua đầu về phía mái chùa còn vàng cong cánh sen đẹp rực rỡ. Anh sẽ ra parking lấy xe về lại Garden Grove, anh còn nghe tiếng gió đuổi xô trên vách núi, đuổi bắt tiếng gọi vờ của Thượng Tọa: *Con nhớ chăm lo nỗi buồn ‘chín tã’ và gọi báo tặng, nghe đâu số tới chủ đề truyện tình hậu hiện đại, thầy cũng trông lắm...*

Cuối cùng, gọi đến anh chị, bạn bè, bằng hữu lời tạ lỗi đã đem hết tất cả nhúng lẫu, xay sinh tố. Hy vọng món lẫu vừa ăn, không quá cay, đã bảo hành khả ái và bao trọn gói. Cùng gọi đến đương kim tổng biên tập Phùng Nguyễn lời chúc:

Sẽ xuất hiện trên Hợp Lưu Đồi Long Đào và Lục Mạch Thần Kiếm...

Thư ngỏ: Bạch hóa chuyện Hợp Lưu

Ra đời tháng 10.1991, tạp chí Hợp Lưu đã đóng dấu ấn rõ rệt của mình trong đời sống văn học Việt gần 14 năm qua, tập hợp một số lượng đông đảo các cây bút có uy tín, thực hiện những chuyên đề đặc sắc, và là một trong những diễn đàn văn nghệ quan trọng nhất xuất phát từ hải ngoại chủ trương một nền văn học Việt vượt qua những ranh giới địa lí giữa trong và ngoài nước. Chính vì vị trí đặc biệt đó, sự cố diễn ra trong thời gian gần đây với Hợp Lưu đã vượt ra ngoài sự quan tâm trong phạm vi hẹp của một bộ phận trong văn giới và đặt ra những câu hỏi đáng suy ngẫm, ít nhất là về sinh hoạt báo chí tiếng Việt, đặc biệt là báo văn học, tại hải ngoại. Ý thức rõ sự nhạy cảm của những nội dung thuộc sự cố này, khi quyết định công bố những bài sau đây, chúng tôi đã có thư mời các bên liên quan trình bày quan điểm, cách nhìn của mình và phản hồi những ý kiến khác, với hi vọng rằng qua đó độc giả sẽ được thông tin đa chiều và đầy đủ để có thể tự mình có được một nhận định độc lập.

Trên dưới ba năm nay, do chuyển biến nội tâm và bệnh tật, tôi không còn tha thiết với văn chương, hội họa, vốn đã hệ lụy với tôi gần trọn kiếp người. Gần đây nhất, tuần trước, Phùng Nguyễn đến thăm tôi, khi đề cập đến chuyện Hợp Lưu, anh nói: Hiện nay dư luận rất mù mờ, chẳng biết phải trái thế nào, kể cả tôi, vì thế anh nên công khai mọi uẩn khúc để sáng tỏ vấn đề, nhất là sau khi Hợp Lưu số 83 phát hành, có thư từ nhiệm của Chủ biên Trần Vũ, và thư của Tổng thư ký Đặng Hiền thông báo về việc chủ nhiệm Khánh Trường rút lui khỏi Hợp Lưu. Tôi đã trả lời Phùng Nguyễn: “Theo các bác sĩ, nhiều lắm, tôi chỉ còn sống được 3 năm nữa”. Đối với người sắp rời bỏ trần gian này, Hợp Lưu bị cưỡng đoạt hay bất cứ chuyện gì cũng không còn là mối bận tâm. Mọi chuyện, xét cho cùng, là chuyện... thế gian. Tôi không muốn bị vướng vào nữa.

Nhưng trách nhiệm của tôi đối với Hợp Lưu không cho phép tôi buông xuôi ngoảnh mặt, hôm nay phải đành viết lá thư này. Để quý anh chị có thể hiểu rõ được phần nào những sự việc phức tạp đã xảy ra cho Hợp Lưu từ mấy tháng nay, thư khó có thể thu ngắn lại. Mong các anh chị thông cảm.

Chuyện bắt đầu vào trung tuần tháng 3 năm 2005, thời gian Trần Vũ từ Pháp sang Mỹ du lịch. Tại nhà tôi, một buổi trưa, nhân có vợ chồng Trần Vũ, và hai thành viên trong Ban Biên Tập là Đặng Thơ Thơ và Nguyễn Hương, chúng tôi bàn sơ khởi về tương lai Hợp Lưu. Trần Vũ tái xác nhận anh sẽ từ nhiệm sau số 84, lý do: công việc chủ biên tờ tạp chí đã lấy mất của anh quá nhiều công sức và thời giờ, lẽ ra phải được dành cho gia đình và sáng tác. Việc Trần Vũ từ nhiệm là một mất mát lớn khó bù đắp, nhưng dù muốn dù không vẫn phải đối diện thực tế này, và tìm hướng giải quyết. Tôi dùng cụm từ “tái xác nhận”, vì từ cuối năm 2004 Trần Vũ đã nói đến chuyện này với nhiều người, cũng như chính Trần Vũ đã đề nghị và mời một số anh chị trong Ban Biên Tập thay anh nắm giữ chức chủ biên. Nhưng mãi đến trước buổi họp mặt ở nhà tôi, vẫn chưa có ai chịu nhận gánh trọng trách này. Vì thế, sau khi thảo luận hôm đó, chúng tôi cùng đồng ý sẽ đưa ra hai phương án:

- Đóng cửa Hợp Lưu nếu không tìm ra giải pháp.
- Mở rộng Ban Biên Tập, kết nạp thêm thành viên, phân bổ trách nhiệm nhân sự cho từng bộ môn. Chủ biên đương nhiệm Trần Vũ cũng đã tán thành đề án này với thành phần nhân sự được đề cử, nhưng còn chờ sự bàn thảo và biểu quyết của những người còn lại trong Hợp Lưu theo đúng nguyên tắc. Trần Vũ đã nhận lời giúp đỡ cho tiến trình chuyển tiếp, và cho Ban Biên Tập tương lai.

Theo tôi, nếu chọn phương án thứ 2 thì phải tìm và đề cử một Tổng thư ký mới, điều hành công

việc theo đúng danh xưng. Ba năm qua, Đặng Hiền trên danh nghĩa là Tổng thư ký, nhưng thực tế chỉ làm công việc trị sự. Tất cả mọi công đoạn liên quan đến nội dung như tìm, đề xuất chủ đề cho mỗi số báo, liên lạc xin bài, thảo luận và cùng các tác giả chỉnh lý bản thảo để có được những tác phẩm hoàn chỉnh, đủ và phù hợp với chủ đề đều do Chủ biên cùng Ban Biên Tập làm. Sau đó, tôi hoàn tất khâu trình bày, làm bìa. Trong khoảng một năm cuối, Chủ biên Trần Vũ phải gánh vác công việc nặng nề hơn nữa vì một vài thành viên trong Ban Biên Tập không có thời gian để giúp chuyển bài vở hữu hiệu như trước. Bản thảo hoàn tất, Đặng Hiền đến nhà tôi lấy, mang đi in. In xong lấy về phân phối cho các nhà sách, độc giả dài hạn; vài ba ngày cập nhật danh sách độc giả dài hạn, trả lời những email, thư từ liên quan đến việc mua báo, nếu có; quản lý chi thu, tổng kết tài chính hàng năm. Nghĩa là, trước sau, Đặng Hiền chỉ đóng vai trò của một Trị sự.

Với phương án mới, nếu không có chủ biên, rất cần thiết phải có một Tổng thư ký đúng nghĩa, đầy đủ năng lực trên lĩnh vực văn học để có thể thay mặt Ban Biên Tập liên hệ với văn hữu. Theo tôi, Đặng Hiền không gánh nổi trọng trách này. Các anh chị nào đã từng tiếp xúc liên lạc với Đặng Hiền hẳn hiểu khả năng của Đặng Hiền.

Khi đề nghị thay đổi chức danh của Đặng Hiền, tôi vẫn chủ quan nghĩ, cũng như tôi, Đặng Hiền sẽ vì Hợp Lưu mà vui vẻ nắm giữ vai trò trị sự, vốn rất hợp với khả năng của Đặng Hiền, cẩn thận, chi li và khôn ngoan trong chuyện tiền bạc. Nhưng tôi đã lầm: đề nghị của tôi có lẽ đã khiến Đặng Hiền thấy mình bị tổn thương, nên đã có những phản ứng dữ dội. Kết quả là Đặng Hiền đã sử dụng vũ khí trong tay là môn bài, trương mục ngân quỹ, danh sách độc giả dài hạn của Hợp Lưu để tuyên bố đình bản tạp chí trong một thông cáo đề ngày 25 tháng 3, 2005 gửi đi cùng khắp. Nếu không vì động cơ cá nhân thì khi có mâu thuẫn với cá nhân nào trong Hợp Lưu hay với cả tập thể, tại sao Đặng Hiền không giao lại môn bài, trương mục, và danh sách độc giả để cùng tập thể quyết định?

Môn bài trong tổ chức của Hợp Lưu

Môn bài của Hợp Lưu từ đầu luôn được đứng tên bởi một người đại diện.

Tất cả chúng ta, khi chọn văn học nghệ thuật làm nghiệp dĩ, đều không bao giờ nghĩ đến chuyện có lúc phải rơi vào vòng tranh chấp pháp luật. Ngày xưa, khi Hợp Lưu mới khai sinh, do nhóm anh em gồm tôi, các anh Nhật Tiến, Phan Tấn Hải, Phạm Việt Cường, Đỗ Hữu Tài và một số văn hữu nữa cùng thảo luận, đề xuất thành lập một Foundation với mục đích Vận động dân chủ cho Việt Nam bằng Văn học, Nghệ thuật. Hợp Lưu là tạp chí của Foundation. Chúng tôi đã phân trách nhiệm như sau:

Chủ tịch: Nhật Tiến.

Chủ biên Hợp Lưu: Khánh Trường

Phụ tá chủ biên: Phan Tấn Hải & Phạm Việt Cường

Tổng thư ký: Đỗ Hữu Tài

Phan Tấn Hải ngày ấy chưa có gia đình và là người rảnh rỗi nhất nên anh em đã đề cử Phan Tấn Hải đứng tên xin môn bài cho Hợp Lưu. Những năm đầu tiên Hợp Lưu được sự đóng góp công sức, vật chất lẫn tinh thần, của anh em trong nhóm và của rất nhiều anh chị em văn hữu khác, ở khắp nơi. Gần, như Đỗ Kh., Lê Thị Thắm Vân... Xa, như Trương Vũ, Thụy Khuê...

Ba năm trước, khi bàn giao công việc với nhau, chúng tôi cùng đồng ý Phùng Nguyễn & Đặng Hiền xin môn bài mới cho Hợp Lưu ở thành phố Đặng Hiền đang có cửa tiệm sửa computer, để thuận tiện hơn cho Đặng Hiền khai thuế hàng năm. Tôi, thời điểm này rất chán ngán báo chí nên đã không muốn đứng tên chung, dù Đặng Hiền & Phùng Nguyễn yêu cầu. Lúc Phùng Nguyễn thôi chức chủ biên, anh rút tên ra, chỉ còn duy nhất một mình Đặng Hiền. Nhưng không

hề có việc chuyển nhượng quyền sở hữu Hợp Lưu từ Phan Tấn Hải sang cho Đặng Hiền.

State of California
March Hong Fu
 Secretary of State

P.O. Box 94270
 Sacramento, CA 94244-0270
 Phone: (916) 445-2020

STATEMENT BY DOMESTIC NONPROFIT CORPORATION

THIS STATEMENT MUST BE FILED WITH CALIFORNIA SECRETARY OF STATE (SECTIONS 6210, 6210, 9660 CORPORATIONS CODE)

THE \$5 FILING FEE MUST ACCOMPANY THIS STATEMENT.

1. C1720457 PD DUE DATE 02-27-98 05749H
 HOP-LUU (JOINT-CARPENTERS) FOUNDATION
 9315 BOLSA AVE. #111
 WESTMINSTER, CA 92683

DO NOT ALTER PREPRINTED NAME. IF ITEM 1 IS BLANK, PLEASE ENTER CORPORATE NAME. DO NOT WRITE IN THIS SPACE.

PLEASE READ INSTRUCTIONS ON BACK OF FORM.
 PLEASE TYPE OR USE BLACK INK WHICH WOULD BE SUITABLE FOR MICROFILMING.

THE CALIFORNIA CORPORATION NAMED HEREIN, MAKES THE FOLLOWING STATEMENT

2. STREET ADDRESS OF PRINCIPAL OFFICE OF HOME, COMPLETE 9315 BOLSA AVE <small>DO NOT USE P.O. BOX NO.</small>	STATE OR COUNTY 111	CITY AND STATE WESTMINSTER, CA	ZIP CODE 92683
3. MAILING ADDRESS P.O. Box 277	STATE OR COUNTY	CITY AND STATE GARDEN GROVE, CA	ZIP CODE 92642

THE NAMES OF THE FOLLOWING OFFICERS ARE:

A. NAME CHIEF EXECUTIVE OFFICER MIAT TIEN	3A. BUSINESS OR RESIDENCE ADDRESS (DO NOT USE P.O. BOX) 9315 BOLSA AVE #111	3B. CITY AND STATE WESTMINSTER, CA	3C. ZIP CODE 92683
B. NAME SECRETARY KHANH TRUONG	3A. BUSINESS OR RESIDENCE ADDRESS (DO NOT USE P.O. BOX) same as in 3A	3B. CITY AND STATE	3C. ZIP CODE
C. NAME CHIEF FINANCIAL OFFICER PHAN TAN HAI	3A. BUSINESS OR RESIDENCE ADDRESS (DO NOT USE P.O. BOX) 12222 PEACOCK #6	3B. CITY AND STATE GARDEN GROVE, CA	3C. ZIP CODE 92640

DESIGNATED AGENT FOR SERVICE OF PROCESS THIS AGENT IS REQUIRED BY CALIFORNIA STATUTES PROVIDED FILING HEREIN UNDER 7 AND 8 ON REVISIONS AND SO FORTH.

7. NAME Tai H. Do 9315 BOLSA AVE #111, WESTMINSTER CA 92683

8. CALIFORNIA STREET ADDRESS IF AGENT IS AN INDIVIDUAL, DO NOT USE P.O. BOX. DO NOT INCLUDE ADDRESS IF AGENT IS A CORPORATION.

9. I CERTIFY THAT I HAVE EXAMINED THIS STATEMENT AND TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE AND BELIEF, IT IS TRUE, CORRECT AND COMPLETE.
 DATE 12-8-93 TITLE C.F.O. PHAN TAN HAI
 TYPE OR PRINT NAME OF SIGNING OFFICER OR AGENT PHAN TAN HAI
 SIGNATURE *Phan Tan Hai*

Tài chính và danh sách độc giả

Tuy nhiên môn bài Hợp Lưu không phải là mấu chốt. Vấn đề là danh sách địa chỉ độc giả dài hạn, yếu tố quyết định sự sống còn của tờ báo. Ba năm trước, vì cả tin, tôi giao tất cả cho Đặng Hiền nắm giữ. Nay, Đặng Hiền không trả lại. Dù một số vị, vì muốn giúp Hợp Lưu nên đã không quản ngại đến nhà Đặng Hiền dàn xếp, và chính tôi, đã rất nhiều lần mình định: Hợp Lưu bây giờ là tài sản chung của mọi người, nếu Đặng Hiền không muốn cộng tác với Hợp Lưu nữa, thì hãy trả lại cho tập thể. Tôi còn nói với các vị khi tiếp xúc thương lượng nói giùm: nếu Đặng Hiền muốn, Hợp Lưu tặng luôn số tiền hiện có trong trương mục Hợp Lưu. Có được danh sách độc giả dài hạn, anh chị em sẽ góp mỗi người một ít, dựng lại Hợp Lưu, không khó. Nói tóm, tuy trên môn bài hiện tại Đặng Hiền đứng tên, nhưng Hợp Lưu không là của riêng ai, kể cả tôi hay Đặng Hiền cũng không được độc quyền sở hữu. Nhưng mọi nỗ lực đều vô ích, Đặng Hiền vẫn tuyên bố: Hợp Lưu là của Đặng Hiền! Nhiều văn hữu rõ chuyện, đưa hướng giải quyết: Nếu không thể giải quyết bằng luật pháp vì sợ xấu mặt Hợp Lưu, thì nhờ các website bạn thông

báo đến mọi văn hữu và độc giả về tình hình Hợp Lưu, đề nghị họ liên hệ về địa chỉ mới, thiết lập lại danh sách độc giả dài hạn để có thể tiếp tục. Nhưng như đã nói, do chuyển biến nội tâm và do bệnh tật, nhất là ngày “lên đường” không còn xa, tôi không đủ sức làm lại từ đầu, và nhất là không tha thiết bất cứ chuyện gì nữa.

Những hành động của Đặng Hiền

Từ trung tuần tháng 3 năm nay lúc xảy ra sự cố cho đến gần đây tôi vẫn giữ thái độ im lặng trước rất nhiều phản ứng của Đặng Hiền như ly gián, gây nghi ngờ, chia rẽ giữa tôi với nhiều văn hữu.

Diễn hình: Đặng Hiền cố tình chia rẽ tôi với Chủ biên Trần Vũ. Ngót 20 năm nay, chúng tôi có một giao tình rất gắn bó, từng xem nhau như anh em ruột thịt, thế mà, để cô lập tôi, Đặng Hiền đã dùng một email tôi viết riêng cho Đặng Hiền, đem công bố rộng với văn hữu khắp nơi, làm cho dư luận hiểu lầm tôi có ý đồ tìm cách đẩy Trần Vũ khỏi chức chủ biên vì bất đồng chính kiến. Điều ấy hoàn toàn sai, anh em có thể cãi nhau, nhưng mục tiêu chung vẫn là muốn Hợp Lưu khá hơn.

Chuyện bất đồng ý kiến trong khi bàn thảo về bài vở, đường hướng, nội dung... trong nội bộ là chuyện đương nhiên để đưa đến một giải pháp chung, không phải để dẫn đến bất hòa. Vừa phản ánh, vừa để thực hiện chức năng của một diễn đàn mở rộng, những người thực hiện Hợp Lưu tiêu biểu cho rất nhiều khuynh hướng chính trị, truyền thống tri thức, văn hóa, nghệ thuật ở nơi sinh sống, tại Việt Nam hay trên khắp thế giới. Chính sự đa dạng này của thành phần nội bộ Hợp Lưu đã là sức mạnh, điểm son của Hợp Lưu. Đặng Hiền đã nhân vào đó mà chia rẽ nội bộ với bên ngoài, khuynh đảo dư luận để che đậy cho việc làm sai trái của cá nhân mình.

Về nguyên tắc làm việc, Đặng Hiền đã không ngần ngại công bố các thư trao đổi nội bộ về những vấn đề còn trong vòng thảo luận như 2 bức thư đề án tái cấu trúc của tôi mà Đặng Hiền đã phổ biến một cách trái phép vào tháng 3 năm nay.

Chưa dừng lại ở đó, Đặng Hiền còn tìm đủ mọi cách nhằm bôi nhọ uy tín cá nhân tôi cùng nhiều người khác. Đặng Hiền đã hăm dọa với ít nhất là vài người rằng sẽ công bố thư riêng của tôi. Tệ hại hơn nữa, bất chấp nguyên tắc căn bản và tối thiểu trong công việc làm có trao đổi chung trong một tổ chức, cùng danh dự và lòng tự trọng, Đặng Hiền còn đe dọa sẽ phổ biến tất cả thư từ trao đổi giữa những thành viên của Ban Biên Tập và Chủ biên liên quan đến chuyện phê bình quyết định đi hay không bài vở của văn hữu gửi đến Ban Biên Tập, cả những biến động dẫn đến việc thay đổi nhân sự trong nội bộ Hợp Lưu. Một phần vì bệnh tật, nói năng, viết lách khó khăn, phần khác, nặng nề hơn, tôi quá mệt mỏi, ngán ngẩm, nên khó cưỡng mọi chuyện trôi theo hướng Đặng Hiền đã vạch.

Không thể giữ sạch sẽ cho Hợp Lưu được nữa rồi. Đành vậy!

Sau này, do sinh kế, các thành viên trong nhóm không còn gặp nhau thường xuyên, nhưng công việc và tinh thần tập thể vẫn nguyên vẹn. Đó là lý do tôi không ngừng lặp đi lặp lại: Hợp Lưu là tài sản chung của mọi người.

Thế nhưng, vì tham vọng, Đặng Hiền bất chấp lý lẽ, đã tuyên bố với những người trong buổi gặp gỡ tại nhà Đặng Hiền vào cuối tháng 3 gồm Lê Thị Thắm Vân, anh Lê Thứ, chị Mỹ Lộc, Trần Vũ, Ngọc Mỹ, Nguyệt Cẩm, Đặng Thơ Thơ, Nguyễn Hương (khi những vị này đến nhà Đặng Hiền dàn xếp sau lá thư ngày 25 tháng 3 tuyên bố đình bản Hợp Lưu của Đặng Hiền): “Hợp Lưu là ai? Hợp Lưu là Hiền nè, Hiền muốn nó chết là nó chết.”

Còn ngao ngán hơn, Đặng Hiền đã viết trong một thư gửi Ban Biên Tập rằng Khánh Trường

không có quyền gì cả, chỉ là “chủ nhiệm sáng lập”. Giả sử còn khỏe mạnh và nhiệt tâm như xưa, tôi sẽ liên lạc với các thành viên cũ, đưa nội vụ xin tòa xét xử, với đầy đủ hồ sơ (do luật sư Nguyễn Hữu Liêm làm khi thành lập Foundation). Giả sử thôi, chứ làm thế chỉ xấu mặt Hợp Lưu. Nhà văn Ngô Tự Lập, nhà thơ Tô Nhuận Vĩ, và rất nhiều anh chị em văn hữu trong ngoài nước vẫn đến thăm tôi, cùng có chung nhận xét: Bọn văn nghệ sĩ thông minh, tài cán trên chữ nghĩa, nhưng lại vô cùng non nớt khi va chạm cuộc đời. Nhất là trước những thủ đoạn tráo trở. Vì thế luôn luôn thua thiệt. Nhận xét trên có phần đúng, nhưng tôi cho không phải vì non nớt, mà vì lòng tự trọng. Sự cố Hợp Lưu càng lúc càng nhầy nhụa, trầm mình vào, bản quá. Đó là lý do dù nhiều anh chị em hiểu rõ uẩn khúc câu chuyện vẫn đành phải tránh xa, im lặng.

Tôi rất cực lòng và xấu hổ khi buộc phải công khai mọi chuyện.

Cực lòng. Như đã nói, Hợp Lưu là một diễn đàn văn học có uy tín, cho nên Hợp Lưu sống hoặc chết vẫn phải trong tư thế xứng đáng với tầm vóc của nó. Vì thế, hơn 4 tháng qua, tôi không phản ứng trước những hành động nói trên của Đặng Hiền. Thậm chí nhiều bằng hữu trong và ngoài giới đến nhà chơi, cũng như qua thư từ trao đổi bằng email, vẫn chưa biết gì về tình trạng Hợp Lưu hiện tại. Tôi đã hy vọng mọi chuyện sẽ qua, để, nếu may mắn có được một chủ biên tài năng, Hợp Lưu sẽ tiếp tục nắm giữ ngọn cờ tiên phong, dẫn thân vào những vùng đất mới, như 15 năm qua Hợp Lưu đã làm. Bằng không, nếu chết, Hợp Lưu sẽ cố gắng chọn một cái chết sạch sẽ.

Nhưng mọi diễn biến càng lúc càng đẩy sự cố lún sâu xuống vũng sình. Hợp Lưu muốn sống một cách đường hoàng chắc chắn bất khả thi. Ngược lại, muốn chết cũng không được. Tôi cực lòng lắm. Với tư cách Chủ biên rồi Chủ nhiệm, lẽ ra tôi không được quyền tặc trách để gây nên hậu quả tệ hại này. Càng nghĩ, tôi càng thấy mình xấu hổ, có tội. Không chỉ với những vị đã cùng tôi sáng lập ra Hợp Lưu, các văn hữu khắp nơi, mà lớn hơn, với văn học Việt Nam.

Cũng hồi trung tuần tháng 3, qua sự dàn xếp của Nam Dao, tôi đã ký tên vào thông cáo với danh xưng “chủ nhiệm sáng lập”, có nghĩa là chủ nhiệm và cả là người sáng lập. Qua thỏa thuận này (bằng văn bản đề ngày 29 tháng 3 với chữ ký của Khánh Trường, Trần Vũ và Đặng Hiền), chúng tôi đã cam kết không thay đổi đường hướng và thành phần nhân sự ít nhất là cho đến hết số 84. Và sau này, khi có thay đổi thì đương nhiên phải theo đúng nguyên tắc thông thường, có nghĩa là phải theo thủ tục biểu quyết của tất cả những người chịu trách nhiệm Hợp Lưu như tôi, chủ biên Trần Vũ, Tổng thư ký Đặng Hiền, và Ban Biên Tập.

Mọi chuyện đã không đơn giản như tôi tưởng. Gần đây nhất, trong *Thư Tổng thư ký*, đăng ở số 83 (tháng 6&7/2005), Đặng Hiền ngang nhiên nhân danh “chúng tôi” khi thực chất, chỉ duy nhất một mình Đặng Hiền, không hội ý bất cứ ai trong tất cả tập thể thực hiện Hợp Lưu cho đến hôm nay, để tự biên tự diễn, loại bỏ tôi, người Sáng lập và là đương kiêm Chủ nhiệm, ra khỏi Hợp Lưu. Cũng từ *Thư Tổng thư ký* của Đặng Hiền trên Hợp Lưu 83, Nguyễn Hương và Đặng Thơ Thơ với tư cách là thành viên trong Ban Biên Tập, và với trách nhiệm thực hiện số 84, đã hỏi ý kiến Ban Biên Tập nên xử lý thế nào khi số 84 với chủ đề đặc biệt vốn là một cam kết trước khi mọi tranh chấp xảy ra và trước khi có sự thay đổi nhân sự. Trong email đề ngày 12 tháng 7 gửi lại cho Nguyễn Hương, Đặng Thơ Thơ và những người trong Ban Biên Tập, thay vì giải quyết chuyện số 84, Đặng Hiền đã thẳng thừng phủ nhận sự có mặt của Ban Biên Tập.

Các thành viên trong Ban Biên Tập đã phải lên tiếng về hành động sai trái của Đặng Hiền, từ tuyên bố đóng cửa Hợp Lưu đến vô hiệu hóa tất cả các nhân sự cũ của Hợp Lưu (từ chủ nhiệm đến các thành viên trong Ban Biên Tập), để thực hiện một Hợp Lưu mới với thành phần nhân sự không được tuyên bố, chính xác hơn, chỉ duy nhất một mình Đặng Hiền. Vì không còn giải pháp nào khác, không thể tiếp tục cộng tác với Đặng Hiền, nên Nguyễn Hương và Đặng Thơ Thơ đã gửi thư thông báo đến các cộng tác viên số đặc biệt Văn Chương Da Màu để xin quyết

định của họ về chuyện xử lý bài vở.

Chuyện tôi “giao” Hợp Lưu cho Đặng Hiền

Trong *Thư Tổng thư ký* ở số 83, và trong *Thư tòa soạn* ở số 84 do Đặng Hiền sắp phát hành, Đặng Hiền đã cảm ơn tôi “tin tưởng giao lại tạp chí Hợp Lưu là một gia tài tinh thần quý giá cho chúng tôi từ 3 năm qua.” Nhưng sự thật đây chỉ là một cách nói hàm hồ, hầu giành lẽ phải và chính danh trong việc độc quyền làm chủ và quyết định Hợp Lưu.

Ba năm trước, vì bệnh tật, tôi phải bàn giao công việc Hợp Lưu cho Phùng Nguyễn trông coi với sự giúp đỡ về mặt trị sự của Đặng Hiền. Sau khi Phùng Nguyễn rút lui, Trần Vũ đã cáng đáng chức vụ và trách nhiệm Chủ biên. Lần lượt Phùng Nguyễn rồi Trần Vũ đã rất xuất sắc trong vai trò này. Nhất là Trần Vũ, 3 năm qua, bằng khả năng, tận tụy, cùng với lòng say mê văn học, dần dần Trần Vũ lấy lại được chỗ đứng uy tín Hợp Lưu từng nắm giữ từ buổi đầu xuất hiện. Trong *Thư Chủ nhiệm* đăng trên Hợp Lưu số 66, tôi đã viết: “*Đồng thời tôi cũng trân trọng mời nhà thơ Đặng Hiền đảm nhiệm chức vụ tổng thư ký. Với sự tháo vát và quản trị khoa học, chắc chắn Đặng Hiền thừa khả năng giúp Hợp Lưu vững vàng hơn về mặt tài chính, phổ cập hơn về mặt quảng bá.*” Như thế tôi đã xác định rõ phận sự của Tổng thư ký Đặng Hiền trong 2 lãnh vực tài chánh và phát hành, không bao gồm phận sự đại diện đường hướng hay biên tập cho tờ báo, cũng không bao gồm quyền sở hữu Hợp Lưu. Khi Trần Vũ thay Phùng Nguyễn làm chủ biên, tôi đã định bỏ chức Tổng thư ký, vì nhận thấy không phù hợp với thực tế, nhưng Đặng Hiền gọi điện thoại, xin “cho em làm Tổng thư ký đi”. Tôi nghĩ, cũng chẳng có hại gì nên bằng lòng ngay. Không ngờ tặc trách này dẫn đến hậu quả ngày hôm nay. Một hậu quả hoàn toàn bất ngờ và vô cùng tai hại.

Như các bạn thấy trong thư này, ở số 66, tôi đã mời Phùng Nguyễn và Đặng Hiền cùng cộng tác với tôi để đảm nhiệm những công việc biên tập và điều hành hằng ngày, hầu làm tốt tờ báo mà sức khỏe tôi đã không còn cho phép cáng đáng. Từ đó đến nay, tôi vẫn giữ vai trò Chủ nhiệm, chịu trách nhiệm tổng quát cho Hợp Lưu.

Ban Biên Tập và trách nhiệm nội dung

Ngoài Chủ biên, Hợp Lưu còn có một Ban Biên Tập chịu trách nhiệm về nội dung. Từ số 70 (tháng 4&5/2003), Hợp Lưu có 12 người chính thức mang danh nghĩa này (trên bìa trong của HL số 70 và 71). Sau một sự tái tổ chức và thành lập Ban Biên Tập mới, từ số 72 đến số 75 chỉ có tôi đứng tên Chủ biên. Trần Vũ vì lý do riêng không muốn công khai hóa chức vị Chủ biên lúc đó, mặc dù đã cùng làm việc với Ban Biên Tập mới. Khi yêu cầu Trần Vũ công khai để tên trong chức vụ Chủ biên trong mục “Kim Thi Ngày Tháng” ở số 75 (tháng 2&3/2004), tôi cũng đã xác định lại công lao và chỗ đứng tương lai của Ban Biên Tập khi tôi viết: “*Các bạn tận tình tận lực lo cho Hợp Lưu lúc Kim Thi [tôi] không còn đủ sức gánh vác đơn phương, chắc chắn do tình cảm gắn bó giữa Kim Thi và các bạn, và giữa các bạn với nhau. Kim Thi hy vọng giao tình ấy sẽ mãi mãi bền chặt, để tờ báo này có thể đến tay bạn đọc bằng trí tuệ và tài năng của các bạn.*” Chính Chủ biên Trần Vũ vẫn còn mời thêm một thành viên mới vào Ban Biên Tập trong thời gian này, và vẫn viết đến “ban chủ biên” trong thư tòa soạn gần như ở mỗi số kể từ lúc đó. Như thế, Ban Biên Tập đã cùng Chủ biên chịu trách nhiệm nội dung Hợp Lưu trong suốt thời gian từ đầu năm 2003.

Vậy mà, vào tháng 3 trong buổi gặp gỡ tại nhà Đặng Hiền, Đặng Hiền đã nói với 8 vị có mặt (đã nêu tên ở trên) rằng “tất cả chỉ là văn hữu, vì Hợp Lưu không có Ban Biên Tập.” Gần đây nhất, để biện hộ cho việc tái tổ chức Hợp Lưu không thông qua tôi và Ban Biên Tập, Đặng Hiền đã hàm hồ phủ nhận sự có mặt của Ban Biên Tập. Trong email đề ngày 12 tháng 7, Đặng Hiền viết [nguyên văn]: “*Tran Vu co the da nho mot so anh chi em de giup minh nhu coi lai “chinh ta” va giup do sua loi TYPO... nhu da nho anh Pham Vu Thinh ben UC de sua loi chinh ta, the anh*

*PVT có khan khan đối xung mình là ban biên tập HL hay không?” Sau khi bị phản ứng của các thành viên trong Ban Biên Tập, Đặng Hiền đã đổi giọng lịch sự hơn trong *Thư tòa soạn* số 84, nhưng vẫn khẳng định Ban Biên Tập đương nhiệm không còn hiệu lực, khi mà tập thể này chưa hề tự giải tán hay bị giải tán.*

Như thế, quyết định của Đặng Hiền đóng cửa Hợp Lưu vào tháng 3 và tái tổ chức Hợp Lưu kể từ sau số 83 (tháng 6 & 7/2005) là những quyết định hoàn toàn đơn phương, không được sự chấp thuận của tôi, Chủ biên Trần Vũ, hay của Ban Biên Tập Hợp Lưu. Một hành động lạm quyền trắng trợn đến buồn cười. Cũng thật buồn cười khi tôi là đương kiêm chủ nhiệm muốn đi vài lời thông báo với độc giả và văn hữu lại bị Đặng Hiền báo rằng: Khánh Trường muốn đi gì trên Hợp Lưu thì phải qua sự chấp thuận của tôi, Đặng Hiền.

Tất cả những điều nêu trên cho thấy rằng: Khi Đặng Hiền tiếp tục xuất bản Hợp Lưu, thì đây là một cuộc chuyển giao bất bình thường, đi ngược lại tinh thần và nguyên tắc làm việc của tập thể Hợp Lưu. Sự giành độc quyền quyết định sinh mệnh Hợp Lưu, hay nói trắng ra, ý đồ cưỡng đoạt Hợp Lưu, của Đặng Hiền như thế đã toàn vẹn và rõ rệt. Hợp Lưu đã “là Hiền.”

Kết quả bế tắc

Mới đây nhất, ngày 22/7/2005, qua điện thoại, 3 nhà văn: Ngô Thế Vinh, Phan Nhật Nam, và nhà văn Nguyễn Vũ (Nguyễn Vũ qua email nhờ Phan Nhật Nam chuyển lời), đã dùng tình cảm, cố thuyết phục tôi gặp Đặng Hiền để dàn xếp, vì dẫu thế nào cũng là anh em một nhà, không việc gì không giải quyết được. Ba người bạn lớn tuổi đã lạc quan nghĩ thế chẳng, dù tôi cố giải thích rằng chuyện không đơn giản. Cuối cùng, không thuyết phục được 3 vị, tôi đành nhận lời, nếu không, họ sẽ nghĩ tôi hẹp hòi. Tôi đi. Nhưng suốt buổi họp mặt dài khoảng 2 tiếng, do phát âm khó khăn và do không lường trước được những suy nghĩ, qui chụp quái gở của Đặng Hiền, tôi chỉ ngồi chịu trận, nghe, vừa bực bội vừa buồn cười. Khi Phan Nhật Nam, có lẽ do lòng tốt, năn nỉ tôi đi gặp Đặng Hiền đã nói là Đặng Hiền cho biết sẽ chia cho tôi từ 10 đến 20% lợi nhuận Hợp Lưu vì dù sao tôi cũng là «chủ nhiệm sáng lập». Thật là quái dị, không tưởng nổi. Trong buổi gặp mặt, lúc Đặng Hiền khởi sự nhắc đến chuyện tiền bạc, tôi vội gạt ngay, vì không muốn bị sỉ nhục.

Đặng Hiền đã tiếp tục phủ nhận Ban Biên Tập. Suốt buổi, tôi chỉ nói được với Đặng Hiền: để giữ uy tín cho Hợp Lưu, chúng ta hãy viết một thông cáo chung tuyên bố đóng cửa Hợp Lưu, vì không giải quyết được vấn đề nhân sự. Nhưng Đặng Hiền không bằng lòng, nói “Nếu anh còn tiếp tục quậy, không cho em làm Hợp Lưu, em sẽ đưa anh ra tòa vì tội mạ lỵ cá nhân”. Tôi trả lời Đặng Hiền cứ việc làm những gì Đặng Hiền muốn, kể cả chuyện thưa kiện. Riêng chuyện Hợp Lưu, nếu Đặng Hiền nhất quyết tự biên tự diễn thì hãy rút tên tôi ra, để từ nay tôi không phải chịu trách nhiệm gì cho Hợp Lưu nữa.

Tóm lại, trong buổi gặp gỡ này, hoàn toàn không có một thỏa thuận nào, về mọi mặt, giữa tôi và Đặng Hiền. Thế mà trong điện thư gửi cho Phạm Thị Hoài, cùng gửi đến nhiều người, Đặng Hiền lặp lại lời hăm dọa, đồng thời nói sỗ dĩ tôi đề nghị rút tên ra khỏi Hợp Lưu, vì sợ pháp luật. Đặng Hiền tuyên bố rằng mình đã chịu “tạm ngưng những thủ tục pháp lý cần thiết” khi tôi đề nghị rút khỏi Hợp Lưu. Đây là một lật lọng về diễn tiến cuộc nói chuyện. Sau buổi họp mặt, tôi cảm thấy ê chề và tổn thương nặng nề, có cảm tưởng mình bị đẩy lên võ đài đánh nhau với một đối thủ khiếm thị. Dù kết quả thế nào, danh dự, lòng tự trọng cùng tình cảm tin yêu con người trong tôi cũng bị triệt tiêu một cách đau đớn.

Tôi không còn cách nào khác hơn là gửi thông cáo dưới đây đến các văn hữu và độc giả:
Sau 15 năm tồn tại, Hợp Lưu đã vượt qua rất nhiều sóng gió, khó khăn nhiều mặt, từ dư luận đến tài chính. Để cho ra đời và giữ được một diễn đàn văn học rộng mở vượt qua những lần

ranh bi thảm của lịch sử, Hợp Lưu đã nhận được sự ủng hộ, đóng góp tiền bạc, bài vở, công sức, của bao nhiêu độc giả, văn hữu, và những người thực hiện. Xuyên qua quá trình đó, Hợp Lưu là tài sản của chung người đọc, người viết và những người thực hiện nội dung và hình thức. Gần đây nhất, trong thời gian tôi bệnh nặng, Chủ biên Phùng Nguyễn đã cáng đáng từ số 66 đến số 69, và sau đó là Chủ biên Trần Vũ đã khó nhọc lèo lái cùng Ban Biên Tập thực hiện Hợp Lưu thành công mỹ mãn với thành quả trị sự của Đặng Hiền trong gần 3 năm qua.

Rất tiếc, khi Trần Vũ có ý định từ nhiệm, tôi cũng như chủ biên đã tìm kiếm, đề nghị và mời vài anh chị em thay thế, nhưng vì phản ứng của cá nhân Đặng Hiền, nỗ lực của chúng tôi không khả thi. Dựa vào việc đứng tên môn bài và giữ danh sách độc giả dài hạn, Đặng Hiền đã gạt bỏ mọi người ra khỏi Tạp chí Hợp Lưu, quyết định tự biên tự diễn. Không còn cách nào khác hơn, tôi tuyên bố kể từ hôm nay, rút tên ra khỏi Tạp chí Hợp Lưu, và hoàn toàn không chịu trách nhiệm, mọi mặt, từ nội dung lẫn hình thức đến tài chánh, nếu tờ tạp chí này tiếp tục ấn hành.

Tôi xin được cảm ơn độc giả, văn hữu, những người cộng sự đã gắn bó với Hợp Lưu và cá nhân tôi trong suốt 15 năm qua.

Nếu có cơ hội, tôi sẽ tái ngộ với độc giả trên một diễn đàn mới, trong một đường hướng mới, phù hợp hơn với những nhu cầu trong hoàn cảnh mới của văn học bằng tiếng Việt.

Westminster, ngày 27 tháng 7, 2005
Khánh Trường

Một chặng đường Hợp Lưu Nói chuyện với Khánh Trường Phùng Nguyễn thực hiện



Khánh Trường

Một chặng đường Hợp Lưu

Sau 12 năm, tròn một giáp, chủ bút tạp chí Hợp Lưu là họa sĩ và nhà văn Khánh Trường từ biệt làng báo. Cuộc nói chuyện chia tay của anh với Phùng Nguyễn và bài tổng kết một chặng đường Hợp Lưu của Trần Vũ là những tư liệu quan trọng về nhiều khía cạnh của sinh hoạt tinh thần và báo chí hải ngoại. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Talawas

Phùng Nguyễn (PN): Có người bảo tôi tạp chí *Hợp Lưu*, trong khi thực hiện được vai trò của mình trong một thời kỳ văn học [Việt Nam] đặc biệt, đã không có những đóng góp nổi bật trong việc tạo ra một hay nhiều trào lưu văn học đáng kể trong cùng giai đoạn đó. Dựa trên những nhận định của Trần Vũ trong "*Hợp Lưu 12 năm - trang tôn kinh huyền hoặc*" mà tôi có phần đồng ý, *Hợp Lưu* ít nhất đã có những hoạt động đáng kể trong việc bảo trợ và khuyến khích những tác phẩm trong thơ, đặc biệt là những bài thơ diễn đạt/chuyên chở "dám tính" trong những năm tháng điều này còn bị xem là cấm kỵ trên các tạp chí văn học trong và ngoài nước. Theo anh thì *Hợp Lưu* đã có những tác động nào trong sự xuất hiện của một hay nhiều trào lưu văn học trong thời gian qua?

Khánh Trường (KT): - Theo tôi nghĩ, có lẽ chúng ta - những người cầm bút ở hải ngoại - cần nhìn lại chính mình, để thấy rõ hơn vị trí và vai trò của chúng ta đối với văn học Việt Nam, bao gồm cả trong lẫn ngoài nước.

Sau biến cố 1975, suốt thời gian dài gần ba thập niên, đã có trên hai triệu người bỏ nước ra đi, qua nhiều hình thức. Hai triệu người ấy sinh sống rải rác khắp mọi lục địa trên hành tinh này. Ở nhiều nơi, nhờ điều kiện địa dư, khí hậu, kinh tế... họ quần tụ thành cộng đồng lớn. Điển hình như tại hai miền Nam Bắc California, Mỹ quốc. Đã có cộng đồng lớn, tất nhiên không thể không có những sinh hoạt mang tính văn hóa sắc tộc. Một trong các sinh hoạt mạnh mẽ và đa dạng, đa hiệu nhất là báo chí, sách vở, âm nhạc... Nhờ báo chí, sách vở, âm nhạc..., qua báo chí sách vở, âm nhạc... chúng ta có phương tiện để giải bày nỗi niềm nhưu tưởng quê xưa, để ngui ngoai mỗi sầu xa xứ, để thét gào cơn đau "mất nước," để vạch trần tội ác của "kẻ thù không đội trời chung," để nuôi dưỡng hờn căm hầu mong một ngày trở về.... giải phóng quê hương!!!

Văn học Việt Nam Hải Ngoại hình thành và phát triển trong chiều hướng đó.

Nếu có thì giờ nhẩn nha soát lại những tác phẩm tiêu biểu của hai thập niên đầu tính từ 1975, chúng ta sẽ thấy hầu hết đều xoay quanh các tiền đề vừa nêu trên. Những "*Cùm Đỏ*," những "*Đại Học Máu*," những "*Thép Đen*," những "*Cuộc Chiến Chưa Tàn*"..., cùng vô số tác phẩm đại loại như thế đã ra đời, tràn ngập các hiệu sách, bão hòa trên báo chí. Tôi tự hỏi, liệu chúng ta có nên đặt tên và gọi là trào lưu này khuynh hướng nọ cho một dòng văn học ngập ngụa máu me căm thù và đặc sệt tính thời sự như thế chẳng?

Tất nhiên tôi không phủ nhận vào những năm cuối của thập niên thứ hai và đầu thập niên thứ ba, đã xuất hiện một số người viết mới. Lớp người này không liên hệ nhiều với quá khứ, nhờ thế, tầm nhìn của họ rộng hơn, bao dung hơn, công bình hơn, khai phóng hơn, nhân bản hơn, và đáng mừng vô cùng là họ đã thoát được ra khỏi vòng vây trùng điệp mìn chông ý thức hệ của lớp đàn anh. Trong giới hạn nào đó, họ đã có những đóng góp đáng kể cho dòng văn học lưu vong. Nhưng theo tôi, những đóng góp ấy chỉ nên xem là những thành tựu có tính cách cá nhân. Họ không đủ sức và cũng không thể làm thành trào lưu hay khuynh hướng văn học. *Ngô đồng nhất điệp lạc/ thiên hạ cộng tri thu*. Chỉ một chiếc lá ngô đồng cũng đủ để báo cho thiên hạ biết mùa thu đã đến. Nhưng anh A vừa có được một truyện ngắn khai mở lạ lùng, chị B vừa xuất bản một tuyển tập ăm ắp chất liệu hiện đại, không có nghĩa anh A chị B này đã dự báo hay đã tạo nên trào lưu, đã gây thành khuynh hướng.

Công việc ấy, phải do những tờ báo, những diễn đàn văn học uy tín chủ trương, khơi động. *Hợp Lưu* đã hơn một lần thử nỗ lực làm công việc ấy. Nhưng cũng đã hơn một lần *Hợp Lưu* thất bại!

Với lớp già, viết, là phương cách để giải tỏa một nỗi niềm, biện minh một quá khứ, hoài vọng một tương lai, u hoài một thân phận (lưu vong). Với lớp trẻ, viết, để tiêu khiển, để giết bớt thì giờ của một cuối tuần "em (anh) có hẹn nhưng em (anh)... cóc đến," để thư giãn giữa hai múi thời gian ngời dấn mắt vào màn hình *computer*, trong văn phòng, nơi làm việc. Viết, với họ,

không bao giờ và chưa bao giờ trở thành nhu cầu thiết thân, như hơi thở, như khí trời, như "tôi cần viết như tôi cần sống!" Chưa kể, lực lượng cầm bút cả già lẫn trẻ ấy mỗi ngày mỗi rơi rụng dần theo năm tháng lưu vong. Lớp già, tay run, mắt mờ, nối đuôi nhau vào viện dưỡng lão. Lớp trẻ, xa dần tiếng Việt. Trong giao tiếp, trong công việc, họ đối thoại với nhau bằng ngôn ngữ bản địa, suy nghĩ cùng nhau qua ngôn ngữ bản địa, đến một lúc họ mặc nhiên trở thành người bản địa. Tiếng Việt, văn chương Việt, nghệ thuật Việt chỉ còn là một hoài niệm, lâu lâu, nghĩ về với một tâm thức dửng dưng, hay khá hơn, nhói nhói một tí bụi ngùi. Dù dửng dưng hay nhói nhói bụi ngùi, cuối cùng, cũng chỉ để... quên! Chưa kể sự cũ mòn, cliché, đồng dạng và nghèo (tác giả). Hãy thử lật vài ba tạp chí văn học tiêu biểu của hải ngoại mà xem! Quanh đi quẩn lại cũng chừng ấy tên tuổi, với chừng ấy cách viết, bằng chừng ấy văn phong, lặp lại chừng ấy cấu trúc... Hôm nay, xuất hiện trên báo này, tháng sau, có mặt ở báo khác..., cứ vậy, luân chuyển mãi miết trong vòng quay luân hồi nghiệt ngã. Tài năng cỡ Tolstoi mà bị xoay hay tình nguyện xoay kiểu ấy, cũng phải đến lúc chỉ sản sinh ra... rác!!!

Thế còn các hiện tượng mới?

Xin thưa, họa hoằn lắm mới thấy xuất hiện một, hai. Điều cười ra nước mắt là bên cạnh vài tài năng thực sự, đa phần, nếu công bình nhận xét với ít nhiều hào phóng, thì cũng chỉ "thường thường bậc trung" Vậy mà, rất nhanh, họ trở thành đối tượng tuyên dương, ca tụng, đánh bóng, săn lùng, mời mọc của các chủ bút. Tại sao? Giản dị: Người viết hiếm hoi quá, lại cứ hao hụt dần. Thôi thì, có còn hơn không, nỗi lo "chạy bài" như nhà nghèo chạy gạo của các chủ bút đâu thể nào cũng nhẹ đi đôi phần. Cứ nhắm mắt tán hươu tán vượn vung vít vào, cho "nhà văn" sượng. "Nhà văn" sượng, ắt sẽ cộng tác dài dài với mình. Lấp đầy được năm mươi trang báo trong thời buổi kiệm ước văn khôn bài khó này kể cũng đáng bỏ công.

Tôi không cường điệu. Thực trạng tôi vừa trình bày là có thực, sự khinh kiệt trầm trọng các tác giả là điều không thể choái cãi. Từ đó suy ra, Phùng nghĩ xem, với số ngòi bút có thể đếm được trên mười đầu ngón tay, lại chỉ xem công việc viết lách như một trò tiêu khiển, thì việc tạo ra trào lưu, dựng nên khuynh hướng, coi bộ cũng chả khác chi chuyện mấy chàng thi sĩ tiền chiến nằm dài cạnh bàn đèn thuốc phiện, rít khói, ngửa mặt, nhắm mắt "mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây!" Nói cách ví von kiểu Mai Thảo, thì "Có chứ, thỉnh thoảng ta cũng có làm ra gió, có tạo ra bão đấy chứ. Nhưng mà, bố khỉ, chỉ là gió và bão trong... tách trà!"

Để kết luận, tôi có thể khẳng định không chút đắn đo: Trong môi trường văn học hải ngoại, chuyện tạo nên một trào lưu, một khuynh hướng là chuyện viễn mơ, không tưởng. Hợp Lưu không làm được. Các tờ báo khác cũng thế, không làm được.

Tuy nhiên, trong giới hạn khiêm tốn hơn, tôi tạm bằng lòng với thành quả này: Suốt 12 năm qua, trên diễn đàn Hợp Lưu, không ít những tài năng mới đã xuất hiện, đã trưởng thành, đã dành được cho mình một chỗ đứng vững vàng trong dòng văn học lưu vong. Họ là ai? Nếu đọc giả theo dõi kỹ tạp chí Hợp Lưu từ số đầu tiên đến hôm nay, hẳn biết. Tôi nghĩ không cần phải kê khai tên tuổi họ ở đây.

PN: Nhà văn/chủ bút Nguyễn Mộng Giác bảo tôi "Làm biên tập một tờ báo văn chương cũng giống như làm bức vách cho người treo tranh. Tranh có đẹp thì người ta mới kéo đến xem. Gỡ tranh đi thì chỉ còn trơ lại... bức tường xám xịt!" Nhà văn/chủ bút Nguyễn Xuân Hoàng thì khẳng định "Không có nhà văn viết bài làm sao ra báo!" Còn chính anh, họa sĩ/nhà văn/chủ bút Khánh Trường, thì so sánh công việc biên tập với công việc của người dọn bàn trong tiệm ăn. Món ngon do đầu bếp nấu nướng, anh chỉ lo dọn ra cho gọn gàng đẹp mắt, không có nhiều... lỗi 'chín tã' quá là được! Đây là những lời vàng ngọc cho tên lính mới tò te là tôi. Tuy nhiên, thí dụ như tôi có tham vọng dọn một bữa tiệc thực ngon, thực độc đáo, thực... Hợp Lưu, trong bảng thực đơn gồm có món gan kangaroo bên Úc, món cây tơ ở quê nhà yêu dấu, cặp nhung hươu sao Gia Nã Đại, mấy cái hamburger khổng lồ của Mỹ, kèm theo thùng bia đen và mấy chai rượu

vang đở ở tận trời Tây mà quý ông/bà đầu bếp mãi hục hặc nhau vì một hay nhiều lý do nào đó cho nên cứ em chả với thềm vào thì tôi phải làm sao?

KT: Câu hỏi "*tôi phải làm sao?*" để có được "*một bữa tiệc thật ngon, thật độc đáo*" không phải chỉ là "tham vọng" của riêng Phùng, mà chắc chắn đã là "tham vọng" của bất cứ ông/bà chủ bút nào, từ Đông sang Tây, từ xưa đến nay.

Cá nhân tôi, rất nhiều lần tự hỏi thế. Có lúc trả lời được, thành công. Nhiều khi bí, thất bại. Qua những thành công và thất bại ấy, tôi rút được kinh nghiệm: làm chủ bút một tờ báo, nghĩa nào đó, là làm đầu trăm họ. Ý này thực ra chả mới mẻ gì. Cũ xì. Nhưng khổ thay, lại đúng vô cùng. *Vấn mình, vợ người*. Nói cách khác, mỗi ông/ bà nhà văn là một ông/bà trời con. Cho nên, khi tiếp xúc với họ, cách tốt nhất là tìm cách quên mình đi, triệt tiêu mình đi. Nếu quên không được, triệt tiêu chả xong, thì gắng thu nhỏ mình lại, dấu kỹ mình vào một xó góc nào đó, và nhớ sấm cho mình một bộ mặt thực dễ thương, thực hiền lành, thực "nai".

Trong nhãn giới của các thiên tài văn học nghệ thuật đã, đang, hoặc sẽ cộng tác với các tạp chí, thì chỉ có hai loại chủ bút. Một: tài năng phải siêu quần bạt chúng, có thể xếp ngang hàng với họ, hoặc nếu thua, cũng chỉ chút đỉnh không đáng kể. Loại chủ bút ấy xứng đáng cho họ cộng tác. Loại thứ hai, tuy tài năng chả có gì, nhàng nhàng thôi, nhưng "vô hại," "chơi được." Trường hợp thứ nhất, nếu tôi đoán không lầm, hình như rất hiếm, hiếm đến độ gần như... tuyệt chủng! (Cũng hợp lẽ thôi, mỗi nhà văn/nhà thơ là một ông/bà trời con. Vậy thì, ngoài trời ra, thử hỏi, còn gì nữa????!!!). Trường hợp thứ hai chiếm đa số. 12 năm đảm nhiệm chức vụ chủ bút Hợp Lưu, tôi may mắn được xếp vào loại thứ hai. "Vô hại," "Chơi được!" Chỉ cần được phê chuẩn như thế, là xem như ta đã thành công đến 60%. Tôi từng nhận không ít những cú điện thoại: "Bài này tôi viết theo yêu cầu của báo A, nhưng thằng ấy (chủ bút báo A) nói năng, cư xử khó ưa quá, thành ra tôi đổi ý, gửi cho KT."

Đã có được 60%, vậy, 40% còn lại nằm ở đâu? Vẫn theo kinh nghiệm bản thân, đó là sự tinh nhạy trong nhận xét, có một khả năng cảm ứng văn học ở tầng cao. Nói theo ngôn ngữ bình dân tôi vẫn thường sử dụng với bạn bè: có "khứu giác" của loài... cầu, đánh hơi được ngay mùi vị thơm thối của tác phẩm. Điều này tương đối dễ dàng với một bản văn xuôi, một bài tiểu luận, một đoạn tùy bút... Nhưng sẽ vô cùng khó khăn với một tác phẩm thơ ca. Ai cũng biết, nhiều vị viết văn xuôi tuyệt vời, thế mà khi đụng đến thơ thì... - xin lỗi - không người được! Ngược lại, nhiều nhà thơ viết mãi không xong một đoạn văn xuôi cho ra hồn, nhưng nếu cho sử dụng đến món tử, thơ, thì lắm khi ta thất kinh hồn vía, tự hỏi làm cách nào tên ấy có thể nghĩ và sản sinh ra được những dòng chữ diệu kỳ đến thế?

Đã nói đến cách ứng xử của chủ bút với tác giả. Cũng như đã đòi hỏi ở chủ bút một trực giác bén nhạy, một cảm thụ văn học ở tầng cao, cùng một vốn liếng văn học cần thiết. Như thế, đủ chưa?

Tôi nghĩ, hình như còn thiếu.

Thử duyệt qua nội dung của bất cứ tờ báo nào đang hiện diện trên thị trường chữ nghĩa, trong lẫn ngoài nước, xưa và nay, ta sẽ thấy dấu ấn rất đậm của người chủ bút. Dấu ấn này làm nên vóc dáng và hấp lực của tờ báo. Nó phản ảnh trung thực cá tính, thói quen, trình độ, tài hoa và khả năng quyền biến của người chủ bút. Nó bàng bạc khắp nơi, trên từng trang báo, qua khuyển hướng chọn bài, qua cách duy trì và triển khai các mục thường xuyên theo một mục tiêu định trước; rồi thư tòa soạn, trả lời thư tín,... Kể cả những yếu tố có vẻ không dính dáng gì đến nội dung, như cách sắp xếp mục lục, bài nào đi trước, bài nào đi sau, làm cách nào tạo được ở độc giả cảm giác xuyên suốt, nhất quán, khi theo dõi trọn vẹn một số báo, dù đôi khi, tưng bài, cả số báo chỉ là tổng hợp một số bài vờ hồ lớn, đầu cua tai nheo... Đó là chưa kể cách trình bày quảng cáo, quyết định dùng *font* chữ gì, kích thước bao nhiêu cho những nhan đề... Tất thảy, bàng bạc khắp nơi, mỗi nơi một tí, sẽ làm thành một tổng thể. Tổng thể này là dấu ấn của người chủ bút. Dấu ấn có nhiều hấp lực quyến rũ, tờ báo đông độc giả. Dấu ấn nhợt nhạt, lũng củng, độc giả ra đi, tờ báo tiêu tưng.

Tóm lại, vẫn theo ngôn ngữ Mai Thảo, một chủ bút giỏi chả khác gì một con dao pha. Dùng chặt xương cũng được, dùng thái thịt cũng xong, dùng tách mỡ cũng đặng... Hấn, chủ bút, phải trang bị cho mình thực nhiều khả năng, càng nhiều càng tốt. Từ chuyện gần gũi thiết thân như văn học, nghệ thuật, thơ ca, âm nhạc... đến chuyện "ngoại khoa" lĩnh lĩnh lũng lũng cũng như biết... nốc cognac hai chữ, bốn chữ tựa rỗng cuốn nước khi gặp Kiệt Tấn, Lâm Chương, Nguyễn Trọng Khôi, Trần Vũ, Phan Huy Đường... Biết chữ thề như máy khi cụng ly cùng Cao Đồng Khánh, Tường Năng Tiên, Bùi Chí Vinh, Lưu Hy Lạc...

Biết...phạng vỏ chai lên đầu đối phương khi đối ẩm cùng Nguyễn Tiên, và... tôi... Biết "thót" giọng Quảng Nôm trơn tru ngon lành khi đấu khẩu với Thái Tú Hạp, Hoàng Lộc, Thành Tôn, Nguyễn Hoàng Văn, Nguyễn Hưng Quốc, Phạm Phú Minh...

Biết chuyển giọng vịt đực du côn du kê đá cá lặn đưa thành nỉ non nhỏ nhẹ du dương trầm buồn theo đúng thể điệu trai thời trung hiếu làm đầu, gái thời tiết hạnh làm câu traу mình khi hầu chuyện Mai Ninh, Trần Mộng Tú, Lê Quỳnh Mai, Phan Thị Trọng Tuyền, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Miêng, Nguyễn Thị Thanh Bình,...

Biết sắm cho mình một bộ mặt luôn ở tư thế sắp cãi nhau khi đàm đạo cùng Lê Thị Thắm Vân, Dương Thu Hương, Nguyễn Thị Hoàng Bắc... Biết hò "Huệ" với các mợ và rành sáu câu cầu Tràng Tiền sáu vài mười hai "dịp" khi tranh luận với Đức Phổ, Hoàng Xuân Sơn, Trịnh Công Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Sâm Thương, Đinh Cường, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Khai... Biết dẫn thơ Lý Bạch, ngâm thi Đỗ Phủ, tán chuyện "Tô Đông Pha, những phương trời viễn mộng" lúc diện kiến Nguyễn Tôn Nhan, Đào Mộng Nam, Trần Văn Giáp, Phạm Hải Anh, Trương Huyền Khanh...

Biết cả những danh thủ phá lưới, làm bàn khi ngồi trước màn hình ti vi coi thiên hạ giành nhau một quả bóng với Hoàng Ngọc Tuấn (trong nước), Huy Tường, Nguyễn Chí Kham, Cung Tích Biền, Nguyễn Trung, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Quỳnh...

Biết chuyện Đinh Bộ Lĩnh, chuyện thái hậu Dương Vân Nga, chuyện đề thành Cổ Loa, chuyện đền chùa miếu mạo ông tiên này bà thánh nọ khi tham quan danh lam thắng cảnh với Nguyễn Huy Thiệp... Biết vào bia ôm, ghé xóm chị em ta và tán chuyện mần tình đêm bảy ngày ba vô ra không kể với Bảo Ninh, Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Quang Lập, Dương Thụy, Nguyễn Trọng Tạo... Biết cả đi coi vũ cỡi trường có nhét tiền "típ" vào háng các em hảnh hoi với... (thôi, tên tuổi các vị này sống để dạ, chết mang theo, khai ra, e tan nát gia cang các điển hình đạo đức tiên tiến!) Và, dĩ nhiên, biết tán dương mùi vị thơm tho béo bở ích thậm lợi tiểu của trà đá chanh đường khi bàn luận văn học với Nguyễn Mộng Giác, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Mạnh Trinh, Lê Thọ Giáo, Võ Thắng Tiết... Biết vượt tóc làm duyên (nhưng không vùn vùn tà áo) hay nhấp nháy mắt sau cặp kính cận dày như hai đít chai khi có ý đồ... "em ơi hãy ngủ, anh hầu quạt đây" với các chị xuân xanh e đã đến hồi... mãn... (chữ này, xin hiểu ngầm) cùng... (lại xin tự kiểm duyệt, kéo không, có thể bị lôi ra tòa vì tội bôi nhọ đời tư cá nhân!). Sau rốt, biết ngu khi diện kiến các nhà viết biên khảo, tiểu luận chữ nghĩa kinh điển đầy mình nhưng chuyện giảng gió cuộc đời thì vẫn cứ "con nai vàng ngơ ngác, đập trên lá vàng khô"...

PN: Tại sao Phùng Nguyễn? Hượm đã! Chọn Đặng Hiền để giao trách nhiệm trị sự của tờ báo là một điều không khó. Đặng Hiền tháo vát, vén khéo, cẩn trọng, và năng nổ. Cũng như anh, tôi hy vọng rất nhiều vào Đặng Hiền trong việc quản lý cái hầu bao lép kẹp của Hợp Lưu. Còn tôi? Xem ra công lực của tôi còn mỏng hơn giấy lụa. Tôi mới tập tành viết lách cách đây mấy năm, đóng góp cho Hợp Lưu thì cũng gần với "không có gì," vài ba truyện ngắn, một cái truyện dịch. Mỗi giao tình của anh và tôi, tuy thân thiết, nhưng không hẳn là vì chuyện văn chương chữ nghĩa! Chúng ta hiếm khi thảo luận về Hợp Lưu, mà nếu có, cũng chỉ để ... cãi nhau! Dù sao thì chúng ta đã có ít nhất một lần đồng ý với nhau về một điều rất quan trọng: Ở một nơi nào đó trong Tình Yêu (viết hoa đây nhé), có chỗ cho một ... chiếc giường. Nhưng sự nhất trí của chúng ta chấm dứt ngay tại đây bởi vì anh cứ khẳng khẳng kê chiếc giường kê ngay ở cổng vào thiên đường tình ái! Người đi qua giường tôi, không nhớ gì sao người... Ngay cả những điều

anh đề cập trong thư chủ nhiệm số trước, tài năng, kiến thức, giao thiệp rộng, những điều mà tôi sẽ vô cùng ngại ngùng chỉ để nghĩ đến, nói chi đến chuyện vợ vào mình, chưa hẳn là đủ cho công việc khó khăn này. Vậy thì, tại sao Phùng Nguyễn?

KT: Đúng, chọn Đặng Hiền để giao trách vụ trị sự tòa soạn, quả, không khó. Tháo vát, vén khéo, cẩn trọng, và biết tổ chức mọi việc một cách khoa học, hợp lý. Tất cả các đức tính trên Đặng Hiền có đủ. Cũng có nghĩa, khi giao Đặng Hiền nắm hầu bao tờ báo, chúng ta vững bụng. Riêng Phùng Nguyễn có thể yên tâm sử dụng hết khả năng của mình vào việc kiêm toàn nội dung Hợp Lưu. Kinh nghiệm 12 năm cho tôi biết, công việc Đặng Hiền đang phụ trách có khi còn khó khăn và quan trọng nhiều lần hơn chuyện bài vở nội dung Hợp Lưu.

Và tại sao Phùng Nguyễn? A, xem chừng cũng không khó trả lời lắm đâu. Không khó, như đã không khó, khi chọn Đặng Hiền làm trị sự.

Thứ nhất, lời Phùng, vì *"công lực của tôi còn mỏng hơn giấy lụa. Tôi mới tập tành viết lách cách đây mấy năm..."* Với những ai khác, coi thể đây là một nhược điểm, nhưng với tôi, lại là ưu điểm. Tôi ăn nằm trong thế giới chữ nghĩa kể cũng nhiều năm, nhờ vậy, tôi đủ kinh nghiệm để hiểu, đối với những vị "dày công lực" (hay tưởng rằng mình "dày công lực"), thường, có tiếng mà chẳng có miếng. Nói, vung vít ba hoa chích chòe không ai theo kịp (tôi thường gọi những vị này là chuyên viên thuốc nổ), nhưng làm, thì ôi thôi, lam nham lờ nhờ, trầy trét bầy hầy như gà bới rác. Tệ hại hơn nữa, vì luôn mang ảo tưởng "công lực" của mình "dày," nên, khi nắm được một diễn đàn văn học, quý vị ấy nhanh chóng hóa thân thành những người khổng lồ, để rồi lên giọng phê người này, phán kẻ kia, nay ra tuyên ngôn, một thảo cương lĩnh, vung vít linh tinh chuyện lấp biển vá trời. Làm được hay không chưa biết, nhưng rõ ràng là độc giả và văn hữu cộng tác sẽ rất mệt.

Do kinh nghiệm nhãn tiền ấy, dựa vào cái vốn văn học *mỏng hơn giấy lụa* của Phùng, tôi lạc quan tin rằng anh chả dại gì bày vẽ những trò vừa nêu. Nghĩa nào đó, Hợp Lưu, trong tay Phùng, sẽ tiếp tục đóng vai trò tuy khiêm nhường, nhưng vững vàng, bên cạnh những tạp chí bạn, như đã 12 năm qua.

Lý do thứ hai giúp tôi có quyết định chọn Phùng làm chủ bút Hợp Lưu, là qua các tác phẩm của Phùng, tôi rất vui khi nhận thấy tuy tuổi tác anh không kém tôi bao nhiêu (anh thuộc thế hệ tôi, thế hệ của chiến tranh, của hần thù Bắc Nam cốt nhục), vậy mà trên những trang chữ anh viết, gánh nặng quá khứ hầu như không có, hoặc nếu có, cũng chỉ thấp thoáng, như cơn mộng dữ cần được xóa quên. Nghĩa nào đó, qua những trang chữ này, vô hình chung anh đã bày tỏ cùng độc giả quan niệm của mình, về văn học, về thái độ chính trị. Quan niệm ấy, có thể khác tôi trong tiểu tiết, như ng chắc chắn phù hợp với đường hướng của Hợp Lưu.

Lý do thứ ba, quan trọng không kém hai lý do đầu.

Từ lúc Hợp Lưu ra đời đến nay, một mình tôi quán xuyến mọi công việc, từ nội dung, hình thức, đến kỹ thuật. Nội dung, đã có các văn hữu trong, ngoài nước đóng góp. Tôi - như đã từng nói nhiều lần - chỉ là anh dọn bàn. Các món cao lương mỹ vị đã được chế biến sẵn, tôi chỉ việc cân nhắc, tính toán sao cho vén khéo, hợp lý. Món nào ăn trước, món nào dùng sau, món nào tráng miệng, món nào dặm thêm... Hình thức, tôi khá an tâm, để làm đẹp tờ báo, đối với một họa sĩ, không khó. Riêng phần thứ ba, kỹ thuật, là phần tôi sợ nhất. 12 năm, 65 số báo, ngày nào tôi cũng ngồi trước màn hình *computer* ít nhất đôi ba giờ đồng hồ. Thế mà kiến thức của tôi về "nó" vẫn không khá hơn ngày đầu bao nhiêu. Nghĩa là cũng chỉ quần quanh năm bảy phím chữ trên bàn chữ đã được Phan Tấn Hải và Đặng Hiền dạy "thuộc lòng" theo kiểu nhồi sọ: *"Đừng hỏi tại sao, cứ bấm phím này ra cái này, bấm phím kia, ra cái nọ..."* Hôm nào chẳng may gặp phải sự cố nằm ngoài bài bản, là lập tức, tôi... "ngong." Lại hốt hoảng nhắc phone kêu cứu *Hiền ơi, Phùng ơi, Hải ơi* nặng xì!

Bây giờ, hai nhân vật trực tiếp trông coi Hợp Lưu lại là Phùng Nguyễn, Đặng Hiền. Cả hai, ngoài nghiệp văn chương thi phú, còn là hai chuyên gia *computer* thuộc hàng cự phách. Đặng Hiền, xếp xòng đại công ty ACS, chuyên trị các bệnh ung thư, ho lao, thương hàn, cảm mạo... "còm bu tò" mắc phải. Và Phùng Nguyễn... (vì đức khiêm cung, đã gọi phone *warning* tôi, ngoài chuyện văn chương thi phú, cấm tuyệt không được đụng đến nghề nghiệp, chức vụ "đời thường" của đương sự - Ấm ức lắm, song tôi đành thủ khẩu như bình!). Thời điểm bây giờ, như chúng ta đều biết, khi đã sử dụng và khai thác được hiệu năng của *computer*, là xem như đã điều hành và quản lý hiệu quả công việc hành chánh cùng kỹ thuật của một báo quán và một phân xưởng in ấn hiện đại.

Chừng ấy yếu tố liệu đã đủ chưa, để trả lời câu hỏi: "Tại sao, Phùng Nguyễn?"

PN: *Cũng trong thư chủ nhiệm kỳ trước, anh có đề cập đến dấu hiệu "lão hóa" của Hợp Lưu trong vài năm trở lại đây. Tôi không biết chắc sự lão hóa, nếu có, là do điều kiện khách quan (người viết, người đọc, những biến động/thay đổi chính trị, văn hóa) hay chủ quan (tôn chỉ, mục tiêu của Hợp Lưu), hay cả hai. Cái tên Hợp Lưu trong 12 năm qua đã được gắn liền với nỗ lực giao lưu văn học giữa những người viết (và trong một chừng mực hạn hẹp hơn, người đọc) trong và ngoài nước. Có thể những điều Hợp Lưu đã hướng đến để "dấn thân, khai phá" nay đã trở thành lối mòn và "người khinh binh số một" không còn cần thiết ở tuyến đầu nữa. Có thể người chủ trương Hợp Lưu và bạn bè của ông đang lúng túng trong việc tìm kiếm những vùng đất mới để khai phá trong giai đoạn "hậu-Hợp Lưu." Thay vì lão hóa, có thể gọi là "bế tắc" hay không? Nếu có, đâu là những lời khuyên của anh cho tên lính mới này trong việc định hướng cho Hợp Lưu?*

KT: Ở đây, tôi xin phép được "khoanh vùng" hai chữ "lão hóa" trong giới hạn nhỏ, là cá nhân tôi, vì cá nhân tôi, từ cá nhân tôi.

12 năm dài, nhìn lại, tôi thấy đoạn đường mình đã đi qua sao mà thăm thẳm. Ngày bắt tay làm số Hợp Lưu ra mắt, tôi chỉ trên bốn mươi. Vậy mà giờ đây, chỉ vài năm nữa tôi sẽ bước vào tuổi lục thập. Thực thà thú nhận: Tôi mệt mỏi rồi. Thời gian và tuổi tác đã bào mòn trong tôi ý hướng dấn thân, khai phá mạnh mẽ một thời. Những năm gần đây, rõ ràng tôi đã "lười nhác" thái quá. Có những chuyện tôi muốn làm, có những dự tính tôi muốn thực hiện, nhưng, tôi hự đốn tự khát lần hẹn lữa, để cuối cùng, buông trôi. Ví dụ rõ ràng nhất có lẽ các văn hữu khắp nơi đều nhận thấy: Vào những năm đầu, liên hệ giữa tôi và quý vị trong, ngoài nước rất mật thiết. Hàng ngày, qua thư từ, email, điện thoại, chúng ta đã say sưa trò chuyện, bàn bạc với nhau về nhiều vấn đề liên quan đến chữ nghĩa, về nội dung của Hợp Lưu, về những số chủ đề sắp thực hiện... Nhờ đó, mỗi số báo ra đời, có mặt trên kệ sách các nhà sách, là một hiện hữu sinh động, chất chứa một dung lượng xúc taùc đầy hiệu năng, giúp chúng ta tiếp tục nuôi dưỡng, vun bồi cho diển đàn ấy mỗi ngày mỗi thêm phong phú, đa dạng.

Thế nhưng, vài năm trở lại đây sự mật thiết kia gần như bị khai tử. Tự tôi đã cắt dần mọi mối quan hệ. Cho đến hai năm sau cùng này, ngoại trừ phải trả lời khi cần trả lời, tôi không còn liên lạc với bất cứ ai. Tôi tự hỏi tôi, do đâu có tình trạng đổi thay ấy? Chẳng khó khăn gì, tôi nhanh chóng tìm ra lời giải: Ngoài lý do sâu kín xảy ra trong tâm thức tôi, sẽ nói sau, lý do còn lại, đúng như Phùng vừa nhận xét: *"Những điều Hợp Lưu hướng đến để dấn thân, khai phá, nay đã trở thành lối mòn, và 'người khinh binh số một' không còn cần thiết ở tuyến đầu nữa."* Hơn ai hết, tôi hiểu rõ điều đó, cũng hơn ai hết, tôi phải tự đặt tôi vào chọn lựa dứt khoát: Hoặc khai tử Hợp Lưu, để "giữ tròn tiết tháo," hoặc tiếp tục duy trì, nhưng nhất định phải có một cuộc hóa thân. Xin độc giả và Phùng cảm thông cho tôi, như đã nói, tôi sắp bước vào tuổi sáu mươi, ý hướng dấn thân đã tắt, chắc chắn tôi không làm nổi cuộc hóa thân ấy. Khai tử Hợp Lưu, nghĩa nào đó, là phụ lòng độc giả và văn hữu, những người đã thủy chung với tờ báo rông rã 12 năm. Lòng tự trọng không cho phép tôi chọn quyết định ấy.

Vậy, phải duy trì Hợp Lưu, và phải tìm cho ra người kế thừa tốt.
May mắn cho tôi, và cho độc giả, Phùng đáp ứng được được yêu cầu đó.
Vì thế, Hợp Lưu của giai đoạn mới đã chào đời.

Tôi tin nó sẽ định hình và tiếp tục lớn mạnh, trở thành một diễn đàn văn học mãi mãi ở tuổi thanh xuân, mãi mãi tự ném mình vào những khai phá. Đường đi của văn học không bao giờ là những lối mòn. Nhiều chân trời mới, các cảnh thổ lạ luôn luôn thôi thúc bước chân lên đường. Với tư cách người đã khai sinh và ăn nằm cùng Hợp Lưu ròng rã 12 năm dài, tôi chúc Phùng chân cứng đá mềm.

PN: *Có vẻ như mọi người đều tin rằng anh nhất quyết rửa tay vào chậu vàng, treo ... giường báu, gởi mình vào chốn không môn. Liệu anh sẽ cạo đầu và khoác áo cà sa? Làm sao chúng tôi có thể hình dung ra Khánh Trường trong một phong vận bình hòa, từ ái như thế được? Điều này khiến chúng tôi, gồm có độc giả và bạn hữu xa gần vô cùng băn khoăn. Anh có lời gì để trấn an chúng tôi về điều này hay không?*

KT: Lẽ ra tôi không nên trả lời câu hỏi này. Nó thuộc đời tư của cá nhân tôi. Cái đời tư chả khác chi "một tiếng thờ dài," và nhất là chẳng dính dự gì đến Hợp Lưu. Nhưng vài tháng qua, rất nhiều tin đồn về tôi đã lan truyền trong giới văn nghệ. Những tin đồn lắm khi rất kỳ cục, kỳ quặc. Gần đây nhất, có người gọi điện thoại tìm tôi, hốt hoảng: "*Nghe nói anh lên cơn điên, cảnh sát phải còng tay ném lên xe cứu thương mang vào bệnh viện. Đúng không?*" Đúng thế... chớ nào được hờ trời! Nếu đúng, thì ai đang trả lời phone đây?

Vì những tin đồn càng lúc càng lệch lạc, tôi buộc phải lên tiếng một lần, cho xong. Dự tính thôi không làm Hợp Lưu đã manh nha trong tôi để chừng đã hai năm. Hai năm trước, lúc còn ở một mình trong một nhà kho trên đường Bolsa, cạnh nghĩa trang đường Beach, nơi yên nghỉ của Mai Thảo, Lê Uyên Phương, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Sa, Phạm Đình Chương, và rất nhiều văn nghệ sĩ khác. Một buổi sáng tôi thức dậy, bước chân xuống đất, bỗng hụt hẫng, mất thăng bằng té ngã. Trưa hôm ấy ấy vợ chồng một người bạn bác sĩ đến thăm, anh khám phá ra tôi bị tai biến mạch máu não (tôi cao máu, rất cao, có lúc cao đến 325/175). Vợ chồng người bạn gọi ngay xe cấp cứu đưa tôi vào bệnh viện (nếu tôi nhớ không lầm, hôm ấy có cả Phùng và Th., một cô bạn cũng đang hành nghề y sĩ cùng đi chung với Phương, thì phải).

Mấy ngày nằm viện, trở về, vẫn một mình trong khu nhà kho mênh mông lạnh lẽo. Ban đêm, trời lạnh, lại là mùa mưa, nước từ *parking* tràn vào, lấp xấp chân giường. Mưa quạt đập trên mái tôn, luồn vào lỗ thông gió, thấm ướt một góc nệm. Lạnh, rất lạnh. Buồn tiểu, nhưng bán thân bên trái bất khiển dụng, và cột sống, vì một lần phải gánh chịu cả sức nặng toàn thân để giữ thăng bằng khi tôi cố thử đứng lên, đã trật khớp, đau buốt, chỉ có thể vào *restroom* bằng cách duy nhất: bò! Nhưng lệnh lảng thế kia, bò lối nào? Cuối cùng, tôi phải dùng chiếc bình chứa nước uống trên bàn ngủ, tiểu tiện vào đó! Ban ngày, không thể ra ngoài được, do bệnh, trời lại vẫn mưa, lạnh, nên bạn bè chả ai đến thăm. Tôi đói, thùng mì gói cũng hết. Đành uống nước mưa trừ cơn! Suốt nhiều ngày như thế, trần trọc, quần quanh một mình giữa đêm ngày lê thê dằng dặc. Chung quanh không một bóng người. Không cả tiếng động, ngoại trừ tiếng gió luồn qua lỗ thông gió u u, buồn nhào ruột. Một lần nhà văn Ngô Thế Vinh tình cờ ghé thăm, anh nói ở thế này thiếu tiện nghi và buồn quá, chịu nổi không? Tôi nói chẳng những buồn, mà có khi giữa khuya thức giấc, nhìn quanh, có cảm tưởng như mình là một thứ đồ vật phế thải, đã bị vất bỏ. Ngô Thế Vinh bảo tôi hãy viết lại cảm tưởng ấy. Cảm tưởng một hình nhân bằng xương bằng thịt, có đủ linh hồn, trí tuệ, nhưng mang tâm trạng một món đồ phế thải, giữa căn nhà kho mênh mông, lạnh lẽo, với những bức tranh câm nín vây bọc ngổn ngang. Tôi nói với Ngô Thế Vinh sẽ có lúc tôi viết. Nhưng cảm tưởng ấy, may thay rồi cũng qua đi. Tôi tiếp tục sống một mình trong khu nhà kho với nửa phần thân thể bất khiển dụng, những bức tranh và xấp bản thảo Hợp Lưu số sắp mang in. Ban ngày, công việc bận rộn, tôi không nghĩ ngợi nhiều, nhưng đêm xuống, nằm trần trọc cùng bóng tối vây quanh, đầu óc tôi ngập chìm trong hồi ức.

Ta đã làm chi đời ta? Hơn 50 năm sống và chạy đuổi mãi mê theo những ảo ảnh phù du, những thúc gọi thấp hèn. Có lúc tôi quên mất mình đã từng là chồng, là cha, là rường cột chính của ít nhất một mái gia đình. Tuổi nhỏ, giận mẹ ghẻ bỏ nhà ra đi, sống bụi đời, làm du đãng. Lớn hơn, đi lính, lấy vợ, sinh con, rồi ngoại hôn, rồi tình nhờn tình bêu, tình chẵn tình lẻ, con rơi con rớt. Có đứa tôi biết mặt, có đứa chỉ nghe tên, có đứa... hình như là, thực hư không rõ... Người đàn bà đầu tiên ấy đã tiêu phí cả quãng đời thanh xuân vì tôi, đã nhẫn nhục vì con suốt 20 năm làm kiếp sương phụ. Giờ đây, cũng như tôi, tóc đã điểm bạc, mắt đã kính lão, vẫn chưa, và không bao giờ, tìm thấy một ngày hạnh phúc. Tôi nhớ, và thấm thía vô vàn một nỗi đau. Tôi muốn làm điều gì đó để chuộc lại tội lỗi đã gieo. Nhưng tôi biết sẽ chẳng khi nào có được cơ hội ấy.

Ta đã làm chi đời ta? Đồi ba cuốn sách, một tờ báo, vài trăm bức tranh, một chút tên tuổi... Còn gì nữa? Bao nhiêu năm loay hoay với những cái tưởng chừng không có không được. Không có, ta chẳng phải là ta. Không có, ta chẳng nên... người! Thực tế, có phải thế chẳng? Năm mươi mấy năm đã sống tận cùng cái sống. Đã thả mình trôi theo bản năng. Đã thù hằn. Đã yêu thương. Đã chấp nê. Đã tha thứ. Đã buông trôi, đã vượt thắng... Năm mươi mấy năm, bây giờ nằm đây, giữa lạnh lẽo buốt xương mùa Đông quê người, ngoài trời giông mưa quật đập, bên trong bóng tối vây bủa, cùng cánh tay và cái chân bắt khiển dụng, khoang bụng rỗng, và trong đầu, lòng bùng trăm vạn hồi ức đắng cay. Tôi chợt nhớ đến những người anh, người bạn đã chết. Mai Thảo, Nguyễn Sa, Phạm Đình Chương, Lê Uyên Phương, Nguyễn Tất Nhiên... Giờ này, ngoài kia, chỉ cách chỗ tôi nằm vài trăm mét, mộ bia của họ hẳn đã chìm ngập trong nước. Chẳng xa xôi gì. Có người, năm bảy năm, có người chỉ mới một hai năm, nhưng tất cả hầu như đã ra khỏi trí nhớ nhân gian. Tất cả đều đã mục rữa, tất cả đều đã tan hòa cùng đất! Hốt nhiên, tôi bừng tỉnh. Hốt nhiên, tôi cảm nhận sâu sắc lẽ vô thường, giả ảo của kiếp sống con người, Hốt nhiên, tôi hiểu ra, mấy chục năm qua tôi đã nỗ lực một cách vô vọng đuổi theo cái bóng của chính mình.

Những điều tôi vừa tỏ bày hẳn chẳng có chi mới lạ. Phụng từng đọc, từng biết. Tôi đã đọc, đã biết. Nhưng tôi tin rằng Phụng, bây giờ, và tôi, trước đây, chỉ *biết* trên chữ nghĩa, qua chữ nghĩa. Cái *biết* này chẵn chẵn cũng giả ảo, như cái bóng của chính mình.

Chỉ khi nào bị ngập chìm trong một trạng huống, hoặc trạng thái nào đó, ta mới có thể *chứng ngộ* được cái *biết* ấy thực sự. Khởi từ đó, quan niệm của ta, tương quan của ta với cuộc đời, dần dà thay đổi hẳn.

Ta đã làm chi đời ta? Tôi lại hỏi tôi. Tận đáy sâu tiềm thức, tôi lờ mờ hiểu "điều gì đó" tôi sẽ làm, phải làm, có lẽ chỉ thực hiện được khi nào tôi đủ can đảm dứt khoát từ bỏ mọi vọng động, mọi đam mê, mọi đuổi bắt mãi miết ảo ảnh phù du...

Việc làm cụ thể trước tiên: hãy dứt mình ra khỏi hệ lụy bao nhiêu năm. Hợp Lưu là một trong những hệ lụy caàn tước bỏ.

Hợp Lưu hoặc sẽ đóng cửa, hoặc sẽ được giao cho người khác.

Nhưng từ ấy đến nhiều tháng sau, tôi vẫn còn tiếc nuối, vẫn thấy đứa con này tôi đã sinh ra trong vô vàn khốn khó, đã khổ nhọc nuôi dưỡng suốt 12 năm dài, đã gắn liền với đời sống tôi như một phần cơ thể. Tôi không đành lòng từ bỏ. Tôi vẫn chưa *biết* tận cùng cái *biết*.

Cho đến ba tháng trước, một buổi sáng tôi đang ngồi trước giá vẽ, chuông điện thoại reo. Tôi nhắc ống nghe. Đầu dây bên kia, giọng nữ, trẻ: - *Cho con gặp bác KT.* - *Tôi đây.* Một vài giây ngập ngừng - *Có biết con là ai không?* - *Cô là ai?* Lại một vài giây ngập ngừng: - *Con.... Con.... là NTKL, con má Y.* Tôi sửng người, sống lưng lạnh toát. *Con là NTKL, con má Y.* Dĩ vãng 20 năm ùa về. Một chuyện tình "bất chính." Những khổ đau người thiếu nữ ngày ấy đã hứng chịu. Những khốn khó áo cơm đến triệt tiêu nhân cách. Một đứa con đói sữa, thiếu ăn... Và vượt biên, và hải tặc, và 10 ngày lênh đênh giữa đại dương đầy sóng gió trên một can dầu. Rồi trại tị

nạn, rồi định cư, rồi chồng con... Thôi thế cũng đã êm thấm cho thân phận một con người. Tôi mừng. Nhưng còn đứa con rơi rớt oan khiên kia? Mẹ vượt biên một mình, bỏ lại cho ông bà ngoại. Tuổi thơ âm thầm cô đơn, thiếu cha, vắng mẹ, đã khắc sâu trong đôi mắt thiếu nữ bây giờ, sau hai mươi năm lần đầu tôi nhìn thấy, một màu xám sầu buồn rã rượi. Cái màu làm tim tôi đau nhói.

Lần thứ hai trong đời, một tội lỗi cụ thể đang hiện diện trước mắt.

Tôi nhớ lại sự kiện tương tự xảy ra tám năm trước. Đó là lần đầu tiên tôi qui hồi cố hương sau 10 năm đào thoát. Suốt ba ngày - từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều - tôi bị cục AR25 "làm việc" tận tình. Ngày cuối cùng, trung tá Thuận, một trong ba chức sắc trực tiếp "làm việc" với tôi mấy ngày qua, bỗng nói: - *Anh có muốn đi thăm con anh không?* - *Con tôi, chúng đã theo mẹ sang Tây sau ngày tôi vượt biên một tháng. Còn đứa nào ở đây nữa?* Tôi hỏi lại với sự ngạc nhiên. Thuận cười: *Con rơi của anh ấy mà.* Và anh ta tiếp: - *Anh bình tĩnh và yên trí, cháu hiện ở quận Tân Bình. Vợ anh Huỳnh Tấn Mẫm đang phụ trách ngành giáo dục ở đấy, chúng tôi đã chỉ thị cho chị ấy hãy quan tâm đến cháu....* Sau đó, Thuận chở tôi bằng xe hơi của sở xuống quận Tân Bình, chạy vòng vèo trong xóm đạo Tân Việt, và, khi bước vào cửa một căn nhà, tôi cũng đã sững người, nước mắt bỗng trào ra không cầm giữ được. Trước mặt tôi, đứa con gái 13 tuổi, gầy, cao, da ngăm đen, khuôn mặt xương, miệng quai xách, mũi lớn... Đó là một bản sao không mấy trung thực lắm, nhưng làm sao nhầm lẫn được, cùng một khuôn với người cha hoang đàng, là tôi.

Chưa bao giờ một tội lỗi cụ thể như thế, hiện diện trước mắt tôi.

(Nhân đây, tôi nhận thấy cần phải mở một dấu ngoặc, để tỏ tấm lòng tri ân của tôi, với trung tá Thuận. Tôi không thích chủ nghĩa CS, trừ chủ nghĩa CS trên lý thuyết. Tôi càng không phục người CS, trong nhiều hành động. Tuy nhiên, cũng có một vài chuyện tôi thực tình xin ngả mũ chào. Cụ thể ở đây là tổ chức tình báo cực kỳ hiệu quả của họ. Chuyện tình ái nhặng nhít của tôi, chuyện con rơi con rớt rất đỗi riêng tư, ngay cả vợ tôi, và chính tôi có khi còn không rõ, nhất là chuyện đã xảy ra mấy mươi năm, tít mù trong dĩ vãng, thuở quý vị còn lặn lội trên rừng Trường Sơn âm u kì bí. Thế mà quý vị biết, lại biết tường tận, chi li, như một cộng một bằng hai! Tôi phục và trân trọng cảm ơn. Dù các vị biết, cố tìm biết, vì bất cứ động cơ nào, thiết nghĩ, tôi không cần phải quan tâm. Chỉ thấy, nhờ quý vị, tôi tìm được con tôi. Nhờ quý vị, tôi có cơ hội chuộc lại phần nào lỗi lầm đã gieo trong quá vãng).

Những đứa con rơi! Tôi biết mình còn đâu đó trên mặt đất này một hai đứa con rơi!

Phải làm cách nào tìm ra chúng nó. Rất nhiều đêm tôi tự hỏi tôi.

Gần một năm nay tôi chuyển cư trú đến địa chỉ mới. Cũng lạnh lẽo, tịch mịch, nhưng không đến nỗi hoang vu như nhà kho cạnh nghĩa trang. Nơi này, khi dọn vào, tôi nhanh chóng "tái cấu trúc" lại tất cả. Mua ảnh, tượng và biển hai căn phòng rộng nhất trong số bốn căn thành hai phòng Thiền. Một, cho con chiên Công giáo. Một, cho tít đồ Phật giáo. Hàng đêm, không ngủ được, tôi lặn vào một trong hai phòng Thiền, ngồi quán tưởng nhiều giờ giữa vũng sáng lung linh đèn nến. Trên cao, hình ảnh Chúa dang rộng đôi tay, đầu cúi xuống hiền từ. Hoặc trước mặt, Phật ngồi bình yên trong tư thế kiết già, với đôi mắt khép hờ, nụ cười mỉm bao dung. Dần dà, tâm tôi bình lặng. mọi vọng động cũng lắng xuống. Tôi thấy rõ hơn những tội lỗi mình đã phạm, những việc mình sẽ phải làm trong tương lai, và tôi có ngay cho mình một quyết định, trước tiên, về tờ Hợp Lưu.

Phùng Nguyễn và Đặng Hiền được mời đến.

Tôi có đi tu, cạo đầu, khoác áo cà sa hay không?

Tên đồ tể một thời đã buông dao chưa?

Đó là chuyện của tương lai. Tôi không biết, và cũng không muốn dự phóng.

Tôi không đến với Chúa, Phật như một con chiên, một Phật tử thuần thành. Tôi không đọc được kinh, không thích hương khói, không quen qui lạy, và sẽ ngủ gục ngay nếu buộc phải

ngồi hàng giờ giống tai nghe một ông cha, một đại đức thuyết giảng giáo lý của Chúa, Phật... Tôi không cầu mong ở các ngài ấy bất cứ lợi lộc nào, tinh thần lẫn vật chất. Thiện, ác, đúng, sai, tốt, xấu, thiên đường, địa ngục không ở đâu xa, nó nằm ngay trong mỗi chúng ta. Khi ta sân hận, hằn thù, cuồng điên, nhỏ nhen, ti tiện, đó là lúc ta ngập chìm dưới đáy địa ngục. Khi ta yêu thương, bao dung, tha thứ, ta đang an lạc giữa cõi thiên đường. Chân lý vỡ lòng này, chả cần phải thông qua kinh kệ, chỉ cần lắng tâm *nhìn* vào bên trong, lập tức ta sẽ thấy ngay. Chỉ chừng ấy thôi, với tôi, đã đủ. Cần gì Tân Ước Cựu Ước, cần gì Trường Bộ, Trung Bộ, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, Lương Hoàng Sám, Đại Bảo Tích...

Vậy, tại sao tôi thôi không làm Hợp Lưu nữa. Tôi muốn gì?

Tôi không muốn gì hết. Chỉ thấy, bây giờ, rất rõ, tôi không thích làm bất cứ chuyện gì liên hệ đến những tương quan cũ. Sách vở, hội họa, văn chương, nghệ thuật, báo chí, bạn bè, những quan hệ sắc dục, những "cuộc vui suốt sáng traten cười thâu đêm," những sáng đông dài bù khú chuyện văn chương thi phú trước tách cà phê với các "thiên tài" quán cóc, những tối đàn ca hát xướng, tung hứng đầu mảy cuối mắt trong các club văn nghệ bỏ túi lỏn nhõn ca sĩ, nhạc sĩ thiệt, dõm, nghieáp dư; những người đàn bà ít nhiều hệ lụy tình ái ... Tất cả bỗng trở nên phù phiếm, lạ lẫm.

Thú vui của tôi hiện tại, nếu có thể xem đó như một thú vui, là ngồi lặng lẽ trước những tượng đồng, hay sành, đất, nhắm mắt, *nhìn* vào chính mình, *nhìn* sâu vào mọi góc ngách bí ẩn trong bản thể mình. Tìm kiếm, tra vấn, khai giải...

Tôi đã tìm kiếm, khai giải được những gì?

Sẽ khó mà trả lời cụ thể câu hỏi này, nếu Phùng chưa từng ngập chìm trong tội lỗi, như tôi, mấy mươi năm qua. Chưa chạm mặt với cái chết rõ dần hình thù từng giây từng phút, như tôi, sáu năm trước (ngày ấy, gần 500 người, từ khắp nơi đổ về quận Cam để... tiễn đưa tôi, trong tương lai gần, và nơi... an nghỉ cuối cùng!) . Chưa bỏ như một con chó trên nền xi măng sũng nước vào phòng vệ sinh giữa đêm hôm khuya khoắt, như tôi, hai năm gần đây. Chưa đối diện với sự cô đơn cùng cực trong dày vò tự hối, với cảm tưởng mình là một thứ đồ vật phế thải. Và nhất là chưa từng sững người, sống lưng lạnh toát trước những tội lỗi cụ thể, bằng xương thịt, có khả năng làm lương tâm ta chấn động tận cùng căn rễ.

Thôi thì, Phùng hãy lên đường, hãy đi tiếp quãng đường tôi đã đi. Mỗi người một định mệnh. Mỗi người, trên từng quãng ngắn của dặm trường dẫn về chung cuộc, có những việc phải làm, những chọn lựa phải quyết định, và những đổi thay tự nguyện. Tôi đã làm nhiều việc muốn làm, đã chọn lựa nhiều việc cần chọn lựa, và giờ đây, tôi tự nguyện ném mình vào thử thách mới. Tôi làm được gì cho chính bản thân? Và cho những hệ lụy? Tôi không rõ. Chỉ cảm nhận, tâm tôi đang bình yên. Lòng tôi đang nhẹ.

Một lần nữa, tôi thành tâm chúc Phùng chân cứng, đá mềm.

Bức tranh vẽ mãi không rời Võ Đình

Tôi từng gặp họa sĩ Khánh Trường hai lần. Lần đầu trong một buổi gặp mặt thân hữu năm 1990 ở California. Lần sau, năm 1992, cũng trong lúc có đông đảo các bạn khác ở Canada. Từ đó đến nay chưa gặp lại. Chỉ đôi ba lần liên lạc với nhau, một cách vội vã ngắn gọn, qua điện thoại và thư từ.

Nói rõ ra, ông Khánh Trường và tôi không biết nhau nhiều, không "thân", không "đi lại". Ấy mà chúng tôi cùng chia sẻ đôi điều hiếm hoi: chúng tôi là những người cầm cọ vẽ mà chúng tôi

cũng là những người yêu cầm bút viết. Ông Khánh Trường thua tôi về tuổi tác nhưng hơn tôi ở chỗ ngoài vẽ và viết còn có sức gồng mình vất vả mấy năm nay với nghiệp làm báo. Càng vất vả vì báo của ông lại là báo văn học nghệ thuật.

Họa phẩm Khánh Trường, tôi chỉ được biết qua năm ba bức tranh in lại. Nhưng tôi nghĩ rằng ông say mê hội họa hết mình vì một bài viết của chính ông, *Bức Tranh Không Bao Giờ Vẽ* (Hợp Lưu số 10, tháng 4 & 5, năm 1993), bài viết ông tặng họa sĩ Rừng. Đọc bài viết đó thấy rõ ông Khánh Trường thật lòng yêu hội họa. Tôi nói vậy vì tôi biết có khá nhiều người tuy rằng tiếng gọi là họa sĩ nhưng chẳng thấy thiết tha cho lắm với hội họa. Thường xuyên cầm cọ, sử dụng màu sắc, sản xuất những cái gọi là họa phẩm, không nhất thiết là có một tấm lòng yêu hội họa mãnh liệt và sâu xa.

Đọc bài đó cũng thấy rõ ông Khánh Trường có nhiều khổ tâm về hội họa. Ông bút rút bản khoản về cái vẽ. Ông vất vả tìm tòi.

“Mấy mươi năm, đã vài trăm bức tranh được vẽ, đã gấp đôi gấp ba số tranh ấy là những phác thảo, về đủ mọi đề tài (...) Vẽ một góc phố hoang tịch trong màu chiều với các chi tiết đặc thù như thế nào khó khăn gì, nhất là đề tài tưng bảm rề trong đầu suốt thời gian dài, đến thuộc lòng, đến có thể đưa lên khung bố từng nhát màu, ở từng vị trí mà không cần nhiều dẫn đo cân nhắc. Những cái chưa vẽ, hoặc sẽ không bao giờ vẽ, sẽ mãi mãi là nỗi ám ảnh triền miên trong đầu của mỗi họa sĩ. Nó là phần sâu kín nằm dưới đáy tiềm thức dù đã được biểu hiện cụ thể qua vài hình ảnh nào đó”.

Nổi bật trong bài viết của Khánh Trường là ý niệm của ông về người họa sĩ chiêm nghiệm, tìm tòi, tiến dần về cái thấy của mình, nhưng rồi tìm mãi, đi mãi, nghĩa là trầy vi tróc vảy mãi, *rất cuộc, bức tranh chưa vẽ hoặc sẽ không bao giờ vẽ mãi mãi là niềm khát vọng khôn nguôi. Và bởi mang lấy nghiệp vào thân, hấn không ngừng tìm cách lấp đầy khát vọng đó bằng hành động đầy ải chính mình, giữa một vòng tròn khép: vẽ, tìm kiếm – tìm kiếm, vẽ – vẽ, tìm kiếm. Cứ thế, từ buổi đầu chập chững “vọc sơn” cho đến lúc tay run mắt mờ, hấn không thể không nhận ra sự thật buồn bã này: Những cái hấn vẽ chỉ là những bản nháp, những phác thảo cho một tác phẩm nào đó của tương lai.”*



Tranh của họa sĩ Khánh Trường

Đến đây, phải nói là tôi “có vấn đề” với ông Khánh Trường. Trong một bài viết trước đây ba năm, tôi có ví cái công việc sáng tạo với quá trình... thụ thai và sinh nở của người nữ. Bây giờ hãy nói thêm: không phải cứ phận làm mẹ mang nặng đẻ đau thì rồi đau vào đó, mẹ tròn con vuông, vui vẻ cả nhà. Sáng tác gia, biết bao người mang nặng đẻ đau nhưng không phải ai cũng được may mắn sung sướng. Để non, để ngược, để con tật nguyền, để con tử sản. Có khi con không hề hấn gì thì mẹ lại vượt cạn muôn trùng hiểm nguy: băng huyết, hậu sản, tử vong

v.v... Ông KT “không ngừng tìm cách lấp đầy khát vọng” sanh đũa con lý tưởng (vẽ bức tranh chưa vẽ) “bằng hành động đầy ải chính mình giữa một vòng tròn khép”.

Tôi thương ông vất vả như tôi thương tất cả những ai đeo đuổi công việc sáng tác từng ném mùi cay đắng, thất bại, khổ đau. Nhưng tôi cũng “có vấn đề” với ông vì tôi nghĩ rằng chính ông là người đang làm khổ lấy mình. Tôi không đề nghị ông chấm dứt công việc bất tận “vẽ, tìm kiếm – tìm kiếm, vẽ – vẽ, tìm kiếm”. Tôi chỉ muốn nói về một cái nhìn khác.

*

Tôi sinh trưởng ở cố đô Huế. Chế ngự kho tàng hình ảnh trong trí nhớ thời niên thiếu là thành quách đền đài, chùa chiền miếu mạo. Nhớ về quê hương là nhớ về những cảnh tượng hùng vĩ thâm u, là nhớ đến cái không khí đơan nghiêm cẩn mật. Từ cửa Ngọ Môn sừng sững uy nghi cho đến ngôi miếu nát trong khu vườn hoang lạnh. Từ chùa Thiên Mụ trên đồi cao hoang tĩnh cho đến những cái “trang” nhỏ nằm rải rác chốn bụi bờ. Ấn tượng sâu đậm của một thế giới với nhiều màu sắc vốn rực rỡ nhưng đã phai nhòa, những bài biện huê dạng nhưng đồ nát. Quá khứ có mặt ở đây, hương sắc mà điêu tàn, cao sang mà áo nã. Có lẽ vì thế mà ở tuổi mười bốn mười lăm tôi đã yêu mê mọt câu thơ Huy Cận: *Trên thành son nhạt. - Chiều té cú đầu...*

Cái “*thành son nhạt*” kia không phải chỉ là bóng dáng rơi rớt của chốn thần kinh, nơi chôn rau cắt rốn của bản thân tôi. Xa cách quê hương từng lục địa, từng đại dương, người họa sĩ trẻ mấy chục năm về trước đã lấm lức, cọ vẽ trong tay, thả hồn về thành Qui Nhơn, trấn Gia Định, về năm cửa ô Hà Nội, những nơi chốn chưa bao giờ thấy tận mắt. Cũng như mấy chục năm sau ở Paris, một Trần Vũ tưởng tượng ra những mái ngói âm dương “*phố cổ Hội An*”, người họa sĩ trẻ năm xưa đã có lúc hình dung Lạc Long Quân, mắt sáng như sao ngồi cạnh bà Âu Cơ nghiêng nghiêng mặt ngọc... Rồi có khi nghe tiếng hú vang trời, trống đồng dồn dập, khi thì thấy “*Non Kỳ quạnh quẽ trắng treo / Bến Phi gió thổi diu hiu mấy gò*”... “*Thành son nhạt*” uy nghi, lẫm liệt, mà cũng bi thiết, thê lương. “*Thành son nhạt*” là hình ảnh và sắc màu khai quật từ vô thức cộng đồng, sàng lọc, giữa mài, đẽo gọt, gắn ráp thành hình tượng, hình tượng cá biệt do tâm tư bản thân người nghệ sĩ mà lại biểu hiện sắc thái của cả một giống nòi.

Mấy chục năm trên đường lưu lạc hội họa, tôi đã “đi hoang” khá nhiều. Ở Paris, tôi khoái cái duyên, cái “*joie de vivre*” của trường phái Paris. Ở New York tôi mê cái ngang tàng, cái bung phá của trường phái New York. Ở San Francisco, tôi chịu cái khúc chiết, cái khoan hòa của trường phái Bay Area. Nhưng ở đâu, đi đâu, tôi cũng nhớ về, khắc khoải nhớ về cái “*thành son nhạt*” kia. Đúng như KT đã viết trong bài nọ:

“Tóm lại, nghệ thuật trước tiên và mãi mãi là chuyến tàu tốc hành vun vút tiến về tương lai, chạy xuyên qua nhiều cảnh thổ, nhưng luôn luôn được định hướng bởi hai đường ray là mạch ngầm chảy trong cơ thể. Mạch ngầm đó, cũng giống như mọi dòng chảy khác, tất nhiên phải khởi từ một nguồn cội. Đối với chúng ta, nguồn cội kia chẳng phải nơi chốn nào xa lạ: Việt Nam.”

Ông KT viết như thế chứ chỉ qua vài họa phẩm của ông in lại thôi cũng dễ dàng thấy được ông không phải là một họa sĩ trong dòng “*tình tự dân tộc*” và “*màu sắc quê hương*”, trong nghĩa khai thác những biểu tượng sáo mòn được đám đông ưa chuộng. Ông “*đã và còn khổ sở ngày đêm vì khát vọng thành tựu một bức tranh “để đời” vẫn nằm hoài trong dự tính!*”. Trong tâm tưởng ông, cái miếu hoang ở cuối “*góc phố thoi thóp trong màu chiều nhá nhem*” là hình ảnh đọng lại trong tiềm thức của đũa con một “*dân tộc luôn triển miên trong chiến tranh, đói nghèo, và thù hận*”. Và ông ước ao một ngày vẽ được trọn vẹn nổi ám ảnh ấy.

Tôi nghĩ rằng nếu bức tranh KT vẽ bây giờ không (hay chưa) biểu hiện những nỗi ám ảnh của ông, bởi vì ông chưa “dọn mình” đầy đủ để những ám ảnh ấy có chỗ mà thoát thai. Nếu ông đã sẵn sàng mỗi khi cầm cọ chấm màu đưa lên mặt tranh, đương nhiên đó là lúc ông trở về với cái miếu hoang ở góc phố kia. Ông có thể vẽ bất cứ gì (để tài) nhưng rốt cuộc ông chỉ vẽ những gì trong tâm tưởng (*bút pháp*). Bức tranh chỉ là một sản phẩm. Chính sự sống của cái vẽ mới là nghệ thuật. Và nghệ thuật thì luân lưu vô cùng. Với điều kiện là người nghệ sĩ chân thành hết mình trong sự sống của cái vẽ.

Đã từ lâu, lâu lắm, chẳng những tôi thôi không vẽ những gì vẫn được gọi là “*tinh tụy dân tộc*” và “*màu sắc quê hương*” mà tôi còn từ bỏ cả hình thể ngoại vật của một không gian ba chiều. Vậy mà mới hôm kia, một vạt màu trong bức tranh gần đây làm cho tôi ngẩn ngơ. Tôi không chủ tâm tạo thành vạt màu đó, vậy mà nó lại hiện ra, và bây giờ nó có mặt cùng tôi. Tôi sực nhớ, và tôi lục tìm được một số *Văn Học* cũ, có bài của Trần Vũ, trích dẫn một đoạn ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường (số 74, tháng 6 năm 1992):

“Thỉnh thoảng, tôi vẫn còn gặp trong những ngày nắng đem áo ra phơi, một sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa: màu áo điều lục với loại vải vân thưa, màu xanh trầm lộng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện.

Đọc lại đoạn văn này, tôi càng ngẩn ngơ. Cái “*thành sơn nhật*”, nó ẩn náu lâu nay ở đâu để bây giờ chui vào tranh tôi? bằng cách gì? để bây giờ lại hiện ra dưới “*màu xanh trầm lộng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện*”? Ngẩn ngơ hồi lâu rồi tôi tự trả lời là tôi không biết, và tôi cũng chẳng cần biết.



Tranh mộc bản của họa sĩ Võ Đình

Tôi chỉ biết rằng lúc tôi cầm cọ (*hay dao, hay... đình, dạo sau này tôi thường sử dụng một cây đình lớn, loại dùng đóng máng nước, dài chừng mười lăm phân tây!*) tôi sống hết mình, sống trọn vẹn, sống với tất cả ý thức và tâm thức, của chính tôi, sống với sự hiện hữu của những vật vô tri tôi có trong tay. Cứ như thế tôi vẽ, và những gì đã tạo tác nên tôi, những gì đem lại cho tôi hoan lạc và khổ đau, cấu xé và an tịnh, tất cả được thể hiện trùng trùng và phong vũ nội tâm chuyển hóa thành hình tượng. Những hình tượng không sao chép, không mô tả, không khuôn rập, không “Đông”, không “Tây”, không “cổ”, không “kim”, nhưng thật, thật và viên mãn tự thân. Cứ như thế, cái tôi nhỏ nhoi này làm tròn phận sự là chất liệu đã tạo nên dân tộc tôi, hơn thế nữa, tạo nên Con Người, như một khúc xoắn siêu vi DNA đã mang đủ trong mình tất cả bản sắc của một sinh vật toàn diện. Tôi không khát vọng một ngày nọ tôi sẽ vẽ được “*bức tranh trong đầu*”. Bởi vì ngày nào tôi cũng vẽ nó.

Thay vì, như ông KT, dằn vặt với một nỗi “*khát vọng khôn nguôi*” vì “*bức tranh không bao giờ vẽ*”, tôi muốn nói rằng chúng ta, dù muốn dù không, luôn luôn vẽ bức tranh đó mỗi khi cầm cây cọ trong tay và vẽ hết mình. Không phải vẽ “*những chi tiết đặc thù*” (...) *từng bám rễ trong đầu suốt thời gian dài, đến thuộc lòng*. Mà là vẽ với tất cả con người của mình, tất cả tâm thức. Chúng ta đọc sách, thấy người xưa “*ăn chay nằm đất*”, “*đốt trầm hương*”, vân vân, để chuẩn bị đón nhận những gì cực kỳ trọng đại trong đời. Ngày nay, trước khi huơ tay vẽ lên khung tranh, thiển nghĩ chúng ta cũng nên sửa soạn cho một cuộc lên đường của thân tâm. Có thể bức tranh được vẽ ra không chứa đựng những “*chi tiết đặc thù*” đã ám ảnh khôn nguôi người họa sĩ. Nhưng nhất định nó không phải là “*những bản nháp, những phác thảo cho một tác phẩm nào đó của tương lai*”.

Dù muốn dù không, bức tranh được vẽ ra là hiện thân từ một sinh kiếp của “*bức tranh trong đầu*”. Một hiện thân toàn vẹn. Không phải cho tương lai, mà cho bây giờ. “*Tác phẩm nào đó của tương lai*” hình thành mỗi lần bàn tay làm công việc vẽ. Từng nét, từng màu, từng hình tượng. Ví như tôi hút không khí vào buồng phổi, tôi thở, là cho bây giờ. Ngày mai, tháng sau, năm sau, tôi còn hiện hữu cũng là nhờ ở hơi thở hôm nay.

*

Có người hỏi đại danh họa Pháp Edgar Degas (1834 – 1917) khi nào thì biết rằng một bức tranh vẽ xong, Degas trả lời: không bao giờ xong, vẽ hoài rồi đến lúc phải bỏ đi thôi. Degas dùng từ *bandonner*: từ bỏ, rời bỏ, bỏ bê, bỏ hoang, bỏ phé. Vẽ hoài rồi không tiếp tục nữa, không gọi là hoàn tất, phải dứt ngang, đoạn tuyệt, bỏ.

Nói vậy, chứ ai đã từng biết chiêm ngưỡng tranh Degas đều biết rằng họa phẩm của ông không phải là những công trình thiếu sót, hụt hơi. Nét bút Degas uyển chuyển, sắc bén, chính xác. Màu sắc Degas, nghệ thuật bố trí của Degas dung dị, viên mãn. Vậy sao lại có chuyện coi như chưa vẽ xong, mà lại bỏ, không vẽ tiếp? Giai thoại Degas này đã ám ảnh tôi trong bao năm trời, từ thuở còn ở tuổi hai mươi. Bây giờ thì tôi biết là tại làm sao. Thì ra cái vẽ nó không ở trong bức tranh, trong tấm vải, trong mảnh giấy. Cái vẽ nó nằm trong tâm mình. Khi cái tâm cho là đầy, là đủ, thì cái tranh được coi như hoàn tất. Nghĩa là đến lúc phải ngừng, phải “bỏ”. Thêm nữa là thừa.

Có một cái gì nghe như phi lý ở đây: vẽ một bức tranh đến một lúc nào đó phải biết từ bỏ nó đi? Như thế mới có được “*bức tranh vẽ mãi không rồi*”. Đúng vậy, bởi vì “*bức tranh một ngày sẽ vẽ*”, hay “*bức tranh không bao giờ vẽ*” là những ảo ảnh, những bức tranh ma. Chỉ “*bức tranh vẽ mãi không rồi*” mới là có thật.

Như đã nói ở trên, “tôi không đề nghị ông KT chấm dứt công việc bắt tận: vẽ, tìm kiếm – tìm kiếm, vẽ – vẽ, tìm kiếm”. Tôi không đề nghị vì lẽ đương nhiên: *Không còn tìm kiếm và làm việc (vẽ) người họa sĩ không còn sống với hội họa nữa*. Thủ công, trang trí là những nghệ thuật có giá trị riêng, và đáng yêu đáng kính nếu ở một trình độ cao. Trang trí như cổ Ai Cập, Ấn Độ, thủ công như Ba Tư, Thổ và ngay cả ở Đông Á, thủ công và trang trí truyền thống Nhật - Hoa, đã đạt đến siêu đẳng. Duy có điều mỉa mai: (Vẽ) trang trí ở trình độ cao trở thành hội họa, trong khi hội họa thấp kém chỉ còn là “trang trí”. Hội họa không dấn chân lên đường mòn mặc dù hai bên đường có nhiều hoa thơm cỏ lạ. Hội họa đi tới và khám phá không ngừng.

Tuy rằng tôi không đề nghị ông KT thôi tìm kiếm, tôi vẫn thắc mắc về chuyện tìm kiếm cái gì, và tìm kiếm thế nào. Lẽ dĩ nhiên đây là thế giới riêng tư của mỗi nghệ sĩ, giống như quan niệm cá nhân về lý tưởng và hạnh phúc. Thế giới riêng tư này, chúng ta chỉ có thể trình bày, biểu lộ. Chúng ta không có quyền và không thể ép buộc người khác có cùng quan điểm và mục tiêu.

Điều mà chúng ta có thể nhận định rõ ràng là hoàn cảnh chung, mẫu số chung, của chúng ta. Hoàn cảnh đặc thù của những kẻ cầm cọ có cội nguồn và quá khứ ở Việt Nam, bất luận hiện đang ở trong hay ngoài nước. Hoàn cảnh đó có những sắc thái và điều kiện đặc thù mang tính quyết định về sự chọn lựa hướng đi của chúng ta. *Con không chê cha mẹ khó, chó không chê chủ nghèo*. Chúng ta không thể, và không muốn, thoát ra khỏi định mệnh đó.

Chúng ta cầm cọ vẽ dưới sức nặng khủng khiếp của năm trăm năm hội họa Tây phương và gấp đôi thời gian đó, hội họa Trung Quốc. Cho nên chúng ta không có cách gì sáng tạo, nói cách khác, cấu tác một hiện hữu khác của chính ta mà không phải là ta, nếu chúng ta không biết rõ chính mình. Tôi muốn nói rằng đó mới thật sự là tìm kiếm. Sự tìm kiếm thông thường – bút pháp, kỹ thuật – chỉ là kết quả của sự tìm kiếm bản thân. Picasso, sinh trưởng ở Tây Ban Nha, sống và vẽ suốt đời ở Pháp, từng nói: “*Je ne cherche pas, je trouve*”. Ý rằng tôi không tìm kiếm chi cả, tôi tìm được thôi à! Chúng ta không dễ gì nói được câu đó. Chúng ta còn phải tìm kiếm dài dài. Tìm kiếm với tất cả sự kiên nhẫn và an nhiên. Không uất hận. Không thành kiến. Không mặc cảm. Và quan trọng hơn cả, không gian lận. Chúng ta ưa nói rằng nước Việt Nam ta có bốn ngàn năm văn hiến. Nếu trái đất và nhân loại còn hiện hữu bốn ngàn năm nữa, chúng ta còn có những bốn ngàn năm để những thế hệ tương lai tha hồ thẩm định và phê phán sự tìm kiếm của chúng ta.

Cũng ở trong đại gia đình cầm cọ, tôi đọc bài của ông KT và tôi cảm thương, muốn đưa ra một cái nhìn khác. Tôi không nghĩ là khó hiểu nếu cái nhìn này chỉ có giá trị với tôi mà thôi và không giúp ích được gì cho người khác. Không khó hiểu nhưng vẫn là đáng tiếc.

Ở đây không có vấn đề đúng hay sai. Ở đây chỉ có người họa sĩ đối diện với chính mình. Một mình trong phòng vẽ, cách biệt với tất cả, người họa sĩ có thể coi khung vải (hay tờ giấy, tấm gỗ...) trước mặt như một vật thể trong không gian. Có sự chờ đợi và thách đố. Giản dị hơn, anh hay chị ta cũng có thể lặng lẽ coi đó như một tấm gương. Một tấm gương lớn phản chiếu toàn thân.

Khánh Trường Thụy Khuê

Rồi một ngày nào đó, người ta sẽ phải làm công việc tổng kết những tác phẩm viết về cuộc chiến hai mươi năm, sẽ tìm thấy những khác biệt sâu xa giữa những ngòi bút Bắc-Nam, hải ngoại-trong nước về cùng một đề tài. Biết đâu từ những khác biệt ấy, người ta có thể lần hồi vẽ lại được một thứ chân dung chiến tranh gần với sự thực hơn, gần với con người hơn những tấm bích chương phóng đại, tô màu, đã từng được dán trên tường, trên đường, khắp nơi, thời bình cũng như thời chiến.

Khánh Trường là một trong những tác giả mà người đọc sẽ có ngày tìm đến, khi muốn tái nhận bộ mặt chiến tranh, tìm hiểu những lũy tích đạn bom trên cơ thể và tâm linh những người sống sót.

Những truyện ngắn của Khánh Trường được in trong ba tập: *Có Yêu Em Không* do Tân Thư xuất bản năm 1990, tái bản năm 1997, *Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng*, Tân Thư và Thời Văn năm 1991, *Chung Cuộc*, Tân Thư 1997 ở California, Hoa Kỳ.

Có Yêu Em Không chứa đựng một thứ bạo vũ dục tình, nảy sinh từ bạo tấp chiến tranh, và không khí này xuất hiện trong hầu hết những truyện ngắn hay nhất của Khánh Trường. *Mưa Đêm* là cuộc cãi vã của cặp nhân tình: cô gái điếm và gã lính bại trận, tử thương, là màn ấu đả giữa sống và chết, giữa người và ma, là cuộc giao tranh giữa mộng và thực, giữa hồn và xác

hay là trận ác chiến giữa những thực tại tối tăm nhất của con người. *Bí Mật Của Rừng Già* giao lưu thú tính và nhân tính trong lòng một tên thảo khấu cuồng sát, đàn em Pol Pot.

Biến Cố Trong Rừng Tràm đặt câu hỏi về những tội ác khủng khiếp đã có thể xảy ra cho những kẻ vượt biên kiệt lực, cùng đường. *Những Mảnh Đạn* là đoản khúc yêu đương xuyên cõi âm dương, là trái mìn nổ chậm trong thân xác và vong linh những người còn sống mà đã chết.

Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng dấy lên khát vọng yêu thương của những trẻ tật nguyền, hậu quả của những tội tình, tội ước. *Những Thâm Cỗ Nát Trong Khu Rừng Hoang* mở xé khía cạnh bạo tàn của một thứ luân lý, đạo đức thời trung cổ. Và *Chung Cuộc* viết về sự gặp gỡ của hai thân phận bị cuộc đời sa thải.

Giữa mùi tử khí, giữa những xú uế dòi bọ uất lên nơi những xác chết đã thối rữa chường sinh, phả ra một *tình bạn* dai hoai thắm đậm, một *tình bạn* chết người, một thứ *tình bạn* đĩa đói, nó theo con người vào cõi chết và cứ sống dai, sống dài sau cái chết. Người ta thường thấy những đối thoại giữa lính sống và lính chết, những cãi lộn, đánh đá cá cây giữa gái điếm sống với những gã tình nhân lính đã chết toi chết tiệt từ kiếp nào kiếp nào.

Khánh Trường vừa viết vừa chửi thề văn chương chữ nghĩa, vừa viết vừa nhỏ bọt vào luân lý của cuộc đời. Vừa viết vừa hiếp dâm những thứ tình lãng mạn lý tưởng.

Người ta làm văn nghệ với những vai vế, chức sắc trong làng, Khánh Trường lính trơn, không bằng cấp, không quá khứ văn chương, nhảy vào văn đàn như một tên du đảng cướp điển đàn của các vị đại ca.

Người ta làm văn chương với những sứ mệnh, những nhiệm vụ cao cả, Khánh Trường kẻ phi số mệnh, phi đường lối, khơi khơi đi vào văn chương như một gã say rượu, loạng quạng chân nam đá chân xiêu, bạ mồm bạ miệng, điếc không sợ súng.

Nhưng sáng tác nào là không phát xuất từ những điếc đui dò dẫm?

*

Khánh Trường xuất hiện cùng thời với Cao Xuân Huy và Hoàng Khởi Phong ở hải ngoại (1), cả ba là những ngòi bút lính viết về chiến tranh, về cuộc đời, với đặc điểm thẳng thừng : nói thẳng, nói thật.

Khánh Trường họ Nguyễn, sinh năm 1948, sang Hoa Kỳ năm 1986. Định cư tại California. Vẽ. Viết văn. Và làm thơ.

Năm 1988, xuất bản tập *Đoản Thi* Khánh Trường. Từ tháng 10 năm 1991, chủ biên tập san *Hợp Lưu*, đăng các sáng tác, biên khảo, cả trong lẫn ngoài nước.

Trách nhiệm tờ *Hợp Lưu*, con đường văn nghệ của Khánh Trường đã gặp nhiều cản lực của đôi bên, và ngòi bút của Khánh Trường cũng lại ngược dòng, chiếu những tư tưởng "phản kháng" vào một cộng đồng văn chương có những nét bảo thủ, thích những khuôn mẫu thời trang. Ở thời điểm mà những người làm văn ở hải ngoại còn đang lâm ly khốc thương cho một "quá khứ vàng son", cho những "lý tưởng tự do" chưa đạt đích, những "buổi mai về xây dựng lại màu cờ"... thì Khánh Trường lù lù xuất hiện với cái tôi lính tráng, cái tôi rượu chè, cái tôi du đảng, mở miệng là chửi thề, hùng thì ít mà hèn thì nhiều.

Khánh Trường là kẻ ngược dòng thời đại, ngược dòng nước chảy. Khi người ta khốc thương quê hương, nhớ nhung lãng mạn, ca tụng tình yêu, ca tụng cái chết sĩ khí thì Khánh Trường lãng nhục thứ văn chương điểm đàn, lừa thầy, gạt bạn.

Khi người ta ca tụng những cao cả của sự vượt biên tìm tự do như lẽ sống của con người, thì Khánh Trường nói huỵch toẹt cái lý do vượt biên kỳ cục của những kẻ giống mình: "*Tôi ra đi chẳng phải vì căm thù chế độ, vì bị kềm kẹp khủng bố, mà chỉ vì bị quyến rũ bởi những tấm hình màu, những thùng quà đầy ắp, những tape nhạc, những băng video, những xếp đồ la dầy cộm của bà con bạn bè bên Mỹ gửi về.*"

Đề rồi, nhiều năm sau trên đất Mỹ, trên "thiên đường mới", anh nhận thấy *"sự bơ vơ cùng cực của mình, trên một xứ sở sống gần 15 năm, sao vẫn như kẻ lạ."*

Thế giới của Khánh Trường là thế giới của những kẻ ngoại đạo, tà đạo, ngược lộ, ngạo nghễ, nghênh ngang, du côn, sống còm, chết bỏ, đối chọi với một thế giới chính giáo, khép kín trong những công thức cảm tình, những nhớ nhung vờ vĩnh, những thiên đường giả hiệu của những kẻ không tuân chay nào là không có nước mắt.

Tàn nhẫn nhưng thành thật đến độ phũ phàng, những nhân vật của Khánh Trường, không có tên. Chúng thường mang những danh xưng như: con đĩ, hấn, thằng cha, người đàn bà, thằng nhỏ, con nhỏ... Nếu có tôi thì cũng là cái tôi tàn mạt, vừa dâm, vừa ác, vừa hèn.

Những nhân vật của Khánh Trường coi thường tội lỗi, xỉ nhục đạo đức, một thái độ giới hạn giữa có luân và vô luân.

Thái độ đó bởi đâu? Phát sinh từ cái gì? Nếu không phải là từ những xác chết? Từ những trái phá phàng phũ ngoan cố chớp mắt đã xé nát những thằng bạn du thủ du thực đang ăn tục nói phét với nhau, bông lăn đùng ra, đũa mắt đầu, đũa mắt chân, đũa lò ruột, bên cạnh những đồng thịt bầy nhầy vụn nát của những thằng chết bằm.

Những truyện ngắn hay nhất của Khánh Trường đều xoay quanh "cái đó". Và từ "cái đó" nảy sinh thái độ ngạo mạn, thái độ dừng dừng, đưa đến bạo lực, bạo tình.

Ở Khánh Trường là những thái quá. Là hiện tượng chiến tranh nổ chậm trên thể xác và tâm linh sau ngày đình chiến.

Những trái phá đó bị bỏ rơi, bỏ quên, tích tụ lại trong các hạch, các tuyến, các não thùy của người sống sót, và bất cứ lúc nào cũng có thể hồi sinh, mừng mủ, chạy cùng cơ thể như những chân rết nọc độc ung thư, như những trái mìn nổ chậm mà chắc.

Nhân vật của Khánh Trường là những kẻ dù lạnh mạnh thể xác, cũng tàn tật tâm linh, nam hay nữ, già hay trẻ, ít nhiều họ đều đã bị dính vào mìn cá nhân, mang những mảnh đạn chiến tranh trong cơ thể. Những truyện ngắn *Có Yêu Em Không, Bí Mật Của Rừng Già, Biến Cố Trong Rừng Tràm...* đều có dấu vết của tạc đạn, của bạo tàn, của thần chết, của giết chóc, dẫn đến quẫn trí, đục tình và bạo lực. Nhưng trên tất cả các hung hãn bạo lực ấy, bao giờ cũng le lói chút tình người. Chỉ một chút thôi. Đủ cho thấy cái tình người nhỏ nhoi và khan hiếm ấy nếu cứ bị cưỡng hiếp lâu dài thì sẽ có ngày tuyệt kiếp.

"Kh. đứng trên gò đất cao, hét khản giọng: Thằng Toàn mang cây M60 qua góc trái... Rồi, bắn vào chỗ bụi cây kia cho tao... Không phải, bụi cây lớn sau đám tranh kia kia... Đụ mẹ ngu như con bò. Tao bảo bụi cây sau đám tranh. Mày không thấy lửa khạc ra chỗ đó sao? Tiếng đại liên nổ thành chuỗi giòn giã, lá cây tung tóe, những chiếc nón tai bèo phóng chạy như biển vào góc rừng. Tiểu đội khinh binh đâu? Theo tao. Kh. nhảy xuống gò đất, khoát tay ra lệnh cho bọn lính, miệng không ngớt: Lên, lên... lên mau... Tôi chạy lúp xúp sau Kh., một thằng lính vượt qua mặt tôi, nó hét: Chuẩn úy cúi thấp cái đầu xuống, coi chừng không có chỗ đội nón... Tôi chưa kịp nhìn xem thằng lính là ai thì hấn bỗng bật ngựa ra sau, giấy đàn đạch, cái nón sắt văng khỏi đầu, lăn long lóc vào đám cỏ cao, cánh tay trái của hấn bung lên, đập vào ngực tôi, rơi xuống chân, co giật liên hồi. Tôi điếng người khiếp đảm, vội nhui vào một gốc cây, úp mặt sau lớp vỏ sần sùi, tay chân tôi run bắn, cây súng trên tay chực muốn rớt. Mẹ ơi, mẹ ơi, mẹ ơi... Tôi lấp bắp như một thằng điên. Chung quanh tôi, tiếng đạn rít, tiếng B40 bùng bùng. Trên trời, chiếc phóng pháo cơ chúí thấp đầu, hai tia lửa dài ngoẵng phóng ra. Tiếng nổ văng óc, cột khói bùng cao...

[...]

Nửa đêm, một trái pháo vu vơ rơi ngay hầm chỉ huy. Kh. chia ba với thằng tà lợt và tên lính truyền tin quả đạn. Khi đào hầm lên, phải cố gắng lắm bọn lính mới gom được một đồng thịt xương trộn lẫn cùng đất cát. Phần Kh., tôi chỉ nhận ra hấn nhờ chiếc thẻ bài và hai cái hoa mai

trên cổ áo. Cái chết đúng như lời một bài hát, chết thật tình cờ... Chết thật tình cờ! Phải, nhưng nhất định không nằm chết như mơ! Các ngài nghệ sĩ đôi khi lãng mạn một cách tàn nhẫn. Các ngài chẳng biết mẹ gì trận địa, thậm chí có ngài chưa từng thấy mặt ngang mũi dọc cây M16 nó ra làm sao? Trái M26 nó tròn méo thế nào so với trái MK3? Nên trí tưởng tượng của các ngài đôi khi làm bọn lính tráng chúng tôi những muốn văng tục. Chết như mơ! Đụ mẹ, bảy năm trong một đơn vị tác chiến thực thụ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một cái chết như mơ! Chỉ có chết tan xương nát thịt, như Kh., chết cụt đầu cụt tay, chết cháy đen giống cây than hầm, chết banh ngực lò phèo lò phổi, chết phơi bụng đồ ruột cút dái lòng thòng... như bao nhiêu thằng lính lớn lính nhỏ. Chết như mơ. Đụ mẹ, nói phét cũng vừa thôi.
(Có Yêu Em Không, NXB Tân Thư, 1990, trang 184-187)

*

Khánh Trường là một tác giả cần dán nhãn hiệu cấm trẻ em dưới mười tám tuổi. Có những khốc bạo thái quá. Có những sex số sàng. Có những triết lý dài dòng không cần thiết.

Nhưng nếu muốn thám hiểm bộ mặt thực của chiến tranh, thì không thể bỏ qua tác phẩm của Khánh Trường. Bạo lực hóa thân thành những chân rết ung thư khuẩn độc môi trường và đầu độc hạnh phúc.

Khánh Trường không muốn nhìn rõ biên giới giữa hai cực thiện ác, đạo đức và vô luân, nhân tính và thú tính. Ở mỗi hy sinh cho cuộc chiến đôi bên, người ta đọc diễn văn, cài huân chương, phủ poncho, phủ cờ. Tuyên trạng. Đứng sau bàn thờ tổ quốc, Khánh Trường táy máy gỡ micro giạt cờ, lật poncho để lộ những nét phê tàn hùng hã trên thân thể những tử thi nằm trong mồ liệt sĩ dưới đài hoa chiến thắng.

Paris tháng 5/1997

Chú thích:

(1) Hoàng Khởi Phong viết từ trước 1975, ở Sài Gòn. Khánh Trường

Phụ đính :



Chỗ tiếp giáp với cánh đồng

Tôi thường ngồi sau cửa sổ nhìn ra khu công viên mênh mông xanh mướt màu cỏ vào những buổi sáng, từ lúc trời còn nhá nhem đậm đặc sương mù đến khi nắng bắt đầu thấp sáng những đỉnh cây trồng dọc các lối đi tráng xi măng chạy quanh co ngang dọc. Nắng mai như lụa, êm và sạch. Rất xa, in mờ trên nền trời xám nhạt, chập chùng những khối chữ nhật thẳng đứng, cái thấp cái cao, nổi thành vòng cung rộng.

Căn nhà ở ngoại vi thành phố, tiếp giáp với khu công viên nên rất yên tĩnh. Ngày mới dọn đến đây hai đứa em trai tôi cực lực phản đối, chúng than buồn, mỗi lần muốn xuống phố phải đi bus, còn phải đổi tuyến những ba lần. Bo-ring, Huân, thằng em kế than phiền, và Nô-gút, cậu Út cần nhần. Mẹ tôi cũng đồng quan điểm cùng hai quý tử. Bà hợp với không khí xô bồ, lịch kịch lạc cạc suốt ngày đêm ở những chung cư. Ngược lại ba tôi và tôi rất bằng lòng chỗ ở mới. Về mặt kinh tế, nhà ngoại ô nên giá thuê rẻ, tiết kiệm được cho ngân quỹ gia đình một món tiền đáng kể. Về mặt tinh thần, không khí chung quanh trong lành, yên tĩnh, tâm hồn không thường trực căng thẳng như ở dưới phố. Từ ngày dọn về đây tôi ngủ ngon hơn, ăn nhiều hơn, sức khỏe khả quan hơn, và thích nhất là phục hồi được tập quán dậy sớm tôi đã đánh mất từ bao năm. Sau một giấc ngủ dài, thức dậy, ngồi trước khung cửa sổ nhìn ra, tầm mắt được giải phóng, không gian bát ngát đã giúp cho đầu óc tôi trở nên sáng suốt, nhiều vấn đề tưởng chừng bế tắc của bản thân, của gia đình không còn khiến tôi khổ sở bức xúc thái quá. Tôi nghiệm ra một điều, thiên nhiên quả đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của con người.

Để được ở trong căn nhà này, chúng tôi -hai bố con- phải tranh đấu khá gay go với mẹ tôi cùng hai cậu em. Đó là điều hi hữu. Bao nhiêu năm hai bố con đã quen với tính khí của bà, chủ quan, cực đoan và cứng như thép nguội! Tôi chưa từng thấy bất cứ kẻ nào lay chuyển được ý muốn mẹ, một khi bà đã xác quyết điều nào đó là đúng. Nếu sức khỏe tôi không suy sụp đến mức báo động, có lẽ ước muốn của hai bố con đã chẳng thể thành tựu.

Cho đến hôm nay, sau ba tháng, tôi vẫn còn ngạc nhiên về sự nhượng mộ của mẹ. Điều này làm tôi hoang mang. Tình cảm bà dành cho tôi ra sao? Đây là vị trí thực sự của tôi trong trái tim mẹ? Tôi không biết. Thực sự không biết. Đôi lúc bà tỏ ra quan tâm,

“Này, mẹ nghĩ con nên để ý đến nhân diện một chút, con gái lớn không thể cẩu thả được, chiều nay đi làm tóc với mẹ, sẵn ghé qua shopping sắm ít quần áo mới.”

“Thôi mẹ ạ, có bao giờ con ra phố đâu, sửa soạn làm gì, vừa tốn tiền lại thêm rắc rối, quần áo như thế này con nghĩ đã tương tất chán, ở Việt Nam chỉ hai bộ thay ra thay vào đâu đã sao?”

“Việt Nam khác, đây khác, may không làm đẹp cho may thì cũng đừng để tao phải mất mặt chứ.”

Mẹ tôi đột ngột thay đổi thái độ. Dù cố gắng để đừng nghĩ xấu về bà tôi vẫn không thể không kết luận việc bà muốn tôi “tương tất” hơn chỉ nhằm mục đích để tao khỏi phải mất mặt vì may. Ý nghĩ khiến tôi đau quặn ruột gan. Tôi, một nhân vật thừa trong gia đình? Một món đồ hư hỏng chiếm quá nhiều diện tích làm vướng chân vướng mắt mọi người? Nhưng lỗi nào phải tại tôi? Ai lại không muốn sinh ra với một nhân dạng toàn vẹn? Đáng lẽ mẹ phải hiểu điều đó chứ.

Luôn luôn, dù cố dấu, bà vẫn không che đậy được thái độ khó chịu về sự hiện diện “ngoài ý muốn” của đứa con gái mà thương ghét, vì lẽ đẽnh hay muốn trừng phạt một tội lỗi nào đó trong tiền kiếp, đã ném đại nó vào cuộc đời khi phần ngoại hình Ngài chưa kịp hoàn tất. Tôi như một cái giằm ghim sâu vào da thịt, nhổ ra chẳng đặng, để đó thì nhức nhối triền miên.

Nhức nhối, với mẹ và với tôi, đã đành. Nó còn lây lan cho mọi người trong gia đình. Hai đứa em trai tuy có thương tôi đấy, tôi biết, nhưng tôi còn biết hơn nữa, trong thăm sâu của tâm hồn, chúng nó không thể không nghĩ giá như tôi đừng có mặt trên cuộc đời này có lẽ mọi chuyện sẽ dễ chịu hơn. Tình thương của chúng dành cho tôi không phải thứ tình thương của những đứa em dành cho người chị có một nửa phần ruột thịt, mà đó là thứ tình thương của bậc vua chúa cúi xuống ban phát hồng ân cho bọn dân đen khổ khổ, tệ hại hơn nữa, của con người đối với lũ gia cầm! Tôi bi thảm hóa vấn đề quá chẳng? Có thể tôi nghĩ sai về chúng. Có thể mặc cảm tội nguyên khiến tôi nhìn mọi việc, mọi hành vi của người chung quanh qua lăng kính tối ám của lòng nghi ngờ chật hẹp. Nhưng biết làm thế nào bây giờ? Ý nghĩ, những ý nghĩ, luôn luôn như con dao hai lưỡi, nó cứa vào thịt da kẻ khác và cứa ngay trên trái tim mình, buốt nhức!

Chỉ có một người thực sự thương yêu tôi, đó là bố, đúng hơn, người đàn ông tôi đang gọi bằng bố.

Ông đến với gia đình vào năm tôi tám tuổi. Về người cha ruột, gần như tôi không biết gì ngoài những lời hằn học mẹ thường ném vào mặt đứa con gái tật nguyền của bà, “Nếu thằng khốn nạn không ăn chơi hư hỏng thì mày đâu đỡ người đỡ ngọm như bây giờ. Cha ăn mặn con khát nước. Nào có sai...”

Cha tôi ăn chơi hư hỏng thế nào? Và tại sao điều đó lại liên hệ đến sự bất hạnh của tôi? Có lẽ suốt đời sẽ không bao giờ tôi tìm ra câu trả lời.

Mọi cánh cửa hướng về dĩ vãng, ở đó có người đàn ông đã sinh thành ra tôi, đều bị mẹ đóng kín, khóa chặt.

Mỗi khi mẹ lồng lộn giận dữ, nhìn về mặt bố, tôi có cảm tưởng ông đau khổ nhiều lần hơn tôi.

Một đôi khi ông có nhỏ nhẹ can ngăn mẹ,

“Theo anh thấy nó đâu làm gì nên tội. Lẽ ra em nên công bình một chút, nó đáng thương hơn đáng ghét.”

Mẹ quát mắt, “Không liên quan đến anh, đối xử thế nào với nó là quyền của tôi, việc gì anh xía vô, hả?”

“Anh không có quyền, được đi, nhưng nó là con em, dẫu sao em cũng rút ruột sinh ra, nó càng bất hạnh thì em càng phải lưu tâm hơn mới phải chứ. Em không nghĩ như thế là tàn nhẫn, vô nhân đạo ư?”

Mẹ chụp chiếc ly trên mặt bàn ném mạnh vào khung kiếng cửa sổ. Mặt kiếng vỡ nát, mảnh thủy tinh rơi loảng xoảng xuống thảm. Đôi mắt bà trợn ngược, quai hàm bạnh ra, tiếng rít lọt qua kẽ hai hàm răng nghiến chặt,

“Anh bảo tôi tàn nhẫn, vô nhân tính, đã biết vậy sao còn lấy tôi? Tôi vô nhân tính, không phải người, anh lấy tôi, vậy anh cũng là súc vật à?”

Đồ đạc tiếp tục đổ vỡ. Mẹ lồng lộn như con thú điên. Tôi chết khiếp trong sợ hãi. Úp mặt vào hai bàn tay, tôi nức nở,

“Con lạy mẹ, lạy bố...”

Tôi không biết phải nói gì với hai người. Nỗi đau dâng lên chận nghẹn cổ họng, ngực tôi tức nhói, mạch máu căng dưới da, trong đầu có hàng trăm nhát búa nện dồn dập. Mẹ đập phá một lát, chùng như cơn giận đã nguôi phần nào, bà ngồi xuống sofa thở dốc rồi sầm sập đứng dậy xách ví ra khỏi nhà.

Tôi thu nhỏ người trên chiếc xe lăn, tiếp tục khóc nức.

Bố lặng lẽ đến gần, đặt hai bàn tay lên đôi vai xương xẩu của tôi bóp nắn nhẹ.

Cả hai đều im lặng, sự im lặng có khi kéo dài năm mươi phút. Qua sự im lặng đó, tôi với ông đều như đã tỏ bày với nhau rất nhiều.

Thường, cuối cùng tôi nghẹn ngào, “Bố ơi, con khổ quá.”

Ông ôm đầu tôi vào ngực, vuốt nhẹ bàn tay trên mái tóc còi cọc của tôi, thở dài, nhưng vẫn không nói lời nào. Tôi khóc, rất lâu, nước mắt thấm ướt ngực bố. Bao nhiêu năm tháng đã qua, từ lúc bập bẹ tập nói cho đến ngày hôm nay, đã là thiếu nữ, tôi chưa một lần thực sự hạnh phúc. Hạnh phúc, hiểu theo cái nghĩa khiêm tốn giản dị nhất: yên thân với phần số hẩm hiu định mệnh đã an bài. Trong gia đình, luôn luôn tôi cố gắng thu nhỏ mình lại, để đừng ai nhìn thấy, đừng trở thành một cái gai, một chướng ngại, thậm chí một duyên cớ khiến mọi người động tâm hoặc khó chịu. Nhưng nào có được, tôi càng ép người, càng muốn tan biến thì sự hiện diện của tôi trong mắt mẹ càng nổi cộm, bà cho rằng thái độ cam nín của tôi là một thách thức, “Trông kìa, mặt nó cứ trơ trơ như gỗ đá.” “Trời ơi, tôi phải làm thế nào? Nếu tôi vùng lên chống đối, được không? Chưa bao giờ tôi dám nghĩ đến điều đó. Mẹ, trong tuổi thơ tôi đồng nghĩa với một hung thần, một phù thủy đầy bùa phép quyền năng. Mẹ, trong tuổi lớn tôi là một người đàn bà bản chất đầy ác tính. Làm sao tôi chống đối nổi với bà? Mà chống đối để làm gì? Tôi không thể rời xa căn nhà của mẹ, tôi không thể đứng vững một mình trong cuộc đời. Tôi vô dụng. Tôi

như dây chùm gởi. Mặc cảm này có lẽ là một trong nhiều duyên cớ khác làm cho niềm sợ hãi của tôi đối với mẹ càng trở nên nặng nề không cách chi tháo gỡ. Tôi khóc, khóc mãi. Bố tiếp tục im lặng. Bàn tay vẫn vuốt nhẹ trên mái tóc tôi. Cho đến khi cơn đau dịu đi, tôi dần dần bình tĩnh trở lại.

Tôi bình tĩnh trở lại và chợt nghe, rất nhẹ, trong lồng ngực bố nhịp đập đều đều của trái tim. Bỗng nhiên tôi rùng mình. Mùi mồ hôi đàn ông toát ra đầy ngạt khứu giác khiến tôi ngây ngất như say.

Tôi lờ mờ hiểu sự xúc động không hẳn bắt nguồn từ tình cảm của một đứa con đối với bố, hình như bên cạnh nỗi đau còn có một ước muốn tối tăm nào đó đang dấy lên. Một ước muốn tôi không dám triển khai. Nó cũng què quặt và bất toàn như chính con người tôi.

Điều lạ lùng, mỗi lần như thế tôi luôn luôn nhớ lại hình ảnh đã nhìn thấy vào năm lên tám, cái hình ảnh như vết sẹo lớn, bám trong óc tôi mãi đến bây giờ, còn rõ mòm mọt và có lẽ sẽ chẳng thể tẩy xóa...

Căn nhà nằm khuất phía sau lũy tre rậm, chỗ tiếp giáp với cánh đồng. Bên trái cánh đồng, nổi rõ trên nền trời là vì tường cao của khu vực nhà máy chế biến bột ngọt. Phía sau vì tường, cột ống khói đồ sộ vươn lên, nhả vào không trung đám mây đen cuộn cuộn, năm này qua tháng khác, không một phút ngơi nghỉ.

Tôi thường ngồi trước chái hiên nhìn ra cánh đồng. Vào những tháng trồng cấy, màu xanh trùng điệp của lúa trải dài ngút tầm nhìn, sóng lúa nhấp nhô. Thỉnh thoảng, vài cánh cò chao nghiêng, vẽ thành đường vòng cung rộng rồi nhẹ nhàng đáp xuống, khuất biến vào ruộng lúa. Thuở đó tuổi tôi còn quá nhỏ để có thể cảm nhận được vẻ đẹp rất bình yên êm ả của thôn làng hồn hậu, ngược lại trong tôi lúc nào cũng sục sôi một nỗi buồn tủi trộn lẫn cảm hờn.

Bởi vì phía bên phải cách chỗ tôi ngồi khoảng ba trăm thước là khuôn viên một trường tiểu học. Nơi đó mỗi ngày hai buổi vang vang tiếng cười đùa nô giỡn của đám trai gái cùng trang lứa.

Nhìn chúng phơi phới hồn nhiên mà lòng tôi quặn thắt. Tôi thèm được đến đó, thèm chạy nhảy nói cười, thèm hòa nhập vào không khí tươi khỏe hân hoan kia. Nỗi thèm khát mãnh liệt đến độ có lúc tôi quên băng đôi chân tật nguyên, chồm người đứng dậy, đến khi mất thăng bằng ngã nhào mới bàng hoàng nhận ra tôi không giống chúng nó, chẳng thể là chúng nó. Và rồi tôi bật khóc, đau đớn, tủi nhục, tức tưởi. Đôi chân khốn nạn. Đôi chân như hai nhánh tre gầy cong vồng với hai bàn chân chân thiếu ngón. Đôi chân... Trời ơi, đôi chân... Tôi nguyện rửa số phận, tôi nguyện rửa những người đã sinh thành ra tôi, tôi nguyện rửa cả những đứa trẻ may mắn kia. Suốt buổi, tôi bò nhòai trên nền đất ẩm, như một con chó bị trọng thương lê lét vật vờ từ góc này qua góc kia của chái hiên với một cái đầu đã điên loạn vì khổ đau. Khấp người tôi đất cát nhem nhuốc và nước mắt vẽ trên khuôn mặt gầy xanh những đường vằn vện bản thủ.

Chiều xuống, bọn trẻ tan học ra về, khuôn viên ngôi trường trở nên yên tĩnh, rộng mênh mông. Một con sáo đáp đậu trên đỉnh chiếc cọc gỗ hàng rào cất tiếng hót lạnh lốt. Mây màu xám đục dâng lên phía sau rặng tre. Phút chốc bầu trời chùng thấp u ám. Sắp mưa. Tôi muốn bò vào nhà nhưng rồi mệt quá đành ngả người xuống chân vách, thiếp đi. Văng vẳng từ cõi mịt mù, tiếng mưa rơi rào rào rất nhẹ trên mái tôn. Tiếng mưa như một điệp khúc lê thê không thay đổi âm độ ru tôi chìm hẳn vào giấc ngủ, dù ở chỗ tối tăm nào đó trong khối óc mù lòa, tôi vẫn cảm nhận được cái lạnh đang thấm dần vào da thịt, có lẽ do nước mưa từ chái hiên nhỏ xuống, mang theo bùn đất văng tung tóe khắp thân thể.

Trong giấc ngủ nhọc nhằn, tôi mơ thấy mình đứng bật dậy, chạy nhanh qua miếng sân nhào sinh. Bầu trời ửng sáng, mây đen phút chốc tan nhanh và nắng bỗng vàng óng miếng sân chơi. Bọn học sinh từ các lớp học túa ra, chúng vây thành vòng tròn chung quanh tôi. Một đứa nói, “Đến phiên con Thục. Nhắm mắt lại. Tao đếm đến mười mới được mở nghe không?”

Tôi đưa hai bàn tay bịt kín đôi mắt.

“Một... Hai... Ba...”

Tiếng "mười" vừa dứt, tôi mở bừng mắt. Tất cả đều biến mất. Trước mặt tôi chiếc lon sữa bò móp méo đứng trơ vơ trên nền đất nện. Tôi quay đầu chung quanh kiếm tìm. Có thể một hai đang núp phía sau cánh cửa kia. Tôi ước tính khoảng cách từ chiếc lon đến chỗ khả nghi và khoảng cách đến những nơi khác. Nếu chạy thật nhanh từ đây tới đó và quay về, hy vọng vẫn còn đủ thì giờ bảo vệ chiếc lon. Tôi thực hiện ngay ý định. Vượt nhanh qua miếng sân chơi, tôi bước lên bậc thềm. Bỗng cánh cửa bật tung đập mạnh vào mặt...

Tôi ngã chúi nhủi trên nền đất. Tiếp theo, tiếng hét chói lói của mẹ,

"Con khốn nạn kia, trông người ngợm kia..."

Lại thêm một cái tát trời giáng nữa. Đầu tôi như muốn rời khỏi cổ. Cơn đau lòi tôi ra khỏi giấc mơ, choàng tỉnh hẳn. Trước mặt tôi không có lũ trẻ, không có miếng sân chơi, không có ống lon sữa bò... Chỉ có hình ảnh sừng sững mẹ với hai mắt trợn ngược, đôi môi mím chặt.

Mẹ đã về.

Mưa rì rào đều hạt. Chái hiên ướt nhẹ. Bùn nước văng tung tóe từ đầu đến chân. Tôi co người lại nhưng vẫn run bần bật, không hiểu vì lạnh hay vì sợ. Mẹ cúi xuống túm tóc tôi lôi xềch vào nhà, bà với nhanh cây chổi lông gà treo trên vách, quét tui bụi lên tấm thân tơ tã của tôi, miệng không ngớt nguyên rửa hò hét. Những ngọn roi đầu tiên có làm tôi điếng người vì đau thật, song đến một lúc da thịt bỗng tê dại, không đủ sức chuyển cái đau lên óc, tôi trở nên một cây thịt vô cảm giác, chỉ là người đi, mê tình chập chờn.

Cảnh đó tái diễn không biết bao nhiêu lần trong suốt những năm ấu thơ.

Trước khi mẹ tôi sửa soạn ra chợ -bà có một sạp bán chạp phô ngoài chợ- không bao giờ bà quên hăm he,

"Liệu hồn đấy, chỉ chơi trong nhà thôi, mà mà bò ra ngoài nghịch bẩn thì chết đờn nghe chưa?"

Dĩ nhiên tôi vâng dạ. Tôi nhớ đến những lần roi chưa tan trên thân thể, tôi nhớ đến khuôn mặt hung dữ và những lời nguyên rửa độc địa. Tôi nhớ hết, tự hứa sẽ không bao giờ ngu dại tái phạm. Nhưng chẳng được bao lâu, lưng bữa nửa tháng, ấn tượng của những trận đòn bắt đầu nhạt thì tiếng cười đùa nô giỡn của đám trẻ từ ngôi trường vọng lại, như một thôi thúc mê muội không ngớt xoáy vào tai. Đến nỗi cuối cùng chẳng thể cưỡng chống được sức quyến rũ mãnh liệt kia, tôi lại bò ra khỏi cửa. Để được nhìn ngó bọn chúng, được ước mơ chạy nhảy hân hoan như bọn chúng, và dĩ nhiên cũng để "được" tui hổ phần hận vì cái hồn nhiên phơi phới của bọn chúng. Tôi lại điên cuồng vật vã trên nền đất ẩm, lại nhếch nhác mũi dãi và lại đưa thân hứng chịu những ngọn roi tươm máu...

Một lần, sau trận đòn, mẹ lôi tôi về phía rặng tre, vát vào lùm tre gai,

"Rắn độc cắn chết mày đi, đồ oan gia nghiệt súc."

Nhìn vào mắt mẹ, tôi hiểu bà đang muốn thế thật. Cùng nỗi đau đớn và sợ hãi, trong lòng tôi dấy lên một niềm căm thù dữ dội. Chính niềm căm thù này đã biến tôi trở thành lì lợm. Tôi chiếu tia mắt tóe lửa về phía mẹ, miệng ngậm chặt, cố nén cơn khóc sắp trào ra. Nếu Trời Phật chí công, kẻ bị rắn độc cắn chết là bà chứ chẳng phải đứa con gái tật nguyên khốn khổ này đâu. Tôi tự nhủ và cầu mong điều đó trở thành hiện thực. Tôi vẽ ra trong đầu hình ảnh mẹ sóng soài trên mặt đất, co giật liên hồi, da tím bầm, mắt trợn trắng đứng tròn, bọt mép sủi tằm hai bên khóe miệng... Hình ảnh tôi từng nhìn thấy chỗ bờ ruộng hai năm trước, đã xảy đến cho người đàn ông ở cùng xóm. Một cảm giác há hê chạy rần rật trong mạch máu khiến tôi muốn cười lớn. Không để ý đến thái độ của tôi, mẹ quay lưng quày quả bước vào nhà. Tôi ngồi dậy, những vết roi tươm máu cùng lũ gai nhọn đâm vào da thịt tứ phía, tôi lịm người trong đau đớn. Tôi muốn bò ra khỏi bụi tre gai nhưng đôi chân khốn nạn cứ mềm èo như hai cọng bún, nhất định không tuân theo ý chí. Quay cuồng một lúc lâu, tôi vẫn chẳng thể thoát được ra ngoài. "Mặc, cứ nằm đây, thử xem có chết không, cũng mong chết được càng đỡ khổ." Tôi nhủ thầm. Một đứa bé tám tuổi, một con vật bất toàn đang phải chống chọi với người mẹ ác độc. Có ở trong hoàn cảnh tôi lúc bấy giờ mới hiểu hết sự tuyệt vọng cũng như thái độ liều lĩnh của tôi.

Chiều xuống nhanh, bóng tối bắt đầu nhá nhem. Gió luồn trong rặng tre u u như tiếng ma gào. Bỗng có tiếng gầm gừ phía sau lưng.

Tôi giật mình quay ngoắt lại.

Trên đường mòn, một con chó lông đen tuyền đang đuổi theo một con chó khác, nhỏ chỉ bằng nửa, lông rụng gần hết và ghê lở nham nhở, lại què mất một chân, chân trái, phía sau. Con chó đen tuy đuổi theo song có vẻ không mấy nhiệt tình, luôn luôn giữ khoảng cách khá xa. Con chó ghê thỉnh thoảng dừng lại, quay đầu nhìn như khuyến khích rồi lại lững thững chạy. Đến gần chỗ tôi ngồi, nó dừng hẳn, lần này nó ngoắc đuôi há miệng sủa ừng ừng. Con chó đen thận trọng tiến lên. Con chó ghê tiếp tục ngoắc đuôi và sủa ừng ừng. Con chó đen tiến thêm vài bước, ngằn ngừ đưa mõm vào háng con chó ghê khịt khịt. Bất ngờ nó nhảy chồm lên lưng con chó ghê. Tôi giật nảy mình kinh ngạc khi nhìn thấy "cái đó" đỏ au, dài ngoằng đang thúc liên hồi vào háng con chó ghê. Con vật ón yếu ghê lở kia cố gắng giữ cho thân thể đừng quở xuống dưới sức nặng của một trọng lượng nặng gấp đôi đang phủ trên lưng. Chiếc chân sau còn lại không ngớt run rẩy chực sụm xuống. Một lúc, con chó đen nhấc chân lên, xoay người lại, và cứ thế, chúng dính vào nhau, cả hai chiếc mõm đều há rộng, lưỡi thè dài ngoằng, phì phò thở... Cảnh tượng diễn ra trước mắt khiến tôi bàng hoàng quên cả đau nhức, sợ hãi. Thuở đó, tôi chưa đủ trí khôn để hiểu "hành động" kia nhằm mục đích gì. Nhưng rất rõ ràng, nó là một ấn tượng mãnh liệt khắc đậm trong căn não.

Bây giờ, mỗi lần bố ôm tôi trong lòng, mỗi lần tôi được hít thở cái mùi đàn ông toát ra từ thân thể bố, lắng nghe nhịp đập nhẹ nhàng của trái tim phía sau lồng ngực vạm vỡ, cùng lúc với nỗi đau đớn và sự thèm khát tối tăm mơ hồ, trong trí tôi luôn luôn bật lên hình ảnh kia, hình ảnh con chó què ghê lở cố nâng thân hình còm cõi của mình, cộng thêm trọng lượng của con chó đen trên một chân sau run rẩy. Nó khổ sở hay sung sướng? Tại sao? Bởi động lực nào nó ưng thuận một cách quá nhọc nhằn "công việc" đó? Và tôi nữa, tại sao hình ảnh kia lại hiện về với tôi mỗi lần nằm trong vòng tay bố?

Tôi không đủ khả năng để phân tích sự liên hệ kỳ lạ giữa hai sự cố.

Nắng bắt đầu thấp sáng những đỉnh cây trong công viên.

Một chiếc xe từ đường lớn rẽ vào lối đi tráng xi măng. Đậu lại. Từ trên xe cặp trai gái bước ra, họ đi nhau ngồi xuống cạnh một gốc cây. Người đàn ông quàng tay qua vai cô gái, vít đầu cô ta xuống. Hai người hôn nhau. Chiếc hôn kéo dài rất lâu. Bàn tay người đàn ông luồn trong áo đưa con gái. Tôi nhìn không chớp mắt hoạt cảnh đang diễn ra. Tôi nhìn, và khắp người nổi gai, rờn rợn. Bỗng nhiên tôi nghĩ đến bố. Tại sao bố mà không một người nào khác? Tôi chẳng dám triển khai câu hỏi. Tôi sợ. Có điều gì trong ý nghĩ tôi về bố. Một điều gì... Bắt đầu từ bao giờ? Kể từ buổi chiều mẹ vất tôi ngoài bờ tre, tám tháng sau bố đến với mẹ. Số phận tôi, nhờ bố, khá hơn trước rất nhiều. Tôi được bố mua cho một chiếc xe lăn và được đến trường. Tôi học giỏi. Điều đó cũng dễ hiểu. Tám tuổi, tính ra tôi học chậm hơn các trẻ con cùng lứa những hai năm, một phần khác, nếu không vin vào chuyện học hành tôi còn biết sử dụng thì giờ vào việc gì? Mẹ không còn đánh đập và ít nguyên rửa tôi như trước. Sự thù hận mẹ trút lên đầu tôi bắt nguồn từ người cha ruột mơ hồ nào đó của tôi, như một cách trả thù, đã dìm xuống nhờ sự hiện diện của bố. Ông mang đến cho mẹ nguồn nhiên liệu là tình yêu để bà thấp sáng lại ngọn lửa thanh xuân tưởng chừng tắt ngấm bao năm. Bà trẻ ra. Nhan sắc của một người đàn bà một con được phục hồi. Kinh tế gia đình cũng khá quan hơn nhiều. Chúng tôi dời nhà xuống phố. Mẹ sang lại sạp chạp phô cho người khác, phụ với bố trông coi một cửa hàng mua bán máy móc điện tử.

Cuối năm tôi mười tuổi, bố mang gia đình vượt biên.

Huân và đưa em kế liên tiếp ra đời trên xứ sở này.

Bất hạnh cho tôi! Chút tình thương nhỏ nhoi mẹ ban phát trong gần hai năm ngắn ngủi dần dần

triệt tiêu khi hai đứa em có mặt. Tôi bị ném trả về vị trí khốn nạn của mình. Vị trí của một đứa con gái tật nguyền xấu xí và vô dụng!

Nhưng dẫu sao tôi cũng đã quen chịu đựng điều bất công. Chỉ có bố. Tôi nghiệp bố. Quan hệ giữa mẹ và bố bỗng đổi khác từ ngày sống trên xứ người. Là đàn bà, lại có nhan sắc, mẹ dễ dàng và nhanh chóng hội nhập vào đời sống mới, bà bước qua một giai cấp khác lúc nào không hay. Trong khi mẹ mỗi ngày mỗi tiến nhanh về phía trước thì bố -ngược lại- cứ đứng mãi một vị trí, trở nên lạc hậu và có cơ nguy bị đào thải. Mẹ đi từ chỗ khó chịu về bố đến xem thường, cuối cùng là ngang ngược, hỗn hào. Ban đầu bố có phản ứng, nhưng dần dà có lẽ ông nhận thấy quyền hạn làm chồng đã mất, sự nể trọng không còn, phản ứng càng dữ dội bao nhiêu khoảng cách giữa ông với mẹ càng xa rời bấy nhiêu. Ông đành cắn răng đầu hàng. Cứ thế, ông trở nên một người đàn ông nhu nhược, sợ vợ và dĩ nhiên vô cùng cô đơn.

Hai đứa em mỗi ngày mỗi lớn, chúng có đời sống riêng của chúng, và, hình ảnh người cha có vẻ "vô tích sự" như mẹ vẫn thường chì chiết và "hèn" như chúng vẫn nhìn thấy chẳng nhiều thì ít khiến chúng không mấy hãnh diện về ông. Chúng trở nên xa cách với ông.

Chỉ còn tôi. Tôi hiểu được nỗi khổ, những dằn vặt đau đớn trong tâm hồn bố. Người đàn ông năng động tháo vát thuở xưa đâu rồi? Đời sống mới, môi trường mới, những giới hạn không thể vượt qua, đã hủy diệt "cái tôi" thật của ông, biến ông thành một hình nhân dẹt dờ phi cá tính. Ông không hèn. Bố không hèn, không bao giờ hèn. Tôi hiểu chứ, hiểu hơn ai hết điều đó. Nhưng bây giờ, cũng như tôi, ông là một người cô đơn và "vô dụng". Đồng bệnh tương lân. Chúng tôi nhìn thấy nhau và cảm thông nhau. Tôi thương ông. Ngoài tình thương của một đứa con dành cho bố, tôi còn thấy ở ông hình ảnh của một người đàn ông lý tưởng. Ông rộng lượng, vị tha, có tâm hồn. Ông xứng đáng để đón nhận cách cư xử khác hơn cái cách mẹ đang làm.

Năm nay tôi hai mươi tuổi. Một đứa con gái hai mươi tuổi dù tật nguyền xấu xí vẫn là người bình thường về mặt tâm trí. Tôi có những ước muốn của tôi, tôi có một mẫu đàn ông để nghĩ về. Mẫu đàn ông đó, có thể do sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài quá giới hạn, tôi đã không thể tìm thấy ở đâu khác ngoài căn nhà này, mà bố, là đại biểu.

Cặp tình nhân bây giờ đã ngã xuống cỏ. Người đàn ông gần như nằm hẳn trên đứa con gái. Họ tiếp tục hôn hít sờ soạng khắp thân thể nhau. Chiếc áo đứa con gái tóc lên, phơi hẳn khoảng da sườn trắng muốt. Từ chỗ ngồi của tôi sau cửa sổ đến cặp tình nhân là một khoảng cách khá xa, vậy mà tôi có cảm tưởng như nghe rõ tiếng môi lưỡi quấn quít, tiếng thở gấp hổn hển, và da thịt đứa con gái -không, da thịt tôi- dưới bàn tay của gã đàn ông, đang sần sượng tê dại. Tôi rướn người lên, nhắm mắt lại. Bàn tay của bố tiếp tục vuốt đều trên mái tóc tôi, bàn tay di chuyển dần xuống, bóp nắn nhẹ nhàng phần sau ót. Tôi rùng mình. Mặt vui sâu trong ngực bố, tôi thì thào,

"Bố ơi, con muốn chết."

"Không được nghĩ vậy. Con nên tha thứ cho mẹ. Bà ấy có những khổ tâm riêng. Con hãy cố gắng đặt mình vào vị trí của mẹ. Bố rất tiếc đã không giúp gì được cho con, bố cũng rất tiếc đã không làm mẹ vừa lòng. Chúng ta hình như đều bị đặt sai chỗ."

"Nhưng mẹ phải hiểu đâu phải lỗi tại con. Bố, cha ruột của con là ai? Ông ấy còn sống hay chết rồi? Tại sao ông ấy với mẹ xa nhau? Tại sao không bao giờ con nghe mẹ nói gì về ông ấy ngoài những lời nguyền rủa cay độc?"

"Bố nghĩ đó là một kỷ niệm đau đớn, một vết thương luôn mưng mủ mẹ muốn quên nhưng chẳng thể quên được, bởi vì, bất hạnh cho con, con là duyên cớ nhắc nhở, khơi động vết thương kia thường trực mỗi ngày."

"Vì vậy, con muốn chết."

"Vấn đề không phải ở đó, nguyên nhân không đến từ con. Chỉ là cái có, con hiểu không? Con chỉ là một cái có. Mẹ không thấu suốt điều này, vì thế mẹ làm khổ con, đã đành, mẹ còn làm khổ chính mẹ. Nếu con thấy được điều bố vừa nói, lòng con sẽ nhẹ nhàng hơn, và do đó con sẽ có đủ lý do để tha thứ cho mẹ."

“Không, con không hiểu, không thấy gì hết. Con căm thù mẹ. Bố ơi, con muốn chết, hoặc mẹ, mẹ phải chết. Bố ơi, như thế là bất hiếu, là súc sinh, nhưng... nhưng... ý nghĩ này cứ bám mãi trong đầu con, không thể tẩy xóa. Trời ơi, con khổ quá, con khổ lắm...”

Bố siết chặt tôi vào ngực, vòng tay bố rắn chắc, tôi có cảm tưởng từng lóng xương, từng sợi gân trong thân thể nhào ra, mềm nhũn. Tôi run lên. Miệng mở ra, tôi áp môi lên khoảng ngực bố, khoảng ngực với lớp vải áo đã ướt sũng nước mắt. Và tôi lại rùng mình.

Mùi mồ hôi đàn ông đầy ngạt khừu giác...

Con chó ghè bỗng sủa lên vài tiếng ngắn, chiếc chân sau duy nhất chột khụy xuống, một cơn run rẩy, tôi nhìn thấy rõ, rất rõ, cơn run rẩy chạy khắp tám thân gầy trơ xương, đồng thời nó rướn người về phía trước, chiếc mõm nhê nhếch nước dãi đang trào ra hai bên khé, đôi mắt đục nhờ vô hồn. Một lúc, chúng rời nhau. Con chó đen bước chậm một vòng quanh con chó ghè rồi lững thững lủi vào đám lau cao. Con chó ghè nằm xuống, dạng chân quay đầu liếm quanh háng. Lại sủa ăng ăng vài tiếng ngắn, gác mõm lên chân trước, đôi mắt khép hờ, lim dim như ngủ. Đám ruồi xanh bay loạn, bu đen trên những mảng ghè tươm mỡ. Con chó ghè thỉnh thoảng lắc mình, đuôi và hai tai ve vẩy...

Tôi ngậm lớp vải ướt sũng nước mắt giữa hai hàm răng. Tôi thèm ngậm sâu hơn, xuyên qua lớp vải, khoảng da thịt căng mềm ngực bố. Từ bao giờ, hai cánh tay tôi đã quàng quanh người ông, ngực tôi ép sát, khuôn ngực trinh nữ nhọn cứng, hai đầu vú cạ trên lớp vải, nhột điếng. Đứa con gái bỗng xoay người lật gã đàn ông xuống. Cô ta nằm hẳn trên thân thể gã. Hai hông nhô cao, nhấp nhòm như trong tư thế ái ân. Lần này cô ta cười lớn, tiếng cười vọng đến tận chỗ tôi ngồi.

Lác đác khắp khu vực công viên có thêm vài cặp nữa.

Ngồi, nằm, quán quít. Nắng lên cao, bóng mát của những tàng cây ngả dài trên cỏ. Hôm nay cuối tuần, công viên hứa hẹn sẽ đông như mọi cuối tuần khác.

Ba tháng, kể từ ngày dọn về chỗ ở mới, tôi gần như không bước ra khỏi nhà. Thú vui duy nhất của tôi hiện giờ là ngồi đây, có khi từ sáng tinh mơ đến chiều, nhìn ra khu công viên, theo dõi từng cặp tình nhân, thả hồn theo mọi hành động của họ và mơ mộng. Tôi đang dùng chữ “mơ mộng”. Đúng không? nếu gọi những điều nảy ra trong đầu tôi suốt nhiều tháng nay là “mơ mộng” thì kể cũng tội nghiệp cho ngôn ngữ loài người. Mơ mộng, một đứa con gái đang tuổi dậy thì, đã phát triển đầy đủ, có những đòi hỏi mãnh liệt của xác thịt, từ đó vẽ ra trong đầu bao nhiêu ảnh tượng tình ái đắm say, những ảnh tượng rất gần với cuộc đời thường nhưng cũng vô vàn lãng mạn, những ảnh tượng gắn liền cùng tiếng cười trong vắt thủy tinh, với cỏ, với hoa, với khoảng trời xanh lồng lộng, với suối nguồn vi diệu róc rách, với tóc thơm môi ngọt gọi mời... Còn tôi, tôi vẽ ra cái gì trong đầu? Sự đòi hỏi mù tối của thân xác trộn lẫn với niềm căm thù sâu sắc? Như thế có thể nào gọi được là mơ mộng? Tôi tật nguyên ở nhân dáng, đã đành, hình như tôi còn tật nguyên cả trong tâm hồn, óc não. Tôi, có lẽ đúng như lời mẹ thường nguyên rửa, một con thú, một kẻ “nửa người nửa ngợm”. Lời nguyên rửa đó mẹ lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần từ lúc tôi mới có trí khôn đến bây giờ, đã như một vết ố trong tâm hồn, đã như một sự kiện tất nhiên, riết rồi chính tôi cũng không dám tin mình đang là một con người. A, nếu quả thật tôi không là một con người như lời mẹ thì có chi tôi cứ bản khoăn mãi, khôn khổ mãi, tự dằn vặt mãi? Tôi không cùng “giai cấp” với con người, có chi tôi không sống theo cách của tôi, sống theo điều tôi muốn? Nhưng tôi muốn gì? Có thật tôi đang yêu bố? Có thật tôi đang nhìn thấy ở người đàn ông này cái nhu cầu cần thiết khả dĩ lấp đầy được ước vọng của tôi? Và bố, bố nghĩ về tôi thế nào? Một đứa con gái bất hạnh đáng thương xót? Một kẻ đồng điệu có khả năng chia sẻ tâm sự thầm kín? Một thân xác đàn bà -ngoại trừ đôi chân tật nguyên- cũng tròn vẹn đầy đủ như bất cứ người đàn bà nào khác? Tôi xấu, phải. Tôi bất toàn, phải. Nhưng tôi cũng là đàn bà. Đàn bà, đàn bà... Chứ sao? Tôi có cái quyền rũ của một con cái, một con cái trong mùa động cốn, người ngợm tôi chắc phải tiết ra mùi vị nào đó, mà bọn đàn ông, kể cả bố, cũng phải ngửi thấy chứ?

Bóng mát tàng cây chỗi cặp tình nhân thâm ngấn lại. Cỏ, trong nắng, xanh mướt một màu xanh lấp lánh. Gã đàn ông lần tay xuống phía dưới, lớp vải váy được vén lên, hai bắp chân to khỏe của đứa con gái nổi rõ trên nền cỏ mướt. Bàn tay gã đàn ông luồn sâu, đứa con gái oằn mình, cô ta rướn người bấu chặt hai cánh tay trên tấm lưng rộng. Tôi như nghe rõ tiếng thở của đứa con gái. Tiếng thở dồn dập, gấp rút...

Tôi siết mạnh vòng tay quanh lưng bố, thì thào,

“Bố ơi...”

“Gì con?”

“Tuổi tác có phải là một trở ngại giữa trai gái không bố?”

“Con hỏi, để làm gì?”

“Trả lời con đi bố.”

“Có thể có ... Mà cũng có thể không. Bố, bố chẳng hiểu, bố không rành lắm đâu.”

“Bố ơi...”

...

“Con... Con... Con... yêu bố...”

“Ờ, bố biết. Bố cũng thương con lắm, thương hơn cả hai anh em Huân nữa.”

“Không phải... Con yêu bố. Một người đàn bà yêu một người đàn ông. Bố hiểu chứ? Đàn bà... Đàn ông...”

“Ồ, Ồ... Con đang nói gì?”

“Con yêu bố... Yêu bố... Yêu bố.... Yêu con đi, bố, yêu con đi...”

Tôi nói, vấp vấp. Tôi nói, mê loạn. Tôi nói, điên dại. Bố đẩy tôi ra, nhìn xoáy vào mắt tôi, tia nhìn vừa kinh ngạc, vừa xót thương. Tia nhìn khiến cơn điên trong tôi trào vỡ. Tôi chồm tới, ôm siết bố. Hai cánh tay tôi như được tăng cường thêm sức mạnh, tôi cuống quýt ghì chặt mặt bố vào ngực, khuôn ngực con gái, khuôn ngực dậy thì, khuôn ngực căng như những đốm thao thức. Tôi nghe rõ hơi thở bố dồn dập rối loạn, phà nóng sau lớp vải mỏng.

“Đừng con, không được. Bình tĩnh lại con, bình tĩnh...”

Nhưng giọng nói bố đã bất bình thường, đã vấp vấp. Mùi vị đàn bà, mùi vị của một con cái, chứ sao, tôi biết, không thể cưỡng chống được đâu. Trong tôi, một niềm hoan lạc dâng lên. Bố phải thua, bố phải đầu hàng, bố phải ngã vào ước muốn của tôi. Ý nghĩ khiến tôi sung sướng dại người. Đôi chân tật nguyên, đôi chân như hai nhánh tre gầy chẳng nghĩa lý gì hết, và khuôn mặt tôi, khuôn mặt xấu xí, có vẻ man rợ đàn độn cũng chẳng nghĩa lý gì hết. Tôi đang là một con cái, tôi đang toát ra cái mùi vị đàn bà. A, bây giờ thì tôi hiểu, mùi vị đàn bà, mùi vị của một con cái! Con vật gầy nhom ghề lở, què một chân, miệng há hốc, nước dãi nhè nhếch hai bên khóe, chiếc chân sau độc nhất run lẩy bẩy cố chống đỡ để đừng quò ngã dưới sức nặng của một trọng lượng gấp đôi đang phủ trên lưng. Con vật thờ phì phò, hai mắt đục nhờn, đôi tai cụp xuống. “Cái đó” thúc liên hồi. Cơn rùng mình chạy khắp châu thân con vật khốn nạn. Tiếng sủa ửng ửng tắt nghẹn trở thành tiếng gầm gừ. Tôi hiểu. Tôi hiểu. Tôi hiểu rồi. Mùi vị của con cái! Bỗng nhiên tôi muốn bật cười lớn. Tôi hình dung khuôn mặt mẹ, khuôn mặt trắng hồng, hai gò má ửng đỏ, đôi mắt đen nhánh ướt tình, đôi môi bóng nhẫy, nụ cười nở bung những chiếc răng trắng lấp lánh. Mẹ nhìn tôi, nhìn chúng tôi, nhìn người đàn ông đang nằm trong vòng tay tôi, đang vui mặt giữa hai trái vú tôi, hai trái vú căng cứng, nhô lên hai đầu nhọn, mọng đỏ. Chiếc áo đã tuột ra quá nửa, hàng nút áo mở bung, da thịt mịn mướt chỗ khoang bụng... Đôi mắt đen nhánh không còn ướt tình mà trợn ngược chỉ còn tròn trắng, khuôn mặt hồng hào trở nên tái xám, quai hàm bạnh ra, tiếng nói rít qua hai hàm răng nghiến chặt,

“A, chúng mày, chúng mày...”

Tiếng rít tắc nghẽn, chìm ngập trong cơn giận đang dâng lên phía sau lồng ngực phơi căng sinh lực kia,

“A... A... Chúng mày...”

Rồi sao nữa? Tôi thế đấy. Có sao không? Tôi thế đấy. Bộ tôi không có quyền sung sướng, bộ

đặc quyền sung sướng chỉ dành riêng cho bà, cho những người toàn vẹn như bà hay sao? Bao nhiêu năm bà hành hạ tôi, bà nguyên rửa tôi, bà xem tôi không hơn một con vật. Một con vật ghê lở, què quặt, hôi thối. Tôi ngược nhìn bà, thách thức. Tia nhìn tóe ra hàng nghìn tia lửa thù hận. Tôi thấy mẹ rùng mình, bà úp mặt vào hai bàn tay, bật khóc. Lần đầu tiên mẹ khóc. A, mối hận lòng của tôi, như thế, đã được trả. Bà phải trả chứ, mẹ đã vay của tôi quá nhiều. Hai mươi năm, sơ sinh đến trưởng thành, bao nhiêu đắng cay, tủi cực, bao nhiêu đau đớn không cùng. Mẹ phải trả. Phải trả... Tôi kéo đầu bố lên, hôn đắm say trên đôi môi đang run rẩy... Mẹ ngã vật ra trên mặt thảm, thân thể co giật liên hồi, Rắn độc cắn chết mày đi... Đồ oan gia nghiệt súc... Rắn độc, rắn độc, rắn độc... Con rắn màu xanh, dài ngoằng, cái đầu dẹp hình tam giác, miệng há rộng, lưỡi như một cây kim nhọn... Con rắn phóng tới... Mẹ dấy dựa tuyệt vọng... Cặp tình nhân đứng dậy. Hai người trở ra xe. Chiếc xe bò chậm khỏi lối đi tráng xi măng, khuất bóng chỗ khúc quanh.

Tôi bàng hoàng đưa tay sờ má, vuốt dọc bàn tay xuống khuôn ngực lép. Chung quanh tôi không một tiếng động ngoài tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường. Mẹ có lẽ đã đi làm, bố có lẽ còn đang ngủ, hai đứa em có lẽ đã đến trường. Chỉ còn một mình tôi và một cái đầu đậm đặc những ảnh tượng tạt nguyên. Nắng thu gọn bóng mát của tàng lá chung quanh gốc cây. Hai đứa trẻ đuổi nhau, chúng chạy về phía tôi. Đến chỗ hàng rào sắt ngăn chia phần đất của công viên với khu vực căn nhà, thằng bé trai bắt kịp đứa con gái. Chúng ngã nhào trên thảm cỏ mượt. Cả hai cùng cười lớn. Tiếng cười dội vang trong bầu khí yên tĩnh.

Buổi trưa bên ngoài cửa sổ rực rỡ nắng.

Khánh Trường Thụy Khuê

Rồi một ngày nào đó, người ta sẽ phải làm công việc tổng kết những tác phẩm viết về cuộc chiến hai mươi năm, sẽ tìm thấy những khác biệt sâu xa giữa những ngòi bút Bắc-Nam, hải ngoại-trong nước về cùng một đề tài. Biết đâu từ những khác biệt ấy, người ta có thể lần hồi vẽ lại được một thứ chân dung chiến tranh gần với sự thực hơn, gần với con người hơn những tấm bích chương phóng đại, tô màu, đã từng được dán trên tường, trên đường, khắp nơi, thời bình cũng như thời chiến.

Khánh Trường là một trong những tác giả mà người đọc sẽ có ngày tìm đến, khi muốn tái nhận bộ mặt chiến tranh, tìm hiểu những lũy tích đạn bom trên cơ thể và tâm linh những người sống sót.

Những truyện ngắn của Khánh Trường được in trong ba tập: **Có Yêu Em Không** do Tân Thư xuất bản năm 1990, tái bản năm 1997, **Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng**, Tân Thư và Thời Văn năm 1991, **Chung Cuộc**, Tân Thư 1997 ở California, Hoa Kỳ.

Có Yêu Em Không chứa đựng một thứ bạo vũ dục tình, nảy sinh từ bạo tấp chiến tranh, và không khí này xuất hiện trong hầu hết những truyện ngắn hay nhất của Khánh Trường. *Mưa Đêm* là cuộc cãi vã của cặp nhân tình: cô gái điếm và gã lính bại trận, tử thương, là màn ấu đả giữa sống và chết, giữa người và ma, là cuộc giao tranh giữa mộng và thực, giữa hồn và xác hay là trận ác chiến giữa những thực tại tối tăm nhất của con người. *Bí Mật Của Rừng Già* giao lưu thú tính và nhân tính trong lòng một tên thảo khấu cuồng sát, đàn em Pol Pot.

Biến Cố Trong Rừng Tràm đặt câu hỏi về những tội ác khủng khiếp đã có thể xảy ra cho những kẻ vượt biên kiệt lực, cùng đường. *Những Mảnh Đạn* là đoản khúc yêu đương xuyên cõi âm dương, là trái mìn nổ chậm trong thân xác và vong linh những người còn sống mà đã chết.

Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng dấy lên khát vọng yêu thương của những trẻ tạt nguyên, hậu

quả của những bội tình, bội ước. *Những Thảm Cỗ Nát Trong Khu Rừng Hoang* mở xẻ khía cạnh bạo tàn của một thứ luân lý, đạo đức thời trung cổ. Và *Chung Cuộc* viết về sự gặp gỡ của hai thân phận bị cuộc đời sa thải.

Giữa mùi tử khí, giữa những xú uế dồi bọ uất lên nơi những xác chết đã thối rữa chương sinh, phả ra một *tình bạn* dai hoi thắm đậm, một *tình bạn* chết người, một thứ *tình bạn* đĩa đổi, nó theo con người vào cõi chết và cứ sống dai, sống dài sau cái chết. Người ta thường thấy những đối thoại giữa lính sống và lính chết, những cãi lộn, đánh đá cá cây giữa gái điếm sống với những gã tình nhân lính đã chết toi chết tiệt từ kiếp nào kiếp nào.

Khánh Trường vừa viết vừa chửi thề văn chương chữ nghĩa, vừa viết vừa nhổ bọt vào luân lý của cuộc đời. Vừa viết vừa hiếp dâm những thứ tình lãng mạn lý tưởng.

Người ta làm văn nghệ với những vai vế, chức sắc trong làng, Khánh Trường lính trơn, không bằng cấp, không quá khứ văn chương, nhẩy vào văn đàn như một tên du đảng cướp diễn đàn của các vị đại ca.

Người ta làm văn chương với những sứ mệnh, những nhiệm vụ cao cả, Khánh Trường kẻ phi số mệnh, phi đường lối, khơi khơi đi vào văn chương như một gã say rượu, loạng quạng chân nam đá chân xiêu, bạ mồm bạ miệng, điếc không sợ súng.

Nhưng sáng tác nào là không phát xuất từ những điếc đui dò dẫm?

*

Khánh Trường xuất hiện cùng thời với Cao Xuân Huy và Hoàng Khởi Phong ở hải ngoại (1), cả ba là những ngòi bút lính viết về chiến tranh, về cuộc đời, với đặc điểm thẳng thừng : nói thẳng, nói thật.

Khánh Trường họ Nguyễn, sinh năm 1948, sang Hoa Kỳ năm 1986. Định cư tại California. Vẽ. Viết văn. Và làm thơ.

Năm 1988, xuất bản tập **Đoàn Thi Khánh Trường**. Từ tháng 10 năm 1991, chủ biên tập san *Hợp Lưu*, đăng các sáng tác, biên khảo, cả trong lẫn ngoài nước.

Trách nhiệm tờ *Hợp Lưu*, con đường văn nghệ của Khánh Trường đã gặp nhiều cản lực của đôi bên, và ngòi bút của Khánh Trường cũng lại ngược dòng, chiếu những tư tưởng "phản kháng" vào một cộng đồng văn chương có những nét bảo thủ, thích những khuôn mẫu thời trang. Ở thời điểm mà những người làm văn ở hải ngoại còn đang lâm ly khóc thương cho một "quá khứ vàng son", cho những "lý tưởng tự do" chưa đạt đích, những "buổi mai về xây dựng lại màu cờ"... thì Khánh Trường lù lù xuất hiện với cái tôi lính tráng, cái tôi rượu chè, cái tôi du đảng, mở miệng là chửi thề, hùng thì ít mà hèn thì nhiều.

Khánh Trường là kẻ ngược dòng thời đại, ngược dòng nước chảy. Khi người ta khóc thương quê hương, nhớ nhung lãng mạn, ca tụng tình yêu, ca tụng cái chết sĩ khí thì Khánh Trường lẳng nhục thứ văn chương điếm đàng, lừa thầy, gạt bạn.

Khi người ta ca tụng những cao cả của sự vượt biên tìm tự do như lẽ sống của con người, thì Khánh Trường nói huych toẹt cái lý do vượt biên kỳ cục của những kẻ giống mình: "*Tôi ra đi chẳng phải vì căm thù chế độ, vì bị kềm kẹp khủng bố, mà chỉ vì bị quyến rũ bởi những tấm hình màu, những thùng quà đầy ắp, những tape nhạc, những băng video, những xếp đồ la dầy cộm của bà con bạn bè bên Mỹ gửi về.*"

Đề rồi, nhiều năm sau trên đất Mỹ, trên "thiên đường mới", anh nhận thấy "*sự bơ vơ cùng cực của mình, trên một xứ sở sống gần 15 năm, sao vẫn như kẻ lạ.*"

Thế giới của Khánh Trường là thế giới của những kẻ ngoại đạo, tà đạo, ngược lộ, ngạo nghệ, nghênh ngang, du côn, sống còm, chết bỏ, đối chất với một thế giới chính giáo, khép kín

trong những công thức cảm tình, những nhớ nhung vờ vĩnh, những thiên đường giả hiệu của những kẻ không tuần chay nào là không có nước mắt.

Tàn nhẫn nhưng thành thật đến độ phũ phàng, những nhân vật của Khánh Trường, không có tên. Chúng thường mang những danh xưng như: con đĩ, hấn, thằng cha, người đàn bà, thằng nhỏ, con nhỏ... Nếu có tôi thì cũng là cái tôi tàn mạt, vừa dâm, vừa ác, vừa hèn.

Những nhân vật của Khánh Trường coi thường tội lỗi, xỉ nhục đạo đức, một thái độ giới hạn giữa có luân và vô luân.

Thái độ đó bởi đâu? Phát sinh từ cái gì? Nếu không phải là từ những xác chết? Từ những trái phá phàng phũ ngoan cố chớp mắt đã xé nát những thằng bạn du thủ du thực đang ăn tục nói phét với nhau, bông lơn đùng ra, đưa mắt đầu, đưa mắt chân, đưa lòi ruột, bên cạnh những đồng thịt bầy nhầy vụn nát của những thằng chết bầm.

Những truyện ngắn hay nhất của Khánh Trường đều xoay quanh "cái đó". Và từ "cái đó" nảy sinh thái độ ngạo mạn, thái độ dửng dưng, đưa đến bạo lực, bạo tình.

Ở Khánh Trường là những thái quá. Là hiện tượng chiến tranh nổ chậm trên thể xác và tâm linh sau ngày đình chiến.

Những trái phá đó bị bỏ rơi, bỏ quên, tích tụ lại trong các hạch, các tuyến, các não thùy của người sống sót, và bất cứ lúc nào cũng có thể hồi sinh, mừng mủ, chạy cùng cơ thể như những chân rết nọc độc ung thư, như những trái mìn nổ chậm mà chắc.

Nhân vật của Khánh Trường là những kẻ dù lạnh mạnh thể xác, cũng tàn tật tâm linh, nam hay nữ, già hay trẻ, ít nhiều họ đều đã bị dính vào mìn cá nhân, mang những mảnh đạn chiến tranh trong cơ thể. Những truyện ngắn *Có Yêu Em Không*, *Bí Mật Của Rừng Già*, *Biến Cố Trong Rừng Tràm*,... đều có dấu vết của tạc đạn, của bạo tàn, của thần chết, của giết chóc, dẫn đến quẫn trí, dục tình và bạo lực. Nhưng trên tất cả các hung hãn bạo lực ấy, bao giờ cũng le lói chút tình người. Chỉ một chút thôi. Đủ cho thấy cái tình người nhỏ nhoi và khan hiếm ấy nếu cứ bị cưỡng hiếp lâu dài thì sẽ có ngày tuyệt kiếp.

"Kh. đứng trên gò đất cao, hét khản giọng: Thằng Toàn mang cây M60 qua góc trái... Rồi, bắn vào chỗ bụi cây kia cho tao... Không phải, bụi cây lớn sau đám tranh kia kia... Đụ mẹ ngu như con bò. Tao bảo bụi cây sau đám tranh. Mày không thấy lửa khạc ra chỗ đó sao? Tiếng đại liên nổ thành chuỗi giòn giã, lá cây tung tóe, những chiếc nón tai bèo phóng chạy như biển vào góc rừng. Tiểu đội khinh binh đâu? Theo tao. Kh. nhảy xuống gò đất, khoát tay ra lệnh cho bọn lính, miệng không ngớt: Lên, lên... lên mau... Tôi chạy lúp xúp sau Kh., một thằng lính vượt qua mặt tôi, nó hét: Chuẩn úy cúi thấp cái đầu xuống, coi chừng không có chỗ đội nón... Tôi chưa kịp nhìn xem thằng lính là ai thì hấn bỗng bật ngựa ra sau, giấy đàn đạch, cái nón sắt văng khỏi đầu, lặn long lóc vào đám cỏ cao, cánh tay trái của hấn bung lên, đập vào ngực tôi, rơi xuống chân, co giật liên hồi. Tôi điếng người khiếp đảm, vội nhủi vào một góc cây, úp mặt sau lớp vỏ sần sùi, tay chân tôi run bắn, cây súng trên tay chực muốn rớt. Mẹ ơi, mẹ ơi, mẹ ơi... Tôi lấp bắp như một thằng điên. Chung quanh tôi, tiếng đạn rít, tiếng B40 bùng bùng. Trên trời, chiếc phóng pháo cơ chúí thấp đầu, hai tia lửa dài ngoẵng phóng ra. Tiếng nổ văng óc, cột khói bùng cao...

[...]

Nửa đêm, một trái pháo vu vơ rơi ngay hầm chỉ huy. Kh. chia ba với thằng tà lợt và tên lính truyền tin quả đạn. Khi đào hầm lên, phải cố gắng lắm bọn lính mới gom được một đồng thịt xương trộn lẫn cùng đất cát. Phần Kh., tôi chỉ nhận ra hấn nhờ chiếc thẻ bài và hai cái hoa mai trên cổ áo. Cái chết đúng như lời một bài hát, chết thật tình cờ... Chết thật tình cờ! Phải, nhưng nhất định không nằm chết như mơ! Các ngài nghệ sĩ đôi khi lãng mạn một cách tàn nhẫn. Các ngài chẳng biết mẹ gì trận địa, thậm chí có ngài chưa từng thấy mặt ngang mũi dọc cây M16 nó ra làm sao? Trái M26 nó tròn méo thế nào so với trái MK3? Nên trí tưởng tượng của các ngài đôi khi làm bọn lính trắng chúng tôi những muốn văng tục. Chết như mơ! Đụ mẹ, bảy năm trong

một đơn vị tác chiến thực thụ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một cái chết như mơ! Chỉ có chết tan xương nát thịt, như Kh., chết cụt đầu cụt tay, chết cháy đen giống cây than hầm, chết banh ngực lòi phèo lòi phổi, chết phơi bụng đỏ ruột cút dái lòng thòng... như bao nhiêu thằng lính lớn lính nhỏ. Chết như mơ. Đụ mẹ, nói phét cũng vừa thôi.

(Có Yêu Em Không, NXB Tân Thư, 1990, trang 184-187)

*

Khánh Trường là một tác giả cần dán nhãn hiệu cấm trẻ em dưới mười tám tuổi. Có những khốc bạo thái quá. Có những sex sỗ sàng. Có những triết lý dài dòng không cần thiết.

Nhưng nếu muốn thám hiểm bộ mặt thực của chiến tranh, thì không thể bỏ qua tác phẩm của Khánh Trường. Bạo lực hóa thân thành những chân rết ung thư khuẩn độc môi trường và đầu độc hạnh phúc.

Khánh Trường không muốn nhìn rõ biên giới giữa hai cực thiện ác, đạo đức và vô luân, n hân tính và thú tính. Ở mỗi hy sinh cho cuộc chiến đôi bên, người ta đọc diễn văn, cài huân chương, phủ poncho, phủ cờ. Tuyên trạng. Đứng sau bàn thờ tổ quốc, Khánh Trường táy máy gỡ micro giật cờ, lật poncho để lộ những nét phề tàn hùng hã trên thân thể những tử thi nằm trong mồ liệt sĩ dưới đài hoa chiến thắng.

Paris tháng 5/1997

Chú thích:

(1) Hoàng Khởi Phong viết từ trước 1975, ở Sài gòn. Khánh Trường

© 1995-2001 Thụy Khuê

Nói chuyện với nhà văn, họa sĩ Khánh Trường **Đỗ Lê Anh Đào**



tranh Khánh Trường

□ Họa sĩ, nhà văn Khánh Trường đã viết và vẽ không ít từ nhiều thập niên. Qua quá trình đó, ông hãnh diện và hài lòng nhất những tác phẩm văn chương và hội họa nào? Hay là giai đoạn sáng tác nào đáng nhớ nhất của ông?

Như tôi đã có lần trả lời Y Sa trong chương trình Văn Học Nghệ Thuật của Radio VNCR cách đây không lâu, rằng tác phẩm ưng ý nhất của bất cứ nghệ sĩ nào, mãi mãi sẽ là bức tranh (hay bản văn, ca khúc...) sẽ ra đời trong tương lai. Bởi chừng, tôi nghĩ, nghệ sĩ là kẻ luôn phủ nhận chính mình, để dần thân vào những thử thách mới. Hẳn không bao giờ bằng lòng với thành quả vừa đạt được. Nói cách khác, bằng lòng là dừng lại, là chết, là cạn kiệt nguồn sáng tạo. Có thể ví von: nghệ thuật là loại đường đi không đến, và người nghệ sĩ là kẻ luôn luôn trên đường, hẳn đi mãi, đi hoài, cho đến ngày xuôi tay, trong khi đích đến vẫn mịt mù, thăm thẳm. Tuy nhiên, nếu buộc phải trả lời cụ thể câu hỏi của cô, tôi sẽ không ngập ngừng: bức tranh gây xúc động lớn trong đời là bức tranh tôi bán được lần đầu tiên. Nhờ (hay bị) sự cố này, tôi quyết định chọn hội họa, như một nghiệp dĩ, đến hôm nay.

Và giai đoạn sáng tác đáng nhớ nhất là ngày tôi đã tập cầm cọ lại được sau bạo bệnh. Đáng nhớ, vì chưa bao giờ trong đời tôi cực nhọc như thế nhưng vui như thế khi vẽ hoặc viết. Cô cũng biết tôi bị stroke 3 lần, đưa đến hậu quả tay chân chỉ sử dụng được khoảng 30%. Chân đi đứng nghiêng ngã, phải ngồi xe lăn; tay vụng về, cầm nắm vật dụng nếu thiếu chú tâm, sẽ rơi, đổ; tệ hơn, không viết được, chỉ có thể gõ chữ trên phím computer bằng một ngón duy nhất của bàn tay phải, chữ được chữ mất vì không làm chủ được tứ chi. Giọng nói ngọng nghịu, phát âm khó khăn. Mất lưỡng thị, chỉ nhìn và nhận biết mọi sự vật qua một... màn sương, và chỉ đọc được chữ trên màn hình computer với điều kiện phải phóng lớn chữ thành tối thiểu size 14. Chưa hết, hơn một năm trước tôi lại bị thêm bệnh ung thư thanh quản và loét bao tử. Sức khỏe đã sa sút càng tệ hại trầm trọng, có thể "lên tàu" bất cứ lúc nào. Hầu hết mọi người đều cho rằng tôi có một nghị lực phi thường, mới có thể khắc phục được nghịch cảnh để cầm cọ, cầm viết lại. Riêng tôi, thật thà bộc bạch với cô, tôi hiểu mình hơn ai hết, tôi chỉ là một người bình thường như tất cả những người bình thường khác. Không chừng còn tệ hơn nữa kia. Cô hẳn biết, bọn nghệ sĩ vốn nhạy cảm, yếu đuối, dễ đầu hàng, buông xuôi. Nhưng hoàn cảnh đã du tôi vào thế không còn chọn lựa nào khác, nếu muốn thoát khỏi tâm trạng trầm uất có nguy cơ chìm chết tôi trong tuyệt vọng. Nói cách khác, tôi chưa thể chết ngay được (ở xứ sở y khoa tân tiến vào bậc nhất này, chết, không dễ), nghĩa là tôi vẫn phải tiếp tục sống, mà đã sống thì dù muốn dù không phải bằng mọi giá thích nghi với đời sống. Đối với một nhà văn, một họa sĩ, còn con đường nào khác hơn vẽ và viết? Người xưa nói: thế cùng tất biến. Tôi nghĩ, bất cứ ai bị du vào hoàn cảnh tương tự cũng sẽ phải làm như tôi mà thôi. Vì thế, chả có gì đáng hãnh diện cả!

□ *Triển lãm Phục Sinh xong rồi, ông sẽ tiếp tục vẽ và viết chứ? Hay ông nghỉ một thời gian?*

Tiếp tục chứ. Dù, như mọi lần, khi đẩy chiếc xe lăn đến trước màn hình computer hay giá vẽ là tôi hiểu mình lại sắp vật lộn với vô vàng khó khăn, cực nhọc. Nhưng nếu không vẽ và viết, tôi biết dùng thời gian để làm gì? Nhất là chứng trầm uất chắc chắn sẽ tái phát nếu tôi không hướng suy nghĩ của mình đến những mục đích tích cực. Hiện tôi đang vẽ một loạt tranh mới, có lẽ sẽ triển lãm cuối năm nay. Riêng viết, tôi đã hoàn tất phần đầu của cuốn hồi ký. Nhưng tôi đang phân vân tự hỏi có nên tiếp tục hay không? Khi mới khởi sự, tôi rất hăm hở, song càng viết tôi càng bị cuốn vào dòng sự kiện, những sự kiện liên quan đến văn học nghệ thuật thì ít mà dây mơ rễ má đến bản chất, cá tính, những mặt tiêu cực của giới văn nghệ sĩ thì lại quá nhiều. Có nên chẳng? Ích lợi gì cho văn học sử? Có lẽ tôi sẽ viết lại, khởi đi từ một hướng khác.

□ *Nhìn vào phong trào hội họa và văn chương VN bây giờ ở hải ngoại nói chung, Hoa Kỳ nói riêng, ông có cảm nghĩ gì? Ông thấy những nhà văn, thơ và họa sĩ trẻ ở đây đang thành công và thất bại thế nào?*

Về văn chương, không có những thành tựu và những bút phá ngoạn mục như những thập niên 80s, 90s của thế kỷ trước, với những Lê Thị Huệ, Vũ Quỳnh Hương, Phan Thị Trọng Tuyền, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Thế Giang, Đỗ Kh., Ngô Nguyên Dũng, Ngọc Khôi, Trần Vũ, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Ý Thuận, Cao Xuân Huy, Nguyễn Thị Thanh Bình... và rồi Lê Minh Hà,

Lê Thị Thắm Vân, Mai Ninh, Miêng, Phạm Hải Anh... 30 năm sau 1975, thế hệ thứ nhất đã và đang theo nhau đi vào tịch lặng. Thế hệ một rưỡi, vì nhiều lý do, khách lẫn chủ quan, cũng lần lượt buông viết, hay chỉ sáng tác cầm chừng, thiếu hào hứng. Thế hệ tiếp theo chỉ là những cố gắng đơn lẻ, không tạo thành phong trào, mất hẳn không khí sôi nổi, từ người viết lẫn người đọc, vốn là những yếu tố tối cần thiết cho sinh hoạt văn học. Hơn 10 năm trước, trong một trả lời phỏng vấn, tôi tiên đoán đến một ngày nào đó văn học VN hải ngoại sẽ nhập vào dòng chính tại quê nhà, nếu có nhà văn VN hải ngoại nào còn muốn sử dụng ngôn ngữ Việt như một phương tiện để chuyên chở tư duy. Lúc đó cụm từ “nhà văn hải ngoại” hay “văn chương hải ngoại” sẽ không còn nữa, thay vào đó, duy nhất, một cụm từ, “nhà văn VN”, khác chẳng, chỉ địa chỉ cư trú. Và do địa chỉ cư trú, những nhà văn VN sống ngoài quê hương, chịu tác động bởi giáo dục và môi trường văn hoá bản địa, sẽ mang vào văn chương Việt những sắc thái đặc biệt, làm phong phú, đa dạng thêm cho văn học VN. Hình như Đỗ Lê Anh Đào và các bạn cùng thế hệ đang làm công việc này. Với tư cách là người của những thế hệ trước, tôi vui và mong các bạn tiếp tục “chân cứng đá mềm”.

Riêng lĩnh vực hội họa, hiện có khá đông họa sĩ trẻ VN ở khắp nơi trên thế giới. Họ có những thành tựu. Tuy nhiên, đó chỉ là những thành tựu nhỏ, cục bộ, chưa đạt tầm vóc toàn cầu. Ngôn ngữ hội họa vốn vô biên giới. Nó biểu trưng cho cái đẹp. Đứng trước cái đẹp, ai cũng có thể cảm được, dù là người Âu, Á, hay Phi châu. Đó là ưu thế của hội họa. Đó cũng là khó khăn của hội họa. Vì là ngôn ngữ vô biên giới nên thành tựu của hội họa phải là thành tựu của nhân loại, không riêng cho chủng tộc nào. Chức năng này xem ra quá lớn, một họa sĩ nếu tài năng không xuất chúng, sẽ mãi mãi không vượt thoát được vòng đai cộng đồng của mình, hay lớn hơn, biên giới quốc gia đã khai sinh ra mình.

□ Ông có lời khuyên gì với những họa sĩ trẻ đang còn miệt mài trên con đường sáng tác?

Tôi không dám “khuyên”, chỉ góp ý thôi. Thứ nhất, phải sáng suốt để nhận biết mình thực sự có tài hay không. Có tài, hãy kiên trì theo đuổi, bất chấp khó khăn. Ngược lại, hãy chọn hướng đi khác để khỏi lãng phí thời gian. Thứ hai, khi đã quyết định chọn hội họa như một nghiệp dĩ thì phải vẽ, vẽ, và vẽ. Không có tài, dù vẽ suốt đời cũng chỉ để... vất đi. Có tài mà không rèn luyện, cũng vất đi.

□ Ông có cảm nghĩ gì về triển lãm Phục Sinh vào ngày 4/2 vừa qua? Ông có bằng lòng với kết quả không? Điều gì làm ông hứng thú nhất về cuộc triển lãm?

Về mặt nghệ thuật, như đã nhiều lần nói, tôi không bao giờ hài lòng với những gì đã làm xong. Luôn luôn tôi vẫn hy vọng mình có thể làm tốt hơn. Gần 40 năm nay tôi vẫn nghĩ vậy mỗi lần đứng trước khung bố. Thế mà, cũng gần 40 năm nay, khi vừa buông cọ, tôi lại thất vọng! Tôi cho rằng kinh nghiệm này không chỉ đến với cá nhân tôi, mà có lẽ với tất cả những nghệ sĩ khác, mọi nơi, mọi thời đại.

Điều làm tôi hứng thú và cảm động nhất là tấm lòng của mọi người đối với cá nhân tôi, từ đồng nghiệp, các họa sĩ, nhà văn, nhà báo, đến các cơ sở truyền thông. Đặc biệt là các họa sĩ Nguyễn Khai, Nguyễn Đình Thuần, Nguyễn Việt Hùng, Ann Phong, Dương Ngọc Sum, điêu khắc gia Dương Đình Hùng. Và những anh chị em trẻ thuộc hội Văn học nghệ thuật Việt Mỹ VAALA, nhất là Đỗ Lê Anh Đào, tạm gác lại công việc riêng, để từ Las Vegas về quận Cam, cùng với Y Sa thường trực trông coi phòng triển lãm suốt 2 ngày mở cửa. Những tấm lòng này mãi mãi tôi khó quên.

□ Khách thường ngoạn có chia sẻ những suy nghĩ gì về gì về cuộc triển lãm của ông? Chắc là có rất nhiều bạn bè văn hữu và nghệ sĩ đến thăm? Họ nói cảm tưởng của họ về cuộc triển lãm ra sao?

Tôi may mắn được nhiều anh em trong giới văn nghệ thương mến, không phải vì tài năng, mà

có lẽ vì, nói theo ngôn ngữ giang hồ, tôi... chịu chơi, sống và đối đãi hết mình với bằng hữu. Nhờ vậy, như nhiều lần triển lãm khác, anh em tham dự, hưởng ứng khá đông, họ rộng lượng bỏ qua nhiều nhược điểm, ắt hẳn không ít, trong giao tế cũng như trong nghệ thuật. Cho nên qua dư luận, từ gặp gỡ trực tiếp đến báo chí, truyền thông, đều tốt đẹp, khích lệ. Đối với một nghệ sĩ, đó là phần thưởng quý giá nhất, tạo hưng phấn giúp tôi tiếp tục làm việc, dù bây giờ, sau bạo bệnh, nhiều lần chết đi sống lại, và ngày chạm mặt với hư vô hẳn không còn xa, tôi thấy rất rõ sự phù du, giả ảo của mọi thứ, mọi điều.

□ *Hơn 15 năm trước ông đã thành lập Hợp Lưu, sau đó HL trở thành một trong vài diễn đàn văn học uy tín và giá trị nhất ở hải ngoại. Làm HL trong một thời gian thật lâu như vậy, ông có thể chia sẻ những trở ngại lớn nhất, những bài học quý giá nhất, và những niềm vui đáng nhớ nhất trong quá trình Hợp Lưu?*

Nhiều lần, đó đây, suốt 15 năm qua, tôi đã nói đến lý do, động lực thúc đẩy tôi khai sinh tập san Văn học nghệ thuật biên khảo *Hợp Lưu*. Tuy vậy tôi nghĩ cũng nên nhắc lại, vì có hiểu lý do, động lực ra đời của *Hợp Lưu* mới thấy được vô vàng trở ngại, khó khăn HL đã gánh vác suốt quá trình tồn tại.

15 năm trước, quan hệ giữa trong và ngoài không như bây giờ. Ngày ấy, thái độ của người Việt chống cộng ở hải ngoại rất cực đoan. Các văn phòng bán vé máy bay về VN, các chợ bầy hàng lương thực có xuất xứ từ VN bị biểu tình, tẩy chay. Nhất là báo chí, sách vở, nếu “của Việt Cộng” tất nhiên không thể lưu hành đã đành, ngay cả sách báo của “người Việt Quốc gia” khi nhắc đến các nhân vật trong nước, không loại trừ giới văn nghệ sĩ, mà không kèm theo thái độ bỉ thử là lập tức bị chụp lên đầu một cái nón cối! Trong môi trường ấy bỗng nhiên xuất hiện một tờ báo, chỉ cái tên thôi, đã “không thể dung thứ”, nói chi đến nội dung “cực kỳ phản động”

Tôi xuất thân là một người lính của miền Nam, trong một binh chủng “nhiều nợ máu với nhân dân”, binh chủng Nhảy Dù. Với “sơ yếu lý lịch” này, lẽ ra tôi phải “cắm thù sâu sắc” chế độ hiện tại ở VN. Khổ nỗi, sau tháng Tư 1975, tôi sống 10 năm dưới chế độ Cộng sản, đã trải qua nhiều tình huống, đã thấy trong chế độ ấy rất nhiều tiêu cực về mặt xã hội, kinh tế, nhân quyền, song trên lĩnh vực văn học nghệ thuật, nếu bình tâm đãi lọc, thì giữa đồng đá sỏi lẫn nhồn thượng vàng hạ cám, vẫn có thể tìm thấy những hạt kim cương. Các thể chế chính trị rồi sẽ qua đi, nhưng văn học nghệ thuật sẽ còn tồn tại dài lâu, nhiệm vụ của chúng ta hôm nay là phải tìm cách bảo tồn, xiển dương những giá trị kia, không phân biệt phe phái, chính kiến. Một tác phẩm có giá trị thực sự sẽ nằm ngoài, nằm trên mọi chế độ. Nó không còn là của Quốc gia hay Cộng sản. Nó là gia tài văn hóa chung của dân tộc. Quan niệm như thế, vào thời điểm ấy, là không thể chấp nhận. Vì thế, suốt 3 năm đầu, HL trở thành vùng “oanh kích tự do” không chỉ của nhiều tờ báo, cơ sở truyền thông ở hải ngoại, mà cả ở VN. Còn nhớ hơn 10 năm trước, lần đầu về nước, tôi đã bị công an văn hóa gọi lên “làm việc” tổng cộng 14 ngày, từ Nam ra Bắc. Nhưng có lẽ nhờ đi đúng hướng và nhất là tôi đã theo đuổi mục đích bằng tất cả thiện tâm, nên dần dần HL trở thành điểm hội tụ của mọi nhà văn sáng giá nhất trong lẫn ngoài. Ngày nay tình huống đã khác xưa, trong giới hạn nào đó, nhiều người cầm bút, ở mọi nơi trên khắp thế giới, bao gồm cả VN nội địa, đã có thể đứng chung trên một diễn đàn văn học, không chỉ ở HL, mà còn ở rất nhiều tờ báo khác, từ báo giấy đến báo “trên trời”, chuyện cách đây 15 năm, tưởng như không thể nào xảy ra. Thành quả đó – nếu có thể xem đó là thành quả – ít nhiều gì HL cũng đã tiên phong góp phần. Sau này, những nhà soạn văn học sử có lẽ sẽ không thể không nhắc đến HL. Trong vô số những việc làm bậy bạ của tôi trong cuộc đời này, chỉ ít cũng có được một đôi điều không tệ. Đó là niềm vui lớn nhất của tôi.

Riêng những bài học quý giá – tiêu cực lẫn tích cực - thì rất nhiều, và “bài” nào cũng “nhất” cả. Do giới hạn của số trang dành cho cuộc chuyện trò giữa chúng ta, tôi không thể dông dài, nhưng hứa sẽ “khai” đầy đủ trong hồi ký.

Khánh Trường, ám ảnh bất toàn trong văn chương và đời sống Du Tử Lê

Nếu phải chọn một nhà văn tiêu biểu cho trường hợp hay, hiện tượng phức tạp, mâu thuẫn, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt hải ngoại hơn một phần tư thế kỷ qua, tôi sẽ chọn Khánh Trường. Nguyễn Khánh Trường.

Tôi chọn Khánh Trường/Nguyễn Khánh Trường không phải vì ông là họa sĩ, cùng lúc nhà văn, cùng lúc nhà thơ và cùng lúc nhà báo.

Nơi quảng trường sinh hoạt văn nghệ của chúng ta trong nước, cũng như hải ngoại, không chỉ có một Khánh Trường vừa vẽ, vừa làm thơ, viết văn, lại còn làm báo nữa. Chúng ta có khá nhiều nghệ sĩ, ở trường hợp này. Đó là những lãnh vực tự nó có những mối tương quan liên lạc hữu cơ.

Tôi chọn Khánh Trường có lẽ bởi Khánh Trường/Nguyễn Khánh Trường tiêu biểu cho ý niệm khá buồn thảm: Người là con vật bị ngộ nhận.

Ý niệm ấy không mới mẻ gì!

Không phải đợi tới lúc chúng ta có một Albert Camus với những tác phẩm đào xới chủ đề “con người là một con vật bị ngộ nhận,” một cách trầm thống, lúc đó vẫn nạn ngộ nhận mới được đặt ra trong sinh hoạt tri thức của con người.

Đọc lại những tác phẩm cổ điển; nhớ lại những bi kịch trong thần thoại cổ Hy Lạp, trong văn chương Shakespeare, luôn cả những tác phẩm gần gũi chúng ta hơn như Đoạn Trường Tân Thanh, như Cung Oán Ngâm Khúc... dù với ít, nhiều cường điệu, hầu hết các nhân vật trong những tác phẩm này cũng chỉ như những con vật rầy rụa tuyệt vọng trong lưới nhện của định mệnh.

Họ bị thâm kịch đánh bẫy và trở thành con tin hơn hờ (hay tội nghiệp?) trong bầu khí thâm kịch đó.

Với tôi, Khánh Trường/Nguyễn Khánh Trường không chỉ tiêu biểu cho trường hợp con người là con vật bị ngộ nhận, bị đánh bẫy, mà Khánh Trường tự thân còn là nạn nhân hay con vật của chiếc lưới tuyệt vọng do chính ông giăng lấy cho mình.

Với tôi, sự rầy rụa của Khánh Trường từ hình tượng, màu sắc, tới chữ, nghĩa là hệ quả đương nhiên của chủ tâm đánh tháo khỏi vòng tay định mệnh. Đơn giản, ta có thể coi đó như nỗ lực tuyệt vọng trong kiếm tìm hoàn hảo họ Nguyễn.

Khánh Trường chủ biên tạp chí Hợp Lưu sau 12 năm tồn tại liên lụy, như một phép lạ, và cùng lúc cũng là thâm kịch dài đằng; cuộc chơi trập trùng ngộ nhận, tôi nghĩ, nó tựa khuôn mặt khác của mâu thuẫn hay một trong những cách thể kiếm tìm hoàn hảo của ông?

Tám năm trước, khi trả lời một cuộc phỏng vấn của nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh, phát biểu về Hợp Lưu, tại sao? Người chủ biên dài lâu nhất một tạp chí chí ít cũng đến ngày hôm nay, cho biết:

“Ngày nay, sau mười mấy năm chiến tranh đã kết thúc, quốc gia đã độc lập, vấn nạn bức thiết nhất là làm thế nào đưa đất nước ra khỏi cảnh u tối, lạc hậu, nghèo đói, độc tài, chuyên chế.

Muốn giải quyết vấn nạn này, trước tiên phải đưa dân tộc trở về với ‘đại khối.’ Tùy tâm cơ, hoàn cảnh, sở thích, mỗi người mỗi cách. Tôi yêu văn nghệ, vì vậy tôi chọn văn nghệ như phương tiện để góp phần thực hiện ước mơ kia. Ước mơ xóa bỏ những vĩ tuyến 17 trong lòng mỗi người Việt Nam. Ước mơ hợp lưu mọi tinh hoa của giống nòi, không phân biệt vị trí quá khứ. Nói theo ngôn ngữ Tạ Duy Anh: ‘Phải bước qua lời nguyên.’ Cái lời nguyên hình thành trong não trạng mỗi chúng ta khởi từ thảm kịch qua phần Nam Bắc. Nói gọn lại, phải ý thức rằng chúng ta không chừa ai, đều là nạn nhân của một giai đoạn lịch sử. Nếu chưa đủ tỉnh táo và can đảm vượt thoát khỏi thân phận nạn nhân thì mãi mãi chúng ta sẽ còn trầm luân trong vũng lầy thù hận. Vô lý, vô nghĩa và bất nhân. Bất nhân với chính bản thân đã đành, còn bất nhân với lịch sử nữa.”

Có lẽ, cũng vì tấm lòng chân thật (tới ngay thơ,) thiết tha (tới ngông cuồng) qua bút hiệu Kim Thi trong mục “Ngày Tháng,” con người làm báo trong Khánh Trường/Nguyễn Khánh Trường, đã không ngớt giọng giả những hồi chuông lai tinh chân diện mục: Nhân ái. Nguyễn đã gạt hái được một cách dư thừa những “vụ mùa trái độc.”

Những tưởng những vụ mùa bất ưng, những ngày gió chướng sẽ quật Khánh Trường ngã xuống, tênh hênh trên những trang chữ nòng nân của ông; và sự ra đi hay rút lui của những đồng hành từ điểm khởi, là những dự báo bất thường thời tiết; có khả năng nhắc nhở, khuyến cáo ông. Vậy mà Khánh Trường vẫn bước tới. Như sự bước tới (một cách ương ngạnh) thách đố định mệnh.

Ngộ nhận, nếu đó là cây bài tử mệnh của người đàn ông mang tên Khánh Trường thì nó không chỉ chi phối phần đời làm báo của Khánh Trường/Nguyễn Khánh Trường. Nó còn giẫm đôi chân tàn khốc lên những khối máu, những hình thể của một Khánh Trường, họa sĩ nữa.

Phát biểu suy nghĩ của mình về hội họa cũng trong cuộc phỏng vấn vừa kể, Khánh Trường nói:

“Một bất hạnh (cũng có thể may mắn?) - tôi không xuất thân từ bất cứ trường ốc nào. Thuở nhỏ mê vẽ, chưa kịp học vẽ, đã phải khoác lên người bộ quân phục. Giải ngũ không bao lâu thì biến cố 1975 ập tới, cơm áo lao đao, thê nhi lận đận, tuổi lại chẳng còn trẻ trung chi mấy, muốn học, cũng đã muộn màng. Trong một buổi nói chuyện với vài anh em trong ban chủ trương tờ Thiện Chí bên Đức, tôi có tâm sự: Tôi biết vẽ từ khi biết cầm... các cái: Than củi, mảnh gạch, ngói vỡ (trên các bức tường quét vôi trắng,) rồi bút chì, bút lông, bút lá tre (trên tập vở học trò...). Rồi màu nước, bột màu, sơn dầu (trên giấy, vải, bố...). Từ ấy đến nay, hơn một phần ba thế kỷ tìm tòi, đọc, tập luyện, thể nghiệm hết sức cam go. Con đường từ A qua B, nếu có người hướng dẫn, chỉ mất nửa giờ đến đích. Tôi đi một mình, lại không có bản đồ, có khi lòng vòng mất cả ngày. Tuy nhiên, trong cái khó ló cái khôn. Nhờ khổ công tìm kiếm, tôi khá vững về hình họa (nhiều họa sĩ Việt Nam dù xuất thân trường ốc đảng hoàng, muốn vẽ một bàn tay, một khuôn mặt, một đồ vật ‘đâu ra đó,’ vẽ không xong. Những vị này lúc còn học trong trường thường ‘khinh bỉ’ hình họa. Họ muốn đi tắt, đi nhanh nên chỉ thích bôi màu xanh đỏ tím vàng đầy khung bố, đọi ráo mặt, đổ xăng đổ dầu lên cho co cụm nhãn nhúm lại để tạo ‘chất.’ Xong lật ngang lật dọc, thêm, bớt chút đỉnh cốt hơi hơi giống cái gì đó, rồi đặt một cái nhan đề thật ‘nổ,’ thật ‘bí hiểm,’ và gọi đó là tranh siêu thực.”

Những người theo dõi khít khao bước đường tạo hình của Nguyễn, sẽ không khỏi ngạc nhiên, khi thấy những tương phản, đối chọi gay gắt. Từ những bức sơn dầu khỏa thân mà hai màu chính được dùng ở thể gần như nguyên trạng là đỏ và xanh, Khánh Trường bước qua màu tối là sự trộn lẫn giữa hai màu nguyên thủy đen và trắng thể hiện hình ảnh những người đàn ông lẻ loi, cuối đường. Những thiếu nữ và trắng xám. Những mẹ, con và biển tối...

Lại có thời gian người xem chỉ thấy trên canvas của Khánh Trường những hình khối, chơ vơ, lạc lõng. Như sự vỡ bưng của tâm thức bị quá tải số lượng thuốc nổ hư vô...

Con người lạc lõng (hay hư vô lạc lõng?) Tất cả cũng chỉ là một mặt nào đó của nỗ lực đi tìm hoàn hảo để suốt cuộc trường chinh tìm kiếm (hoặc trốn chạy) kia, Khánh Trường/Nguyễn Khánh Trường chỉ có thể có được cho mình sự bất toàn. Tựa bất toàn, diện mạo song sinh với ngộ nhận tự thân.

Nếu ở mặt báo chí, mặt hội họa, ám ảnh bất-toàn-chia-nửa-phần-đời-hoàn-hảo còn có lúc được giảm khinh, che mờ bởi những đám mây mang nặng những cơn mưa bập bênh cảm hứng, hay sự nói tay, độ lượng bất ngờ của vô thức, thì trong cõi văn xuôi Khánh Trường/Nguyễn Khánh Trường mỗi ám ảnh bất toàn, đưa con song sinh của ngộ nhận, lại thường trực hiện diện như kẻ dẫn đường (chết giẫm,) trong sự cần mẫn quá độ của chính hắn.

Ngay từ truyện ngắn (tùy bút ký sự?) đầu tay của Khánh Trường, đăng trên tuần báo Khởi Hành những năm đầu thập niên 70, kể chuyện hai anh em ruột ở chung một đại đội, tham gia chiến dịch Lam Sơn, 719, khi người anh tử thương, người em dùng con dao đi rừng vừa khóc vừa chặt đầu anh bỏ vào bao mặt nạ chống hơi độc, mang về cho mẹ... Thì, theo tôi, ngộ nhận đã sớm rôm rả cất tiếng.

Dù là chuyện thật mà Khánh Trường chứng kiến từ đầu, trở thành ám ảnh chai, chết trong tâm trí ông; nhưng khi câu chuyện được phổ biến, ngộ nhận đã cùng lúc đến với tác giả. Như chiếc bóng đeo quần gót chân.

Tôi không có khả năng lý giải về một tương quan định mệnh nào đó, giữa dòng chữ đầu tiên và những dòng chữ kế tiếp trải trên mặt phẳng thời gian đằng đẵng, một đời nhà văn. Nhưng điều tôi nhận ra, điều tôi tìm thấy: Tuồng trong khá nhiều truyện ngắn (hoặc dài) của Khánh Trường, nếu nhân vật không bất toàn thể chất thì cũng bất toàn tâm lý. Sự bất toàn thân, tâm đó như phản diện (hay phản biện) của nỗ lực đi tìm hoàn hảo, hành trình soi sáng ngộ nhận.

Một trong những truyện ngắn mới của Khánh Trường, truyện “Những Vòng Tròn Không Đồng Tâm” in trong tập “Chung Cuộc,” tôi tình cờ chạm mặt nhân vật nam tên Huân với đôi chân tật nguyền, được nhân vật nữ tên Quỳnh Thư, chọn trao gửi tình yêu thời con gái. Nhưng sự bất toàn của Huân lại là nhát dao chém xuống khuôn mặt tình yêu của Quỳnh Thư. Tựa bất hạnh vốn chiếm giữ nửa phần chân dung hạnh phúc. Tựa bất toàn vừa là chính diện tình yêu Quỳnh Thư, vừa là phản diện của ngộ nhận: Định mệnh bất phân ly. Quà tặng tai ương cho mỗi sinh vật, mang tên con người.

Tôi không biết Quỳnh Thư hay Khánh Trường, ai đã chia nửa phần hạnh phúc của nhân vật, tác giả khi viết:

“Tôi vẫn là tôi của những năm mười tám, hai mươi, vẫn muốn đi tìm sự hoàn hảo ở một người đàn ông. Hoàn hảo ở cả thể xác lẫn tâm hồn. Tôi biết, sẽ chẳng bao tôi tìm ra mẫu người lý tưởng đó.” (Những Vòng Tròn Không Đồng Tâm, trang 131.)

Người đàn ông được nhân vật Quỳnh Thư kiếm tìm đó, tôi nghĩ có lẽ cũng là người đàn ông hay một con người nói chung, mà Khánh Trường hằng săn đuổi. Một con người không thật. Một con người không hiện diện. Hoặc giả nếu có, theo tôi, con người ấy, cũng chỉ có thể sinh thành từ bào thai ngộ nhận.

Tôi muốn gọi ngộ nhận trong văn chương Khánh Trường/Nguyễn Khánh Trường là ngộ nhận khép.

Tôi muốn chỉ danh nó là mâu thuẫn nội tại. Và Nguyễn Khánh Trường là hiện thân của mâu thuẫn bình phương.

Những tảng mầu, khối chưa một lần thỏa mãn nhu cầu kiếm tìm hoàn hảo, nơi ông. Những dòng thơ sốc nổi hay sâu lắng chưa một lần mang lại cho Khánh Trường nụ cười. Những trang giấy được lấp đầy bởi những con chữ nóng rẫy, rất bông lảo của một gã giang hồ, phiêu bạt (thứ thiệt) của Khánh Trường chưa một lần, hắt trả lại cho ông niềm vui dù khiêm tốn, liu điu.

Thì thôi, hãy để ông “tự do phơi phới” như thơ Mai Thảo, với những vết chàm, mà định mệnh đã đánh dấu trên thân, tâm chàng.

Du Tử Lê

Tháng 9, 2001

** Bài viết được hiệu đính năm 2010*

Khánh Trường, “đáo bỉ ngạn” hay một trường hợp rữ sạch, thăng hoa kỳ diệu qua mầu sắc Hồ Huấn Cao

Giới yêu chuộng hội họa nói riêng, văn học, nghệ thuật nói chung, mấy ngày vừa qua, đã nhận được một tin vui. Tin họa sĩ Khánh Trường sẽ có một cuộc triển lãm cá nhân, theo lời mời của các ni sư ở Thiền Viện Sùng Nghiêm.

Đây là cuộc triển lãm cá nhân đầu tiên của Khánh Trường, sau nhiều năm (và nhiều lần) những tưởng ông không thể thoát khỏi tay thần chết vì, những trận tai biến mạch máu não, liên tiếp.



Tác phẩm sơn dầu “Hành trình giác ngộ” của họa sĩ Khánh Trường. (Hình: sangtao.org)

Với chủ đề “Đáo Bỉ Ngạn,” tự thân thuật ngữ này, đã hiển lộ một xác định lớn, rất lớn về sự chuyển hóa thân/tâm của họa sĩ. Đó là:

-Sự vượt qua, đến được bờ kia của trí tuệ. Thăng hoa.

Trong một phát biểu ngắn về 30 tác phẩm làm thành cuộc triển lãm “Đáo Bỉ Ngạn” tại Thiền Viện Sùng Nghiêm tác giả của những bức tranh chan chứa thiền vị này, tiết lộ:

“Nhẹ nhàng, thoải mái, giữ cho tâm thân lúc nào cũng an bình. Với cá nhân tôi, thiền chỉ giản dị thế thôi.”

“Nên khi vẽ những bức tranh liên quan đến chủ đề thiền, tôi luôn tự nhủ sẽ tuyệt đối trung thành với ý niệm trên. Vì vậy 30 bức tranh trong lần triển lãm này đều được gạn lọc, hạn chế tối đa từ đường nét, màu sắc đến đề tài; cũng như không để mình bị cuốn vào những lãnh địa mới, lạ mà hầu hết họa sĩ đều mong thử nghiệm, khai phá.”

“Cũng có nghĩa tôi dùng một bút pháp rất chân phương, mộc mạc để chuyển tải những giáo lý cơ bản nhất của Phật Giáo với mong ước ai cũng có thể tiếp cận và hiểu dễ dàng.”

“Nhẹ nhàng, thoải mái, giữ cho tâm thân lúc nào cũng an bình...” cụm từ phản ánh tính an nhiên, tự tại, hay sự đã tới được bờ bên kia của Khánh Trường, chúng ta đọc/nghe chỉ trong một chớp mắt...

Nhưng để sống/vẽ/viết được “chỉ trong một chớp mắt” ấy, thực tế, người họa sĩ tài hoa này, đã trải qua nhiều lần lột da. Nhiều lần tưa máu. Nhiều lần chết đi sống lại.

“Nhẹ nhàng, thoải mái, giữ cho tâm thân lúc nào cũng an bình...” là cách nói của họa sĩ, một con người theo tôi, đặc biệt, hiếm hoi, đã đạt tới một định lực tương hòa giữa thân và tâm, trong thực giới bất toàn của thân thể. Tôi muốn nói tới sự giới hạn mọi hoạt động của Khánh Trường trong chiếc xe lăn.

Tôi muốn nhấn mạnh tới cái tâm thái, cái tuệ-lực trong thân tứ đại của Khánh Trường xương thịt, khi ông không thể đứng lên, vẽ những bức tranh lớn.

Hơn một bằng hữu từng kể với tôi rằng, ngồi trong xe lăn, tác giả của 30 bức tranh, làm thành phòng tranh “Đáo Bỉ Ngạn” đã vẽ bằng cách nhìn phóng chiếu sự vật theo chiều nghịch đảo.

Nói cách khác, dễ hiểu hơn thì, chúng ta sẽ không thể có phòng tranh “Đáo Bỉ Ngạn” sẽ được khai mạc vào Chủ Nhật, 22 Tháng Giêng tới đây, nếu Khánh Trường không thể vượt, thoát khỏi giới hạn ba chiều không gian: Trên/dưới, trái/phải, xa/gần.

Mặt khác, vẫn trong cảm nhận của riêng tôi, từ sự vượt, thoát kể trên, Khánh Trường cũng đã xóa bỏ được cái nhìn của những cặp đối đãi nhị nguyên, như: Đúng/sai, được/mất, hợp/tan, thành/bại... Vốn là thuộc tính căn rễ của mỗi chúng ta, giữa thế gian này. Trong đó, hệ trọng nhất là cái tâm phân biệt hình/tướng. Ông trở về nhất nguyên. Trở về cái Một.

Khi đem được tâm trở về nhất nguyên, trở về cái Một, cũng đồng nghĩa với sự kiện Hiền giả/Saga, kẻ thức ngộ đã vượt qua biển đối đãi, để tới được bờ kia.

Với tôi, Khánh Trường, qua hội họa của mình, chính là kẻ thức ngộ ấy.

Bởi thế, qua một phát biểu khác, khi phải giới thiệu bức tranh “Bát Nhã Tâm Kinh” (Oil on canvas 45“x 65”) của mình, Khánh Trường viết:

“Ngoài cây Bồ đề, Vô ưu cũng là loại cây rất được tôn quý trong Phật giáo. Cây Vô ưu nở hoa quanh năm, đặt biệt từ Tháng Hai đến Tháng Năm, cũng là mùa Phật đản, màu hoa rất rực rỡ. Hoa Vô ưu màu cam đỏ, hương thơm dịu, nở thành từng chùm. Theo kinh điển, Hoàng Hậu Mahamaya khi mang thai, năm 564 TCN, đã rời hoàng cung về quê sinh nở như tập tục của quê hương bà thời bấy giờ. Trong lúc ghé vườn Lâm Tỳ Ni bà đã hạ sinh Thái Tử Tất Đạt Đa, tay vịn cành Vô ưu. Khi trưởng thành, nhìn thấy con người mãi trầm luân trong vòng sinh lão bệnh tử, ngài muốn tìm đường giải thoát cho tất cả, nên quyết định lìa xa vợ con, cung vàng điện ngọc, ra đi tầm chân lý. Trải qua bảy năm với nhiều biến cố, có khi rất nghiệt ngã, cuối cùng ngài chứng ngộ, dưới cội Bồ đề.”

“Bát Nhã ba la mật đa tâm kinh, thường gọi tắt Bát Nhã tâm kinh là kinh ngắn nhất, gồm 260 chữ, của Phật giáo Đại thừa và Thiên tông được hầu hết Phật tử các quốc gia như Việt Nam, Trung Hoa, Triều Tiên, Tây Tạng, Nhật... đọc, tụng hàng ngày. Kinh này ra đời khoảng 100 năm TCN. Bản phổ biến nhất tại VN là của sư Trần Huyền Trang (Tam Tạng) dịch ra tiếng Trung Hoa từ Phạn ngữ sau khi đi thỉnh kinh về vào năm 649. Tuy ngắn nhưng Bát Nhã Tâm kinh lại rất thâm diệu, uyên áo, thu tóm toàn bộ triết luận Phật giáo. Người ta thường ví bài kinh này như con thuyền - thuyền Bát nhã - đưa người vượt biển khổ đến bờ Giác ngộ.”

“Bát nhã tâm kinh hiển thị qua ngôn ngữ màu sắc bằng tư duy hội họa.”

Dưới đây là bản dịch sang Việt ngữ của bài kinh để người xem có thể hiểu khái quát nội dung:

“Bát nhã ba la mật đa tâm kinh

“Bồ tát Quán tự tại khi hành Bát nhã ba la mật đa sâu xa soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua mọi khổ ách.

“Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

“Xá Lợi Tử! Tướng không các pháp đây, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt. Cho nên, trong không, không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức; không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nhãn giới, cho đến không ý thức giới; không vô minh cũng không vô minh hết; cho đến không già chết cũng không già chết hết; không khổ, tập, diệt, đạo; không trí cũng không đắc.

“Bởi không sờ đắc, Bồ tát nương Bát nhã ba la mật đa, nên tâm không mắc ngại; vì không mắc ngại nên không sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo, rốt ráo niết bàn. Chư Phật ba đời nương Bát nhã ba la mật đa nên chứng a nậu đa tam miệu tam bồ đề.

“Nên biết Bát nhã ba la mật đa là chú thần lớn, là chú minh lớn, là chú vô thượng, là chú không gì sánh bằng, trừ hết mọi khổ ách, chắc thật không dối.

“Nên nói chú Bát nhã ba la mật đa, nên nói chú rằng: Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề, Tát bà ha.

(Vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia, hoàn toàn vượt qua, tuệ giác thành tựu).” (Khánh Trường).

“...Vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia...”

Hay “rũ sạch, rũ sạch, rũ sạch (đề) thăng hoa...” như Khánh Trường, một trường hợp cực kỳ hãn hữu trong thời loạn kiếp, mật tâm này!?!

“ngày...tháng...” Kim Thi Khánh Trường

Ngày... Tháng...

9 giờ sáng ngày 7 tháng 11 năm 2003, Phan Nhật Nam đưa Kim Thi vào bệnh viện Đại học Y Khoa UCI, miền Nam California.

Vài năm trở lại đây Kim Thi là thân chủ khá chăm chỉ của các bệnh viện. Lần nguy kịch nhất cách đây một năm, Kim Thi bị tai biến mạch máu não lần thứ... tư, hậu quả, cho đến bây giờ tứ chi vẫn rất vụng và yếu. Đi xa quá 100 thước phải dùng xe lăn, cầm nắm vật dụng nặng không được, nhất là khả năng viết lách, vẽ vời trở nên vô cùng khó khăn. Những tưởng đến thế là đã đụng đấy bất hạnh, nhưng, như nhà văn bác sĩ Ngô Thế Vinh ví von, qua hai câu thơ của Nguyễn Bính: *"Bao nhiêu đau khổ của trần gian / trời đã dành riêng để tặng chàng."* Ba tháng trước tiếng nói của Kim Thi vốn khó khăn do hậu quả của tai biến, càng khó khăn hơn. Đi khám. Bác sĩ tìm thấy u bướu trên thanh quản, nghi ngờ ung thư. Kim Thi được chuyển vào UCI làm biopsie thử nghiệm. Kết quả: mỗi nghi được xác định! Nghĩa là Kim Thi thực sự bị ung thư! Ung thư! Bản án tử hình đã phán quyết, chờ ngày thọ án! Ung thư, chiếc vé lên tàu rời khỏi trần gian bụi bặm này đã đóng mộc, nhất khứ bất phục phản. Ung thư! Tên tuổi trong waiting list ưu tiên dồn lên hàng cao nhất, giờ ra đi đã điểm.

Một tuần đầu, Kim Thi lao đao, tinh thần suy sụp. Bạn bè biết tin, đến thăm. Trong tia nhìn và cách hành xử của họ ẩn chứa lòng trắc ẩn, càng khiến Kim Thi ê chề. Chết, là hết, là sạch nợ, là đoạn tuyệt hẳn với trùng trùng khổ đau mỗi con người đã, đang và sẽ kinh qua. Chết, theo các tôn giáo, là giải thoát, là đến miền cực lạc, là về với Chúa. Tất cả những điều trên, ai cũng hiểu chỉ nhằm mục đích động viên, trấn an người sắp chết. Thực sự, không có gì quý hơn mạng sống. Nghĩa là không có gì đáng sợ hơn cái chết.

Nhà văn Mai Thảo vài tháng cuối cùng trước khi ra đi, nằm liệt trên giường bệnh. Một lần, Kim Thi đến ngồi cạnh giường, nhấp với ông một ngụm rượu, nghe ông thăm thì: Mẹ, chúng nó phôi phôi thế kia mà mình lại sắp chết, nhảm thật. Ông mỉm cười hom hem, hướng tia mắt buồn bã vào màn hình TV ở góc tường. Kim Thi nhìn theo. Chương trình ca nhạc của ca sĩ Madona. Đúng thực, "chúng nó phôi phôi thế kia", sinh động, mời gọi, tràn trề sinh lực. Nhưng Kim Thi không chia xẻ được cảm giác "mình lại sắp chết, nhảm thật" với Mai Thảo. Bây giờ, cận kề cửa tử, Kim Thi mới thấm thía nỗi tuyệt vọng, và cảm phục lòng can đảm, sự chịu đựng, ý chí kiên cường của người bạn vong niên. Đã bao nhiêu lần Kim Thi tự nhủ, chuyện đã thế, phải thế. Muốn tránh nào có tránh được. Thôi thì cần thỏa hiệp, làm quen, và chờ đợi cái chết trong thái độ bình thản được chừng nào hay chừng ấy. Nghĩ thì dễ, nhưng làm, khó qua.

Hàng ngày Kim Thi vẫn được bè bạn đưa ra quán cà phê. Không nói được (bướu ung thư mỗi ngày thêm lớn, đè trên thanh quản, làm nghẹt tiếng nói), ngồi nhìn anh em tán chuyện, chuyện yêu đương, thù hận, bao dung, ghét bỏ; chuyện văn chương, nghệ thuật; chuyện tiền bạc, nhà, xe... Kim Thi nghe, nhưng do ám ảnh cái chết đang đến gần, Kim Thi thấy mọi sự đều trở nên phù du, nhẹ hẫng. Từ của cải vật chất đến con người và những tương quan, hệ lụy, tất cả có vẻ như không dính dự gì với Kim Thi. Một người bạn muốn mua hai bức tranh lớn, khá đắt tiền, Kim Thi ừ hử, lòng dửng dưng.

Một văn hữu tặng Kim Thi tác phẩm anh vừa in xong, dày hơn nghìn trang, công trình trí tuệ anh đã miệt mài năm năm dài. Kim Thi nhận, nhưng không thốt nổi một lời cảm ơn. Những giá trị hữu hình lẫn trừu tượng, bao nhiêu năm, từ ấu thơ đến hôm nay, vẫn là mục tiêu Kim Thi nỗ

lực muốn vươn tới, bỗng nhiên không còn nghĩa lý nữa. Kim Thi ngao ngán tất cả. Niềm tuyệt vọng đã bào mòn, hủy diệt mầm ham muốn. Nói cách khác, cuộc chiến chưa diễn ra, nhưng Kim Thi đã buông trôi, bỏ cuộc.

Nhưng nhiều bạn bè thân gần, nhất là một người bạn trẻ từng gắn bó, keo sơn với Kim Thi như tứ chi, và bác sĩ nhà văn Ngô Thế Vinh không cho phép Kim Thi đầu hàng. Nhảy dù cố gắng. Câu "danh ngôn" bất cứ người lính nhảy dù nào cũng thuộc nằm lòng, cũng hò hét hỗn hển từ vận động trường ra bãi tập với súng cầm tay, lúp xúp chạy. Câu "danh ngôn" Phan Nhật Nam đã bắt Kim Thi "tụng niệm" lại trên suốt chặng đường từ nhà đến bệnh viện.

Nhảy dù, cố gắng. Năm 1969, sau Tết Mậu Thân, hành quân ven đô Huế. Quảng Điền, Nguyệt Biều, Cây Số 17, Bao Vinh... Dưới ánh hỏa châu bập bùng, đoàn quân lặng lẽ di hành trên bờ cao của con đường xe lửa. Hai bên, ruộng nước lấp xấp, trải dài tít tắp lẫn vào bóng đêm. Đoàn quân, như đoàn ngựa thồ, lằm lũi đi, đói, lạnh và mệt lả. Mỗi người lính đều mang trên người không dưới 40 kí lô, gồm 6 trái lựu đạn, hai trái súng, hai trái lựu tinh, một trái mìn claymore, một súng chống chiến xa M72, một khẩu M16, 450 viên đạn cộng quần áo mền mùng chăn gối nồi niêu soong chảo và 3 ngày lương tươi (thịt, cá, rau cải, hành tiêu muối ớt, bột ngọt, xì dầu, nước mắm, đường, cà phê...), một ngày lương khô dự bị. Đoàn quân dừng lại bên này bờ sông, muốn qua sông phải chọn một trong hai giải pháp, hoặc lần xuống bờ sông, bơi qua. Với quân dụng vừa kể, giải pháp này bất khả thi. Giả dụ vượt sông không mang theo bất cứ thứ gì trên người, vẫn vô phương, khí hậu mùa đông lạnh buốt thế kia, chắc chắn sẽ chết cồng, chưa nói đến chuyện rất nhiều người không biết bơi. Vậy, chỉ còn giải pháp duy nhất: qua sông trên hai đường sắt tơ vơ, cao cách mặt nước hơn 10 thước. Xưa kia hai đường sắt được đặt trên một sàn cầu bằng ván. Từ ngày có chiến tranh, đường sắt ngưng hoạt động, vì bị địch phá hoại. Cây cầu trở nên bất khả dụng, có lẽ vì vậy cư dân quanh vùng đã "trưng thu" ván sàn cầu cho những nhu cầu riêng. Lệnh của trung tâm hành quân, bằng mọi giá phải qua sông trước nửa đêm. Súng M16 cầm ngang làm cân thăng bằng, đoàn quân chia thành hai hàng dọc lần lượt đặt chân trên hai thanh sắt. Nhảy dù, cố gắng. Phải cực kỳ bình tĩnh. Không được phép sơ sẩy. Chỉ một bước chân thiếu chính xác, là sẽ rơi xuống dòng sông đen ngòm phía dưới. Với hơn 40 kí lô quân trang quân dụng trên người, và khí hậu buốt cồng mùa đông, hy vọng sống còn là một ảo tưởng cực kỳ vô lý. Nhảy dù, cố gắng. 300 nhân mạng cồng kênh trở thành những diễn viên xiếc ưu hạng, không một người nào lọt sông.

Nhảy dù, cố gắng. Hạ Lào. Lam Sơn 719. Căn cứ A Lưới. Mưa tầm tã, trời đất âm u, mặt đất nhão sinh, lầy lội. Đạn pháo ì ầm suốt đêm ngày, từ lỗ châu mai nhìn ra, đạn nổ sát chân đồi, nhích dần lên cao. Tiếng đê lô của địch gọi điều chỉnh đạn đạo nghe rõ mồn một. Cuộc chiến tranh khốn nạn. Một chiến trường tồi tệ. Đánh nhau, diện đối diện, thắng hay thua còn tùy thuộc vào tài năng của cấp chỉ huy, lòng can đảm của mỗi người lính. Đàng này, mấy trăm nhân mạng bị ném trên đỉnh một ngọn đồi, làm đích cho hàng trăm khẩu pháo ẩn dấu đâu đó trong bạt ngàn núi rừng thâm u. Không thấy địch để đánh, cũng không thể tháo chạy, chỉ đau đớn và sợ hãi nằm đó, chờ một quả đạn vô tình rơi ngay hằm, tan xương. Kim Thi chỉ là một tên lính quèn, không am tường kế hoạch hành quân của cấp chỉ huy mặt trận, nhưng rõ ràng Kim Thi và đồng đội đang đánh nhau với một kẻ thù vô hình, trong tư thế bị động. Ngày thứ 5, pháo tập vẫn ì ầm, những căn hầm cá nhân bọc quanh ngọn đồi nhiều cái đã làm mồi cho đạn pháo, nhiều đồng đội đã tan xương, số bị thương không được di tản vì trực thăng tải thương không đáp xuống được mỗi ngày thêm đông. Những người bị thương nặng, thiếu thuốc men, khí hậu lại buốt cồng, đã lần lượt từ giả trần gian. Tinh thần binh sĩ rơi xuống mức tồi tệ nhất. Kim Thi được lệnh trình diện thiếu tá tiểu đoàn trưởng. Vợ vội khẩu M16, Kim Thi khom người chui ra khỏi hầm, vọt chạy về phía căn hầm chỉ huy kiên cố, đào sâu hơn ba thước cách mặt đất, rộng mỗi bề hơn năm thước, phía trên, nóc hầm lợp bằng những thân gỗ tròn, loại dùng làm trụ đèn, được công binh câu tới bằng trực thăng vận tải Chinook. Trên nữa, một lớp gi sắt. Lớp thứ ba, một thước bao cát. Lớp thứ tư, những ống cống tròn để tạo khoảng trống giả (122 ly của địch

thuộc loại xuyên phá, đạn sẽ xoáy sâu vào lòng đất, chỉ phát nổ khi gặp khoảng trống). Thêm một thước bao cát nữa. Nhìn cách thiết kế của căn hầm, Kim Thi cũng như những đồng đội khác đều nghĩ sẽ tuyệt đối an toàn nếu được ẩn nấp trong ấy.

Nhưng Kim Thi đã làm. Vừa chui người vào trong, Kim Thi đảo mắt nhìn quanh, thiếu tá tiểu đoàn trưởng cùng các sĩ quan và hạ sĩ quan truyền tin thuộc bộ chỉ huy đang túm tụm quanh tổng đài. Kim Thi nói nhỏ với gã trung sĩ nhất ngồi ở đầu chiếc ghế dài: - Cho tôi ngồi với. Gã nhích người nhường chỗ, Kim Thi vừa ngồi xuống, thì một tiếng rít trên không trung, tiếp theo, tiếng nổ chát chúa ngay trên đầu. Đền phụt tắt cùng lúc với mái hầm đổ sụp. Tri giác Kim Thi khoảnh khắc vụt biến, và rồi toàn thân đau buốt. Trong bóng tối đen kịt, một cách tay nhầy nhụa rơi ra, Kim Thi đoán, đẫm máu, vắt ngang ngực. Đưa bàn tay phải cầm lấy khúc thịt, Kim Thi than thầm: mình bị đứt một cánh tay rồi! Nhưng không, tay trái Kim Thi vẫn còn, dù đau liệm người. Dần dần Kim Thi hiểu ra, khi hầm sụp, một tấm gi sắt đã chém đứt lia thân thể gã trung sĩ nhất làm hai phần, cánh tay nhầy nhụa máu là của gã. Cũng có nghĩa nếu Kim Thi không được lệnh gọi của tiểu đoàn trưởng, gã trung sĩ nhất không nhích người nhường chỗ ngồi cho Kim Thi, thì gã đã không chết. Kim Thi bị thương. Chứng từ y khoa của bệnh viện Đỗ Vinh sau này: phỏng cấp độ 2, gãy hở xương hàm trên, sáu mảnh đạn trong đầu, một mảnh trong xương bả vai, mất lưỡng thị. Với thương tích ấy, Kim Thi đã vận dụng hết sức tàn lết theo tiểu đội mở đường máu, tìm đến một khoảng trống nhỏ giữa rừng được chọn làm bãi đáp cho trực thăng cứu thương, vì căn cứ bị pháo tập liên miên, trực thăng vô phương hạ cánh. Ngoài 4 người đã chết, Kim Thi và 6 người nữa thuộc bộ chỉ huy, gồm thiếu tá tiểu đoàn trưởng, trung úy y sĩ, sĩ quan ban 2, một thượng sĩ thường vụ và 2 hạ sĩ quan truyền tin đều bị thương nặng. Đoạn đường từ căn cứ đến bãi đáp không xa quá 1 cây số đường rừng, nhưng với những người bị thương, quả thực là một thử "đường đi không đến" đúng nghĩa đen. Đã nhiều lần Kim Thi té nhủi, kiệt lực, hai chân lầy bầy không đỡ nổi thân xác bầm dập. Nhưng bằng mọi giá, Kim Thi phải đứng dậy, phải đến đích. Thành phố Sài Gòn. Hậu cứ. Xứ sở của bình yên. Miền hạnh phúc của những người lính trẻ. Sài Gòn, nơi ngát ngát tiếng hát đôi uyên ương Lê Uyên Phương, rã rời giọng ca Khánh Ly trong những đêm vũ trường say vui men rượu. Sài Gòn, nơi người vợ trẻ mòn mỏi chờ mong, cùng với bào thai đứa con trai đầu lòng. Kim Thi không chết, không thể chết. Kim Thi phải trở về. Chiếc trực thăng lượn một vòng trước khi hạ thấp tầm cao, đáp xuống. Hai chân Kim Thi mềm nhũn, máu từ những vết thương trên đầu tuôn ra, ràn rụa khắp khuôn mặt cháy đen, bỏng rát. Chỉ vài trăm thước nữa thôi. Nhảy dù, cố gắng. Kim Thi thu hết tàn lực, đứng dậy, nhưng hai chân không thể nào chống đỡ sức nặng toàn thân. Không được thua. Thua là dập vùi xác thân giữa núi rừng hoang vu, là người vợ trẻ sẽ thành góa phụ, là đứa con sắp chào đời sẽ mồ côi cha. Không thể thua. Nhảy dù, cố gắng. Với cánh tay còn sử dụng được, Kim Thi chèo người tới phía trước, từng tấc, từng tấc... Một người lính sau khi đã đưa các thương binh nặng hơn lên trực thăng, chạy ngược lại bìa rừng, nơi Kim Thi tuyệt vọng níu từng bụi cỏ, lùm cây chèo tới. Người lính cúi xuống xốc nách Kim Thi, kéo lê trên mặt đất. Gã xạ thủ đại liên choài người đưa cánh tay ra. Kim Thi cầm lấy. Khi chiếc trực thăng bốc khỏi mặt đất, vượt lên cao, Kim Thi nhìn nghiêng, bên trái, phía dưới, căn cứ A Lưới chìm trong mưa mù, với những bông lửa bùng cao do pháo tập của địch. Ở đó đồng đội của Kim Thi đang hứng chịu một cách tuyệt vọng cái chết có thể sẽ đến với mình bất cứ lúc nào. Cuộc chiến tranh khốn nạn. Một chiến trường tồi tệ. Cho đến bây giờ, gần 40 năm sau, Kim Thi vẫn không hiểu tại sao có mặt trận đó. Tại sao những đoàn quân tinh nhuệ nhất của quân lực miền Nam bị ném vào Hạ Lào, để thua, và chết.

Nhảy dù, cố gắng. Năm 1986, buổi tối trong một quán nhậu ở đường Nguyễn Tiểu La, Chợ Lớn. Có Giáng Tiên, Trần Mạnh Hào, Nguyễn Tiến Văn, Nguyễn Tôn Nhan... Một người học trò đến tìm Kim Thi: - Ngày mai có chuyến, em đã sắp xếp cho thầy một chỗ, tối nay thầy chuẩn bị, sáng mai em đến đón. Đang chén chú chén anh ngất ngưởng, trả lời bừa: - Xong ngay, chuyện nhỏ! Người học trò ngồi nán nhậu vài ly rồi xin phép về trước. 4 giờ sáng hôm sau, có tiếng gõ

cửa, còn lao đao cơn say buổi tối, Kim Thi ra mở cửa, người học trò nói: - Thầy xong chưa? Mình đi. - Đi đâu? - Tối qua thầy say quá, quên rồi à? Nhớ lại cái hẹn với người học trò, nhớ lại tuần trước có nhờ cậu ta lo một chỗ vượt biên, nhớ lại những buổi "làm việc" với công an văn hóa. Phải rồi, phải đi, phải thoát khỏi đất nước này. Nửa năm trước một người bạn văn nghệ vượt biên, hấn bị bắt. Ngồi tù 4 tháng, được tha, với điều kiện hàng tuần phải trình diện công an văn hóa thành phố, báo cáo những hoạt động của bản thân và của các văn nghệ sĩ quen biết. Báo cáo một thời gian, hết chuyện, hấn buộc phải lôi Kim Thi ra, rằng Kim Thi có tư tưởng phản động, đã vẽ một bức tranh có ý hướng bôi bác chế độ... May cho Kim Thi, hàng ngày ăn nhậu, nhần mặt các hàng quán, giao du với nhiều thành phần, kể cả một công an văn hóa. Tên này cho Kim Thi biết sự việc, khuyên tiêu tán ngay bằng cứ nếu có. Kim Thi làm theo lời khuyên. Nhờ thế khi bị xét nhà, không tìm ra tang chứng, Kim Thi thoát khỏi tù tội. Nhưng, như người bạn, hàng tuần Kim Thi cũng phải báo cáo mọi hoạt động của mình và bằng hữu. Bố mẹ vợ Kim Thi sang Pháp từ thập niên 40. Sau 1975 gia đình Kim Thi được bảo lãnh, mãi đến đầu năm 1986 chính quyền mới chấp thuận cho xuất cảnh. Trong thời gian chờ nước Pháp hoàn tất thủ tục nhập cảnh để rời khỏi Việt Nam, thì sự cố vừa kể xảy ra. Ngày lên đường còn mịt mù, trong lúc hàng tuần phải đóng vai chỉ điểm, lương tâm Kim Thi không yên ổn. Để thoát khỏi tình trạng ấy, phải vượt biên thôi. Vợ con thư thả đi sau. Khi có giấy tờ nhập cảnh, chỉ cần bịa ra một lý do gì đó, ví dụ Kim Thi biệt tích, hình như trốn theo vợ bé, là xong. Ép thêm người vào hộ khẩu mới khó, bỏ ra, dễ quá. Và lại, nếu không dễ, một hai cây vàng cũng thành dễ. Kim Thi nói với người học trò đợi một chút, rồi vào nhà trong mặc vội bộ quần áo, vợ vội thêm một bộ nữa, nhét vào bao mặt nạ, đeo lên vai. Xong, hôn con, nói với vợ: anh đi. Vợ nhìn, tia mắt ngỡ ngác. Dù đã bàn tính trước, nhưng sự việc xảy ra quá bất ngờ, vợ vẫn không kịp có phản ứng. Người học trò chở Kim Thi xuống Rạch Giá bằng honda. Từ Rạch Giá, lên "taxi" ra "cá lớn" ù neo ngoài cửa sông. "Cá lớn" thực ra chỉ là một chiếc thuyền nhỏ, có lẽ chuyên sử dụng trong các sông lạch. Hành khách hôm ấy gồm 25 người lớn, 4 trẻ em. Tuy chỉ chừng ấy nhân mạng, nhưng chiếc thuyền đã có vẻ quá tải, nước mấp mé be thuyền. Ba giờ sáng thuyền khởi động máy, rời cửa sông, ra biển. 6 giờ sáng, gặp tuần duyên, thuyền bị chặn lại. Những mũi súng chĩa vào lòng thuyền lúc nhúc người, tiếng loa oang oang đe dọa: - Tất cả để hai tay lên đầu, không được lộn xộn. Ai lộn xộn, bắn. Ván bài chưa đánh đã thua! Không thể thua quá dễ dàng như thế được. Nhảy dù, cố gắng. Kim Thi lách ra be thuyền, lựa thể nhảy lên tàu tuần duyên. - Đứng lại. Một báng súng nện vào bụng, Kim Thi gặp người quy xuống. Đau buốt, cơn đau bóp nghẹt hai buồng phổi, nghẹt thở. Cố nén đau, Kim Thi lắp bắp: - Xin các anh cho tôi nói. - Nói gì, đụ mẹ, muốn chết phải không? - Chúng tôi có vàng, xin các anh cho chúng tôi đi... - Vàng, đụ mẹ hồi lộ hả? - Xin các anh cho chúng tôi đi, bắt chúng tôi, các anh chẳng lợi lộc gì, xin các anh... - Câm mồm! Nhưng tiếng quát đã giảm cường độ. - Xin các anh tha chúng tôi. - Đã bảo câm mồm. Tiếng quát rơi xuống cung bậc thấp. - Xin các anh cho chúng tôi đi, chúng tôi có vàng... Im lặng. Vàng. "Các anh" bắt đầu ngấm đòn. Kim Thi tiếp tục bài ca "xin các anh", thống thiết, bi ai, được yểm trợ bằng những lượng vàng sẽ biếu tặng đền ơn. Cuối cùng, "các anh" xiêu lòng. Kim Thi được trao nhiệm vụ thu gom vòng vàng, quí kim. Trở về thuyền, Kim Thi lại phải đi một đường chiến tranh chính trị, rằng tự do trên hết, tự do quí hơn vàng, xin bà con cô bác hãy buông bỏ của cải, để có thể thông dong tìm đến xứ sở tự do... Sau trận trấn lột, tàu tuần duyên hộ tống chiếc thuyền mỏng manh ra ngoài hải phận. Đã thả, thả cho trót. Chả phải "các anh" tốt lành gì, chúng tôi thừa thông minh hiểu "các anh" sợ một tuần duyên khác vô được chúng tôi, chuyện "trấn lột" đổ bể, phiền.

Nhảy dù, cố gắng. Những năm cuối của thập niên tám mươi không khí chống cộng tại hải ngoại còn sôi sục. Đó là thời kỳ bạo lực nhân danh chính nghĩa được tuyên dương, cổ vũ. Một Trần Văn Bé Tư đối với luật pháp Mỹ là tội phạm, dùng súng bắn người có chủ mưu, nhưng đối với cộng đồng Việt Nam lại là một anh hùng, đã "thế thiên hành đạo", đã nhân danh chính nghĩa để diệt trừ một Việt Cộng nằm vùng. Trong bối cảnh đó Hợp Lưu chào đời. Chỉ sau số ra mắt, báo chí Việt ngữ tại quận Cam nói riêng, khắp nơi trên thế giới nói chung, lên án, khai trừ. Kim Thi

bồng biển thành Việt gian, nổi giáo cho giặc, đâm sau lưng chiến sĩ. Đêm, một hai giờ sáng, nhiều cú phone từ đâu đó gọi đến, mặt sát, lẳng nhục. Ngày, vào quán, bạn bè thân thiết xưa kia rút dần sang bàn khác. Không nên dây với hủi, nhỡ lạc đạn, chết oan. Tờ báo đã chào đời, bằng mọi giá nó phải sống. Nhảy dù, cố gắng. Mặc kệ những lẳng nhục trên báo. Mặc kệ những mặt sát, đe dọa hàng đêm, Hợp Lưu vẫn đều đặn hai tháng một lần có mặt trên các kệ sách. Chưa có nhiều độc giả, thiếu tiền in, vẽ tranh, trình bày bìa sách, bìa băng nhạc bù lỗ. Vẫn thiếu, viết dăm thư. Lấy ngắn nuôi dài. Nhảy dù, cố gắng. Vậy mà đã 14 năm. Đường đi vẫn chưa đến. Không sao. Vấn đề là đã lên đường, đã đi, miệt mài, kiên trì, không nghỉ. Nhảy dù, cố gắng.

Trên quãng đường từ nhà đến bệnh viện UCI dài khoảng 25 phút, Kim Thi và Phan Nhật Nam cùng gọi lại kỷ niệm xưa, dùng kỷ niệm xưa như chất xúc tác động viên tinh thần cho một chiến trường mới sắp mở màn. Kim Thi nhớ lại hình ảnh người lính đã xốc nách Kim Thi lên trực thăng, lôi một đồng đội từ tử địa ra cõi sinh. Ngày nay, trên xứ người, cách xa trận địa cũ nửa vòng trái đất, một người lính già từng mang trên vai 16 năm tù, 8 năm biệt giam, đưa một người lính khác, cũng đã già, đến bệnh viện, để chuẩn bị những công đoạn cần có cho một cuộc chiến khác, gian nan gấp bội chiến trường xưa. Kẻ địch ngày hôm nay không vô hình, không là những trái pháo rít khô trên không trung, cày nát hằm hỏ trên mặt đất nhào sinh. Kẻ địch ngày hôm nay là những tế bào ác tính mang tên ung thư, dừng dừng nẩy nở. Bây giờ đạo quân oan nghiệt kia chỉ mới làm tắt tiếng nói, nhưng rồi sẽ đến lúc ứ đầy thanh quản, nghẹt thở, chết.

Kim Thi viết những dòng này sau 12 tiếng từ bệnh viện trở về. Người ta đã xẻ một lỗ nhỏ ngang bụng, chuyễn vào cuống bao tử một ống nhựa, và một ống khác vào tim, nối liền với máy trợ tim tí hon đặt dưới da ngực. Vài hôm nữa Kim Thi sẽ được chữa trị bằng Radiation (xạ trị) và bằng chemotherapy (hóa trị). Tia phóng xạ sẽ đốt cháy vùng ung thư, ngay thanh quản. Cũng có nghĩa Kim Thi không ăn được bằng miệng, vì thức ăn không thể đi ngang thực quản, sát thanh quản một lớp da mỏng được, buộc phải bơm thức ăn lỏng (nước, súp, ensure...) vào bao tử qua ống nhựa ở bụng. Thời gian xạ trị sẽ kéo dài trên dưới ba tháng, cộng thêm nhiều tháng dưỡng thương nữa. Trung bình từ 8 tháng đến 1 năm nhịn ăn uống bằng miệng! Phan Nhật Nam đùa: Trời đất chí công, bạn đã ẩm thực thừa mứa hơn 50 năm, nay, nhịn cũng là phải lẽ. Được hỏi công dụng và nhiệm vụ của máy trợ tim, bác sĩ giải thích: Phương pháp chữa trị bằng Radiation sẽ được kết hợp với Chemotherapy, nhưng do ảnh hưởng của stroke, Kim Thi suy tim, máy giúp bơm chất thuốc hóa học chạy khắp cơ thể, tìm diệt các tế bào ung thư. Kim Thi được biết thêm, thuốc có khả năng giết các tế bào ác tính, nhưng đồng thời cũng giết luôn các tế bào hiền, bệnh nhân mất hồng huyết cầu, rụng tóc, mục răng, cháy nám da, đau đớn, sức đề kháng không còn, sẽ rũ liệt, kiệt sức. Hãy hình dung một tiền đồn bị địch tràn ngập. Để giữ đồn, chả còn cách nào khác hơn gọi phi cơ không tập ngay trên trận địa. Địch chết, dĩ nhiên, nhưng ta cũng tan xương! Đây là phương pháp chữa trị ung thư duy nhất, ngoài giải phẫu, mà y khoa đang áp dụng. Xác suất thành công không nhiều, còn tùy thuộc ở sức đề kháng bẩm sinh của mỗi cơ thể, và tùy thuộc không nhỏ vào sự chịu đựng cùng ý chí của con bệnh. Chưa kể, ung thư là căn bệnh di căn quái quỷ, mầm bệnh tiềm ẩn trong cơ thể, diệt nơi này sớm muộn gì cũng sẽ nhảy sang nơi khác. Nói cách khác, chữa trị ung thư là tìm cách triển hạn cái chết, lâu, vài năm, nhanh, vài tháng.

Trời California mùa này đã lạnh, và tối sớm. Trong căn phòng nhỏ, rất nhỏ, nhà người bạn Kim Thi trú ngụ gần 3 tháng nay, nhìn ra, bầu trời nặng mây mù, một con quạ đậu lẻ loi trên sợi dây điện chạy dọc đường phố, bên ngoài tường rào. Hình ảnh con quạ lẻ loi trên sợi dây điện giữa bầu trời xám đục, gợi trong lòng Kim Thi một nỗi quạnh hiu. Dù trốn chạy, tự đánh lừa mình cách nào, cũng không thể đảo ngược sự thực: cái chết mỗi ngày mỗi đến gần hơn với Kim Thi. Hôm qua, một bạn văn, ngày nay đã là tu sĩ, đến thăm Kim Thi. Anh ấy nói về lẽ sống chết; về sự vô thường, giả ảo của kiếp nhân sinh; về lớp "vỏ" tất cả chúng ta đang mặc là cái bình thịt

xương đã có sinh ắt phải có bệnh, có lão và có tử; về con đường giải thoát mỗi chúng sinh cần chuẩn bị cho ngày rũ bỏ lớp "vỏ" sẽ cũ, mục, hư hoại, để thoát ra khỏi vòng quay nghiệt ngã luân hồi, hoặc có tái sinh, thì cơ hội cho chúng ta chọn lựa một cảnh giới tốt ở kiếp hậu lai vẫn nhiều hơn. Người bạn tu sĩ nói đến "đạo" sống của dân tộc Ấn Độ xưa: từ nhỏ đến lúc vừa hết tuổi trưởng thành, học làm người. Từ trưởng thành đến 40, hưởng thụ cuộc đời. Thời gian còn lại dồn hết cho tu tập để chuẩn bị cho cái chết sẽ đến. Người bạn tu sĩ thuyết về cõi "thân trung ấm", nơi linh hồn sẽ lang thang một thời gian trước khi đầu thai chuyển kiếp. Giai đoạn này cực kỳ quan trọng, nếu không chuẩn bị trước bằng tu tập, chính tâm, sẽ dễ dàng bị rơi vào cảnh giới tồi tệ... Tạm bỏ qua niềm tin tôn giáo và những dự tri có tính trừu tượng, điều Kim Thi thấy rõ là dưới mắt mọi người, chuyện ra đi của Kim Thi có vẻ đã được khẳng định. Trên cơ sở này, Kim Thi nhận thấy nên bày tỏ vài điều, với,

Bạn đọc và văn hữu thân mến,

Việc phải đến, đang đến.

Có thể Kim Thi sẽ trở lại với quý bạn, cũng có thể nhất khứ bất phục phản. Dù trở lại hay sẽ chia ly vĩnh viễn, quý bạn vẫn là một trong vài bản khoản Kim Thi mong được giải bày. Tờ báo này khai sinh trong khốn khó. Nhưng cũng đã vượt qua đoạn đường dài 14 năm, với không ít sóng gió. Nhất là thời kỳ đầu. Thời kỳ chuyện giao lưu trong-ngoài còn là liều thuốc đắng đối với đa số người Việt hải ngoại. Nhiều người đã đến, đã đi, nhiều người mới làm quen, nhiều người khác nữa thủy chung ròng rã suốt 14 năm. Dù mới, cũ, Kim Thi cũng chân thành cảm ơn tất cả. Không có quý bạn, không có Hợp Lưu, không có quý bạn, văn học nghệ thuật Việt Nam trên quê người không lý do tồn tại. Hiểu sâu xa điều ấy, để lấy làm tiếc khả năng và kiến thức của Kim Thi quá hữu hạn, không nâng được tờ tạp chí này đến tầm cao lẽ ra phải đạt đến, hầu phù hợp với yêu cầu chung của quý bạn nói riêng, xu thế của văn học nghệ thuật Việt Nam và thế giới nói chung. Tuy nhiên, trong giới hạn nào đó, Hợp Lưu cũng đã khiêm cung làm được một gạch nối, tạo điều kiện để các văn hữu trong và ngoài nước nhìn thấy nhau, đến với nhau. Dĩ nhiên còn nhiều dị biệt do hoàn cảnh địa dư và khí hậu chi phối, nhưng ít nhất đối tượng phản ánh trong mắt nhau cũng không còn bị khúc xạ lệch lạc bởi thiên kiến, hận thù. Kim Thi hy vọng sẽ có một ngày nào đó, không còn hai chữ quốc nội, hải ngoại đi kèm với bút hiệu và danh xưng nhà văn. Chỉ có, duy nhất, nhà văn Việt Nam, viết bằng ngôn ngữ Việt Nam, cho mọi người Việt Nam sống rải rác khắp năm châu. Đó là mơ ước của Kim Thi, từ khởi thủy đến hôm nay.

Giả dụ sau này Hợp Lưu vẫn tồn tại dù thiếu Kim Thi, thì đường hướng ấy vẫn không thay đổi, những người nắm sinh mệnh Hợp Lưu trong tương lai sẽ giúp Hợp Lưu theo đuổi và hoàn tất ước mơ kia. Quý độc giả, những tiếng nói trầm lặng, và quý văn hữu, những người đã và đang làm công việc sáng tạo, chắc chắn sẽ đóng vai trò chủ động. Như đã nói, không có quý bạn, không có Hợp Lưu.

14 năm qua chúng ta đã chung đường, Kim Thi vẫn mong cùng quý bạn tiếp tục. Nhưng lực bất tòng tâm. Một mặt trận mới đang mở ra trước mắt Kim Thi. Hãy cho Kim Thi một thời gian để chiến đấu. Nếu Kim Thi thắng, chúng ta sẽ tạo ngộ. Ngược lại, nếu Kim Thi thua, cũng bình thường thôi. Có sinh, có tử. Năm mươi lăm năm làm người, công bình mà nói, Kim Thi đã sống đủ, đã nếm trọn mọi mùi vị của cuộc đời. Nếu phải ra đi, cũng chẳng có gì hối tiếc. Hãy cho Kim Thi gửi đến quý bạn một lời chào thân ái.

Cùng các văn hữu trong ban chủ biên,

Một năm qua, kể từ lúc Kim Thi bàn giao chức chủ biên cho nhà văn Phùng Nguyễn, nhưng vì lý do riêng, Phùng Nguyễn không thể tiếp tục, nếu không nhờ sự tiếp tay của các bạn, chắc chắn Hợp Lưu đã không thể đến tay độc giả đều đặn, với chất lượng mỗi ngày thêm khởi sắc

hơn, như đã. Có lẽ trên thế giới, từ xưa đến nay, Hợp Lưu là tờ báo duy nhất được trực tiếp quán xuyến bởi một nhóm anh em văn hữu có lòng rất đỗi với văn chương, nghệ thuật, trong tinh thần tuyệt đối vô vị lợi. Mỗi lần nghĩ đến những đóng góp của các bạn, từ nội dung, viết, đọc, chọn, sửa chính tả, sắp xếp bố cục cho từng số báo, đến việc phân phối, phát hành, góp nhặt thêm tài chánh để trang trải phí tổn in ấn khi cần tăng trang, Kim Thi không thể không xúc động. Gửi đến các bạn một lời cảm ơn, với lòng tri ân sâu xa, Kim Thi nghĩ, chưa đủ, và không cần thiết. Biết nói thế nào với các bạn bây giờ? Chỉ có thể hiểu ngầm, như Kim Thi, các bạn đến với văn chương nghệ thuật bởi một thôi thúc vô hình nào đó. Hàng giờ, hàng buổi, có khi hàng ngày, ngồi còng lưng trước màn hình computer, chọn lựa từng con chữ, đẽo gọt từng câu văn, chắt lọc từng suy tưởng, kỳ khu làm thành tác phẩm. Thích lắm, sướng lịm người khi nhìn thấy công trình tim óc của mình xuất hiện trên báo hoặc in thành sách. Nhưng cảm giác ấy chỉ đến một lần, lần đầu, hay nhiều lắm vài lần tiếp theo, để rồi nhanh chóng trở nên bình thường, tầm thường. Về mặt tinh thần, tên tuổi nếu có, cũng không nhờ đó chúng ta lớn hơn, được trọng vọng hơn. Về mặt vật chất, làm thơ viết văn ở hải ngoại chẳng những không tạo ra của cải, trái lại, còn vì nó mà vất vả, tốn kém. Vậy, lực thôi thúc vô hình nào buộc chặt chúng ta với "nghệ nghiệp" này? Kim Thi không biết, nhưng Kim Thi hiểu rất rõ, nhờ thôi thúc ấy, nhờ mỗi đam mê chung, mà chúng ta gắn bó với nhau. Trong mọi loại tình cảm Kim Thi đã nếm trải, có vẻ như tình văn nghệ là loại tình cảm hiền lành và keo sơn nhất. Hiểu ra điều này, để thấy, ngoài nghiệp dĩ đã chọn, các bạn tận tình tận lực lo cho Hợp Lưu lúc Kim Thi không còn đủ sức gánh vác đơn phương, chắc chắn do tình cảm gắn bó giữa Kim Thi và các bạn, và giữa các bạn với nhau. Kim Thi hy vọng giao tình ấy sẽ mãi mãi bền chặt, để tờ báo này có thể đến tay bạn đọc bằng trí tuệ và tài năng của các bạn. Một trí tuệ, tài năng tập thể, sung mãn và đa dạng, tất nhiên sẽ giá trị gấp nhiều lần công trình của một cá nhân.

<http://www.hopluu.org/>